

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM
-----&-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của Dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam

Địa điểm: Nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2 (thuê lại của Công ty TNHH Hòa
Bảo An), xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng

Hải Phòng, tháng 5 năm 2026

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM

&

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của Dự án đầu tư

Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam

Địa điểm: Nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2 (thuê lại của Công ty TNHH Hòa Bảo An), xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng



GIÁM ĐỐC

Từ Thị Mỹ Duyên

Hải Phòng, tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	5
DANH MỤC HÌNH.....	7
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	8
MỞ ĐẦU.....	9
Chương I.....	10
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	10
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	10
2. Tên dự án đầu tư.....	10
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	12
3.1. Công suất của dự án.....	12
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	12
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	23
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	24
4.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện tại.....	24
4.2. Giai đoạn hoạt động.....	26
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	35
5.1. Vị trí thực hiện dự án.....	35
5.2. Các hạng mục công trình.....	37
5.3. Các thông tin khác có liên quan.....	44
Chương II.....	47
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH.....	47
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	47
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	47
1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.....	47
1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng.....	48
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh.....	48
1.4. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch ngành nghề của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Hòa Bảo An).....	48
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	49

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi
JM Fabulous Việt Nam”

CHƯƠNG III.....	51
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG.....	51
NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	51
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	51
1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án.....	51
1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án.....	51
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	51
2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải.....	51
2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.....	55
2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải.....	55
3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....	55
Chương IV.....	59
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	59
1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường.....	59
1.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường giai đoạn xây dựng.....	59
1.2. Đánh giá, dự báo tác động môi trường giai đoạn vận hành.....	67
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	92
2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng và hoạt động sản xuất hiện hữu.....	92
2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành.....	99
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	131
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo.....	132
Chương V.....	135
PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,.....	135
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	135
Chương VI.....	136
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	136
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	136
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.....	136
1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.....	136

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	137
1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	137
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	137
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	137
2.2. Dòng khí thải, lưu lượng xả khí thải.....	137
2.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải.....	137
Ghi chú:.....	138
2.4. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.....	138
2.6. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.....	139
2.7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	139
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung.....	140
3.1. Nguồn phát sinh với tiếng ồn, độ rung.....	140
3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn độ rung.....	140
3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	140
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	141
4.1. Quản lý chất thải.....	141
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	142
4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	143
Chương VII.....	144
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	144
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	144
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	144
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải.....	144
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	144
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	144
Chương VIII.....	146
NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC.....	146
PHÂN LOẠI XANH.....	146

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi
JM Fabulous Việt Nam”

Chương VIII	148
CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	148
PHỤ LỤC	150

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất dự án.....	12
Bảng 1. 2. Bảng tóm tắt quy trình sản xuất của dự án.....	13
Bảng 1. 3. Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động xây dựng.....	24
Bảng 1. 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng.....	25
Bảng 1. 5. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng giai đoạn vận hành.....	26
Bảng 1. 6. Danh mục hóa chất cho công trình bảo vệ môi trường.....	30
Bảng 1. 7. Tổng lượng điện tiêu thụ hiện tại của nhà máy (kWh).....	30
Bảng 1. 8. Tổng lượng nước tiêu thụ theo hóa đơn (m ³).....	30
Bảng 1. 9. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và thải nước của dự án.....	32
Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của dự án.....	32
Bảng 1. 11. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.....	33
Bảng 1. 12. Hạng mục công trình của dự án.....	37
Bảng 1. 13. Danh mục hạng mục công trình chính của dự án.....	38
Bảng 1. 14. Danh mục công trình bảo vệ môi trường.....	43
Bảng 3. 3. Nhiệt độ trung bình tại Hải Dương từ năm 2020 đến năm 2024.....	52
Bảng 3. 4. Lượng mưa trung bình tại Hải Dương.....	53
Bảng 3. 5. Đặc trưng độ ẩm không khí đo được tại Hải Dương.....	53
Bảng 3. 6. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường không khí tại nhà xưởng 1.....	56
Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường không khí tại nhà xưởng 2.....	56
Bảng 3. 8. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường nước thải.....	57
Bảng 3. 9. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường nước mặt.....	58
Bảng 4. 1. Nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt.....	59
Bảng 4. 2. Các nguồn gây tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động.....	67
Bảng 4. 3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành.....	69
Bảng 4. 4. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải sản xuất đập bụi sơn...	71
Bảng 4. 5. Hệ số ô nhiễm của các phương tiện giao thông.....	73
Bảng 4. 6. Tải lượng chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông.....	73
Bảng 4. 7. Nồng độ các chất ô do phương tiện giao thông thải ra theo khoảng cách (x) trong hoạt động ra vào nhà máy.....	74
Bảng 4. 8. Bảng tải lượng khí thải phát sinh khu vực sơn.....	75
Bảng 4. 9. Nồng độ chất ô nhiễm từ quá trình sơn.....	76
Bảng 4. 10. Bảng tải lượng khí thải phát sinh khu vực in.....	77

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Bảng 4. 11. Nồng độ chất ô nhiễm từ quá trình in.....	78
Bảng 4. 12. Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.....	78
Bảng 4. 13. Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình cắt, may.....	79
Bảng 4. 14. Tải lượng hơi hữu cơ phát sinh trong quá trình làm sạch.....	79
Bảng 4. 15. Nồng độ hơi hữu cơ phát sinh từ quá trình làm sạch.....	80
Bảng 4. 16. Nồng độ hydrocacbon phát sinh từ quá trình gia nhiệt.....	80
Bảng 4. 17. Dự báo nồng độ chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình gia nhiệt.....	81
Bảng 4. 18. Tổng hợp lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.....	83
Bảng 4. 19. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy.....	84
Bảng 4. 20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của phương tiện giao thông.....	86
Bảng 4. 21. Thống kê các tác động của tiếng ồn ở các dải tần số.....	87
Bảng 4. 22. Các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố đối với khí thải.....	89
Bảng 4. 23. Dự báo nguyên nhân và tác động do sự cố hóa chất.....	90
Bảng 4. 24. Khối lượng công trình thu gom, thoát nước thải.....	102
Bảng 4. 25. Bảng thống kê bể tự hoại.....	104
Bảng 4. 28. Ý nghĩa và vị trí gắn biển cảnh báo CTNH của dự án.....	117
Bảng 4. 29. Danh mục các hạng mục công trình BVMT của dự án.....	131
Bảng 5. 1. Giới hạn thông số và nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải sinh hoạt xả ra môi trường.....	137
Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	143

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí dự án trên bản đồ vệ tinh.....	10
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất đồ chơi.....	14
Hình 1. 3. Quy trình phun sơn mặt búp bê và mặt búp bê.....	16
Hình 1. 4. Quy trình làm mặt búp bê.....	18
Hình 1. 5. Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị.....	22
Hình 1. 6. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng 1 nhà xưởng 1	39
Hình 1. 7. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng lửng nhà xưởng 1	40
Hình 1. 8. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng 1 nhà xưởng 2.....	41
Hình 1. 9. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng lửng nhà xưởng 2.....	42
Hình 1. 10. Sơ đồ tổ chức của nhà máy.....	45
Hình 4. 1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn hiện hữu.....	92
Hình 4. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa của dự án.....	100
Hình 4. 3. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án.....	102
Hình 4. 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của nhà máy.....	103
Hình 4. 5. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất của nhà máy.....	104
Hình 4. 6. Sơ đồ xử lý của bể tự hoại.....	105
Hình 4. 7. Sơ đồ thiết bị giải nhiệt nước làm mát.....	105
Hình 4. 8. Mặt bằng thu gom khí thải khu vực sơn.....	107
Hình 4. 9. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn.....	107
Hình 4. 10. Thông số Kỹ thuật của hệ thống XLKT khu vực sơn.....	109
Hình 4. 11. Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý khí thải.....	110
Hình 4. 12. Hình ảnh máy nhồi bông.....	112
Hình 4. 13. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng.....	113
Hình 4. 14. Sơ đồ quy trình thu gom CTR sinh hoạt.....	114
Hình 4. 15. Kho chứa CTNH.....	116
Hình 4. 16. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố hóa chất của dự án.....	124
Hình 4. 17. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	128

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

B	BOD	Biochemical Oxygen Demand – Nhu cầu oxy sinh hóa
	BTCT	Bê tông cốt thép
	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
	BVMT	Bảo vệ môi trường
C	COD	Chemical Oxygen Demand – Nhu cầu oxy hóa học
	CP	Chính phủ
	CTNH	Chất thải nguy hại
Đ	GPMT	Giấy phép môi trường
H	HĐ	Hợp đồng
	HĐND	Hội đồng nhân dân
	HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
K	KT	Kích thước
N	NĐ	Nghị định
P	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
Q	QCĐP	Quy chuẩn địa phương
	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
	QĐ	Quyết định
T	TCVN	Tiêu chuẩn Kỹ thuật quốc gia
	TSS	Total Suspended Solids – Tổng chất rắn lơ lửng
	TT	Thông tư
U	UBND	Ủy ban nhân dân
W	WHO	World Health Organization – Tổ chức y tế thế giới
X	XLNT	Xử lý nước thải

MỞ ĐẦU

Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801461531, đăng ký lần đầu ngày 28/7/2025 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp. Các ngành nghề chính của Công ty là sản xuất đồ chơi.

Để đáp ứng nhu cầu thị trường đồ chơi trong nước, Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam đề xuất xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng. Vị trí thực hiện dự án đã được Công ty TNHH Hòa Bảo An (đơn vị quản lý nhà xưởng) cho thuê lại theo Hợp đồng thuê kho xưởng số 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN ngày 29/7/2025.

Năm 2025, Công ty đã thực hiện hồ sơ đăng ký bảo vệ môi trường cho dự án với công suất 100 tấn sản phẩm đồ chơi/năm và được UBND xã Trần Phú tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án tại văn bản số 619/CV-UBND ngày 25/11/2025. Trong đó dự án phải thực hiện lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 1.500m³/giờ để xử lý khí thải phát sinh công đoạn sơn.

Trong quá trình sản xuất nhận thấy định hướng phát sinh triển cũng như tiềm năng của ngành sản xuất đồ chơi, Công ty có kế hoạch điều chỉnh dự án như sau:

- + Tăng công suất dự án lên 300 tấn đồ chơi/năm.
- + Cải tạo lại nhà xưởng số 1 và số 2 để lắp đặt máy móc, phục vụ nâng công suất.
- + Tuyển dụng thêm lao động để phục vụ hoạt động máy móc, phục vụ nâng công suất.
- + Bổ sung thêm hoạt động ép dẻo để làm mặt búp bê.
- + Bỏ hoạt động ép nhựa tại nhà máy, thay vào đó các sản phẩm nhựa được nhập trực tiếp từ các nhà cung ứng bên ngoài.
- + Điều chỉnh công nghệ và công suất hệ thống xử lý khí thải sơn tăng lên 20.000m³/h.

Căn cứ theo STT2 và STT3, phụ lục V, Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ dự án thuộc dự án nhóm III ít nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

Căn cứ khoản 1, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điểm đ, khoản 2, Điều 24 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ (dự án nhóm III có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải xử lý với tổng lưu lượng từ 5.000m³/giờ trở lên) thuộc đối tượng phải làm giấy phép môi trường. Dự án do thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND thành phố Hải Phòng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện theo mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư thực hiện theo mẫu số 22c của Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: thửa đất 606, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của dự án đầu tư:
 - Đại diện: Bà, Vũ Thị Mỹ Duyên Chức vụ: Giám đốc
 - Điện thoại: 0332.222.832 Fax:
 - Email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801461531 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2025.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam” .
- Địa điểm thực hiện dự án: Nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2 (thuê lại của Công ty TNHH Hòa Bảo An), xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.



Hình 1. 1. Vị trí dự án trên bản đồ vệ tinh

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở xây dựng.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

- Cơ quan thẩm định giấy phép môi trường: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
- Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Văn bản số 619/CV-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án “sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”.
 - + Văn bản nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy số 551/NT-PC07 ngày 27/1/2025 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Hải Phòng.
- Các giấy tờ của đơn vị cho thuê nhà xưởng
 - + Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái, thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
 - + Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29/08/2024 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA00988701 ngày 15/4/2025.
 - + Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh Hải Dương Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản xuất gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới).
 - + Giấy phép môi trường số 3/GPMT-UBND ngày 18/10/2024 do UBND huyện Nam Sách cấp cho Công ty TNHH Hòa Bảo An thực hiện các hoạt động của Dự án “Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới” tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
 - + Văn bản số 220/UBND ngày 27/5/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
 - + Văn bản số 72/SXD-QLXD-HTKT ngày 10/01/2025 của Sở xây dựng tỉnh Hải Dương V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cơ sở sản xuất gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới của Công ty TNHH Hòa Bảo An.
 - + Văn bản số 618/CV-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường điều chỉnh của Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
- Quy mô của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: tổng mức đầu tư của dự án là 50.000.0000.0000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*) thuộc dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định Điều 11, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án đầu tư: Sản xuất, gia công đồ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

chơi (búp bê).

- Phân nhóm đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Căn cứ theo **STT2 và STT3, phụ lục V, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06/01/2025** dự án thuộc dự án nhóm III ít nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án

- Quy mô công suất:

Bảng 1. 1. Công suất dự án

STT	Tên sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)		
		Theo đăng ký môi trường năm 2025	Hiện tại	Điều chỉnh, nâng công suất
1	Sản xuất, gia công đồ chơi	100	5	300
	Tổng	100	5	300

- Quy mô diện tích: 8.208m² (thuê lại nhà xưởng số 1 và một phần nhà xưởng số 2 của Công ty TNHH Hòa Bảo An).

- Thị trường tiêu thụ: Các nhà bán lẻ, cửa hàng chuyên doanh, chuỗi cửa hàng... Xuất khẩu sang các khu vực châu Á... và các khu vực khác.

- Tiêu chuẩn quản lý chất lượng: Tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng của khách hàng và tiêu chuẩn quản lý chất lượng nội bộ.

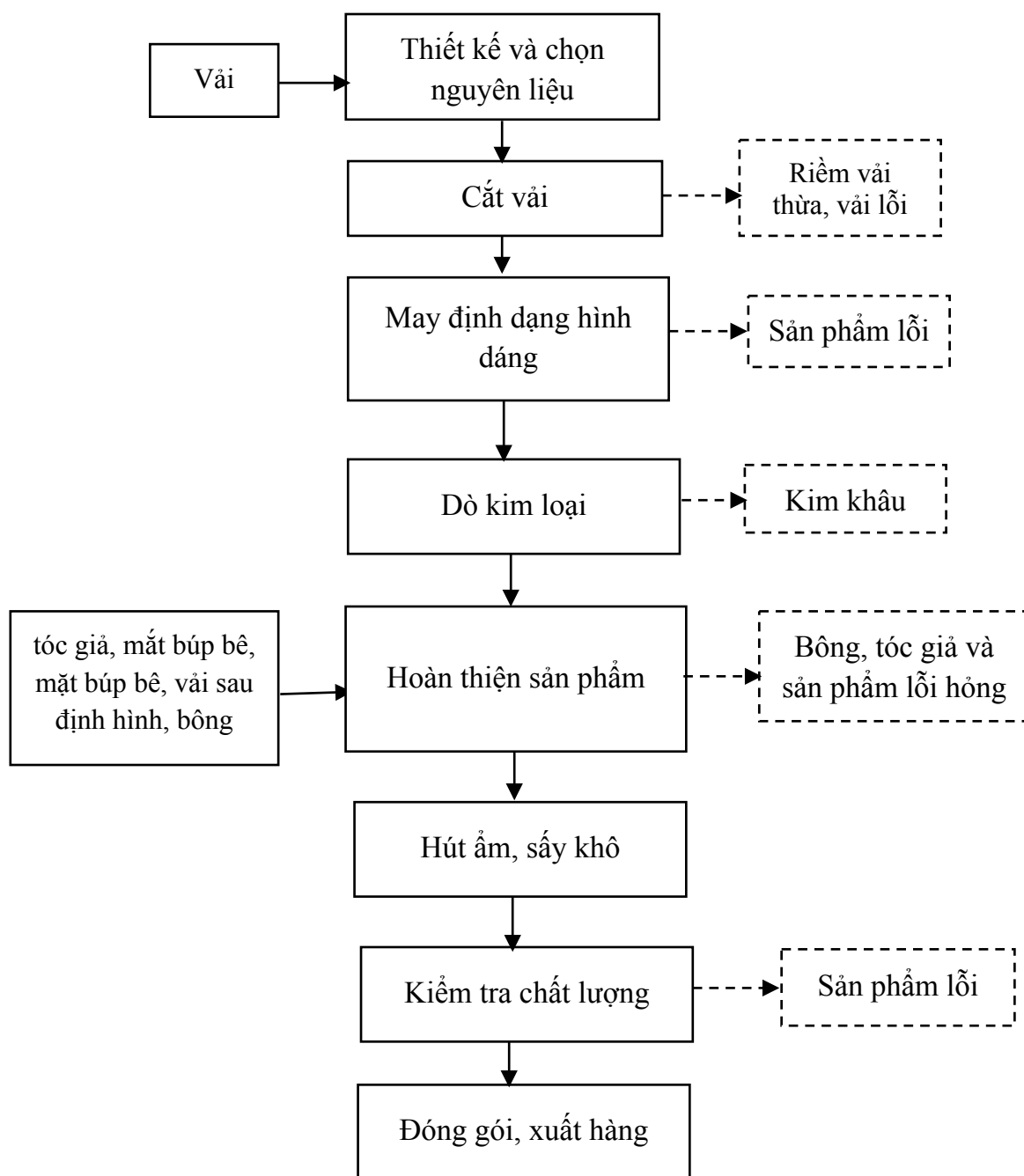
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Bảng 1. 2. Bảng tóm tắt quy trình sản xuất của dự án

TT	Quy trình sản xuất	Theo đăng ký môi trường năm 2025	Hiện tại	Xin cấp phép giai đoạn này
1	Quy trình sản xuất đồ chơi	Thiết kế mẫu đồ chơi → cắt vải → may định dạng hình dáng → dò kim loại → nhồi bông, gắn mắt, gắn tóc vào mặt búp bê → hút ẩm/sấy khô → kiểm tra ngoại quan → đóng gói, xuất xưởng <i>Ghi chú:</i> - Mắt búp bê được sản xuất trực tiếp tại nhà máy. - Mặt búp bê sẽ được nhập từ các nhà máy bên ngoài	Quy trình lắp ráp: Thiết kế mẫu đồ chơi → cắt vải → may định dạng hình dáng → dò kim loại → nhồi bông, gắn mắt, gắn tóc vào mặt búp bê → hút ẩm/sấy khô → kiểm tra ngoại quan → đóng gói, xuất xưởng <i>Ghi chú:</i> - Mắt búp bê và mặt búp bê sẽ được gia công tại các công ty bên ngoài.	Quy trình lắp ráp: Thiết kế mẫu đồ chơi → cắt vải → may định dạng hình dáng → dò kim loại → nhồi bông, gắn mắt, gắn tóc vào mặt búp bê → hút ẩm/sấy khô → kiểm tra ngoại quan → đóng gói, xuất xưởng <i>Ghi chú:</i> - Mắt búp bê sẽ được gia công tại các công ty bên ngoài. - Mặt búp bê được sản xuất trực tiếp tại nhà máy
2	Quy trình ép nhựa (sản xuất mắt búp bê)	- Hạt nhựa nguyên sinh, bột màu → trộn → ép tạo hình → giải nhiệt → phun sơn → sấy → chuyển sang công đoạn lắp vào mặt búp bê .	Hiện nay mắt búp bê hoàn chỉnh đang được nhập từ bên ngoài	Mắt búp bê sẽ được gia công tại các công ty bên ngoài và chuyển về công ty để phun sơn màu lên mắt
3	Quy trình phun sơn (mắt búp bê và mặt búp bê)	- Mắt búp bê → buồng sơn và phun sơn thủ công bằng súng phun → khô tự nhiên → kiểm tra → chuyển sang công đoạn lắp vào mặt búp bê.	Hiện nay mắt búp bê hoàn chỉnh đang được nhập từ bên ngoài và không có hoạt động sơn tại nhà máy	Mắt búp bê (được nhập từ bên ngoài) và mặt búp bê → tạo chi tiết bằng các máy phun sơn nước → khô tự nhiên → kiểm tra → chuyển sang công đoạn may đồ chơi.
4	Quy trình ép dẻo (làm mặt búp bê)	Mặt búp bê được nhập từ các nhà máy bên ngoài không sản xuất tại dự án	Mặt búp bê được nhập từ các nhà máy bên ngoài không sản xuất tại dự án	Nhựa lỏng, bột màu → đổ khuôn tạo hình → gia nhiệt, đóng rắn → tháo khuôn → gia công hoàn thiện → in phun trang trí → kiểm tra chất lượng → chuyển sang công đoạn may đồ chơi.

1. Quy trình sản xuất đồ chơi



Hình 1. 2. Quy trình sản xuất đồ chơi

Mô tả quy trình:

Bước 1: Thiết kế mẫu và chọn nguyên liệu

- Bước đầu tiên trong quy trình sản xuất cần có một thiết kế mẫu. Bản thiết kế này sẽ được thực hiện theo mẫu mà các chủ dự án yêu cầu.

Bước 2: Cắt vải

Từ nguyên liệu vải được trải phẳng và tiến hành cắt theo thiết kế của từng sản phẩm. Công đoạn này có thể thực hiện thủ công hoặc bằng máy cắt. Phần rièm vải thừa, vải cắt hỏng không sử dụng sẽ được chuyển vào kho phế liệu.

Bước 3: May định hình

Sau khi hoàn tất quá trình cắt, các mảnh vải sẽ được chuyển sang dây chuyền may. Theo yêu cầu thiết kế, các mảnh vải đã cắt sẽ được may thành các chi tiết theo thiết kế sản phẩm (may đầu, thân, tay, chân búp bê,...). Nếu các chi tiết may bị lỗi và không thể sửa chữa hoặc bị hỏng sẽ được chuyển sang kho phế liệu.

Bước 4: Dò kim loại

Sau khi sản phẩm được may bằng máy, may bằng tay sẽ được chuyển sang thiết bị dò kim loại nhằm phát hiện kim khâu còn sót lại trong búp bê. Đây là công đoạn rất quan trọng để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, đặc biệt là trẻ em. Nếu phát hiện kim khâu, sản phẩm sẽ được đưa ra xử lý và kiểm tra lại.

Bước 5: Hoàn thiện sản phẩm

Sản phẩm sau khi tạo hình sẽ được chuyển sang công đoạn hoàn thiện sản phẩm. Tùy thuộc vào các loại sản phẩm mà có các công đoạn khác nhau

- Đối với các sản phẩm cần nhồi bông sau khi may, sản phẩm được chuyển sang công đoạn nhồi bông. Với quy trình nhồi bông, bông tổng hợp hoặc bông tự nhiên được nhồi vào các chi tiết đã may thông qua lỗ hở còn sót lại quá trình may. Sau khi nhồi bông xong, các sản phẩm được chuyển sang quy trình may.

- Các sản phẩm sau nhồi bông hoặc may hoàn thiện được chuyển sang công đoạn gắn mặt búp bê, mắt búp bê, may tóc giả để tạo hình hoàn thiện cho búp bê thành phẩm.

+ Công đoạn gắn tóc: Dùng công cụ cấy tóc để đẩy tép tóc qua lỗ trên da đầu. Cấy từ dưới lên trên, xoắn ốc dần vào giữa đầu.

+ Gắn mặt, mắt búp bê: Phần mặt và phần đầu có các vấu nhựa (lấy) khớp chặt vào nhau.

Trong công đoạn này có thể phát sinh lỗi như bông nhồi không đều, mắt gắn lệch, tóc rụng hoặc hư hỏng. Những sản phẩm lỗi sẽ được phân loại để chỉnh sửa hoặc chuyển sang kho phế liệu.

Bước 6: Hút ẩm, sấy khô

Sau khi tạo hình xong, sản phẩm chuyển sang quá trình hút ẩm. Quá trình này nhằm mục đích loại nước, ẩm để đảm bảo sản phẩm khô hoàn toàn và không bị nấm mốc, hư hỏng.

Quá trình này đảm bảo búp bê luôn khô ráo, sạch sẽ trước khi đưa ra thị trường.

Nhiệt độ sấy khô dao động từ 40-60°C trong thời gian 2-6 tiếng tùy thuộc vào độ dày của búp bê, chất lượng nhồi bông và độ ẩm ban đầu.

Bước 7: Kiểm tra chất lượng

Trong mỗi quá trình sản xuất, sẽ tiến hành kiểm tra từng bộ phận để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu trước khi tiến hành lắp ráp và đóng gói. Sau khi hoàn tất lắp ráp hoàn chỉnh búp bê sẽ được kiểm tra tổng thể về hình dáng, màu sắc, độ hoàn thiện, độ chắc chắn của các chi tiết và mức độ an toàn. Những sản phẩm không đạt yêu cầu về ngoại

quan hoặc kỹ thuật sẽ được xếp vào sản phẩm lỗi và chuyển về kho phế liệu.

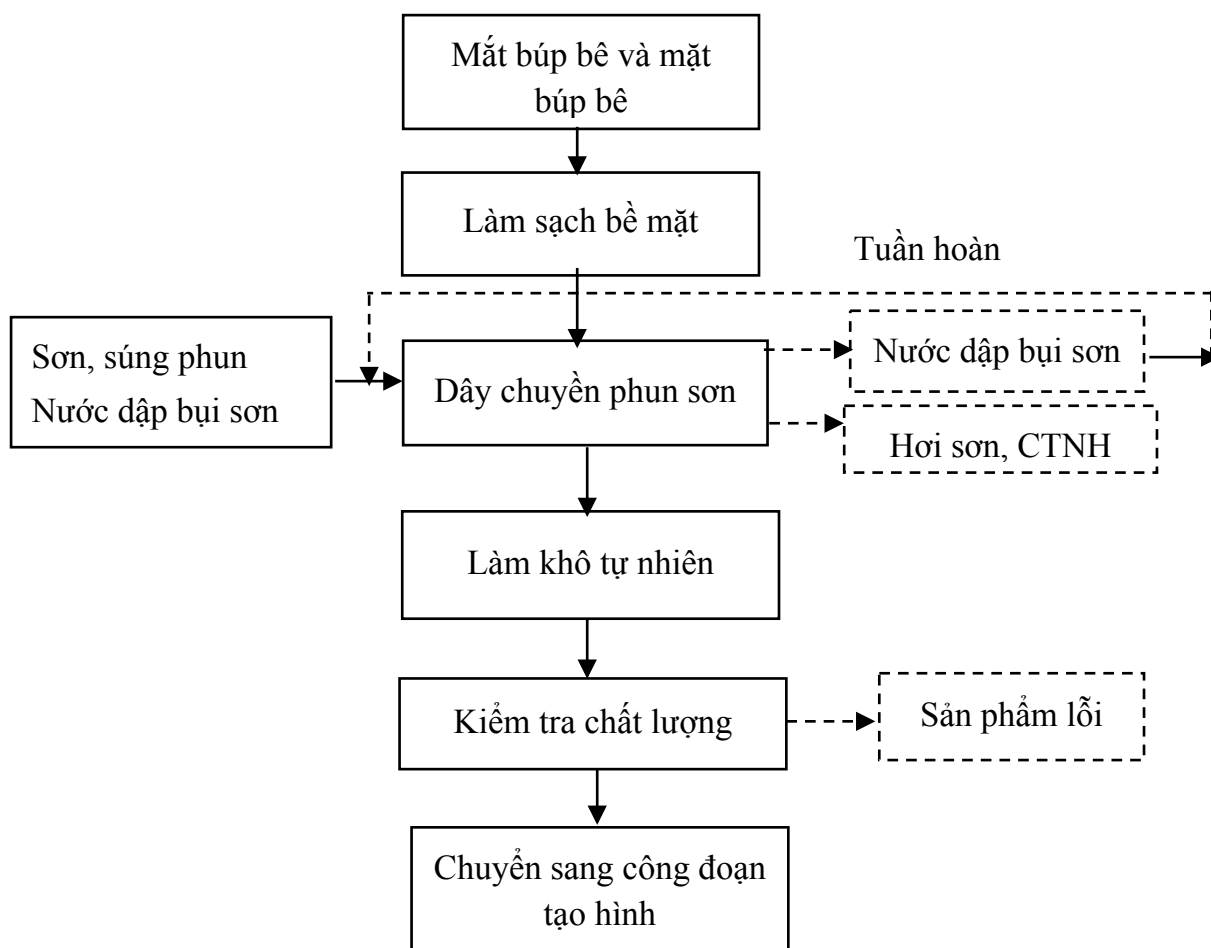
Bước 8: Đóng gói, xuất hàng

Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn được tiến hành đóng gói theo quy cách (túi nilon, hộp giấy, tem nhãn). Sau đó sản phẩm được lưu kho hoặc xuất hàng đến các đơn vị phân phối, cửa hàng hoặc khách hàng.

Các vấn đề môi trường phát sinh trong quy trình :

- Bụi vải công đoạn cắt.
- Chất thải rắn: sản phẩm lỗi hỏng, vải lỗi, chỉ khâu, kim khâu, bông nhồi, ...
- Nhiệt dư quá trình sấy.
- Tiếng ồn: công đoạn cắt, máy

2. Quy trình phun sơn (phun sơn mắt búp bê và mặt búp bê)



Hình 1. 3. Quy trình phun sơn mắt búp bê và mặt búp bê

Mô tả quy trình:

Bước 1: Làm sạch bề mặt

- Mắt búp bê được tạo hình ban đầu tại cơ sở bên ngoài (thường bằng nhựa hoặc vật liệu tổng hợp) được nhập về nhà máy dưới dạng bán thành phẩm và mặt búp bê được sản xuất tại nhà máy. Trước khi đưa vào sản xuất, mắt búp bê và mặt búp bê được kiểm tra sơ bộ về hình dạng, kích thước và bề mặt nhằm đảm bảo không bị nứt vỡ, biến dạng hay

bám bẩn.

Sử dụng các khăn lau để làm sạch bụi bám trên mặt búp bê và mắt búp bê.

Bước 2: Phun sơn

Số lần sơn trên 1 sản phẩm tùy thuộc vào kích thước của sản phẩm và mẫu của nhà sản xuất. Trung bình khoảng 1-5 lần sơn/sản phẩm. Tại nhà máy quy trình sơn chủ yếu là sơn thủ công.

Khi phun sơn, một phần sơn bám trên bề mặt sản phẩm, một phần tạo thành bụi khi sơn lơ lửng trong không khí. Do đó dự án thực hiện phun sơn trong buồng kín. Một tay công nhân sử dụng kẹp để giữ vật liệu cần sơn, một tay sử dụng súng phun để sơn vào bề mặt cần sơn.

Công ty sử dụng sơn ước, sơn mua về sẽ được pha với dung môi theo tỷ lệ của nhà sản xuất. Quá trình phun phát sinh hơi dung môi và bụi sơn bám trên thành buồng sơn và lơ lửng trong không khí. Sử dụng nước được bơm tuần hoàn vào trong buồng phun sơn để dập bụi sơn. Khi các hạt sơn va chạm với nước sẽ được giữ lại lắng xuống ngăn chứa phía dưới và tuần hoàn bơm lên dập bụi sơn, màng sơn nổi phía trên được thu hồi cùng với cặn sơn bám dính trong buồng vào các thùng chứa. Sau một thời gian hoạt động sơn, màng sơn và phần cặn nước trong ngăn chứa được thuê xử lý theo chất thải nguy hại.

Sau công đoạn sơn, thành phẩm được để khô tự nhiên.

Bước 3: Kiểm tra chất lượng

Sau khi để khô tự nhiên, sản phẩm được kiểm tra chất lượng nhằm đánh giá:

- + Độ bám dính của sơn.
- + Màu sắc, hoa văn có đúng thiết kế hay không.
- + Bề mặt sơn có bị bong tróc, chảy sơn hay lem màu.

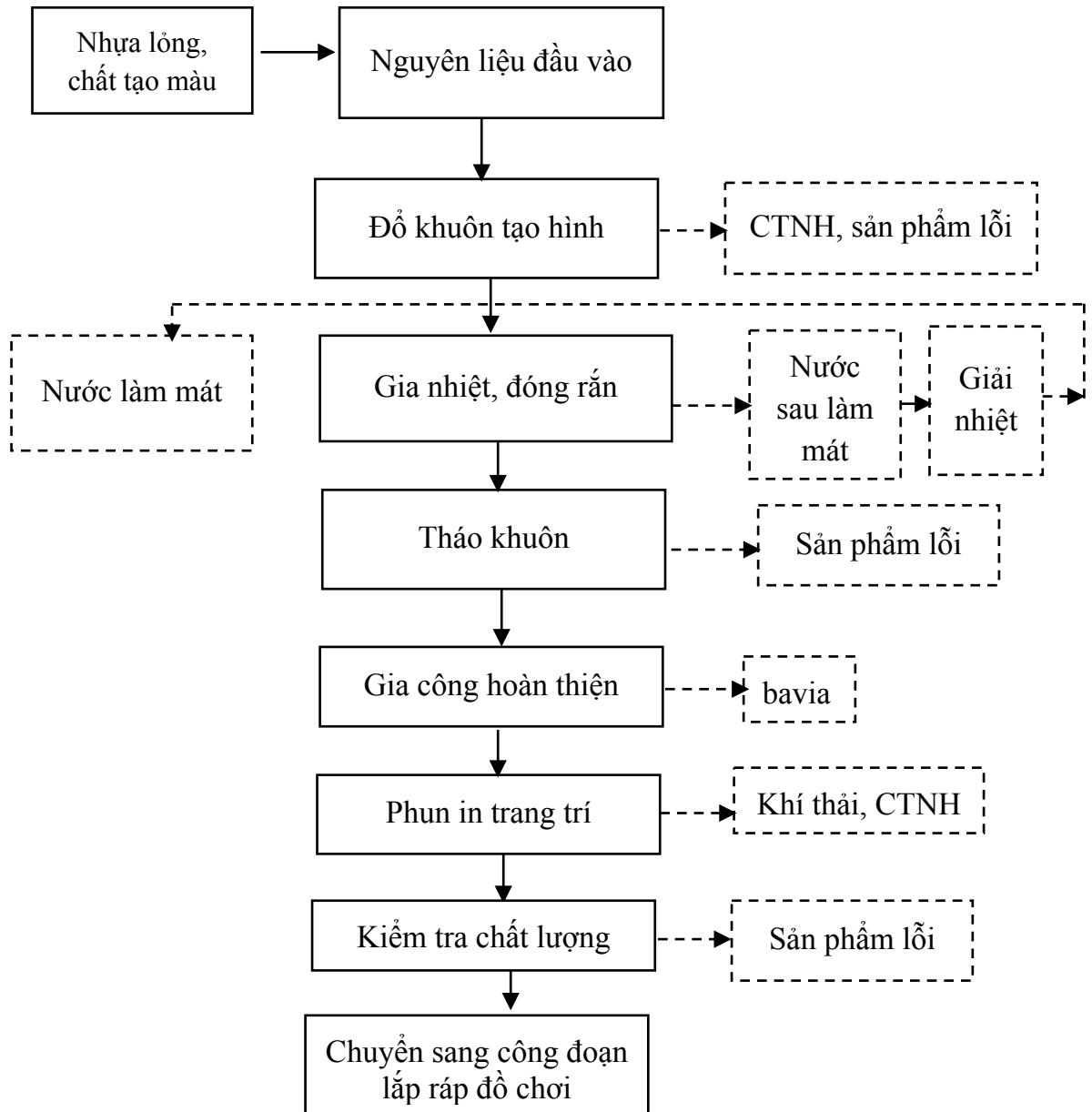
Những sản phẩm không đạt yêu cầu được phân loại là sản phẩm lỗi để sửa chữa hoặc loại bỏ theo quy định.

Các sản phẩm đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn tiếp theo trong dây chuyền sản xuất hoàn chỉnh.

Các vấn đề môi trường phát sinh trong quy trình :

- Hơi sơn phát sinh công đoạn phun.
- Chất thải rắn: mắt búp bê lỗi.
- Nhiệt dư quá trình sấy.
- Chất thải nguy hại: nước thải hoạt động sơn, cặn sơn, thùng chứa sơn.

3. Quy trình ép dẻo (làm mặt búp bê)



Hình 1. 4. Quy trình làm mặt búp bê

Mô tả quy trình:

Bước 1: Đổ khuôn tạo hình

- Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất gồm khuôn mặt búp bê, nhựa lỏng và chất tạo màu. Các nguyên liệu này được kiểm tra về chất lượng, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng trước khi đưa vào sản xuất nhằm đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ.

- Nhựa lỏng và chất tạo màu được đổ vào khuôn để trộn với nhau tạo hình bằng thiết bị khuấy chuyên dụng nhằm đảm bảo hỗn hợp đồng nhất. Khuôn được vệ sinh và xử lý chống dính trước khi đổ nhằm đảm bảo sản phẩm dễ tháo khuôn.

Tại công đoạn này có thể phát sinh CTNH và sản phẩm lỗi do đổ thiếu nhựa, tràn

khuôn hoặc lỗi kỹ thuật.

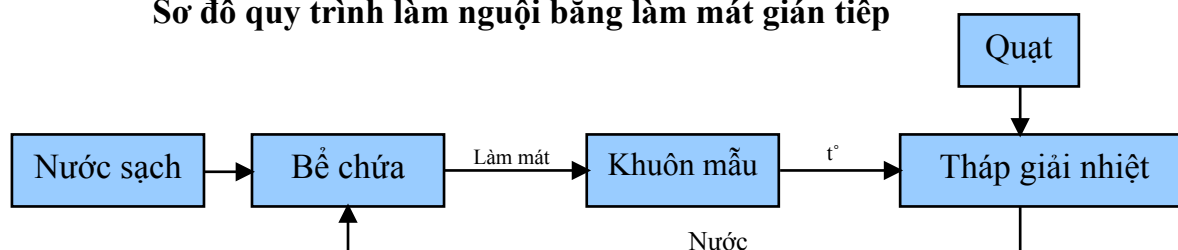
Bước 2: Gia nhiệt, đóng rắn

Khuôn chứa nhựa được đưa vào buồng gia nhiệt để tạo hình sản phẩm, nhiệt độ gia nhiệt thường từ 70°C.

Sau khi tạo hình, sản phẩm được làm mát gián tiếp (làm mát khuôn) để đóng rắn sản phẩm theo đúng hình dạng khuôn mẫu.

Trong quá trình này có sử dụng nước làm mát để kiểm soát nhiệt độ, nước sau làm mát được thu gom và tuần hoàn hoặc xử lý theo quy định. Sau khi kết thúc gia nhiệt, khuôn được giải nhiệt (làm nguội) nhằm đưa sản phẩm về nhiệt độ an toàn trước khi tháo khuôn.

Sơ đồ quy trình làm nguội bằng làm mát gián tiếp



Bước 3: Tháo khuôn

Sau khi nhựa đóng rắn hoàn toàn và đã nguội, mặt búp bê được tháo ra khỏi khuôn. Các sản phẩm bị nứt, biến dạng hoặc không đạt yêu cầu được phân loại là sản phẩm lỗi.

Các công đoạn từ đổ khuôn tạo hình đến làm nguội được diễn ra trong cùng một dây chuyền thiết bị khép kín nên đảm bảo việc phát sinh bụi, khí thải và tổn thất nhiệt là nhỏ nhất. Sau khi tạo hình chi tiết, thành phẩm được kiểm tra, đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn phun in trang trí.

Sử dụng hóa chất làm sạch khuôn để vệ sinh sau mỗi lần tháo khuôn để loại bỏ nhựa dư còn dính.

Bước 4: Gia công hoàn thiện

Sản phẩm sau tạo hình được công nhân được tiến hành cắt bỏ viền nhựa thừa và phân lỗi, hỏng được chuyển sang kho phế liệu. Mặt búp bê sau đó được chuyển sang in phun trang trí họa tiết trên mặt (môi, lông mày, màu má,...).

Bước 5: Phun in trang trí (in pad/ khắc laser)

- In pad

Sau khi gia công hoàn thiện lại mặt búp bê sẽ được chuyển sang công đoạn in để tạo hình mắt, mũi, miệng cho cho búp bê). Công ty sử dụng công nghệ in pad, công nghệ in hiện đại, tự động không phát sinh chất thải như công nghệ in thông thường.

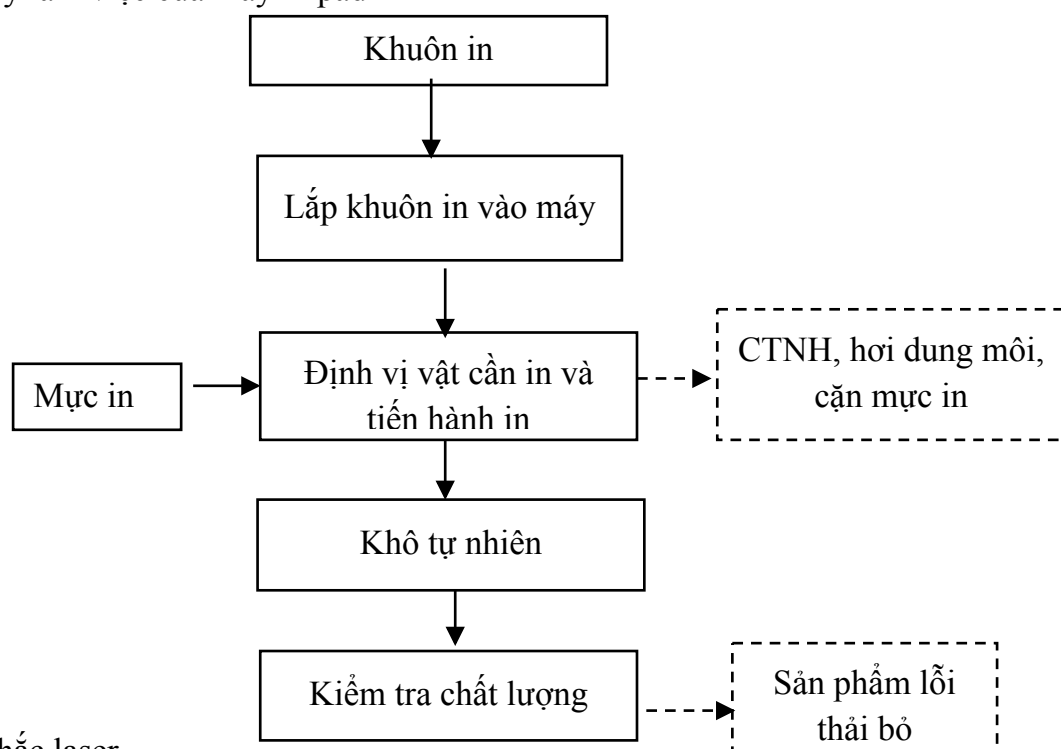
In pad: là phương pháp in mà có thể chuyển một hình ảnh hai chiều (2D) sang một đối tượng ba chiều (3D). In Pad là quá trình in hình ảnh gián tiếp. Hình ảnh được khắc sâu vào một tấm phẳng được gọi là bản in hoặc khuôn in, sau đó chúng được làm đầy với mực. Một miếng đệm (pad) bằng silicone mịn gọi là đầu in (Pad) được sử dụng để lấy

mực từ khuôn in, sau đó, chuyển lên vật liệu in. Vật liệu Silicone được sử dụng bởi vì nó thấm mực và nhả mực tốt.

Đặc điểm chính của In Pad là gần như in với mọi hình dạng của vật liệu in như lõm, lồi, phân cong, in trên các cấu trúc bề mặt khác nhau, như gồ ghề hoặc có cấu trúc không đồng đều, in vào hốc sâu... Việc sử dụng silicone làm phương tiện truyền mực có nhiều ưu điểm, nó là một chất rất linh hoạt và có thể được đúc thành nhiều hình dạng cho bất kỳ ứng dụng. Tính linh hoạt này cho phép các đầu in (pad) có thể in trên các bề mặt không đồng đều. Đầu in (Pad) lựa chọn phụ thuộc vào hình dạng của sản phẩm, kích thước hình ảnh và vị trí của nó. Việc sử dụng bù chiều cao sẽ cho phép chỉ một lần in đồng thời của một hình ảnh ở những độ cao khác nhau. Công đoạn được lặp đi lặp lại cho đến khi kết thúc mã hàng.

Khi hết quá trình in 1 mã hàng, máy in phải được tiến hành rửa khuôn in. Quá trình rửa khuôn in, nước sạch được bơm vào khoang chứa khuôn, sau đó khi ráo khuôn được lau bằng giẻ lau. Toàn bộ nước rửa khuôn in và giẻ lau được thu gom về kho chứa CTNH.

Nguyên lý làm việc của máy in pad



- Khắc laser

Khắc laser là một công nghệ sử dụng chùm tia laser hội tụ để tạo ra các hình ảnh, hoa văn, chữ viết hoặc dấu ấn trên bề mặt vật liệu. Tia laser sẽ làm thay đổi bề mặt vật liệu tại điểm tiếp xúc, có thể là đốt cháy, làm bay hơi, làm tan chảy hoặc thay đổi màu sắc, tạo ra một vết khắc vĩnh viễn.

Ưu điểm của khắc laser:

- Độ chính xác cao: Tạo ra các chi tiết tinh xảo, phức tạp.
- Tốc độ nhanh: Giúp tiết kiệm thời gian sản xuất.
- Không tiếp xúc: Không làm biến dạng vật liệu bằng lực cơ học.

- Vết khắc vĩnh viễn: Chống phai mờ theo thời gian.
- Đa dạng vật liệu: Có thể khắc trên nhiều loại vật liệu khác nhau.
- Tự động hóa: Dễ dàng tích hợp vào quy trình sản xuất tự động.

Bước 5: Kiểm tra và đóng gói

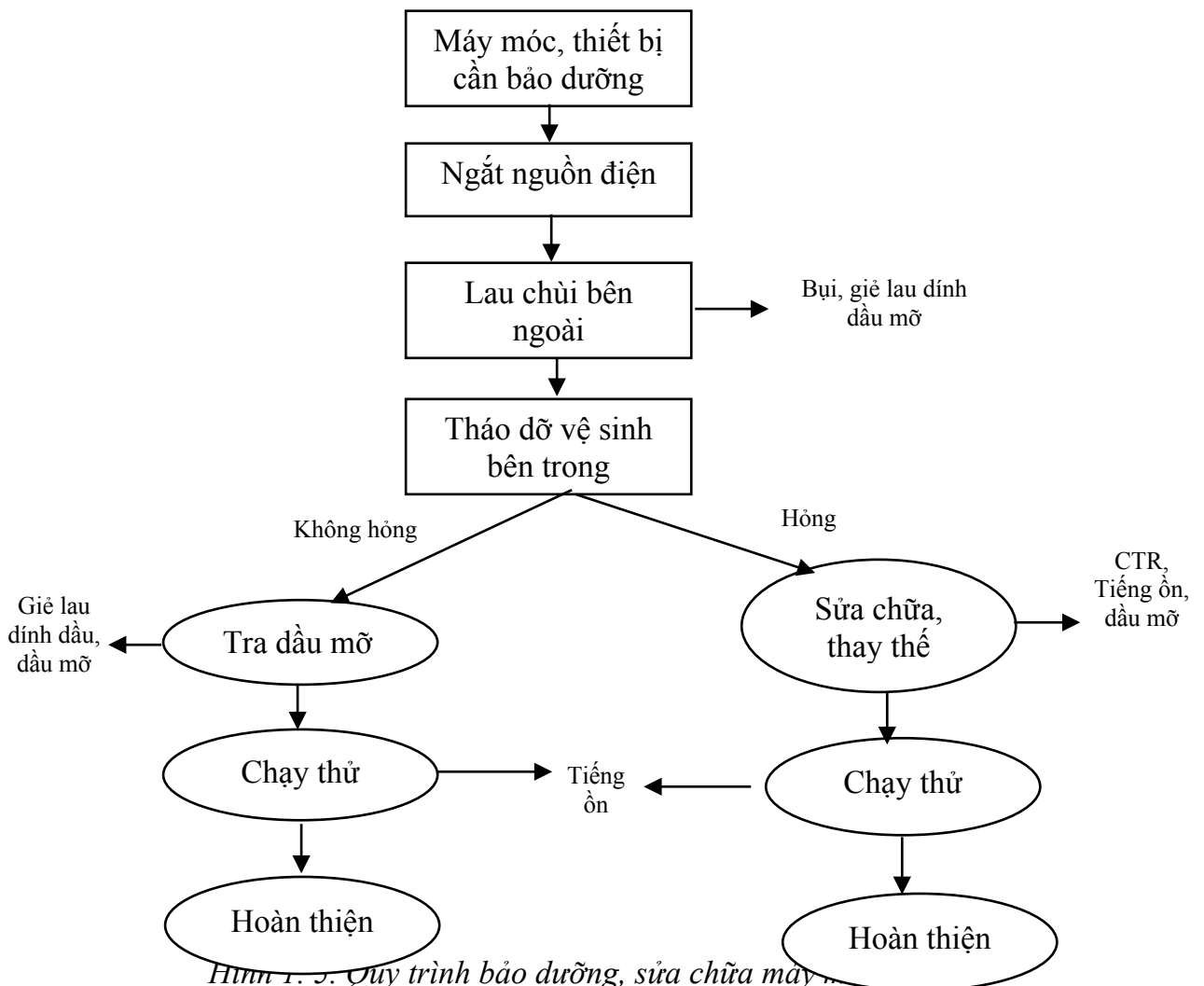
Sản phẩm sau in hoặc khắc laser được kiểm tra về hình dạng và độ hoàn thiện. Các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn được phân loại là sản phẩm lỗi.

Các mặt búp bê đạt yêu cầu được chuyển sang công đoạn lắp ráp đồ chơi để hoàn thiện sản phẩm cuối cùng

Các vấn đề môi trường phát sinh trong quy trình :

- Nhiệt dư gia nhiệt.
- Chất thải rắn: sản phẩm lỗi hỏng.
- Nước làm mát công đoạn gia nhiệt.
- Chất thải nguy hại: mực in, nhựa dư, bao bì chứa hóa chất hoặc giẻ lau.
- Hơi dung môi hoạt động in.

4. Quy trình bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ



Hình 1.5. Quy trình bảo dưỡng, sửa chữa máy...

Mô tả quy trình:

Bước 1: Xác định thiết bị cần bảo dưỡng

Tiến hành kiểm tra, lập danh sách các máy móc, thiết bị đến kỳ bảo dưỡng định kỳ hoặc có dấu hiệu hoạt động không bình thường.

Bước 2: Ngắt nguồn điện

Đảm bảo an toàn tuyệt đối trước khi thực hiện bảo dưỡng bằng cách ngắt toàn bộ nguồn điện liên quan đến thiết bị.

Bước 3: Lau chùi bên ngoài

Vệ sinh bề mặt ngoài của thiết bị nhằm loại bỏ bụi bẩn, gỉ sét và dầu mỡ bám dính, giúp dễ dàng quan sát và thao tác ở các bước tiếp theo.

Bước 4: Tháo dỡ và vệ sinh bên trong

Tiến hành tháo các bộ phận cần thiết để làm sạch bên trong, loại bỏ bụi, cặn bẩn và kiểm tra tình trạng các chi tiết.

Bước 5: Kiểm tra tình trạng hư hỏng

Đánh giá xem thiết bị có bị hư hỏng hay không:

Nếu **không hư hỏng**: chuyển sang bước tra dầu mỡ.

Nếu **có hư hỏng**: tiến hành sửa chữa hoặc thay thế linh kiện.

Bước 6a: (Không hỏng) Tra dầu mỡ

Bổ sung dầu mỡ bôi trơn cho các bộ phận chuyển động nhằm giảm ma sát, hạn chế mài mòn.

Bước 6b: (Hỏng) Sửa chữa hoặc thay thế

Khắc phục các lỗi phát sinh, thay thế các chi tiết hư hỏng để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Bước 7: Chạy thử

Khởi động thiết bị sau bảo dưỡng/sửa chữa để kiểm tra:

Độ ổn định khi vận hành

Tiếng ồn bất thường

Các chỉ tiêu kỹ thuật (CTR, hiệu suất...)

Bước 8: Hoàn thiện

Kết thúc quy trình, ghi nhận kết quả bảo dưỡng, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.

Quá trình bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị có phát sinh một số chất thải:

- Chất thải rắn: Bao gồm bụi, dụng cụ, thiết bị bị gãy, hỏng, giẻ lau,...

- CTNH gồm có dầu mỡ dư thừa, hộp đựng dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ.

- Tiếng ồn.

- Tần suất bảo dưỡng: 6 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào hoạt động thực tế của Công ty.

*** *Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư***

Công nghệ sử dụng của Dự án là công nghệ phổ biến. Các máy móc được lựa chọn trên cơ sở các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, về mặt bằng nhà xưởng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản xuất đồ chơi, búp bê bằng vải, bằng nhựa khối lượng 300 tấn/năm, tương đương 10.500.000 sản phẩm/năm.

Một số hình ảnh sản phẩm của Dự án



- Căn cứ các quy định của Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, bao gồm các nhóm lĩnh vực sau:

(1) Nhóm năng lượng:

Tiêu chí: Dự án sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tiết kiệm năng lượng đáng kể.

Thực tế dự án: Sử dụng điện tại lưới điện quốc gia và không có hạng mục sản xuất điện mặt trời, điện gió hoặc chuyển đổi năng lượng sạch.

(2) Nhóm giao thông vận tải:

Tiêu chí: Dự án đầu tư phương tiện giao thông không phát thải; xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu không phát thải hoặc phát thải các bon thấp,...

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án giao thông.

(3) Nhóm tài nguyên nước

Tiêu chí: Dự án xây dựng công trình cấp, thoát nước; khai thác, xử lý và cung cấp tài nguyên nước với mục đích bảo vệ chất lượng nguồn nước và quản lý hiệu quả nguồn nước.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án tài nguyên nước.

(4) Nhóm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học

Tiêu chí: Dự án trồng cây hàng năm và lâu năm áp; chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy hải sản áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh nhằm quản lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học.

(5) Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo

Tiêu chí: Dự án sản xuất thiết bị điện, máy móc, thiết bị tiết kiệm hiệu quả năng lượng; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có nguồn gốc từ thiên nhiên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án công nghiệp chế biến chế tạo.

(6) Nhóm dịch vụ môi trường

Tiêu chí: Dự án tái chế, xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, CTRTT, CTNH); thu gom nước thải đô thị khu dân cư; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; xử lý khí thải.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, quá trình hoạt động có hệ thống xử lý khí thải sơn. Tuy nhiên đây là biện pháp bắt buộc không phải hoạt động tạo ra lợi ích môi trường vượt trội.

Kết luận: Dự án sản xuất đồ chơi là dự án công nghiệp thông thường, có phát sinh chất thải và sử dụng nguyên liệu hóa chất (sơn, dung môi), không thuộc các nhóm lĩnh vực được phân loại xanh theo quy định.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và hoạt động hiện tại

Dự án không thực hiện xây dựng nhà xưởng, chỉ thực hiện cải tạo, lắp đặt các vách ngăn, khu vực sản xuất trên nền nhà xưởng hiện có. Lắp đặt thêm công trình bảo vệ môi trường (hệ thống nước làm mát và hệ thống xử lý khí thải).

4.1.1. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất của dự án

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Bảng 1. 3. Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động xây dựng

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc	Ghi chú
I	Nguyên liệu phục vụ cải tạo nhà xưởng				
1	Tấm panel dựng vách ngăn	Tấn	30	Việt Nam	Cải tạo nhà xưởng
2	Bu lông, ốc vít	Tấn	5		
3	Keo PU Foam, keo silicon	Tấn	0,8		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc	Ghi chú
I	Nguyên liệu phục vụ cải tạo nhà xưởng				
4	Que hàn	Tấn	0,025		
II	Máy móc hệ thống xử lý khí thải, hệ thống nước làm mát	Tấn	15		Lắp đặt công trình bảo vệ môi trường
Tổng			50,825		

- Nguồn cung cấp:

+ Hệ thống xử lý khí thải được nhập từ các nhà máy cung cấp trong nước và vận chuyển về nhà máy bằng xe tải 15 tấn.

+ Nguồn cung cấp nguyên vật liệu để cải tạo nhà xưởng là các đại lý vật liệu xây dựng trên địa bàn xã Trần Phú bằng các xe ô tô trọng tải 7-15 tấn. Cung đường vận chuyển trung bình khoảng 10km.

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện

Để hoạt động, các máy móc thi công xây dựng chủ yếu sử dụng dầu DO và điện. Dự án dự kiến sử dụng nhiên liệu cho các thiết bị thi công trong quá trình xây dựng dự án là khoảng 50 kg dầu DO và 150 kWh điện.

Nguồn cung cấp dầu DO được mua tại các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn thành phố, cung đường vận chuyển dự kiến khoảng 5 km.

c. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Lấy từ nguồn nước sạch hiện có của khu vực.

- Nhu cầu sử dụng nước: Căn cứ theo TCVN 13606:2023 cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình Yêu cầu thiết kế. Do tại công trường không có hoạt động ăn uống và lưu trú qua đêm, nên đề xuất lấy 45 lít/người/ca. Số lượng công nhân làm việc trong giai đoạn xây dựng là **10 người thì lượng nước dùng là 450lít/ngày = 0,45/ngày đêm.**

d. Danh mục máy móc thiết bị

Bảng 1. 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng

TT	Máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng máy móc, thiết bị
1	Xe tải 7 -15 tấn	Chiếc	01	Việt Nam	- Cam kết sử dụng thiết bị có nguồn gốc xuất xứ. - Tình trạng: mới 90%
2	Máy cắt, uốn dẹt, thép	Chiếc	05	Việt Nam	
3	Máy bắt vít	Chiếc	03	Việt Nam	
4	Xe nâng điện	Xe	01	Việt Nam	
5	Máy hàn	Chiếc	05	Việt Nam	

4.2. Giai đoạn hoạt động

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, hóa chất phục vụ sản xuất

Bảng 1. 5. Danh mục nguyên liệu, hóa chất sử dụng giai đoạn vận hành

TT	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Giai đoạn hiện hữu	Giai đoạn nâng công suất	Xuất xứ
			Khối lượng sử dụng cho 01 năm		
A	Nguyên liệu				
I	Gia công đồ chơi			139.000	
1	Tóc giả	Kg	360	13.000	Trung Quốc, Việt Nam
2	Vải	Kg	1.600	39.000	
3	Bông	Kg	3.500	80.000	
4	Tem giấy các loại	Kg	500	5.800	
5	Chỉ khâu	Kg	158	1.000	
II	Phun sơn			20.010	
1	Sơn nước (AAC/PVC; PS/ABS; SA/PVC)	Kg	0	5.000	Trung Quốc
2	Dung môi	Kg	0	10	
3	Mặt búp bê bằng nhựa	Kg	0	15.000	
III	Mặt búp bê			231.500	
1	Nhựa lỏng	Kg	0	215.000	Trung Quốc
2	Chất tạo màu	Kg	0	5.000	
3	Mực in	Kg	0	2.500	
4	Dung môi pha mực in	Kg	0	1.000	
5	Hóa chất làm sạch khuôn	Kg	0	2.000	
IV	Đóng gói			4.010	
1	Giấy gói sản phẩm	Kg	150	670	Việt Nam
2	Bìa giấy đỡ sản phẩm	Kg	60	670	
3	Thùng carton	Kg	150	2.000	
4	Băng dính các loại	Kg	50	670	
	Tổng	kg	6528	394.520	
		Tấn	6,528	394,520	
B	Vật liệu				
1	Kim khâu	Kg	30	200	Việt Nam
2	Khuôn làm mặt búp bê	Kg	0	6.000	
	Tổng	kg	30	388.320	
		Tấn	0,03	388,320	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

- Các nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất được cân đối và đảm bảo được nhập mua từ các nguồn cung cấp được kiểm tra kỹ trước khi nhập, đạt các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn và nằm trong danh mục được phép sử dụng cho sản xuất. Tất cả các nguyên liệu. Dự án sử dụng đều được kiểm tra, chọn lọc kỹ lưỡng đảm bảo các tiêu chuẩn cho nguyên liệu. Bộ phận KCS sẽ có nhiệm vụ kiểm tra dựa trên những tiêu chuẩn trên để quyết định có mua hay không.

* Đặc tính của các nguyên vật liệu như sau:

Tên hóa chất	Thành phần hóa chất	Tỷ lệ (%)	Số CAS	Đặc tính
Nhựa lỏng (Nhựa Kaibi ESC-70A-TKZ V-C2946)	Polyvinyl Chloride (PVC)	57	9002-86-2	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng, không mùi, tỷ trọng 1.2 ± 0.2 (23°C). - Không hòa tan trong nước, tan trong toluen, axit axetic, acetone. - Nhiệt độ nóng chảy: $>40^{\circ}\text{C}$; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại
	Chất hóa dẻo ATBC	20	77-90-7	
	Chất hóa dẻo DINA	18	33703-08-1	
	Phụ gia	1-2,6	136-53-8	
Bột màu	Titanium dioxide	90-99	13463-67-7	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng rắn, không mùi. - Không hòa tan trong nước. - Nhiệt độ nóng chảy: 1843°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại
	Nhôm hydroxit	0-5	21645-51-2	
	silica	0-4	7631-86-9	
Sơn AAC/PVC	Vinyl chloride-vinyl acetate copolymer	15-20	9003-22-9	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng dễ cháy, có độ nhớt, có mùi khó chịu. - Không hòa tan trong nước, tan trong xeton. - Nhiệt độ nóng chảy: $>43^{\circ}\text{C}$; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da, ức chế thần kinh trung ương
	2Propenoicacid,2methyl, butylester,homopolymer	2-5	9003-63-8	
	Acrylic polymer	2-5	25608-33-7	
	Butyl Cellosolve	1-2	111-76-2	
	Cyclohexanone	40-45	108-94-1	
	Toluene	10-15	108-88-3	
	Butyl Acetate	15%	123-86-4	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Sơn PS/ABS	Poly(methyl methacrylate)	10-20	9011-14-7	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng dễ cháy, có độ nhớt, có mùi khó chịu. - Không hòa tan trong nước, tan trong xeton. - Nhiệt độ nóng chảy: >43°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da,ức chế thần kinh trung ương
	2Propenoicacid,2methyl, butylester,homopolymer	20-30	9003-63-8	
	Butyl Cellosolve	5-10	111-76-2	
	Butyl Acetate	20-35	123-86-4	
	Ethyl Acetate	7-13	141-78-6	
Sơn SA/PVC	Vinyl chloride-vinyl acetate copolymer	10-30	9003-22-9	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng dễ cháy, có độ nhớt, có mùi khó chịu. - Không hòa tan trong nước, tan trong xeton. - Nhiệt độ nóng chảy: >43°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da,ức chế thần kinh trung ương
	Acrylic polymer	1-5	25608-33-7	
	Bentonite	1-2	1302-78-9	
	Cyclohexanone	35-55	108-94-1	
	Isophorone	8-13	78-59-1	
Dung môi pha sơn T-580Q PVC	Toluen	55-60	108-88-3	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng trong suốt không màu, có mùi khó chịu. - Nhiệt độ nóng chảy: >143°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da,ức chế thần kinh trung ương.
	Cyclohexanone	22-25	108-94-1	
	Acetone	18-20	67-64-1	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Mực in	Cyclohexanone (Xyclohexanon)	42-46	108-94-1	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng có màu, không nhẹ. - Không hòa tan trong nước, tan trong toluen, axit axetic, acetone. - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại
	Quaternary ammonium compounds (Hợp chất amoni bậc bốn - Montmorillonit)	11-13	68911-87-5	
	Tetramethyl benzene (Tetrametyl benzen)	42-46	95-93-2	
Dung môi pha mực in	Cyclohexanone	90-98	108-94-1	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng màu vàng không màu hoặc màu nhạt có mùi hăng mạnh. - Nhiệt độ nóng chảy: >155,6°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da.
	Isophorone	2-10	78-59-1	
Hóa chất làm sạch khuôn, thiết bị trộn nhựa lỏng	naphtha(petroleum), hydrotreatedlight	100	64742-49-0	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lỏng không màu dạng lỏng ,có mùi mạnh. - Nhiệt độ nóng chảy: >68,7°C; - Nguy hiểm khi đốt cháy, bởi sẽ gây ra phản ứng với nhiệt độ nên sản sinh ra chất độc hại. - Ảnh hưởng đến sức khỏe: ảnh hưởng đến mũi khi thở, đường hô hấp, dẫn đến mệt mỏi, làm khô da.

Ghi chú: Toàn bộ các nguyên vật liệu tại Công ty đều có khu vực chứa riêng biệt tại kho nguyên liệu. Nguyên vật liệu được đặt trên các tấm gỗ pallet, chiều cao cách mặt đất 10 cm, cách mép tường 10 cm tại nhiệt độ thường

Riêng khu vực hóa chất (chứa sơn, mực in, dung môi và hóa chất làm sạch khuôn được thiết kế như khu vực chứa hóa chất thông thường theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 25/11/2017 gồm:

+ Toàn bộ hóa chất được đặt vào khu vực riêng diện tích 40m² tại nhà xưởng 1 sàn có rãnh thoát nước, có bố trí rãnh chống tràn. Có lối, cửa thoát hiểm. Bố trí hệ thống thông gió.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

+ Các nguyên liệu không xếp chồng quá 2 m.

+ Có bố trí bảng hướng dẫn cụ thể quy trình thao tác an toàn, các độc tính và cách sơ cứu tạm thời khi xảy ra sự cố; mã nhận dạng hóa chất, hình đồ cảnh báo (thành phần MSDS của các chất); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động

b. Hóa chất sử dụng

Bảng 1. 6. Danh mục hóa chất cho công trình bảo vệ môi trường

STT	Tên hóa chất	Mục đích sử dụng	Lượng sử dụng
	Hệ thống xử lý khí thải sơn		
1	Than hoạt tính	Xử lý khí thải sơn	11.520 kg/năm

(Nguồn: Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam)

c. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

- Nguồn cung cấp điện: Công ty sử dụng trạm biến áp kiểu treo công suất 320 KVA – 35kVA/0,4KV. Hệ thống điện trong nhà đi ống nhựa PVC, có Aptomat để bảo vệ thiết bị điện, thiết bị chiếu sáng trong nhà dùng đèn huỳnh quang kết hợp với đèn sợi đốt. Chiếu sáng ngoài nhà bằng đèn cao áp thủy ngân.

- Nhu cầu sử dụng: Điện chủ yếu được dùng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt, hệ thống chiếu sáng....

Bảng 1. 7. Tổng lượng điện tiêu thụ hiện tại của nhà máy (kWh)

Năm 2025		
Tháng	Lượng điện tiêu thụ	Trung bình ngày
11	15.200	506,6
12	24.000	774,2

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng điện)

- Giai đoạn nâng công suất: dự báo khoảng 50.000 KWh/tháng.

d. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước sử dụng là nguồn nước sạch cấp cho toàn bộ khu vực do Công ty nước sạch địa phương. Bao gồm: nước cấp cho hoạt động vệ sinh, nước tưới cây và nước cấp cho hoạt động sản xuất.

- Hiện trạng sử dụng nước của dự án:

Bảng 1. 8. Tổng lượng nước tiêu thụ theo hóa đơn (m³)

Năm 2025		
Tháng	Lượng nước tiêu thụ	Trung bình ngày
11	223	7,4
12	258	8,3

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng nước)

Theo hóa đơn nước năm 2025 nhu cầu sử dụng nước sạch của Nhà máy lớn nhất là: 8,3m³/ngày (tháng 12/2025). Bao gồm: nước cấp cho hoạt động vệ sinh cho cán bộ (hoạt

động của 150 cán bộ, nhân viên)

- Nước cấp cho hoạt động nâng công suất

+ Nước cấp sinh hoạt: Căn cứ theo TCVN13606:2023 - Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế, định mức cấp nước sinh hoạt cho 01 người là 45lit/người/ca. Hoạt động sinh hoạt của 650 cán bộ, nhân viên (trong đó cấp quản lý, nhân viên văn phòng 50 người và lao động trực tiếp là 600 người) là: 45lit/người/ca: 650người x 45/lit/người/ca = 29,25 m³/ngày đêm (dự án không có hoạt động nấu ăn).

+ Nước cấp cho hoạt động gia nhiệt quá trình ép dẻo:

Không sử dụng nước trong quy trình sản xuất, chỉ sử dụng nước tuần hoàn cho quá trình làm mát thiết bị. Khi nhựa lỏng được phun vào khuôn, nước lạnh được đi qua đường ống và hấp thụ nhiệt lượng lớn từ nhựa, khiến nhựa đông cứng thành hình dạng khuôn. Nước sau khi nóng lên sẽ được đưa về máy làm mát, tại đây qua máy nén, môi chất lạnh sẽ thải nhiệt ra môi trường và tiếp tục chu trình mới.

Theo hướng dẫn của nhà sản xuất, 1 kg nhựa lỏng cần giải nhiệt khoảng 80-120kcal/h. Dự án sử dụng 88,7 kg/h (nhựa lỏng và dung môi) cần giải nhiệt khoảng 10.645kcal/h. Do đó lượng nước cần cấp cho máy làm mát là: 2,5m³/giờ, tương đương 20,4m³/ngày (hoạt động máy trong 8h). Lượng nước bổ sung thêm do bay hơi hàng ngày chiếm 2% lưu lượng khoảng 0,4m³/ngày. Nước được cấp vào bồn chứa dung tích khoảng 0,5m³ để bù cho lượng nước bay hơi.

+ Nước vệ sinh tháp làm mát: tháp giải nhiệt được vệ sinh định kỳ 1 tháng/lần. Lượng nước này có lẫn các thành phần như: rong rêu, chất hoạt động bề mặt, ... Lượng nước thải này ước tính: = 1 m³/tháng;

+ Nước cấp cho hoạt động sơn nước

Để hạn chế phát tán bụi sơn trong quá trình phun sơn, hệ thống sử dụng nước đập bụi sơn. Nước được phun hoặc chảy liên tục trong buồng phun để giữ lại các hạt sơn dư phát sinh. Nước sau khi thu gom bụi sơn được dẫn xuống ngăn chứa phía dưới buồng phun, tại đây các hạt sơn và cặn sơn được lắng xuống đáy. Phần nước sau lắng được tuần hoàn bơm trở lại buồng phun để tiếp tục đập bụi sơn. Lượng nước cấp lần đầu khoảng 1m³, tỷ lệ cấp bù do hao hụt 10% so với nước cấp lần đầu. Lớp màng sơn nổi trên bề mặt nước cùng với cặn sơn bám dính trong buồng phun được thu gom định kỳ, lưu chứa trong các thùng chứa chuyên dụng để quản lý và xử lý theo quy định. Định kỳ 1 tháng/lần thay thế toàn bộ nước đập bụi sơn trong buồng phun sơn và thu gom như CTNH.

+ Nước cấp cho hoạt động rửa bản in:

Dự án bố trí 03 máy in, khay in được vệ sinh sau khi kết thúc 1 mã hàng sẽ thực hiện rửa khay in. Định kỳ 2 ngày rửa/lần, sử dụng thùng chứa 500 lít = 0,5m³ (số lượng 1 thùng) cho 1 lần rửa. Do đó tổng lượng sử dụng như sau: 0,2m³/lần rửa.

Như vậy, tổng lượng nước cấp của dự án như sau:

Bảng 1. 9. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và thải nước của dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

TT	Mục đích sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước đầu vào			Lượng nước đầu ra ngày lớn nhất	
		Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)	Tuần hoàn/thất thoát (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)
I	Nước cấp cho sinh hoạt			29,25		29,25
1	Nước cấp sinh hoạt đối với nhân viên	650	45/lit/người	29,25	0	29,25
II	Nước cấp sản xuất			22,6	29,1	2,2
1	Nước cấp cho hoạt động làm mát	Cấp lần đầu 20,4m ³ . Bổ sung hàng ngày 0,4m ³ /ngày			20,8	Tuần hoàn tái sử dụng và không xả ra môi trường
2	Nước cấp vệ sinh máy làm mát	1m ³ /tháng			-	1,0
3	Nước cấp cho hoạt động sơn nước	Cấp lần đầu 1m ³ Bổ sung hàng ngày 0,1m ³ /ngày			1,1	Định kỳ xả thay thế bể chứa 1m ³ /lần/tháng
4	Nước cấp cho hoạt động rửa khuôn in	0,2m ³ /lần			-	0,2
	Tổng			51,84	29,1	31,45

- Nước cấp cho PCCC:

Căn cứ TCVN 2622:1995: Tiêu chuẩn thiết kế phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình. Số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy. Lưu lượng nước cấp cho một đám là 10 l/s. Thời gian dập tắt đám là 3 giờ. Lưu lượng chữa cháy được tính:

$$Q_{cc} = (3 \times 1 \times 10 \times 3.600) / 1000 = 108 \text{ m}^3$$

e. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Bảng 1. 10. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của dự án

STT	Danh mục sử dụng	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	Kg/năm	2.000	Chạy máy phát điện dự phòng khi có nhu cầu
2	Dầu mỡ bôi trơn	Kg/năm	1.000	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị Tra vào các chi tiết cho các động cơ

f. Danh mục máy móc, thiết bị

Bảng 1. 11. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

STT	Tên máy móc	Số lượng				Đơn vị	Năm sản xuất	Nguồn gốc	Tình trạng máy móc
		Theo đăng ký môi trường năm 2025	Thực tế đã lắp đặt	Điều chỉnh nâng công suất (dự kiến bổ sung)	Tổng				
I	Phòng may								
1	Máy may tay	200	150	318	468	Chiếc	2024	Trung Quốc, Việt Nam	Mới
2	Máy may tự động	3	3	2	5	Chiếc	2024		Mới
3	Máy cắt chỉ	0	15	5	20	Chiếc	2024		Mới
4	Máy dập đuôi tóc	0	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
5	Máy may tóc	5	5	7	12	Chiếc	2024		Mới
6	Máy chải tóc	0	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
7	Máy bắn mã	0	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
II	Phòng cắt								
1	Máy cắt laser	2	2	3	5	Chiếc	2024	Trung Quốc	Mới
2	Máy trải vải	0	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
3	Máy cắt vải bằng dao	1	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
4	Máy chặt vải	0	2	0	2	Chiếc	2024		Mới
5	Máy cuộn vải	0	1	0	1	Chiếc	2024		Mới
III	Phòng nhồi bông								
1	Máy nhồi bông	2	2	4	6	Chiếc	2024	Trung Quốc	Mới
2	Máy đánh bông	0	2	0	2	Chiếc	2024		Mới

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

IV	Phòng sơn					Chiếc			
1	Chuyên phun sơn	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
V	Phòng ép dẻo				0				
1	Máy trộn	0	0	2	2	Chiếc	2024	Trung Quốc	Mới
2	Máy hút chân không	0	0	2	2	Chiếc	2024		Mới
3	Máy làm mát	0	0	2	2	Chiếc	2024		Mới
4	Máy in	0	0	3	3	Chiếc	2024		Mới
5	Máy cắt bavia	0	0	1	1	Chiếc	2024		Mới
6	Máy gia nhiệt	0	0	2	2	Chiếc	2024		Mới
VI	Máy móc khác								
1	Máy dò kim	1	1	2	3	Chiếc	2024	Trung Quốc	Mới
2	Máy dán băng dính	2	2	0	2	Chiếc	2024		Mới
3	Máy thử độ ẩm	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
4	Máy kiểm tra độ lệch màu	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
5	Máy thử độ bền	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
6	Máy thử kéo	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
7	Máy thử rung	1	1	0	1	Chiếc	2025		Mới
	Tổng	225	196	350	546				

(Nguồn: Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam)

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Vị trí thực hiện dự án

- Địa điểm thực hiện: xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (Căn cứ theo Hợp đồng thuê kho xưởng số 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN ngày 29/7/2025 giữa Công ty TNHH Hòa Bảo An và Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam).

- Vị trí các hướng tiếp giáp:

+ Phía Bắc: Giáp đất canh tác;

+ Phía Nam: Giáp đường bê tông;

+ Phía Đông: Giáp tỉnh lộ 390;

+ Phía Tây: Giáp đất canh tác.

- Thông tin hình thành dự án:

+ Khu đất thực hiện dự án nằm tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng. Năm 2017, khu đất được UBND huyện Nam Sách phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mai. Trong quá trình hoạt động, do nhu cầu thay đổi loại hình kinh doanh sản xuất và chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành Công ty TNHH Hòa Bảo An (đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương tại quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19/01/2024).

+ Từ khi được cấp chủ trương đầu tư, Công ty đã tiến hành thủ tục về đầu tư và thủ tục đất đai, Công ty TNHH Hòa Bảo An đã thực hiện điều chỉnh Quy hoạch và được UBND huyện Nam Sách phê duyệt tại Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29/08/2024 cho Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách với tổng diện tích quy hoạch là 19.182,4m² (bao gồm đất thực hiện dự án là 14.338,4m² và đất giao thông + HL đường là 4.844m²).

+ Sau khi được điều chỉnh quy hoạch Công ty thực hiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường với quy công suất gia công khung xe cơ giới: 5.200 sản phẩm/năm; Bảo dưỡng, sửa chữa, phục hồi khung, gầm xe, thiết bị điện... của xe cơ giới: 1.500 sản phẩm/năm; Sản xuất, gia công giá, kệ, khung lưới thép: 15.000 sản phẩm/năm; Kinh doanh phụ tùng xe cơ giới các loại: 6.000 sản phẩm/năm và gia công các cấu kiện cơ khí: 1.000 tấn/năm. Tổng diện tích đất để thực hiện dự án: 14.338,4 m².

+ Năm 2025, UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng của Công ty TNHH Hòa Bảo An tại Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 14/5/2025, trong đó công suất điều chỉnh gồm: gia công khung xe cơ giới: 2.000 sản phẩm/năm; Sản xuất cấu kiện thép và các sản phẩm cơ khí khác (phụ tùng máy phát, vòng bi, thanh truyền...): 500 tấn/năm và bổ sung thêm cho thuê nhà xưởng, kho với diện tích sàn cho thuê là 8.208m². Căn cứ quy định của Luật bảo vệ môi trường hiện hành, Công ty thực hiện hồ sơ Đăng ký môi trường và được UBND xã Trần Phú tiếp nhận tại Văn bản số 220/UBND ngày 27/5/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

+ Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Hòa Bảo An thực hiện điều chỉnh nâng công suất bể XLNT công suất 5m³/ngày đêm lên thành Trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm (để đảm bảo xử lý nước thải của Công ty cũng như dự án của Công ty thuê nhà xưởng) và Công ty đã thực hiện hồ sơ Đăng ký môi trường và được UBND xã Trần Phú tiếp nhận tại Văn bản số 618/CV-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường điều chỉnh của Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

+ Sau khi đã hoàn thiện các thủ tục môi trường, Công ty TNHH Hòa Bảo An đã ký kết hợp đồng cho thuê kho xưởng số 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN ngày 29/7/2025 với Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam với tổng diện tích 8.208m² (bao gồm toàn bộ nhà xưởng 1 và một phần nhà xưởng 2, cùng các công trình hạ tầng phụ trợ, kỹ thuật dùng chung như sân đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nước thải, bãi đỗ xe).

+ Sau khi được cho thuê nhà xưởng Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam đã thực hiện hồ sơ đăng ký bảo vệ môi trường cho dự án với công suất 100 tấn sản phẩm đồ chơi/năm và được UBND xã Trần Phú tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án tại văn bản số 619/CV-UBND ngày 25/11/2025. Trong đó dự án phải thực hiện lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 1.500m³/giờ để xử lý khí thải phát sinh công đoạn sơn và nước thải sinh hoạt sẽ được đầu nối vào trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm (do đơn vị cho thuê nhà xưởng xây dựng và quản lý).

+ Hiện nay, theo thực tế sản xuất Công ty đã đi vào hoạt động từ tháng 11/2025 và đã lắp đặt 10 dây chuyền may, 1 dây chuyền phun sơn (đã lắp đặt buồng phun chưa đi vào hoạt động), 2 dây chuyền cắt tại tầng 1 nhà xưởng 1 và tầng 1 nhà xưởng 2.

+ Trong quá trình sản xuất và nhu cầu của thị trường Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam thực hiện điều chỉnh nâng công suất từ 100 tấn sản phẩm/năm lên 300 tấn sản phẩm/năm; Bổ sung thêm hoạt động ép dẻo để làm mặt búp bê; Bỏ hoạt động ép nhựa tại nhà máy, thay vào đó các sản phẩm nhựa được nhập trực tiếp từ các nhà cung ứng bên ngoài; Điều chỉnh công nghệ và công suất hệ thống xử lý khí thải sơn lên 20.000m³/h. Căn cứ khoản 1, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và điểm đ, khoản 2, Điều 24 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ (dự án nhóm III có phát sinh khí thải xả ra môi trường phải xử lý với tổng lưu lượng từ 5.000m³/giờ trở lên) thuộc đối tượng phải làm giấy phép môi trường.

* Một số hạ tầng của dự án dùng chung với Công ty TNHH Hòa Bảo An như sau:

Hiện nay, Công ty TNHH Hòa Bảo An (đơn vị cho thuê xưởng) đã thực hiện xây dựng nhà xưởng và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật như sau:

- Hệ thống đường giao thông nội bộ xung quanh dự án;
- Hệ thống cấp nước, cấp điện.
- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.
- Bãi đỗ xe.
- Hệ thống cây xanh do Công ty TNHH Hòa Bảo An trồng và quản lý.

- Trạm xử lý nước thải được Công TNHH Hòa Bảo An quản lý, vận hành. Thực hiện cho phép Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam được đầu nối toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trạm xử lý nước thải theo Hợp đồng xử lý nước thải số: 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFVN ngày 29/7/2025 Về việc xử lý và thu phí nước thải của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam.

Công ty lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo nước cấp để kiểm soát và tính tiền điện nước với Công ty TNHH Hòa Bảo An.

5.2. Các hạng mục công trình

Bảng 1. 12. Hạng mục công trình của dự án

TT	Công trình	Diện tích (m ²)
1	Nhà xưởng số 1	4.200
2	Nhà xưởng số 2	4.008
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật	-

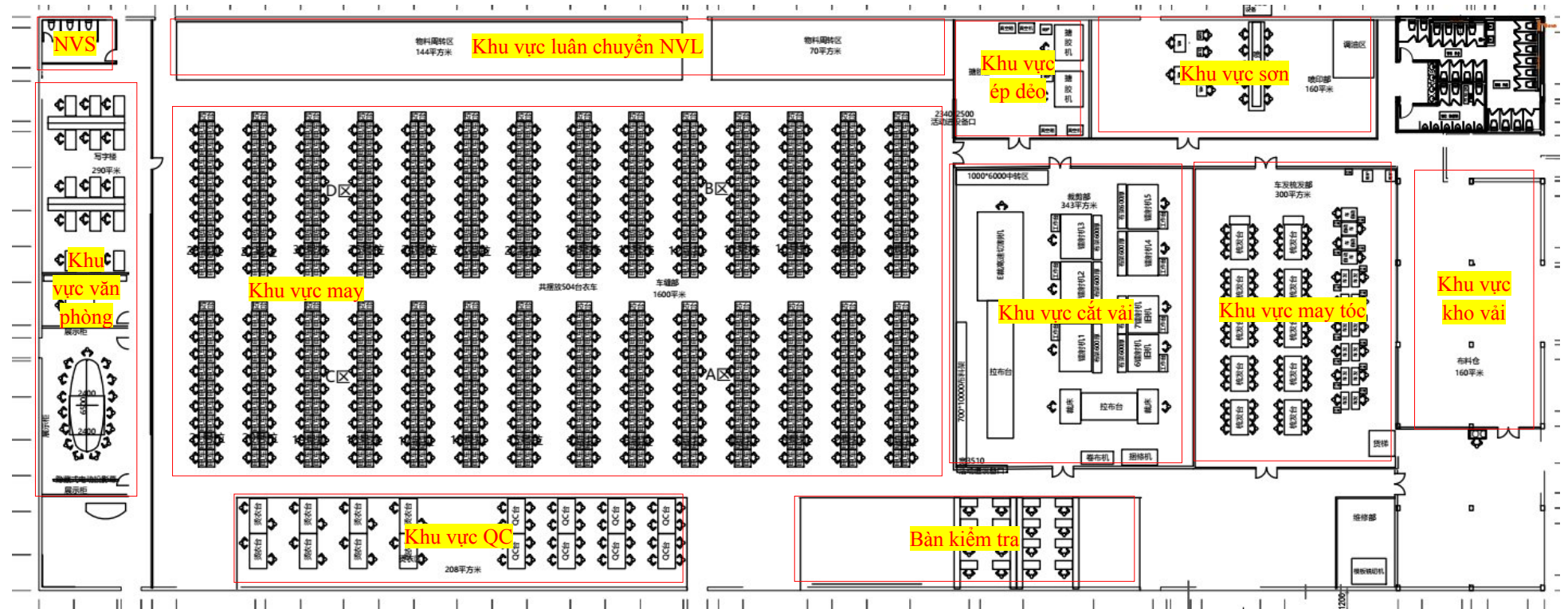
5.2.1. Hạng mục công trình chính

Các hạng mục công trình nhà xưởng xây dựng không có sự thay đổi so với đăng ký bảo vệ môi trường năm 2025, chủ dự án chỉ thực hiện lắp đặt bổ sung thêm máy móc, thiết bị phục vụ nâng công suất, cụ thể như sau :

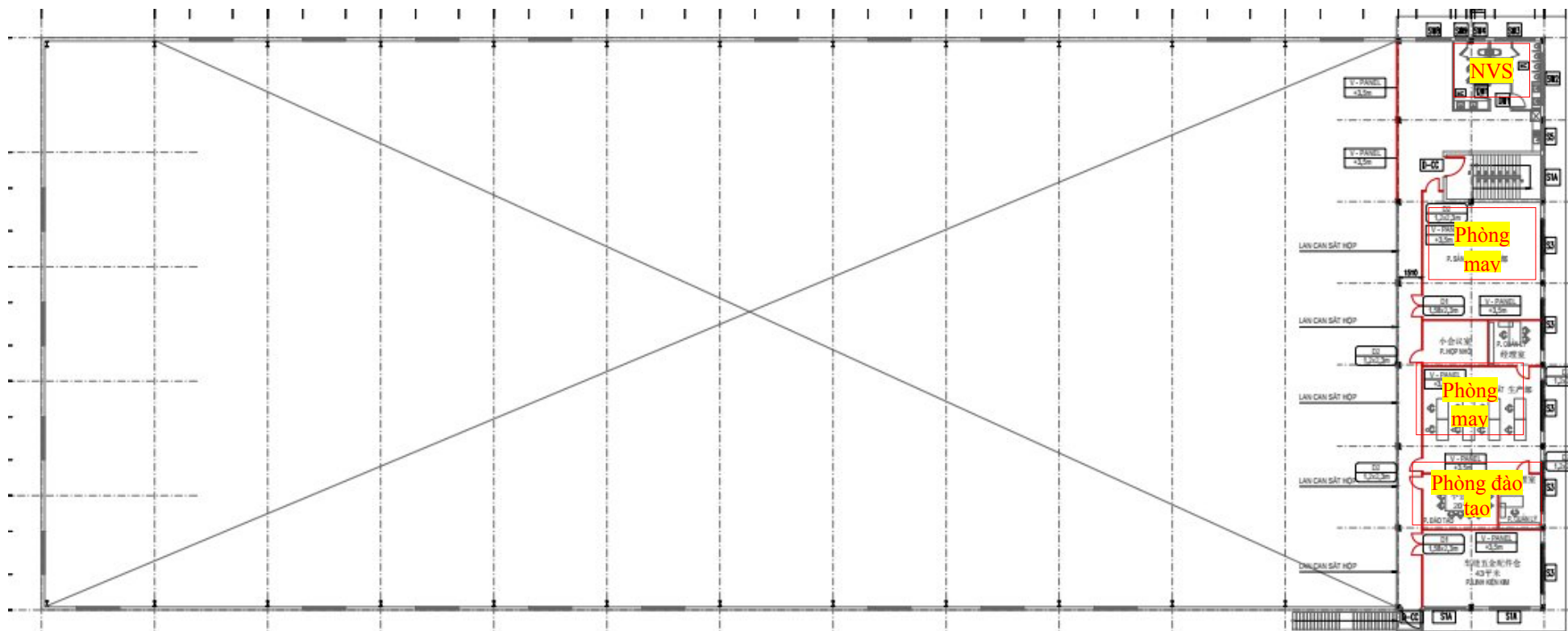
Bảng 1. 13. Danh mục hạng mục công trình chính của dự án

Stt	Công trình	Theo Đăng ký môi trường năm 2025		Phương án điều chỉnh		Kết cấu
		Quy mô xây dựng	Công năng	Quy mô xây dựng	Công năng	
1	Nhà xưởng 1	<ul style="list-style-type: none"> - Số tầng: 01 tầng + lửng. - Tầng 1: diện tích 4.200m². - Tầng lửng: diện tích 408m². - Chiều cao: 13,9m. 	<p>Tầng 1: Bố trí văn phòng, xưởng may máy, ép nhựa, sơn, cắt vải, may tóc và các khu vực kho chứa nguyên liệu, kiểm tra sản phẩm,...</p> <p>Tầng 2: phòng linh kiện kim, phòng may đồ chơi bằng nhựa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số tầng: 01 tầng + lửng. - Tầng 1: diện tích 4.200m². - Tầng lửng: diện tích 408m². - Chiều cao: 13,9m. 	<p>Tầng 1: Bố trí văn phòng, xưởng may máy, ép dẻo, sơn, cắt vải, may tóc và các khu vực kho chứa nguyên liệu, kho hóa chất, kho chứa chất thải rắn, kho chứa CTNH khu kiểm tra sản phẩm,...</p> <p>Tầng 2: phòng linh kiện kim, phòng may đồ chơi bằng nhựa</p>	<p>Kết cấu nhà khung thép; móng bằng bê tông cốt thép, nền móng gia cố bằng cọc tre; mái trên lợp mái tôn chống nóng. Tường xây gạch cao 1,5m bên trên thưng tôn, tường trát vữa xi măng cát sau đó bả matít, lăn sơn; nền lát gạch, cửa chính và cửa sổ sẽ sử dụng cửa kính khung nhôm.</p>
2	Nhà xưởng 2	<ul style="list-style-type: none"> - Số tầng: 01 tầng + lửng. - Tầng 1: diện tích 4.008m². - Tầng lửng: diện tích 408m². - Chiều cao: 13,9m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tầng 1: Bố trí xưởng nhồi bông, định hình sản phẩm, khâu tay và khu vực kho chứa sản phẩm,... - Tầng 2: văn phòng, phòng kiểm hàng 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tầng: 01 tầng + lửng. - Tầng 1: diện tích 4.008m². - Tầng lửng: diện tích 408m². - Chiều cao: 13,9m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tầng 1: Bố trí xưởng nhồi bông, định hình sản phẩm, khâu tay và khu vực kho chứa sản phẩm,... - Tầng 2: văn phòng, phòng kiểm hàng 	<p>Kết cấu nhà khung thép; móng bằng bê tông cốt thép, nền móng gia cố bằng cọc tre; mái trên lợp mái tôn chống nóng. Tường xây gạch cao 1,5 m, bên trên thưng tôn, tường trát vữa xi măng cát sau đó bả matít, lăn sơn; nền lát gạch , cửa chính và cửa sổ sẽ sử dụng cửa kính khung nhôm.</p>

- Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại nhà xưởng 1

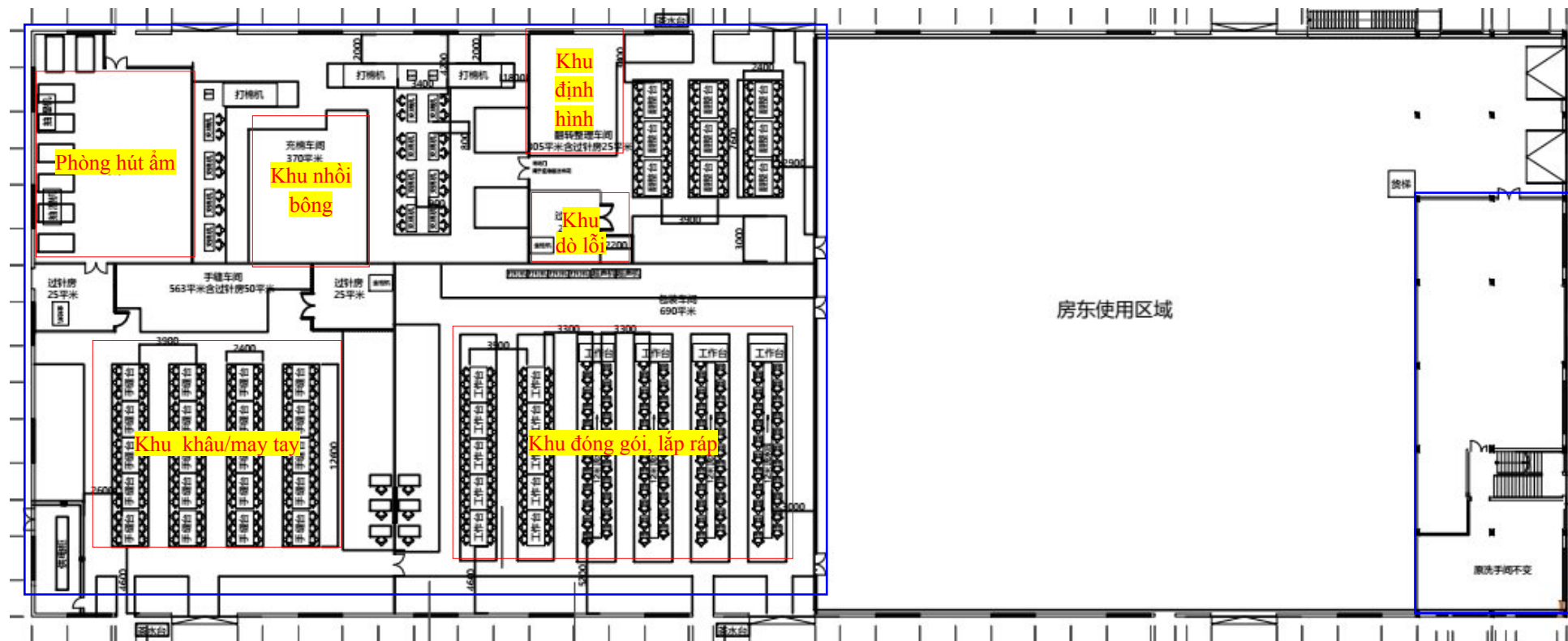


Hình 1. 6. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng 1 nhà xưởng 1



Hình 1. 7. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng lửng nhà xưởng 1

- Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại nhà xưởng 2



Hình 1. 8. Sơ đồ bố trí máy móc, thiết bị tại tầng 1 nhà xưởng 2

5.2.2. Hàng mục công trình phụ trợ

a. Hệ thống cấp nước

Nguồn nước sử dụng là nguồn nước sạch cấp cho toàn bộ khu vực do Công ty nước sạch địa phương. Nước được dẫn vào bể nước ngầm để phục vụ sinh hoạt, tưới cây và đảm bảo cho công tác PCCC chung do Công TNHH Hòa Bảo An xây dựng.

Nước được cấp từ nguồn nước sạch. Từ điểm đầu nối qua đồng hồ nước được sử dụng ống nhựa chảy vào bể nước sạch đặt ngầm qua bơm tăng áp phân phối tới các khu vực tiêu thụ nước như nhà vệ sinh, khu văn phòng, ... bằng mạng lưới đường ống HDPE D50

b. Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Nguồn cấp điện: Lấy từ hệ thống cấp điện hiện có của khu vực đầu nối tới trạm 320 KVA – 35kVA/0,4KV của Công TNHH Hòa Bảo An rồi đầu nối về các công trình và hệ thống chiếu sáng.

c. Hệ thống sân đường giao thông

Dùng chung sân đường với Công TNHH Hòa Bảo An.

Sân đường nội bộ được lu lèn nền L=0,9. Kết cấu mặt đường Bê tông. Cụ thể như sau (Từ trên xuống):

Lớp bê tông đá 2x4 dày 15 cm.

Lớp đá cấp phối lu lèn chặt dày 15 cm

Nền cát đầm chặt K=0.9 dày 30 cm.

Trong sân, đường nội bộ được thiết kế dốc dọc, dốc ngang một mái và hai mái đảm bảo cho thoát nước một cách tốt nhất.

d. Hệ thống chống sét

Đối với các nhà làm việc đều được thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn TCXDVN 46:2007 – Chống sét cho công trình xây dựng. Hệ thống chống sét bao gồm: Bộ phận thu sét, bộ phận dẫn xuống, các loại mối nối, điểm kiểm tra đo đạc, bộ phận dây dẫn nối đất, bộ phận cực nối đất.

Cột thu lôi được lắp đặt tại vị trí cao nhất của một công trình trong Dự án đầu tư. Lắp đặt hệ thống lưới chống sét cho các công trình không phải kim loại có độ cao >15m bao gồm các cột thu lôi bố trí quanh mái nhà. Điện trở tiếp đất xung kích của hệ thống chống sét phải £ 10W khi điện trở suất của đất < 50.000W/cm² và ³ 10W khi điện trở suất của đất > 50.000W/cm².

5.2.3. Hàng mục công trình bảo vệ môi trường

Bảng 1. 14. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Theo đăng ký môi trường năm 2025	Hiện trạng	Phương án điều chỉnh	Ghi chú
1	Kho chứa chất thải nguy hại	17m ² , bố trí bên ngoài nhà xưởng	Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích	Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi
JM Fabulous Việt Nam”

STT	Hạng mục	Theo đăng ký môi trường năm 2025	Hiện trạng	Phương án điều chỉnh	Ghi chú
			13,5m ² bên trong nhà xưởng 1	13,5m ² bên trong nhà xưởng 1	
2	Kho chứa chất thải công nghiệp	20m ² , bố trí tại nhà xưởng 1	Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích 13,5m ² bên trong nhà xưởng 1	Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích 13,5m ² bên trong nhà xưởng 1	
3	Thu gom chất thải sinh hoạt	Thu gom bằng các thùng chứa 20 lít và 500 lít	Thu gom bằng các thùng chứa 20 lít và 500 lít	Thu gom bằng các thùng chứa 20 lít và 500 lít	
4	Bể tự hoại 3 ngăn	02 bể, tổng dung tích 20m ³	02 bể, tổng dung tích 20m ³	02 bể, tổng dung tích 20m ³	Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ tại khu nhà xưởng 1 và 2
5	Hệ thống xử lý khí thải	01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phun sơn công suất 1.500 m ³ /h	Chưa xây dựng	01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phun sơn công suất 20.000 m ³ /h	Xử lý nước thải từ công đoạn sơn.
6	Hệ thống thoát nước mưa	<p>Công ty TNHH Hòa Bảo An đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa.</p> <p>- Nước mưa trên mái được thu gom bằng các đường ống thoát nước chảy về hệ thống cống thoát nước dọc nhà máy, đường kính B400 dọc theo tuyến cống bố trí các giếng thăm và hố ga hàm ếch thoát ra hệ thống cống thoát nước của khu vực, chảy về kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu tại K1+170.</p>			
7	Hệ thống thu gom nước thải	<p>- Công ty TNHH Hòa Bảo An đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom thoát nước thải.</p> <p>- Nước thải xí tiêu từ các khu vệ sinh trong nhà xưởng được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm tại nhà xưởng đã được Công ty TNHH Hòa Bảo An xây dựng để xử lý sơ bộ trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm (do Công ty TNHH Hòa Bảo An xây dựng và quản lý).</p>			

5.3. Các thông tin khác có liên quan

a. Nhu cầu lao động

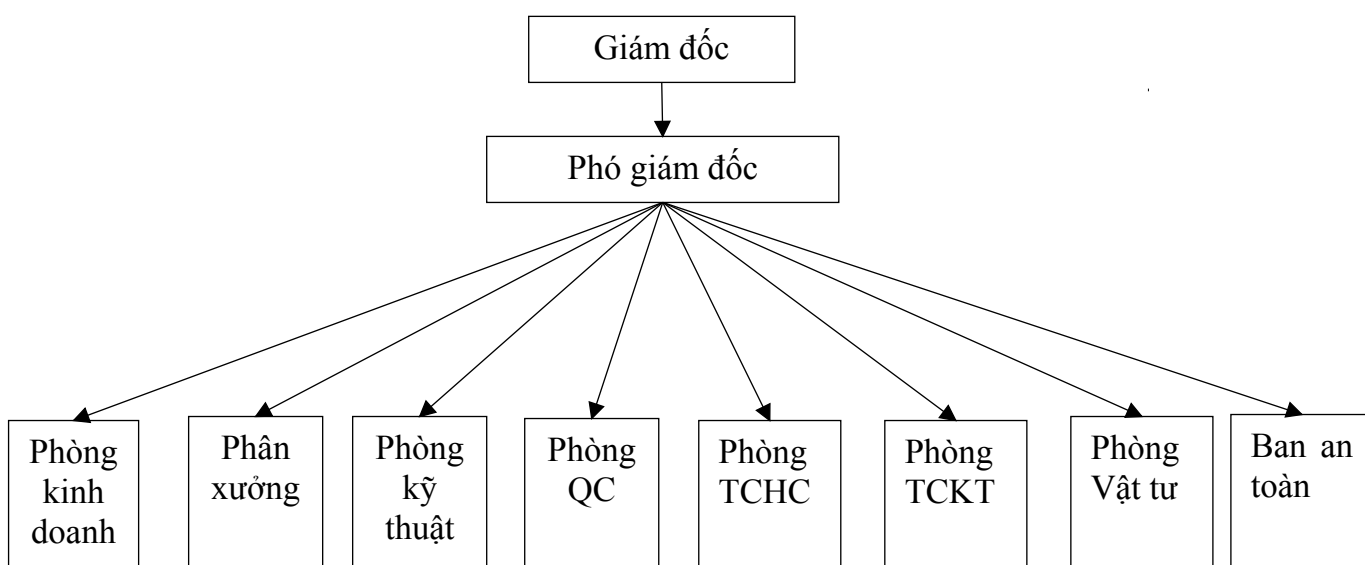
- Tổng số cán bộ công nhân làm việc tại Dự án khoảng 650 người trong đó:
 - + Chuyên gia và lãnh đạo: 50 người.
 - + Nhân viên văn phòng, công nhân: 600 người.
- Chế độ làm việc của công nhân tại Nhà máy như sau:
 - + Số ngày làm việc trung bình: 310 ngày/năm
 - + Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca
 - + Số ca làm việc trong ngày: 02 ca/ngày.

b. Tiến độ thực hiện dự án

Dự án không thực hiện xây dựng thêm công trình nhà xưởng, chỉ thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nâng công suất và xây dựng thêm hệ thống xử lý khí thải, hệ thống tuần hoàn nước làm mát.

- Tiến độ hoàn thành thủ tục pháp lý: Quý II/2026.
- Tiến độ cải tạo nhà xưởng: Quý III/2026.
- Tiến độ lắp đặt máy móc, tuyển dụng: Quý III/2026.
- Tiến độ hoạt động: Quý IV/2026.

c. Sơ đồ tổ chức của nhà máy



Hình 1. 10. Sơ đồ tổ chức của nhà máy

Bộ phận chuyên trách môi trường thuộc phòng An toàn môi trường, bao gồm:

+ Trưởng phòng an toàn môi trường: 01 người, trình độ đại học, trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc.

+ Nhân viên theo dõi, vận hành công trình môi trường: 02 người.

Mối quan hệ giữa bộ phận môi trường với các phòng chức năng khác: Mỗi bộ phận phụ trách các công việc riêng, tuy nhiên, đối với công tác bảo vệ môi trường, thì bộ phận sản xuất và phòng an toàn môi trường sẽ có một mối quan hệ mật thiết với nhau, cụ thể: phòng an toàn môi trường có trách nhiệm bố trí 01 cán bộ phụ trách các công việc chung liên quan đến vấn đề môi trường như kiểm soát việc thực hiện theo các quy định hiện hành, đào tạo, triển khai công việc có liên quan khi áp dụng các quy định mới, quản lý chất thải, quản lý và kiểm soát nguồn thải, tổ chức giám sát môi trường định kỳ,... Phòng bảo trì thuộc bộ phận sản xuất có trách nhiệm vận hành, cải tạo, sửa chữa và bảo trì các công trình môi trường.

e. Phương án thi công, cải tạo nhà xưởng

- Công ty thực hiện cải tạo chia ngăn lại các khu vực sản xuất bằng các tấm ALC, định vít để cố định, không thực hiện xây dựng thêm công trình để phục vụ lắp đặt thêm

máy móc, thiết bị cho hoạt động nâng công suất. Thực hiện cải tạo tại tầng 1 của nhà xưởng 1 và một phần nhà xưởng 2.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải sẽ được nhập nguyên khối về lắp đặt tại nhà máy.

- Sử dụng các nhà vệ sinh và bể tự hoại hiện có tại dự án để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trong quá trình cải tạo nhà xưởng.

- Thời gian thi công dự kiến: 45 ngày.

- Số lượng người thi công: 10 người.

(1). Thực hiện lắp đặt vách ngăn

- Vách được lắp đặt gồm có tấm ALC và cửa kính.

- Chủ dự án sử dụng cả tấm khối hoàn thiện. Chỉ tiến hành luôn thao tác lắp đặt mà không cần phải thực hiện thêm bất kỳ công đoạn nào khác.

- Quy trình lắp đặt:

+ Đo và đánh dấu xác định các điểm dự kiến lắp đặt vách ngăn bằng bút mực.

+ Lắp đặt thanh ngang: tùy theo bề dày thiết kế của vách để chọn thanh vách ngang cho phù hợp. Dự án dự kiến sử dụng và lắp đặt thanh U ngang các loại. Các thanh ngang sẽ được lắp đặt theo các đường mực đã được đánh dấu trên sàn nhà, trần và vách theo bản vẽ được duyệt. Sau đó, dùng khoan bê tông và đóng tắc kê vào lỗ vừa khoan và dùng vít để vặn cố định các điểm để cố định vào thanh U.

+ Lắp đặt các thanh đứng: Đầu tiên, lắp các thanh này vào tường và liên kết với thanh ngang đã lắp sẵn ở bước trên phương thẳng đứng.

+ Các thanh đứng phải được cắt đúng tỉ lệ kích thước chiều cao theo bản vẽ đã được duyệt. Sử dụng kèm chuyên dụng để bám 2 thanh thẳng đứng với ngang lại với nhau. Tiếp đó, chèn tiếp các thanh đứng đã được đánh dấu trước đó.

+ Lắp các tấm panel ép cách nhiệt lên khung sườn đã dựng: Dùng vít và khoan bắt cố định tấm ALC cách sàn 10mm. Khoảng cách giữa các vít không quá 300mm. Dùng phấn để canh đúng đường bắt vít vào tránh bất sai vị trí thanh đứng sẽ thủng nhiều lỗ không sử dụng gây mất mỹ quan. Tiếp theo, đặt các tấm ALC vào các khung kế tiếp và thực hiện lần lượt như tấm đầu tiên cho đến khi kết thúc xong vách.

(2). Thực hiện lắp đặt máy móc

- Các loại máy móc, thiết bị do nhà cung cấp được tập kết về mặt bằng nhà xưởng. Sau đó được các xe nâng điện vận chuyển tiếp đến các vị trí cần lắp trong xưởng.

- Gia cố bộ đặt máy và lắp đặt thiết bị.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

- Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì mục tiêu tổng quát là chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học. Trong quá trình triển khai dự án, Công ty đề xuất lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải; xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt; bố trí các phương tiện lưu chứa, kho chứa chất thải theo đúng quy định. Mặt khác loại hình sản xuất của Công ty thuộc loại hình thu hút đầu tư, nên việc đầu tư dự án là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 đã đưa ra mục tiêu đến năm 2030 cụ thể như sau: “...Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước,...”. Trong đó mục tiêu cụ thể “Các tác động xây gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát”. Đối với các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án như bụi, nước thải... đều được quản lý, giám sát chặt chẽ. Nước thải trong quá trình sản xuất được tuần hoàn toàn bộ - phù hợp với mục tiêu của chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020. Điều 53. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở phải thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung,...

c) Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định.

d) Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

Chủ dự án sẽ thu gom và có biện pháp xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong suốt các giai đoạn triển khai dự án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Nước thải của dự án sau xử lý đảm bảo quy chuẩn, được xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận. Như vậy, việc triển khai dự án đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Nhận xét: Dự án khi đi vào hoạt động sẽ lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường phù hợp nhằm giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm, đảm bảo theo các quy chuẩn hiện hành, cũng như các ngành mà chủ dự án đầu tư sẽ áp dụng các công nghệ sản xuất hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các chất ô nhiễm phát sinh. Mặt khác ngành nghề đầu tư phù hợp với định hướng phát triển mà Chính Phủ đã đề ra.

1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng

Dự án phù hợp với Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, cụ thể:

- Dự án được thực hiện ở xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh của dự án phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp: “Tập trung phát triển, nâng cao năng lực và vị thế của các ngành công nghiệp có lợi thế và khả năng cạnh tranh, có giá trị nội địa hóa cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như: Điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông, cơ khí chế tạo máy; thép chất lượng cao và vật liệu xây dựng mới; ...”.

1.3 Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh

- Khu vực dự án và ngành nghề sản đồ chơi hoàn toàn phù hợp theo Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự án thuộc danh mục sản xuất đồ chơi được phép đầu tư theo Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030. Do đó ngành nghề sản xuất hoàn toàn phù hợp.

Việc xây dựng dự án là phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

1.4. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch ngành nghề của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Hòa Bảo An)

- Công ty TNHH Hòa Bảo An đã UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản

xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới) số 1534/QĐ-UBND ngày 14/5/2025. Trong đó có hạng mục cho thuê nhà xưởng, nhà kho với diện tích cho thuê là 8.208 m².

- Năm 2024, Công ty được UBND huyện Nam Sách phê duyệt Quyết định điều chỉnh quy hoạch số 2420/QĐ-BND ngày 29/8/2024 cấp cho Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.

- Công ty TNHH Hòa Bảo An đã thực hiện làm hồ sơ đăng ký môi trường cho Cơ sở sản xuất, gia công, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng và được UBND xã Trần Phú xác nhận tại Công văn số 618/CV-UBND ngày 25/9/2025.

Do đó, Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam thuê lại nhà xưởng và xây dựng dự án sản xuất đồ chơi hoàn toàn phù hợp.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Theo hợp đồng xử lý nước thải số 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFVN ngày 29/7/2025 Về việc xử lý và thu phí nước thải của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam. Toàn bộ nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê nhà xưởng sẽ được đầu nối về trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH Hòa Bảo An công suất 45m³/ngày.

Khả năng đáp ứng của trạm xử lý nước thải được tính toán theo công thức:

$$L_{html} = M - N \quad (1).$$

Trong đó:

- + L_{html} : Khả năng đáp ứng của trạm xử lý nước thải;
- + M: Tổng lượng nước thải;
- + N: Công suất xử lý nước thải.

Hiện nay, theo thực tế báo cáo của Công ty TNHH Hòa Bảo An, nước thải của khu vực văn phòng và nhà ăn của Công ty khoảng 5m³/ngày (số lượng khoảng 15 cán bộ, nhân viên) và nước thải của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam khi dự án đi vào hoạt động ổn định sẽ phát sinh khoảng 29,25m³/ngày.

Sau khi dự án đi vào hoạt động chính thức tổng lượng nước thải mà Công ty TNHH Hòa Bảo An phải tiếp nhận thêm là: 34,25m³/ngày.đêm.

Áp dụng công thức (1) để tính toán khả năng đáp ứng của trạm xử lý nước thải 45 m³/ngày.đêm cho kết quả như sau: $L_{html} = 45 - 34,25 = 10,75 > 0 \rightarrow$ Trạm xử lý nước thải 45m³/ngày.đêm đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh tại Dự án.

- Giai đoạn vận hành, Công ty sẽ lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý khí thải. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng giám sát môi trường lao động, ống thoát khí định kỳ. Khi đó sức chịu tải môi trường không khí khu vực dự án vẫn đảm bảo.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải công nghiệp: thu gom về kho chứa chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải nguy hại: yêu cầu các doanh nghiệp trực tiếp ký hợp đồng chuyển giao CTNH với đơn vị có chức năng theo đúng quy định; thực hiện quản lý CTNH theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

CHƯƠNG III
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG
NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

a. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Quá trình hoạt động của dự án sẽ làm phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và CTNH tác động tới các thành phần môi trường bao gồm:

- Môi trường không khí khu vực dự án và khu vực lân cận dự án.
- Hệ thống tiếp nhận nước thải của dự án.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường bị tác động của dự án

a. Các yếu tố nhạy cảm: Dự án không có đối tượng nhạy cảm về môi trường.

b. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

- Về tài nguyên sinh vật khu vực có mức độ đa dạng không cao, không có các hệ sinh thái nhạy cảm, không có các động thực vật thuộc các loài quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ, mà chủ yếu là cây trồng, vật nuôi của nhân dân địa phương. Ngoài ra, còn có các loài động, thực vật hoang dại như chim, chuột, cây cỏ...

c. Đa dạng sinh học trên cạn

Khu vực thực hiện dự án không có các vùng sinh thái nhạy cảm, không có các loài động vật, sinh vật quý hiếm được ưu tiên bảo vệ mà chủ yếu là các loài có xương sống như các loài chuột, thằn lằn, ếch nhái và rắn nước,... Tuy nhiên hệ động vật trên cạn của khu vực dự án không còn nhiều và giảm tính đa dạng, sự suy giảm này là do hoạt động sản xuất nông nghiệp của con người.

d. Đa dạng sinh học dưới nước

Động thực vật trôi nổi có nhiều trong ruộng trũng, chủ yếu là các loại tảo lục và tảo silic, các loài cá trong kênh mương chủ yếu là cá mè, cá rô phi, cá trê,... Tuy số lượng ít, nhưng lại tham gia vào việc làm sạch môi trường. Thành phần sinh vật hệ sinh thái không phong phú. Ngoài ra còn có hệ động thực vật phù du, động vật đáy và ấu trùng sống trong các kênh mương nội đồng lân cận dự án.

*** Nhận xét về hệ sinh thái và tài nguyên sinh học ảnh hưởng đến dự án**

Hệ sinh thái tại khu vực dự án nhìn chung đơn giản, tại khu vực dự án không có loại động vật, thực vật quý hiếm cần bảo tồn hay giữ nguyên trạng.

Nhìn chung thực hiện dự án không làm thay đổi và tác động đáng kể đến hệ sinh thái và tài nguyên sinh vật của khu vực.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

a. Điều kiện về địa lý

Vị trí gần tỉnh lộ 390 nên rất thuận lợi cho hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phục vụ sản xuất.

b. Điều kiện về khí tượng

* Chế độ nhiệt:

Kết quả theo dõi diễn biến nhiệt độ không khí trong nhiều năm cho thấy nhiệt độ trung bình giữa các năm không có sự dao động lớn, tạo cho khu vực Dự án có một chế độ nhiệt ôn hòa. Nhiệt độ cao nhất tập trung vào các tháng 6, tháng 7, tháng 8. Nhiệt độ thấp nhất tập trung vào các tháng 1, tháng 2. Nhiệt độ không khí trong khu vực bình quân từ năm 2020 ÷ 2024 năm như sau.

- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất là 30,4 °C;

-Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất là 14 °C

Nhiệt độ trung bình tại trạm Hải Dương từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện tại bảng dưới đây :

Bảng 3. 3. Nhiệt độ trung bình tại Hải Dương từ năm 2020 đến năm 2024

Tháng/năm	Nhiệt độ °C					
	2020	2021	2022	2023	2024	TB
1.	19,1	21,8	18,8	16,5	1,3	18,7
2.	22,1	21,1	20,8	21,2	19,6	20,9
3.	25,2	23,9	23,9	23,3	23,5	23,9
4.	2,2	26,6	26,8	28,7	16,8	25,2
5.	27,2	29,2	29,1	29,4	28,6	29,1
6.	28,9	29,2	28,2	28,6	28,7	28,7
7.	28,8	29,2	28,4	28,2	28,1	28,4
8.	27,9	28,2	28,3	27,5	27,2	27,7
9.	24,6	26,0	25,1	25,5	25,1	25,2
10.	20,8	21,0	21,5	23,5	21,6	21,7
11.	19,0	19,2	17,6	19,0	18,0	18,6
12.	24,0	24,2	23,9	24,0	23,4	23,9

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2022 - Cục Thống kê tỉnh Hải Dương

* Chế độ mưa

Mưa có tác dụng làm sạch môi trường không khí và pha loãng chất lỏng. Lượng mưa càng lớn thì mức độ ô nhiễm càng giảm. Vì vậy, mức độ ô nhiễm vào mùa mưa giảm hơn mùa khô. Lượng mưa trên khu vực Hải Dương được chia làm 2 thời kỳ:

Mùa mưa trong khu vực kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10.

Tháng có lượng mưa lớn nhất thường là tháng 7 hoặc tháng 8 gắn liền với mùa mưa bão ở Bắc Bộ chiếm 80% lượng mưa năm. Lượng mưa tháng trung bình lớn nhất 842mm – tháng 7/2024.

Tháng có lượng mưa nhỏ nhất là tháng 1 – tháng 1/2021. Lượng mưa tháng trung bình nhỏ nhất là 1,3mm tháng 12/2020.

Tổng lượng mưa năm trung bình nhiều năm là 1.838,8 đến 2.604,2 mm, thuộc loại thấp so với lượng mưa trung bình nhiều năm của cả nước. Lượng mưa năm lớn nhất được ghi nhận là 4.720mm.

Lượng mưa trung bình đo được ở Trạm khí tượng thủy văn Hải Dương từ năm 2020 đến năm 2024 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 4. Lượng mưa trung bình tại Hải Dương

Tháng	Lượng mưa (mm)					TB tháng
	2020	2021	2022	2023	2024	
1	36,1	181	26,4	18	38,8	60,06
2	35,6	3,4	53,3	5,2	27,3	24,96
3	23,1	18,8	45,1	39,4	40,3	33,34
4	26,8	294,5	38,9	44,2	76,6	78,2
5	187,2	205,9	171,1	102,5	198,6	173,06
6	255,9	211,5	351,7	309,4	290,5	283,8
7	900,5	567,5	623,1	844,7	394,8	666,12
8	399,6	497,4	646	422	396,2	472,24
9	277,7	213,8	264,1	415,5	287,6	291,74
10	120	43,6	384,4	22,7	59,2	125,98
11	41,2	18,1	14,5	44,9	34,5	30,64
12	63,9	1,3	21,6	37,6	27,1	30,3

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2022 - Cục Thống kê tỉnh Hải Dương

*** Độ ẩm**

Độ ẩm không khí cũng như nhiệt độ không khí là một trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến các quá trình chuyển hóa các chất ô nhiễm trong khí quyển và là yếu tố vi khí hậu ảnh hưởng lên sức khỏe công nhân.

Độ ẩm trung bình của các tháng trong năm tại khu vực thực hiện Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 5. Đặc trưng độ ẩm không khí đo được tại Hải Dương

Tháng	Độ ẩm (%)					TB
	2020	2021	2022	2023	2024	
1	79	72	82	80	81	78,8
2	85	86	76	75	85	81,4
3	84	85	87	84	87	85,4
4	86	85	82	84	86	84,6
5	85	82	81	83	83	82,8
6	86	82	84	82	84	83,6

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

7	85	83	86	85	84	84,6
8	86	83	87	88	86	86
9	80	82	86	84	83	83
10	83	79	81	77	79	79,8
11	82	68	79	81	76	77,2
12	84	76	73	85	76	78,8
TB năm	84	80	82	82	82,5	82,2

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2022 - Cục Thống kê tỉnh Hải Dương

Độ ẩm không khí cũng là một trong những yếu tố tự nhiên ảnh hưởng trực tiếp đến các quá trình chuyển hóa và phát tán các chất ô nhiễm trong khí quyển và quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể con người, nhất là người lao động trong giai đoạn thi công.

*** Gió và chế độ gió**

Gió là yếu tố khí tượng cơ bản nhất có ảnh hưởng đến sự lan truyền chất ô nhiễm trong không khí. Tốc độ gió càng cao thì chất ô nhiễm lan toả càng xa nguồn phát thải và nồng độ chất ô nhiễm càng được pha loãng bởi không khí sạch và ngược lại. Hướng gió thay đổi làm cho mức độ ô nhiễm và khu vực bị ô nhiễm cũng biến đổi theo.

Hải Dương là tỉnh chịu ảnh hưởng của gió mùa. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (mùa khô) chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa mưa), chịu ảnh hưởng của gió Đông Nam.

Mùa Đông gió thường thổi tập trung ở hai hướng: Bắc - Đông Bắc và Đông - Đông Nam. Trong nửa đầu mùa đông, các hướng Bắc - Đông Bắc trội hơn một chút, nhưng từ tháng 2 trở đi, các hướng Đông - Đông Nam lại chiếm ưu thế. Mùa hè gió thường có hướng Nam, Đông Nam với tần suất 60 - 70%. Gió Tây khô nóng thường xuất hiện vài ngày vào nửa đầu mùa hè và nhìn chung ít ảnh hưởng tới nền khí hậu của vùng. Tốc độ gió trung bình tại khu vực đạt 1,5 - 2,0 m/s.

*** Bão và áp thấp nhiệt đới**

Bão xuất hiện hàng năm không đều, năm nhiều, năm ít, tính trung bình trong 1 năm tỉnh Hải Dương chịu ảnh hưởng của 01 đến 02 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Có năm nhiều tới 5 cơn bão như năm 1963, 1973 và 1996. Đặc biệt liên tục từ năm 1998 đến năm 2002 không có bão ảnh hưởng đến Hải Dương. Trong những năm gần đây, tỉnh Hải Dương, mỗi năm chịu ảnh hưởng trực tiếp của từ 01 đến 02 cơn bão, cụ thể như: Năm 2016, chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 1, 3 gây mưa to đến rất to kèm theo gió mạnh cấp 6-7, giật cấp 8-9. Năm 2017, Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 6, 10 gây mưa to đến rất to kèm theo gió mạnh. Năm 2018, Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 3 và cơn bão số 11 với tổng lượng mưa trung bình là 144,5 mm, gió cấp 6-7, giật cấp 8. Năm 2019, Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 3 với mức gió cấp 6-7, giật cấp 8, tổng lượng mưa trung bình là 100 mm. Năm 2020, Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 7 với tổng lượng mưa trung bình là 92 mm, gió cấp 6-7, giật cấp 8. Năm 2021, bão và áp thấp nhiệt đới năm 2021 trên biển

Đông xuất hiện muộn và ít hơn trung bình nhiều năm và cùng kỳ năm trước, cả năm có 09 cơn bão và 02 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông (trong các cơn bão ảnh hưởng đến đất liền nước ta, đặc biệt có áp thấp nhiệt đới 01, bão số 02, số 03, số 07 và bão số 08 ảnh hưởng gián tiếp đến thời tiết khu vực Hải Dương). Năm 2022, có 07 cơn bão và 02 áp thấp nhiệt đới hoạt động, trong đó có 03 cơn bão ảnh hưởng gián tiếp đến tỉnh Hải Dương.

Nguồn: Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh Hải Dương.

** Nhận xét chung về điều kiện khí tượng:*

Nhìn chung khí hậu của khu vực dự án mang tính chất khí hậu đồng bằng Bắc Bộ nóng ẩm, mưa nhiều, chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa. Nhiệt độ, độ ẩm không khí tại khu vực đều ở ngưỡng dễ chịu nên không ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của công nhân xây dựng của dự án. Lượng mưa và tốc độ gió tại đây thuận lợi cho quá trình pha loãng, chuyển hóa và tự làm sạch của chất thải phát sinh từ các hoạt động của dự án.

Như vậy, điều kiện khí tượng tại khu vực dự án thuận lợi cho quá trình hoạt động của dự án, không ảnh hưởng nhiều sinh hoạt của nhân dân khu vực lân cận.

c. Điều kiện về thủy văn

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án chảy ra cống thoát nước chung của khu vực chảy ra kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu.

- Hiện nay, các con kênh này chưa có số liệu về thủy văn và hải văn được cơ quan nhà nước công bố

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án chảy ra vào Trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý. Theo đánh giá tại Bảng 3.8, chất lượng nước thải sau xử lý của trạm XLNT cho thấy chất lượng của trạm xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 – cột B) và hoạt động ổn định.

2.3. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của dự án là Trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý.

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Hiện trạng dự án đang hoạt động, chủ dự án thực hiện cải tạo lại nhà xưởng để phục vụ lắp đặt máy móc.

- Ngoài ra, để đánh giá hiện trạng môi trường nền của dự án trước khi triển khai cải tạo. Công ty cũng đã phối hợp với Công ty cổ phần công nghệ môi trường Hải Việt thực hiện quan trắc mẫu của dự án như sau :

a. Môi trường không khí

- Vị trí lấy mẫu:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

- + Không khí khu vực nhà xưởng số 1, tọa độ X (m) = 2326183; Y (m) = 559584.
- + Không khí khu vực nhà xưởng số 2, tọa độ X (m) = 2326165; Y (m) = 559625.
- + Ngày lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp từ ngày 4/11-6/11/2025.
- + Kết quả quan trắc, phân tích

Bảng 3. 6. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường không khí tại nhà xưởng 1

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/ BTNMT
			Ngày 4/11	Ngày 5/11	Ngày 6/11	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	23	25	23	-
2	Độ ẩm	%	78	69	80	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,5	0,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	73	63	66	70 ⁽¹⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	117	114	113	300
6	CO	µg/Nm ³	<3.100	<3.100	<3.100	30.000
7	SO ₂	µg/Nm ³	74	78	73	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	61	62	60	200

Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường không khí tại nhà xưởng 2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/ BTNMT
			Ngày 4/11	Ngày 5/11	Ngày 6/11	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	°C	24	25	23	-
2	Độ ẩm	%	76	69	81	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,7	0,4	-
4	Tiếng ồn	dBA	70	60	64	70 ⁽¹⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	119	119	115	300
6	CO	µg/Nm ³	<3.100	<3.100	<3.100	30.000
7	SO ₂	µg/Nm ³	74	75	78	350
8	NO ₂	µg/Nm ³	58	58	65	200

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ.

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc tại Bảng 3.4 và Bảng 3.5, cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

b. Môi trường nước thải

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt, tọa độ X (m) = 2326100; Y (m) = 559518.

+ Ngày lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp từ ngày 4/11-6/11/2025.

+ Kết quả quan trắc, phân tích

Bảng 3. 8. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 – cột B)
			Ngày 4/11	Ngày 5/11	Ngày 6/11	
1	pH	-	7,3	7,6	7,6	5 - 9
2	TSS	mg/L	36	32	36	100
3	BOD ₅	mg/L	25	31	25	50
4	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	1,42	1,46	1,44	50
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,18	0,17	0,17	4
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	3,18	3,19	3,21	10
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	4,63	4,59	4,63	10
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<1,1	<1,1	<1,1	20
9	Coliform	MPN/ 100mL	2.400	2.500	2.400	5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2025/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2, cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc tại Bảng 3.8, cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2025/ BTNMT.

c. Nước mặt

- Vị trí lấy mẫu:

+ Nước mặt tại kênh nội đồng đầu ra kênh T2, tọa độ X (m) = 2626087; Y (m) = 585645.

+ Ngày lấy mẫu: 3 ngày liên tiếp từ ngày 4/11-6/11/2025.

+ Kết quả quan trắc, phân tích

Bảng 3. 9. Kết quả quan trắc, phân tích môi trường nước mặt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/BTNMT	
			Ngày 4/11	Ngày 5/11	Ngày 6/11	Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1	pH	-	7,2	7,3	7,3	-	6,0 - 8,5
2	TSS	mg/L	37	29	34	-	≤ 100
3	BOD ₅	mg/L	4,7	4,5	4,7	-	≤ 6
4	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	0,24	0,25	0,24	0,3	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	0,05	0,04	0,04	-	-
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	0,06	0,06	0,05	-	-
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	<0,03	<0,03	<0,03	-	-
8	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	<0,03	<0,03	<0,03	0,1	-
9	Tổng dầu mỡ	mg/L	<1,1	<1,1	<1,1	5,0	-
10	Tổng coliform	MPN/100mL	2.700	2.700	2.700	-	≤ 5.000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước kênh, mương, khe, rạch bảo vệ môi trường sống dưới nước. **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Nhận xét:

Qua kết quả quan trắc tại Bảng 3.9, cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường

1.1. Đánh giá, dự báo tác động môi trường giai đoạn xây dựng

1.1.1. Về nước thải

a. Nguồn gây tác động

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân lắp đặt, máy móc.
- Nước thải của hoạt động hiện tại.
- Nước mưa chảy tràn.

b. Đánh giá tác động

b.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ công nhân lắp đặt máy móc, cụ thể là nước từ quá trình vệ sinh, rửa chân tay (không có hoạt động ăn uống, lưu trú qua đêm). Lưu lượng nước cấp được tính toán cụ thể của Chương I báo cáo là: 0,450m³/ngày đêm.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên hoạt động hiện tại theo hóa đơn nước hàng tháng là: 8,3m³/ngày đêm.

Theo Tổ chức y tế thế giới WHO, tải lượng và nồng độ ô nhiễm được tính toán như sau:

Bảng 4. 1. Nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Định mức tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày) ¹		Tải lượng tính toán (g/ngày)		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)		QCVN 14:2025/ BTNMT, cột B (mg/l)
	Min	Max	Min	Max		Min	Max	
Chất rắn lơ lửng (SS)	60	65	1237,5	1340,625	8,75	138	149	<100
BOD ₅ của nước chưa lắng	55	60	1134,375	1237,5		126	138	<30
Amoni (NH ₄ -N)	8	10,5	165	216,5625		18	24	<8
Tổng photpho (TP)	1,1	2,2	22,6875	45,375		3	5	-

Ghi chú

- (-): Không xác định
- QCVN 14:2025/ BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2, cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở xả thải

¹ theo Bảng 21, TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế

ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Nhận xét: Từ kết quả tính toán trên cho thấy: Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đều vượt giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn nước thải nếu chưa qua xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường. Nước thải này nếu không được thu gom, xử lý thải ra môi trường sẽ làm ô nhiễm môi trường. Do đó, trong quá trình cải tạo nhà xưởng, Chủ đầu tư sẽ có các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

Hiện nay, toàn bộ nước thải của Công ty đang được thu về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm của Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý để xử lý.

Theo kết quả quan trắc định kỳ của nhà máy năm 2025 (cụ thể tại Bảng 3.8), cho thấy trạm xử lý nước thải hoạt động ổn định và các thông số đều được xử lý đảm bảo quy định.

b.2 Nước thải sản xuất

Hiện nay dự án mới chỉ hoạt động các dây chuyền cắt may do đó không có nước thải sản xuất phát sinh tại dự án.

b.3. Nước mưa chảy tràn

Dự án chỉ thực hiện cải tạo bên trong nhà xưởng xây sẵn, và 02 nhà xưởng đều được Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý. Do đó không phát sinh nước mưa chảy tràn nhiễm bẩn giai đoạn cải tạo nhà xưởng.

1.1.2. Bụi, khí thải

a. Nguồn gây tác động

- Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công.
- Bụi, khí thải từ hoạt động thi công.
- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất hiện tại (cắt vải).

b. Đánh giá tác động

b.1. Từ các phương tiện giao thông vận tải

- Vận chuyển máy móc sản xuất lắp đặt tại xưởng: Dự án lắp đặt một khối lượng máy móc, thiết bị khoảng 15 tấn. Hoạt động vận chuyển từ cảng/đơn vị cung ứng về dự án cần sự hỗ trợ của xe Container, trọng lượng chở tối đa là 15 tấn. Do đó, thời gian vận chuyển tập trung vào 1 ngày là xong. Phương tiện vận hành bằng dầu DO nên khi vận hành, nhiên liệu dầu DO bị đốt cháy sinh ra bụi, khí thải (CO, SO₂, NO_x,...). Thời gian vận chuyển ngắn, tập trung vào 1 ngày nên tác động của nguồn thải này chỉ mang tính cục bộ tại thời điểm triển khai, nên hoàn toàn có thể khống chế, giảm thiểu bằng các giải pháp về lựa chọn phương tiện, lựa chọn nhiên liệu vận hành.

- Vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ lắp đặt: khối lượng cần vận chuyển là 35,825 tấn. Dự kiến vận chuyển bằng xe ô tô 7 – 15 tấn, do đó, số chuyến vận chuyển là 3 chuyến, thời gian vận chuyển là 1 – 2 h trong ngày. Vì vậy, tác động của nguồn thải này chỉ mang tính cục bộ tại thời điểm triển khai, nên hoàn toàn có thể khống chế, giảm thiểu

bằng các giải pháp về lựa chọn phương tiện, lựa chọn nhiên liệu vận hành, quán triệt ý thức của người lái xe trên những cung đường vận chuyển.

b.2. Bụi, khí thải từ giai đoạn sản xuất hiện tại

- Hiện nay, dự án chỉ đang thực hiện gia công cắt, may tại 2 nhà xưởng 1 và xưởng 2, phát sinh chủ yếu là bụi vải. Theo đánh giá tại phiếu quan trắc môi trường tại chương 3 báo cáo các thông số quan trắc phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép. Như vậy, chất lượng môi trường không khí khu vực dự án tương đối tốt tốt chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

1.1.3. Tác động do chất thải rắn sinh hoạt

a. Nguồn gây tác động

- Hoạt động của cán bộ, công nhân trên công trường thi công.
- Hoạt động của công nhân sản xuất hiện tại.

b. Đánh giá tác động

- Lượng phát thải tính cho 1 công nhân tại khu vực dự án khoảng 0,5 kg/ngày. Với số lượng công nhân trong giai đoạn thi công là 10 người lượng chất thải rắn phát sinh vào khoảng 5,0kg/ngày.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy năm 2025 (theo hóa đơn thu gom tháng 12) là: 3.485 kg/năm, tương đương 50,08 kg/ngày.

- *Thành phần*: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân bao gồm rau củ, quả, cơm canh thừa v.v... và các thành phần khác như túi nilong, giấy vụn ... thải ra trong quá trình sinh hoạt của công nhân.

- *Đánh giá tác động*

+ Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh không được thu gom hàng ngày sẽ gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

+ Khi rác thải vất bừa bãi trên mặt đất, dưới tác dụng của thời tiết và vi khuẩn các hợp chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành các mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí.

+ Các chất trong chất thải sau khi phân hủy được tích trữ trong đất sẽ gây ô nhiễm môi trường đất.

+ Các chất thải nếu không được thu gom, xử lý sẽ bị cuốn theo nước mưa chảy tràn, chảy xuống các hệ thống mương, rãnh lân cận dự án gây ô nhiễm nguồn nước (hàm lượng TSS, hữu cơ và một số kim loại cao hơn mức tiêu chuẩn cho phép theo quy chuẩn nước mặt.

- *Đối tượng bị tác động*

- + Chất lượng nguồn nước nếu bị chất thải thâm nhập.
- + Môi trường không khí khu vực nhà máy.

1.1.4. Tác động do chất thải rắn công nghiệp

a. Nguồn gây tác động

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động cải tạo nhà xưởng lắp đặt máy móc

thiết bị.

- Chất thải rắn công nghiệp hiện tại.

b. Đánh giá tác động môi trường

- *Thành phần*: Chất thải rắn phát sinh trong quá trình từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị bao gồm bao bì đóng gói bảo quản máy móc, bu lông, ốc vít và chất thải rắn công nghiệp của hoạt động sản xuất hiện tại.

- Chất thải rắn từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị

- *Khối lượng phát sinh*: Theo định mức vật tư xây dựng tại ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng thì lượng CTR (gồm nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn, nguyên liệu rơi vãi) ước tính bằng 0,5-5% khối lượng nguyên vật liệu.

STT	Tên nguyên vật liệu xây dựng	Khối lượng (tấn)	Định mức hao hụt thi công theo % khối lượng gốc	Khối lượng hao hụt (tấn)
1	Tấm panel dựng vách ngăn	30	1%	0,3
2	Bu lông, ốc vít	5	3%	0,15
3	Vỏ thùng máy móc thiết bị	15	2%	0,3
Tổng			V = 0,75tấn	

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất hiện tại

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp của nhà máy năm 2025 (theo hóa đơn thu gom tháng 12) là: 2.325 kg/năm, tương đương 38,75 kg/ngày.

Đánh giá tác động:

Lượng chất thải rắn này có thể gây cản trở các hoạt động khác như giao thông đi lại, mỹ quan khu vực, nếu tích tụ lâu ngày sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng đất, nước trong khu vực. Rác thải công nghiệp có thể gây ra tai nạn lao động cho công nhân nếu không được tập kết đúng quy định.

- Mất mỹ quan chung và ô nhiễm môi trường; tăng chi phí việc thu dọn sau khi hoàn thiện.

- Chiếm chỗ làm cản trở giao thông, cản trở hoạt động thi công và sản xuất tại Dự án, là nguồn phát sinh bụi, ảnh hưởng tới môi trường không khí khu vực Dự án và khu vực lân cận.

- CTR không được thu gom, xử lý sẽ bị cuốn theo nước mưa chảy tràn làm ô nhiễm nguồn nước mặt tại dự án.

- *Đối tượng bị tác động*

+ Chất lượng nguồn nước nếu bị chất thải thâm nhập.

+ Môi trường không khí khu vực nhà máy.

1.1.5. Tác động do chất thải nguy hại

a. Nguồn gây tác động

- Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị phục vụ thi công.
- Từ hoạt động sản xuất hiện tại.

b. Đánh giá tác động môi trường

b.1. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị

Quá trình lắp đặt phát sinh CTNH từ công đoạn sử dụng dầu bôi trơn để thuận tiện cho quá trình lắp đặt, cố định máy móc vào các vị trí trong xưởng; vệ sinh máy móc. Thành phần gồm giẻ lau, găng tay dính chất thải nguy hại; bao bì đựng dầu bôi trơn thải; dầu bôi trơn thải.

Lượng thải dự kiến:

- Giẻ lau, găng tay dính chất thải nguy hại: dự kiến 10 kg;
- Bao bì đựng dầu bôi trơn thải: dự kiến 5 kg;
- Dầu bôi trơn thải: dự kiến 10 kg;

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh giai đoạn lắp đặt là 25 kg.

- Giai đoạn sản xuất hiện tại

Hiện nay nhà máy mới đi vào hoạt động từ tháng 11/2025, chất thải phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu hoạt động bảo dưỡng máy móc với khối lượng khoảng 5kg. Chưa phát sinh các loại CTNH khác.

- *Đánh giá tác động*

Các chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực dự án sẽ được thu gom, phân loại và dán nhãn, dấu hiệu cảnh báo đầy đủ theo đúng quy định tại Thông tư 02/TT-BTNMT và chuyển giao cho đơn vị đầy đủ chức năng và có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Đối tượng nhạy cảm, chịu tác động trực tiếp và nhiều nhất nếu không quản lý tốt chất thải nguy hại sẽ là nước và đất. Lượng chất thải nguy hại này nếu không được thu gom và xử lý theo đúng quy định sẽ gây ra các tác động:

+ Môi trường không khí: phát tán mùi dầu, hơi dung môi gây ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng trực tiếp tới các công nhân thi công tại công trường.

+ Môi trường nước: các chất thải rắn nguy hại không được thu gom và xử lý sẽ theo nước mưa chảy tràn xuống hệ thống thoát nước sẽ làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái nguồn tiếp nhận (*tăng hàm lượng dầu mỡ thải, giảm khả năng trao đổi oxy và khả năng hô hấp của sinh vật trong nước*).

+ Môi trường đất: Lượng chất thải rắn nguy hại có chứa dầu mỡ, và một số thành

phần khác, nếu không được thu gom và xử lý sẽ ngấm vào đất, tích lũy vào đất gây ô nhiễm môi trường đất, tác động đến hệ sinh thái quanh khu vực bị ô nhiễm.

- *Đối tượng bị tác động*

- Hệ thống thoát nước của nhà máy và khu vực tiếp nhận nước thải.

- Hệ sinh thái của khu vực.

1.1.6. Tác động do tiếng ồn, độ rung

- Ồn, rung động phát sinh từ hoạt động vận tải và xe nâng, máy bắn đinh vít lắp đặt.

- Theo số liệu nghiên cứu của WHO, 1993:

+ Mức ồn, rung trung bình cách nguồn của xe vận chuyển là 82,0 – 94,0 dBA; cách nguồn 1,5 m là 87,7 dBA

+ Mức ồn, rung trung bình cách nguồn của xe nâng là 80,0 – 93,0 dBA; cách nguồn 1,5 m là 86,5 dBA

+ Mức ồn, rung trung bình cách nguồn của bắn vít là 85 – 95,0 dBA; cách nguồn 1,5m là 88,5 dBA (*nguồn ồn, rung này là khá lớn*).

+ Càng xa nguồn phát sinh, độ ồn, rung càng giảm.

Mức ồn cộng hưởng sinh ra tại một điểm do tất cả các máy móc gây ra được tính

$$\overset{n}{\underset{i}{L}} 10^{0,1.L_i}$$

theo công thức: $L_{\overset{n}{\underset{i}{a}}} = 10 \lg \quad (dBA) = 95,4 \text{ dBA}$

Mức ồn, rung khá lớn, cao hơn tiêu chuẩn cho phép. đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân lắp đặt. Việc tiếp xúc liên tục với độ ồn rung quá lớn, trong nhiều giờ sẽ giảm khả năng nghe, ảnh hưởng đến thần kinh, thị giác, gây choáng váng và rất dễ xảy ra tai nạn lao động. Tuy nhiên, không gian thực hiện bên trong nhà xưởng thông thoáng, thời gian vận hành thiết bị ngắn (*xe vận chuyển là 1 ngày, xe nâng, máy bắn đinh vít là 1 tuần*) nên mức độ tác động không liên tục. Do đó, chủ dự án sẽ đưa ra biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với nguồn thải này.

1.1.7. Các tác động khác trong quá trình xây dựng và hoạt động hiện tại

a. Tác động đến các hoạt động của công trình lân cận

- Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng không tránh khỏi vấn đề ô nhiễm bụi và khí thải, ảnh hưởng tới vấn đề đi lại của người tham gia giao thông.

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực dự án sẽ làm gia tăng mật độ xe trong một khoảng thời gian ngắn, làm tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trong khu vực dự án. Ngoài ra, các phương tiện khi đi vào công trường có thể kéo theo bùn đất ra các tuyến đường vận chuyển, làm mất mỹ quan khu vực cũng như gây trơn trượt, ảnh hưởng tới giao thông đi lại của người dân, thậm chí có thể gây tai nạn giao thông nếu để xảy ra với mức độ lớn.

- Hoạt động vận chuyển trên các tuyến đường trên còn làm xuống cấp tuyến đường và rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

Do đó, trong quá trình vận chuyển, chủ đầu tư phải có phương án vận chuyển hợp lý và đảm bảo an toàn giao thông khu vực.

b. Tác động đến kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn xây dựng dự kiến khoảng 10 công nhân tham gia xây dựng dự án và hoạt động hiện hữu đang có 150 CBNV sản xuất, việc tập trung số lượng công nhân lao động sẽ có những tác động đến kinh tế - xã hội như sau:

- Các tác động tích cực: các hoạt động thương mại dịch vụ sẽ phát triển để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ, công nhân xây dựng. Dự án cũng tạo cơ hội việc làm cho lực lượng lao động địa phương. Các hoạt động thi công xây dựng cũng thúc đẩy phát triển các hoạt động cung ứng vật liệu xây dựng của địa phương phát triển.

- Các tác động tiêu cực: ngoài các tác động tích cực nêu trên, các mặt trái phải kể đến bao gồm gia tăng ô nhiễm môi trường, lan truyền bệnh tật, các nguy cơ tệ nạn xã hội cũng như mâu thuẫn giữa công nhân với người dân địa phương nếu không được quản lý tốt:

+ **Tác động do phát sinh các mâu thuẫn:** Việc tập trung một lượng lớn công nhân với sự khác biệt về lối sống và văn hóa cũng như hành vi và cách ứng xử dễ làm phát sinh mâu thuẫn với dân cư địa phương, đặc biệt là lớp thanh niên. Bên cạnh đó còn phát sinh mâu thuẫn giữa công nhân của nhà thầu này với nhà thầu khác,... Do vậy, nếu lực lượng công nhân không được quản lý chặt chẽ và giáo dục tuyên truyền tốt sẽ dễ vi phạm an ninh trật tự tại địa phương.

+ **Tác động do lan truyền bệnh truyền nhiễm:** Số lượng lớn công nhân xây dựng có thể xuất hiện nguy cơ lan truyền các bệnh truyền nhiễm như các bệnh liên quan đến hô hấp, các bệnh ngoài da và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Điều kiện vệ sinh của công nhân không tốt có thể phát sinh những dịch bệnh như sốt xuất huyết, bệnh về mắt,... và có thể lan rộng ra khu vực dân cư.

+ **Tác động do phát sinh các tệ nạn xã hội:** có thể phát sinh ra các tệ nạn như uống rượu, đánh bài bạc, lô đề, chích hút, mâu thuẫn giữa các công nhân với nhau trong khu vực nếu không được quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

c. Tác động đến cảnh quan khu vực

Việc tập kết nguyên vật liệu và máy móc trong quá trình thi công, các loại chất thải phát sinh, có thể làm mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường khu vực. Do đó, trong quá trình thi công cần lựa chọn bãi tập trung nguyên vật liệu, xe... hợp lý để tránh làm mất mỹ quan khu vực và ảnh hưởng đến hoạt động thi công trên công trường.

d. Tác động đến việc sản xuất hữu tại nhà máy

Để tăng công suất sản xuất, nhà máy sẽ lắp đặt thêm máy móc và dây chuyền tại mặt bằng hiện hữu. Do đó, các tác động có thể xảy ra đối với hoạt động hiện hữu của nhà máy như sau:

- Rủi ro về tai nạn lao động do việc xung đột không gian làm việc có thể xảy ra khi tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Hạn chế khả năng vận hành của máy móc dây chuyền hiện hữu của nhà máy.

- *Đối tượng bị tác động:*

+ Sức khỏe của công nhân.

+ Hệ sinh thái của khu vực.

1.1.8. Đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra tại dự án

1) Sự cố cháy nổ, chập điện

- Nguồn gây tác động:

+ Sự bất cẩn của công nhân lao động trên công trường, sử dụng lửa trong khu vực thi công.

+ Do hệ thống điện cung cấp cho các công trình trên công trường không thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng dễ gây ra cháy nổ, chập điện gây thiệt hại về kinh tế và tính mạng công nhân thi công.

Do có trường hợp này có thể xảy ra bất cứ lúc nào nên Chủ đầu tư sẽ bảo đảm bảo áp dụng các biện pháp phòng chống, không chế hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực này.

- *Đối tượng bị tác động:* Ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng công nhân làm việc trực tiếp, thiệt hại tài sản máy móc thi công.

2) Sự cố về tai nạn lao động trong thi công

- Tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất cứ các hoạt động nào trong quá trình thi công có sử dụng lao động nếu không tuân thủ đúng quy trình an toàn lao động. Sự cố về an toàn giao thông trên đường cũng có thể xảy ra do thiếu tiện nghi cần thiết. Có thể được tóm tắt một số dạng tai nạn như sau:

+ Tai nạn giao thông xảy ra khi công nhân đến nhà máy và rời nhà máy. Ngoài ra, dạng tai nạn này cũng có thể xảy ra ngay trên công trường do các phương tiện thi công và vận chuyển nguyên vật liệu gây ra đối với công nhân nếu các biển báo chỉ dẫn giao thông và quản lý điều hành trong khu vực thi công kém.

+ Do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công cũng có thể gây tai nạn đáng tiếc.

+ Các điều kiện an toàn khi thi công trên cao nếu không quản lý tốt sẽ rất dễ xảy ra tai nạn cho công nhân thi công và những người ở khu vực xung quanh.

+ Công việc lao động nặng nhọc, thời gian làm việc liên tục và lâu dài có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của công nhân, gây tình trạng mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân tại công trường.

+ Công tác giám sát kỹ thuật không tốt dễ xảy ra các sự cố gây tai nạn.

- *Đối tượng bị tác động:* Ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng công nhân làm việc trực tiếp.

3) Sự cố tai nạn giao thông

- Nguồn gây tác động:

+ Do sự bất cẩn, không chấp hành nghiêm túc luật giao thông đường bộ của lái xe và người tham gia giao thông tại các cung đường vận chuyển nguyên vật liệu.

+ Do rơi vãi các nguyên vật liệu xây dựng trên các cung đường vận chuyển gây tai nạn giao thông.

+ Sự cố khách quan trên đường vận chuyển.

+ Tai nạn tại đoạn giao cắt giữa đường vào dự án với đường QL18 do khuất tầm nhìn, lái xe thiếu quan sát, cua gấp,...

+ Do các sự cố kỹ thuật của các phương tiện giao thông và phương tiện vận chuyển.

- *Đối tượng bị tác động*: Ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng công nhân làm việc trực tiếp.

4) Sự cố thiên tai

- Làm việc dưới điều kiện thời tiết không thuận lợi ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý người lao động thông qua các biểu hiện mệt mỏi, chóng mặt, buồn nôn... điều này rất dễ xảy ra tai nạn lao động.

- Sấm sét là nguyên nhân gây sự cố cháy nổ, chập điện.

- Mưa bão lớn, kéo dài nhiều ngày sẽ gây ngập úng hố móng công trình, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, đồng thời cuốn theo một khối lượng lớn nguyên vật liệu, chất thải rắn chưa vận chuyển kịp vào nguồn tiếp nhận gây tắc nghẽn hệ thống tiêu thoát nước khu vực.

Vi vậy, chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng chống thiên tai phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực của sự cố này đến môi trường.

1.2. Đánh giá, dự báo tác động môi trường giai đoạn vận hành

Các nguồn gây tác động liên quan đến chất thải và không liên quan đến chất thải khi Dự án đi vào hoạt động được tóm tắt như bảng dưới đây:

Bảng 4. 2. Các nguồn gây tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động

Hoạt động gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng chịu ảnh hưởng/ Thời gian tác động
Quá trình sản xuất đồ chơi	- Bụi từ hoạt động cắt vải, và bụi bông hoạt động nhồi bông. - Chất thải rắn từ hoạt may, dò kim loại, kiểm tra chất lượng. - An toàn lao động.	<i>Đối tượng chịu ảnh hưởng</i> : - Người lao động khu vực sản xuất; - Môi trường không khí; <i>Thời gian tác động</i> : liên tục, kéo dài trong quá trình sản xuất
Quá trình phun sơn mắt búp bê	- Nước tuần hoàn dập bụi công đoạn phun sơn. - Nước thải bề phun sơn. - Hơi sơn.	<i>Đối tượng chịu ảnh hưởng</i> : - Người lao động khu vực xưởng sơn; - Môi trường không khí;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Hoạt động gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng chịu ảnh hưởng/ Thời gian tác động
	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm lỗi quá trình kiểm tra. - CTNH: hoạt động sơn, thùng đựng sơn và dung môi. - Tiếng ồn, độ rung từ máy phun sơn. 	<p><i>Thời gian tác động:</i> liên tục, kéo dài trong quá trình sản xuất</p>
Quá trình làm mặt búp bê	<ul style="list-style-type: none"> - Nước làm mát công đoạn gia nhiệt nhựa dẻo. - CTNH: dung dịch tẩy rửa bản in, bao bì đựng nhựa lỏng. - Tiếng ồn từ máy móc hoạt động. - Chất thải rắn từ bavia thừa. - Khí thải công đoạn phun in trang trí. 	<p><i>Đối tượng chịu ảnh hưởng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người lao động khu vực xưởng in và xưởng ép dẻo; - Môi trường không khí; <p><i>Thời gian tác động:</i> liên tục trong quá trình sản xuất</p>
Quá trình lắp ráp, kiểm tra, đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn: sản phẩm lỗi, bao bì, bìa các-tông, CTNH: giẻ lau dính chất nguy hại 	<p><i>Đối tượng chịu ảnh hưởng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian mặt bằng, cảnh quan nhà máy. <p><i>Thời gian tác động:</i> liên tục trong quá trình sản xuất</p>
Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; đưa đón công nhân viên bằng phương tiện giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Khí thải từ phương tiện giao thông: bụi, CO, SO₂, NO_x; - Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông 	<p><i>Đối tượng chịu ảnh hưởng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nhân lao động trong nhà máy; - Dân cư dọc tuyến đường vận tải; - Môi trường không khí <p><i>Thời gian tác động:</i> liên tục trong quá trình sản xuất</p>
Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên nhà máy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt; - Chất thải rắn: rác sinh hoạt, chất thải rắn thông thường; - Chất thải nguy hại: pin thải, hộp mực in thải,... 	<p><i>Đối tượng chịu tác động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án - Môi trường sinh thái xung quanh Dự án. <p><i>Thời gian tác động:</i> liên tục trong quá trình sản xuất</p>
Thời tiết, thiên tai, sự cố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nước mưa chảy tràn; - Dịch bệnh; - Sự cố hệ thống xử lý nước thải; 	<p><i>Đối tượng chịu tác động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước mưa của khu vực; - Môi trường nước mặt xung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

Hoạt động gây tác động	Yếu tố tác động	Đối tượng chịu ảnh hưởng/ Thời gian tác động
	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố hệ thống xử lý khí thải; - Sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất 	quanh Dự án; - Cán bộ công nhân viên nhà máy; - Khu vực lân cận Dự án <i>Thời gian tác động:</i> không thường xuyên, mang tính thời điểm

1.2.1. Về nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Lưu lượng phát sinh: Theo tính toán tại Bảng 1.10 (chương 1) nước thải phát sinh bao gồm nước thải sinh hoạt (hoạt động vệ sinh). Lưu lượng phát sinh khoảng 29,25m³/ngày đêm (được tính bằng 100% lượng nước cấp).

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ công nhân viên, có khả năng gây ô nhiễm tới môi trường nước của khu vực. Thành phần của nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD₅, COD) và các dưỡng chất (N, P) và các vi sinh vật.

Bảng 4. 3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành

Chất ô nhiễm	Định mức tải lượng ô nhiễm (g/người/ngày)		Tải lượng tính toán (kg/ngày)		Lưu lượng (m ³ /ngày)	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)		Quy chuẩn 14:2025/BTNMT, Cột B (mg/l)
	Min	Max	Min	Max		Min	Max	
Chất rắn lơ lửng (SS)	60	65	4875	5281,25	29,25	167	181	<100
BOD ₅ của nước chưa lắng	55	60	4468,75	4875		153	167	<30
Nito Amoni (NH ₄ N)	8	10,5	650	853,125		22	29	<8
Tổng photpho (TP)	1,1	2,2	89,375	178,75		3	6	6

Ghi chú

- (-): Không xác định

- QCVN 14:2025/ BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2, cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Nhận xét: Từ kết quả tính toán trên cho thấy: Tải lượng và nồng độ các chất ô

niêm trong nước thải sinh hoạt đều vượt giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn nước thải nếu chưa qua xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường. Nước thải này nếu không được thu gom, xử lý thải ra môi trường sẽ làm ô nhiễm môi trường. Do đó, trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư sẽ có các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

- Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt như sau:

+ Chất hữu cơ: Các chất hữu cơ có khả năng bị phân huỷ sinh học cao, do đó làm giảm oxy hoà tan trong nước, ảnh hưởng tới hệ thủy sinh vật. Ngoài ra, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phú dưỡng nước.

+ Chất rắn lơ lửng: Sự hiện diện của các chất rắn lơ lửng trong môi trường nước làm giảm tính thẩm mỹ của nước. Nó làm giảm tính truyền quang của nước do đó ảnh hưởng tới các loài thủy thực vật sống ở lớp đáy. Các chất rắn này cũng là giá thể tốt để các sinh vật phát triển. Ngoài ra, hiện tượng lắng đọng của chất rắn này theo thời gian làm giảm khả năng vận chuyển nước của thủy vực tiếp nhận.

+ Các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốt pho): Ảnh hưởng lớn nhất của hai yếu tố này đến thủy vực tiếp nhận là khả năng gây ra hiện tượng phú dưỡng. Hiện tượng phú dưỡng có thể khiến các loài động vật dưới nước bị chết, gây ra mùi hôi thối, gây ô nhiễm môi trường.

+ Các loại vi khuẩn: Trong nước thải sinh hoạt luôn chứa một lượng vi khuẩn gây tả, lỵ, thương hàn... Tùy theo điều kiện môi trường mà các loại sinh vật này có thể tồn tại trong thời gian dài hay ngắn. Khi nhiễm vào nguồn nước, chúng sẽ có khả năng phát tán và gây bệnh cho người và động vật sử dụng nguồn nước này vào mục đích sinh hoạt.

- Đối tượng chịu tác động:

+ Công thoát nước chung của khu vực nếu không được thu gom và xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

b. Nước thải sản xuất

- Nước làm mát cho máy ép dẻo

- Thành phẩm sau được đổ khuôn tạo hình và chuyển sang công đoạn gia nhiệt đóng rắn để định hình sản phẩm ở nhiệt độ cao (nhiệt độ gia nhiệt khoảng 70°C). Khi nhựa lỏng được phun vào khuôn, nước lạnh được đi qua đường ống và hấp thụ nhiệt lượng lớn từ nhựa, khiến nhựa đông cứng thành hình dạng khuôn. Nước sau khi nóng lên sẽ được đưa về máy làm mát, tại đây qua máy nén, môi chất lạnh sẽ thải nhiệt ra môi trường và tiếp tục chu trình mới. Lượng nước thất thoát trong quá trình thu gom, tuần hoàn sản xuất được bổ sung hàng ngày, quá trình tuần hoàn diễn ra liên tục. Định kỳ 1 tháng/lần nước thực hiện xả đáy và vệ sinh nước làm mát.

Nhu cầu cấp nước bổ sung hàng ngày khoảng 0,4m³/ngày.

- Nước thải vệ sinh máy làm mát:

Định kỳ mỗi tháng/lần, đơn vị sẽ thực hiện xả đáy, vệ sinh tháp làm mát để loại bỏ cặn lơ lửng trong các thiết bị làm mát nhằm đảm bảo hiệu quả của máy hoạt động ổn định. Lượng nước thải ước tính 1,0m³/tháng với thành phần chính là cặn lơ lửng sẽ được thu gom về trạm XLNT sinh hoạt của Công ty TNHH Hòa Bảo An để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động rửa khuôn in

Công đoạn in thực hiện khi có yêu cầu của khách hàng (theo từng mã sản phẩm búp bê nhựa). Mục in sử dụng dung môi gốc nước. Sau khi kết thúc mã in, các khung in được thu gom và rửa để loại bỏ lớp mực dư thừa bám dính. Quy trình rửa và thu gom nước thải của công đoạn này như sau:

Sau khi in, công nhân tiến hành cạo lớp cặn mực bám dính trên khung và lau bằng giẻ lau, tuy nhiên tại các vị trí mắt lưới mực còn đọng lại do vậy sau khi lau được tiến hành rửa sạch khung bằng nước. Lượng nước thải phát sinh phụ thuộc vào từng mã hàng và tiến độ sản xuất, theo tính toán lượng nước phát sinh lớn nhất khoảng 0,2m³/lần rửa (2 ngày rửa/lần). Nước thải mực in chứa nhiều hóa chất và độ pH cao do đó được thu gom như chất thải nguy hại (hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom CTNH được Bộ nông nghiệp và môi trường cấp giấy phép theo quy định).

- Nước tuần hoàn đập bụi sơn nước

Để hạn chế phát tán bụi sơn trong quá trình phun sơn, hệ thống sử dụng nước đập bụi sơn. Nước được phun hoặc chảy liên tục trong buồng phun để giữ lại các hạt sơn dư phát sinh. Nước đập bụi sơn được tuần hoàn sử dụng và váng sơn được vớt hàng ngày, cặn, váng được thu gom và chuyển giao cùng các chất thải nguy hại khác của Dự án.

Để đảm bảo chất lượng nước cho hoạt động đập bụi sơn, định kỳ 1 tháng/lần thay thế bể chứa nước tại buồng phun sơn với khối lượng khoảng 1m³/lần thay thế. Nước vệ sinh được thu gom như CTNH.

Tuy nhiên nếu làm rò rỉ, tràn đổ nước thải này ra ngoài môi trường sẽ gây tác động xấu tới môi trường tiếp nhận do nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải đập bụi sơn tham khảo một số nhà máy sản xuất đồ nhựa trên địa bàn tỉnh (Nhà máy sản phẩm nhựa SAMBOUND Việt Nam) đều vượt QCCP nhiều lần

Bảng 4. 4. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải sản xuất đập bụi sơn

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ (mg/l)	QCVN 40:2025/BTNMT, Cột B
1	pH	-	6,7	5,5-9
2	TSS	Pt/Co	199	100
3	COD	mg/l	27.000	150
4	BOD ₅	mg/l	10.800	50
5	N tổng	mg/l	19,6	40
6	P tổng	mg/l	4,1	6
7	Fe	mg/l	2,22	5
8	Mn	mg/l	<0,08	1
9	Cu	mg/l	<0,1	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

10	Pb	mg/l	0,032	0,5
11	Cd	mg/l	<0,0009	0,1
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	2,1	10
13	Coliform	MPN/ 100ml	<3	5000

c. Nước mưa chảy tràn

Dự án chỉ thực hiện sản xuất bên trong nhà xưởng xây sẵn, và 02 nhà xưởng đều được Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý. Do đó nước mưa chảy tràn do công ty cho thuê nhà xưởng xây dựng hệ thống thu gom.

1.2.2. Bụi, khí thải

a. Nguồn gây tác động

- Hoạt động của các dòng xe ra vào dự án.
- Khí thải từ hoạt động sản xuất (công đoạn sơn, ép dẻo, in phun, khắc laser).
- Mùi khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường.
- Mùi do các loại hóa chất bay hơi.
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

b. Đánh giá tác động

b.1. Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông

➤ Phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu và hoạt động giao thông của công nhân

Giai đoạn vận hành có hoạt động xuất thành phẩm và nhập nguyên vật liệu sản xuất. Tham khảo hoạt động sản xuất thực tế thì số chuyến xuất nhập hàng cho đối tác khoảng 4 chuyến/ngày đêm. Phạm vi ảnh hưởng trong khuôn viên Nhà máy.

Phương tiện đi lại của CBNV: Dự kiến khoảng 90% sử dụng xe máy và 10% sử dụng ô tô cá nhân. Số lao động làm việc tại dự án dự kiến là 650 người.

Số lượng xe vận chuyển tại dự án như sau:

- + Xe máy: $650 \times 90\% = 618$ xe/ngày, tương đương 1.236 lượt xe/ngày.
- + Xe ô tô con 4 – 7 chỗ: $650 \times 10\% = 32$ xe/ngày, tương đương 64 lượt xe/ngày.
- + Xe tải vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: 4 chuyến/ngày, tương đương 8 lượt xe/ngày.

Do số lượng xe vận chuyển cùng ra vào dự án vào cùng thời điểm nên lưu lượng xe ra vào dự án lớn nhất được tính khi các phương tiện cùng hoạt động đồng thời. Đoạn đường tính toán nồng độ khí thải phát sinh do các phương tiện được tính từ cổng vào nhà xe với chiều dài khoảng 150m.

- Để có thể ước tính được tải lượng bụi và các khí thải phát sinh có thể sử dụng phương pháp Hệ số ô nhiễm theo Tier 2 (Bảng 1.22 và 1.23- Phụ lục của Công văn số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điểm, nguồn diện và

nguồn di động).

Bảng 4. 5. Hệ số ô nhiễm của các phương tiện giao thông

(Đơn vị: g/km)

Phương tiện	TSP	NO _x	CO
Xe máy (4 thì, chạy xăng)	0,014	32,8	0,225
Xe ô tô con (động cơ xăng)	0,0022	37,3	2,53
Xe tải nặng (16-32 tấn), chạy dầu	0,418	1,93	10,7

Giải sử các phương tiện đều hoạt động trong cùng 1 giờ, tải lượng phát thải các chất ô nhiễm của các phương tiện giao thông trong khu vực dự án được cho trong bảng sau:

Bảng 4. 6. Tải lượng chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện giao thông

TT	Hạng mục	Số lượng xe (lượt xe/h)	Quãng đường (km)	Tải lượng ô nhiễm E (mg/m.h)		
				TSP	NO _x	CO
1	Xe máy (4 thì, chạy xăng)	1.236	0,15	2,5956	6081,12	41,715
2	Xe ô tô con (động cơ xăng)	64	0,15	0,02112	358,08	24,288
3	Xe tải (16-32 tấn), chạy dầu	8		0,5016	2,316	12,84
Tổng				3,11832	6441,516	78,843
Quy đổi (mg/m.s)				0,0008662	1,78931	0,021900833

Vận dụng công thức mô hình cải tiến của Gauss - Sutton để tính toán nồng độ chất ô nhiễm trung bình ở khoảng cách bất kỳ (x) trong không khí do nguồn đường phát thải liên tục như sau:

$$C_{(x)} = 0,8.E \left[\exp \left[- (z + h)^2 / 2s_z^2 \right] + \exp \left[- (z - h)^2 / 2s_z^2 \right] \right] / s_z u$$

Trong đó:

C (x) - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí ở khoảng cách x, mg/m³;

E - Tải lượng của các chất ô nhiễm từ nguồn thải (theo bảng 3.7).

z - Độ cao của điểm tính toán, m là 5m.

u - Tốc độ gió trung bình, m/s là 2,5m/s.

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh là 0,5m.

σ_z - Hệ số khuếch tán theo phương z, m.

Giá trị hệ số khuếch tán chất ô nhiễm z theo phương đứng (z) với độ ổn định của khí quyển tại khu vực công trình là B, được xác định theo công thức:

$$\sigma_z = 0,53 \cdot x^{0,73} \text{ (m)}$$

Trong đó:

x: khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải, theo chiều gió thổi, m.

Kết quả lan truyền bụi từ hoạt động giao thông theo mô hình cải tiến Gauss - Sutton được trình bày như sau:

Bảng 4. 7. Nồng độ các chất ô do phương tiện giao thông thải ra theo khoảng cách (x) trong hoạt động ra vào nhà máy

Chất ô nhiễm	Nồng độ trung bình trong 1 giờ tính theo khoảng cách (mg/Nm ³)					So sánh QCVN 05:2023/ BTNMT (mg/Nm ³)
	5m	10m	20m	25m	30m	
Xe máy						
Bụi	97,3918	2,9061	1,0431	0,6239	0,4515	0,3
NO _x	228.175	6.808,51	2.443,8	1.461,76	1.057,85	0,2
CO	1.565,2251	46,7047	16,7640	10,0273	7,2566	30
Xe ô tô con						
Bụi	0,7925	0,0236	0,0085	0,0051	0,0037	0,3
NO _x	13.435,83	400,91	143,90	86,074	62,29	0,2
CO	911,33	27,19	9,76	5,83	4,22	30
Xe ô tô tải						
Bụi	5,6283	0,1679	0,0603	0,0361	0,0261	0,3
NO _x	86,90	2,59	0,933	0,55	0,40	0,2
CO	481,7809	14,37	5,16	3,08	2,23	30

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Nhận xét: Kết quả tính toán dự báo ở trên cho thấy trong nồng độ các chất ô nhiễm trong khoảng cách gần của các phương tiện vượt giới hạn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT.

- *Đối tượng bị tác động:*

- + Chất lượng môi trường không khí, môi trường đất và nước khu vực ô nhiễm bụi.
- + Công nhân hoạt động tại nhà máy.

b.2. Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của dự án

(1) Bụi, hơi dung môi phát sinh từ khu vực sơn

Theo phương pháp đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới, đối với công đoạn sơn phủ, hệ số ô nhiễm phát sinh do bụi sơn và dung môi hữu cơ là 60-80 kg/tấn sơn, hệ số

phát thải VOC là 550 kg/tấn sơn (Thời gian hoạt động trung bình của dự án là 16 giờ/ngày; 310 ngày/năm).

Căn cứ theo MSDS của sơn và dung môi sử dụng, các chất có khả năng bay hơi chính gồm: Vinyl chloride, Cyclohexanone, Toluene, Butyl Acetate, methyl methacrylate, acetone.

Bảng 4. 8. Bảng tải lượng khí thải phát sinh khu vực sơn

STT	Thành phần chất ô nhiễm	Tỷ lệ	Khối lượng hóa chất sử dụng	Tải lượng ô nhiễm
				(mg/h)
I	Sơn AAC/PVC			
1	Vinyl chloride	15-20%	2.000 kg/năm	33266,13
2	Cyclohexanone	40-45%		88709,68
3	Toluene	10-15%		22035,26
4	Butyl Acetate	15%		33266,13
II	Sơn PS/ABS			
1	Butyl Acetate	20-35%	1.500 kg/năm	33266,13
2	methyl methacrylate	10-20%		16526,44
3	2methyl,butyleste	20-30%		33266,13
4	Ethyl Acetate	7-13%		21484,38
III	Sơn SA/PVC			
1	Vinyl chloride	10-30%	1.500 kg/năm	16633,06
2	Cyclohexanone	35-55%		58215,73
3	Isophorone	8-13%		13306,45
IV	Dung môi pha sơn			
1	Toluen	55-60%	10 kg/năm	609,88
2	Cyclohexanone	22-25%		36592,74
3	Acetone	18-20%		29939,52

Giả sử, điều kiện vi khí hậu trong khu vực sản xuất ổn định, các chất thải không tự phân hủy, khi đó nồng độ các chất ô nhiễm trong phòng được tính bằng công thức sau:

$$C(t) = S(1 - e^{-It}) / I.V \quad (1)$$

(Nguồn: Giáo trình Công nghệ xử lý khí thải - Trần Hồng Côn)

Trong đó:

- V: thể tích khu vực sơn ảnh hưởng là: diện tích phòng sơn 112m², chiều cao phân tán là 3,5 m, chiều cao ảnh hưởng khoảng 2m. Thể tích phân tán nguồn thải = 224 m³.

- I: hệ số thay đổi không khí của phòng (lần/h).

+ Chọn I₁ = 1 lần/h – đối với nhà xưởng chưa có công trình thông gió, lúc này, nồng độ nguồn thải là max.

+ I₂: Do khu vực sản xuất các cửa ra vào thường mở cửa và Theo phụ lục G Tiêu

chuẩn quốc gia TCVN 5687:2010 về thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế, với hệ số thay đổi không khí của nhà xưởng được thông gió cơ khí, $I = 6$ lần/h.

- S: Tải lượng ô nhiễm thải ra trong phòng, mg/h, lấy theo bảng 4.8.

- C: nồng độ chất ô nhiễm trong phòng, mg/m^3 ;

- t: thời gian phát sinh chất ô nhiễm (*chọn $t = 16\text{h}$*).

Thay số vào Công thức trên, nồng độ bụi, khí thải phát sinh là:

Bảng 4. 9. Nồng độ chất ô nhiễm từ quá trình sơn

Stt	Chất thải phát sinh	Nồng độ bụi (mg/m^3)		QCVN 03:2019/BYT	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
		nhà xưởng chưa có công trình thông gió	nhà xưởng có công trình thông gió		
I	Sơn AAC/PVC				
1	Vinyl chloride	197,81	33,00	1	1
2	Cyclohexanone	445,08	74,25	-	500
3	Toluene	147,41	24,59	100	100
4	Butyl Acetate	148,36	24,75	-	500
II	Sơn PS/ABS				
1	Butyl Acetate	259,63	43,32	-	500
2	methyl methacrylate	147,41	24,59	-	20
3	2methyl, butyleste	222,54	37,13	-	-
4	Ethyl Acetate	95,82	15,99	-	-
III	Sơn SA/PVC				
1	Vinyl chloride	222,54	37,13	1	1
2	Cyclohexanone	407,99	68,07	-	500
3	Isophorone	96,43	16,09	-	-
IV	Dung môi pha sơn				
1	Toluen	2,97	0,50	100	100
2	Cyclohexanone	185,45	30,94	-	500
3	Acetone	148,36	24,75	200	-

Đánh giá tác động:

+ Đối với nhà xưởng chưa có thông gió: Nồng độ các chất ô nhiễm (Vinyl chloride, Toluen, methyl methacrylate) vượt giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ Đối với nhà xưởng có thông gió: Nồng độ các chất ô nhiễm (Vinyl chloride, methyl methacrylate, **Acetone**) vượt giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Do đó chủ đầu tư sẽ có các biện pháp cụ thể để giảm thiểu tác động của nguồn gây ô nhiễm này, thu gom và xử lý khí thải hiệu quả để bảo vệ sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh.

Theo tài liệu kỹ thuật sơn-Nguyễn Văn Lộc, Nhà xuất bản giáo dục, thì quá trình bay hơi của dung môi trong sơn chia làm 4 giai đoạn:

+ Khi bắt đầu phun sơn, dung môi bay hơi chiếm khoảng 35% tổng lượng dung môi sử dụng.

+ Khi màng sơn ở trạng thái hoàn toàn lưu động, tại giai đoạn này tốc độ bay hơi của dung môi chiếm 40%

+ Khi màng sơn có xu hướng ổn định nhưng chưa khô hoàn toàn, lượng bay hơi của dung môi chiếm khoảng 15%.

+ Khi màng sơn đã khô hoàn toàn sự bay hơi cuối cùng chiếm khoảng 10%.

Như vậy hơi dung môi sẽ tác động mạnh nhất ngay tại thời điểm phun sơn và ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại khu vực này. Vì vậy công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của hơi dung môi đến sức khỏe người lao động tại khu vực phun sơn.

(2) Hơi dung môi từ khu vực in

Theo EMEP/EEA 2023 Air Pollutants Emission Inventory Guidebook – Technical Guidance to prepare National Emission Inventory đối với công đoạn in, hệ số ô nhiễm phát sinh dung môi hữu cơ là 60 kg/tấn nguyên liệu

Theo tính toán tại chương 1: Khối lượng mực in và dung môi sử dụng là 3,5 tấn/năm.

Căn cứ theo MSDS của sơn và dung môi pha mực in, các chất có khả năng bay hơi chính gồm: Cyclohexanone, Quaternary ammonium compounds, Tetramethyl benzene, Cyclohexanone và Isophorone.

Bảng 4. 10. Bảng tải lượng khí thải phát sinh khu vực in

STT	Thành phần chất ô nhiễm	Tỷ lệ	Khối lượng hóa chất sử dụng	Tải lượng ô nhiễm
				(mg/h)
I	Mực in			
1	Quaternary ammonium compounds	11-13%	3.500 kg/năm	50453,63
2	Cyclohexanone	42-46%		178528,23
3	Tetramethyl benzene	42-46%		178528,23
II	Dung môi pha mực in			
1	Cyclohexanone	90-98%	1.000 kg/năm	108669,35
2	Isophorone	2-10%		38810,48

- V: thể tích khu vực in ảnh hưởng là: diện tích phòng in 73m², chiều cao phân tán là 3,5 m, chiều cao ảnh hưởng khoảng 2m. Thể tích phân tán nguồn thải = 146 m³.

Áp dụng công thức 4.1, nồng độ bụi, khí thải phát sinh là:

Bảng 4. 11. Nồng độ chất ô nhiễm từ quá trình in

Stt	Chất thải phát sinh	Nồng độ bụi (mg/m ³)		QCVN 03:2019/BYT	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
		nhà xưởng chưa có công trình thông gió	nhà xưởng có công trình thông gió		
I	Mức in				
1	Quaternary ammonium compounds	690,45	115,19	-	-
2	Cyclohexanone	2443,15	407,60	-	500
3	Tetramethyl benzene	2443,15	407,60	-	-
II	Dung môi pha mực in				
1	Cyclohexanone	1487,13	248,10	-	500
2	Isophorone	531,12	88,61	-	-

Đánh giá tác động:

+ Nồng độ các chất ô nhiễm với nhà xưởng có thông gió đều nằm trong hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Tuy nhiên, nếu không có biện pháp thu gom, hút khí thì các thành phần này có thể tích lũy sau một khoảng thời gian nhất định và đạt tới ngưỡng nguy hại tới sức khỏe. Do đó, để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động cần có biện pháp thu gom khí, hơi hữu cơ phát sinh từ các quá trình in ấn.

(3) Bụi từ quá trình cắt, may vải

Với công nghệ sản xuất của dự án như đã mô tả ở trên, bụi từ công đoạn cắt, may vải, tóc giả. Theo tài liệu tham khảo của Tổ chức quản lý môi trường Bang Michigang – Mỹ, hệ số ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình sản xuất là 0,05 kg/tấn. Khối lượng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dự kiến khoảng là 82 tấn nguyên liệu/năm, khi đó ta có thể tính toán tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 4. 12. Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất

Hệ số ô nhiễm	Khối lượng nguyên liệu sử dụng	Tải lượng bụi
0,05 kg/tấn	82 tấn/năm	821,31mg/h

(Nguồn: Michigan Department Of Environment Quality – Enviromental Science And Services Division)

- V: thể tích khu vực cắt, may ảnh hưởng là: diện tích phòng 1.751m², chiều cao phân tán là 3,5 m, chiều cao ảnh hưởng khoảng 2m. Thể tích phân tán nguồn thải = 3502 m³.

Áp dụng công thức (4.1) để tính nồng độ khí thải trong xưởng sản xuất như sau:

Bảng 4. 13. Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình cắt, may

Stt	Danh mục	Nồng độ bụi (mg/m ³)	QCVN 02:2019/BYT
1	Đối với nhà xưởng chưa có thông gió, công trình xử lý - C _{max}	0,234	8
2	Đối với nhà xưởng đã có thông gió C _{min}	0,039	8

Đánh giá tác động:

Nồng độ bụi quá trình cắt, may đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.

(4) Khí thải từ hoạt động làm sạch khuôn

Trong công đoạn làm mặt búp bê, các nhựa lỏng sau khi được đổ khuôn tạo hình và chuyển sang khu vực gia nhiệt đóng rắn. Cuối ngày sau khi các thành phẩm được tách khỏi khuôn, các khuôn sẽ được lau bằng hóa chất làm sạch để loại bỏ nhựa còn đóng cặn tại khuôn.

Chất tẩy rửa hữu cơ có thành phần là naphtha(petroleum),hydrotreatedlight thực hiện trong các bể rửa của hệ thống thiết bị làm sạch. Quá trình rửa thực hiện không đồng thời cùng một lúc và thực hiện theo mẻ, mỗi mẻ kéo dài từ 10-30 phút. Thành phần ô nhiễm phát sinh trong quá trình tẩy rửa làm sạch chủ yếu là hơi dung môi hydrocarbon nhẹ.

Khối lượng hóa chất phục vụ cho sản xuất dự kiến khoảng là 2 tấn/năm, lượng bay hơi của dung môi chiếm 100% nguyên liệu sử dụng, tải lượng khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 4. 14. Tải lượng hơi hữu cơ phát sinh trong quá trình làm sạch

Khối lượng nguyên liệu sử dụng	Tải lượng bụi
2 tấn/năm	400mg/h

(Nguồn: Michigan Department Of Environment Quality – Enviromental Science And Services Division)

- V: thể tích khu vực làm sạch bị ảnh hưởng là: diện tích phòng 120m², chiều cao phân tán là 3,5 m, chiều cao ảnh hưởng khoảng 2m. Thể tích phân tán nguồn thải = 240m³.

Áp dụng công thức (4.1) để tính nồng độ khí thải trong xưởng sản xuất như sau:

Bảng 4. 15. Nồng độ hơi hữu cơ phát sinh từ quá trình làm sạch

Stt	Danh mục	Nồng độ hơi hữu cơ (mg/m ³)	QCVN 03:2019/BYT
1	Đối với nhà xưởng chưa có thông gió, công trình xử lý - Cmax	1,655	350
2	Đối với nhà xưởng đã có thông gió Cmin	0,277	350

Đánh giá tác động:

Kết quả tính toán cho thấy nồng độ hydrocarbon trong không khí khu vực đầu vào sản phẩm làm sạch có nằm trong giới hạn tương ứng trong QCVN 03:2019/BYT.

Hơi dung môi tẩy rửa khi thoát ra ngoài môi trường xung quanh nếu không được thu gom, xử lý có thể gây tác động không tốt đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên làm việc trong phòng làm sạch. Do đó, cần có biện pháp thu gom, xử lý thành phần hơi dung môi tẩy rửa này.

(5) Khí thải từ hoạt động gia nhiệt, đóng rắn

Hoạt động gia nhiệt, đóng rắn để làm mất búp bê sử dụng nhựa lỏng với thành phần gồm các Polyvinyl Chloride (PVC) và các chất hóa dẻo, quá trình gia nhiệt ở nhiệt độ 40–70°C sẽ làm phá vỡ cấu trúc trong thành phần của nhựa lỏng khiến một số hơi hữu cơ có trong nhựa bị thăng hoa và phát tán vào môi trường (theo MSDS nồng độ nóng chảy >40°C).

Theo nghiên cứu của tổ chức quản lý môi trường Bang Michigan – Mỹ, các thông số phát thải khí thải đối với quá trình sản xuất sản phẩm từ nhựa là 0,0706 Lb/tấn nhựa

Theo tính toán tại chương 1: Khối lượng nguyên liệu nhựa lỏng đầu vào của quy trình gia nhiệt là 215 tấn/năm. Quy đổi 1 Lb = 453,5924 gam. Như vậy, khi dự án hoạt động ổn định đạt 100% công suất thì tải lượng VOCs phát sinh trong quá trình sản xuất là: (215 tấn/năm x 0,0706 Lb/tấn) x 453,5924 g/Lb x 10⁻³ = 6,88 kg/năm, tương đương 0,00137 kg/giờ tương ứng 1.370 mg/h.

- V: thể tích khu vực làm gia nhiệt bị ảnh hưởng là: diện tích phòng 420m², chiều cao phân tán là 3,5 m, chiều cao ảnh hưởng khoảng 2m. Thể tích phân tán nguồn thải = 840m³.

Áp dụng công thức (4.1) để tính nồng độ khí thải trong xưởng sản xuất như sau:

Bảng 4. 16. Nồng độ hydrocacbon phát sinh từ quá trình gia nhiệt

Stt	Danh mục	Nồng độ hơi hữu cơ (mg/m ³)
1	Đối với nhà xưởng chưa có thông gió, công trình xử lý - Cmax	1,629
2	Đối với nhà xưởng đã có thông gió C min	0,271

Khi gia nhiệt ở nhiệt độ cao để làm nóng chảy nguyên liệu trong quá trình gia nhiệt tạo hình, một phần nhỏ thành phần trong nguyên liệu sẽ bị đốt cháy, chủ yếu là các polymer bị phân hủy tạo nên các monomer thoát ra khỏi hỗn hợp dạng hơi. Một số các monomer phát sinh từ quá trình này bao gồm: Propylene oxyt (C_3H_6O), Butadien (C_4H_6), Styren ($C_6H_5CH=CH_2$), Vinylclorua ($CH_2=CHCl$). Hơi VOCs từ quá trình nóng chảy nhựa phát sinh ảnh hưởng chủ yếu đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực xưởng sản xuất, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Bảng 4. 17. Dự báo nồng độ chất ô nhiễm phát sinh từ quá trình gia nhiệt

Stt	Danh mục	Nồng độ VOCs (mg/m^3)	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT			
			Propylene oxyt	Butadien	Styren	Vinylclorua
1	Đối với nhà xưởng chưa có thông gió, công trình xử lý -	0,629	-	20	85	1
2	Đối với nhà xưởng đã có thông gió	0,271	-	20	85	1

Đánh giá tác động: Nồng độ các chất ô nhiễm nằm trong hạn cho phép QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu hợp lý để hạn chế ảnh hưởng của nguồn ô nhiễm này đến sức khỏe của người lao động cũng như chất lượng môi trường

b.3. Bụi, khí thải phát sinh khác

(1) Khí thải từ hệ thống điều hòa

- Khi Dự án đi vào hoạt động sẽ sử dụng máy điều hòa tại các khu vực văn phòng, xưởng. Hoạt động của máy điều hòa phát sinh khí thải với thành phần chủ yếu là khí nóng, khí CFCs. Khí CFCs là nhóm hóa chất được tìm thấy trong khí thải của máy điều hòa, gây hại nhiều đến sức khỏe con người và môi trường, là nguyên nhân gây thủng tầng Ozone.

- Hiện nay trên thế giới đã cấm sử dụng khí CFC để làm lạnh. Tại Việt Nam khí CFC sẽ cấm sử dụng hoàn toàn vào năm 2030. Chính vì thế trong giai đoạn hoạt động của Dự án tất cả điều hòa đều được lắp mới hoàn toàn không sử dụng điều hòa có sử dụng các chất CFC làm lạnh để hạn chế lượng khí thải phát sinh từ điều hòa gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, tại khu vực Dự án có không gian rộng, thoáng, lượng khí thải phát sinh nhỏ sẽ nhanh chóng phát tán vào môi trường nên tác động gây ô nhiễm cục bộ cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của CBCNV làm việc tại dự án và khu vực lân cận được đánh giá là không lớn.

(2) Mùi hôi phát sinh từ các thùng chứa rác, hố ga

Lượng khí thải phát sinh từ khu vực lưu trữ tạm thời rác thải sinh hoạt của dự án. Tác động của các nguồn ô nhiễm này chỉ gây ảnh hưởng trong các thời điểm tập trung rác

từ các thùng rác khu vực nhà ăn hoặc thời điểm vận chuyển rác đến nơi xử lý đúng quy định. Ngoài ra, mùi hôi của các hồ ga, bể tự hoại phát sinh do xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí, chủ yếu là tại bể thu gom. Các sản phẩm dạng khí chính từ quá trình phân hủy kỵ khí gồm H_2S , Mercaptan, CO_2 , CH_4 ,... trong đó H_2S và Mercaptan là các chất gây mùi hôi chính còn CH_4 là chất có khả năng gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở nồng độ nhất định. Tuy nhiên, bể tự hoại được xây ngầm, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ được thu thường xuyên về Hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu của nhà máy để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

(3) Khí thải khu vực lưu chứa hóa chất

- Dự án có nhiều loại hóa chất khác nhau để phục vụ hoạt động làm sạch bề khuôn, sơn, in và nhựa lỏng phục vụ mặt búp bê, do đó chủ dự án sẽ bố trí 01 kho chứa hóa chất với diện tích $25m^2$ để lưu chứa. Tại đây sẽ phát sinh ra các khí độc như: hơi hữu cơ của các hóa chất trong quá trình lưu chứa.

- Khi nhiệt độ trong kho tăng lên (do thời tiết mùa hè hoặc hệ thống làm mát kém), năng lượng động năng của các phân tử hóa chất tăng, giúp chúng dễ dàng thắng lực liên kết phân tử để thoát ra trạng thái khí.

- Nếu hóa chất bị tràn đổ ra sàn kho, diện tích tiếp xúc tăng lên gấp hàng nghìn lần so với khi ở trong bình chứa. Lúc này, quá trình bay hơi trở nên mãnh liệt, có thể tạo thành đám mây khí độc hoặc hỗn hợp nổ trong thời gian rất ngắn.

=> Do đó, cần có các biện pháp an toàn cũng như xây dựng kho hóa chất theo đúng quy chuẩn để đảm bảo hạn chế tối đa sự chênh lệch nhiệt độ gây ảnh hưởng đến tính chất của hóa chất, cũng như giảm thiểu hơi thoát ra gây ảnh hưởng sức khỏe công nhân lao động.

1.2.3. Tác động do chất thải

a. Chất thải rắn sinh hoạt

* Dự báo khối lượng phát sinh:

Căn cứ Theo định mức thải của các nhà máy ở thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- Đối với cán bộ, nhân viên (làm theo ca): ước tính phát sinh khoảng $0,5kg/người/ngày$, khối lượng phát sinh là $0,5 \times 650 người = 325kg/ngày$, bao gồm²:

+ Chất thải có khả năng tái sử dụng: giấy thải, nhựa thải, kim loại thoát, thủy tinh thải,...

+ Chất thải thực phẩm, hữu cơ: thức ăn thừa, thực phẩm rau, củ, quả,...

+ Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại: bóng đèn huỳnh quang, mực in văn phòng,...

+ Chất thải công kênh: cành cây, gốc cây,...

² Cơ sở phân loại rác tại nguồn thành 05 loại theo hướng dẫn tại Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố.

+ Chất thải sinh hoạt khác còn lại.

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu là lượng rác thải của hoạt động văn phòng, ăn uống của nhân viên. Nguyên nhân gây mùi hôi thối, thu hút ruồi, muỗi, chuột và các vi sinh vật gây hại phát triển, phát tán ra môi trường sẽ làm tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh như sốt xuất huyết, tiêu chảy; các bệnh truyền nhiễm và bệnh về đường hô hấp cho CBCNV làm việc tại nhà máy. Rác thải phát sinh gây ô nhiễm môi trường không khí, làm giảm chất lượng cảnh quan trong khuôn viên Nhà máy. Ngoài ra, rác thải có thể theo nước mưa chảy tràn cuốn theo xuống cống rãnh thoát nước mưa của nhà máy gây tắc nghẽn dòng chảy, ngập úng cục bộ.

- *Không gian tác động*: Trong khuôn khu vực nhà máy, khu vực chứa rác.

b. Chất thải rắn thông thường

- Nguồn phát sinh và thành phần ô nhiễm:

+ Từ hoạt động cắt vải, tóc giả phục vụ gia công búp bê với thành phần là vải thừa, tóc giả, lõi hồng quá trình cắt chiếm 15% nguyên liệu đầu vào = $52 \times 15\% = 7,8$ tấn/năm.

+ Bao bì dùng để đựng nguyên liệu, ước tính lượng chất thải (không bao gồm bao bì đựng hóa chất, sơn, mực in) này chiếm 3% sử dụng = $3\% \times 154 = 4,62$ tấn/năm.

+ Kim khâu, chỉ khâu hao hụt quá trình sử dụng, chiếm 2% nguyên liệu đầu vào = $1.200 \text{ kg} \times 2\% = 24$ kg/năm.

+ Sản phẩm lỗi, hồng ước tính chiếm khoảng 2% tổng nguyên liệu sản xuất: $394,520 \text{ tấn} \times 2\% = 7,89$ tấn.

+ Giấy vụn, bìa carton,...phát sinh tại khu vực văn phòng. Đây là loại chất thải được xếp vào loại phế liệu tái sử dụng được ước tính khoảng 0,5 tấn/năm.

+ Bavaria nhựa từ hoạt động làm mặt búp bê chiếm 0,5% khối lượng đầu vào ước tính khoảng 1,1 tấn.

Bảng 4. 18. Tổng hợp lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái
1	Vải thừa, tóc, lõi hồng	7.800	Rắn
2	Bao bì dùng để đựng nguyên liệu	4.620	Rắn
3	Kim khâu, chỉ khâu hao hụt	2.400	Rắn
4	Sản phẩm lỗi, hồng	7.890	Rắn
5	Giấy vụn, bìa carton	500	Rắn
6	Bavaria nhựa từ hoạt động làm mặt búp bê	1.100	Rắn
	Tổng	24.310	

Theo số liệu dự báo, khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh khá lớn, tuy nhiên, nếu không được thu gom, xử lý phù hợp sẽ gây mất mỹ quan khu vực. Thành phần chất

thải sản xuất của dự án đều có khả năng tận thu cao nên theo đó, chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom, lưu giữ và chuyển giao phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Chất thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án nếu không được quản lý đúng quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Do vậy cần thiết phải phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/NĐ-CP.

c. Chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Dầu động cơ, hộp số bôi trơn thải; bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải... Lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành ổn định của Nhà máy như sau: - Tải lượng: CTNH được dự báo thành phần và khối lượng như sau:

(1). Bao bì nhựa thải

- Vỏ can nhựa đựng hóa làm sạch, sơn, nhựa lỏng: tổng khối lượng hóa chất sử dụng là 230.510 kg/năm. Quy cách đóng gói trong can nhựa 25 kg/can ~ 9.220 can/năm. Mỗi vỏ can nặng 1,4 kg. Suy ra, tổng khối lượng vỏ can nhựa thải là 12.908 kg/năm;

(2) Mực in thải quá trình in

- Hoạt động sử dụng mực in phục vụ in chi tiết mặt búp bê phát sinh cặn mực in tại khuôn in chiếm khoảng 2% lượng mực in, dung môi sử dụng = 3.500 kg/năm x 2% = 70 kg/năm.

- Nước rửa khuôn in được định kỳ rửa 2 ngày/lần với khối lượng mỗi lần rửa là 0,2m³. Lượng nước thải rửa khuôn in = 155 ngày x 0,2m³ = 31m³/năm = 31.000kg /năm.

(3) Sơn, cặn sơn

- Hoạt động sơn nước có sử dụng nước đập bụi, hơi dung môi. Lượng nước này được tuần hoàn và định kỳ 1 tháng/lần thay nước để loại bỏ và vệ sinh buồng phun sơn. Lượng nước cấp sử dụng đầu vào là 1m³, thời gian thay thế 12 lần/năm, do đó lượng nước thải nguy hại phát sinh 12.000kg/năm.

- Cặn sơn dính tại buồng sơn chiếm khoảng 3% lượng sơn và dung môi sử dụng = 5.010 kg/năm x 3% = 150,3kg/năm.

(4) Hoá chất làm sạch khuôn

Sử dụng hóa chất làm sạch khuôn, lượng hóa chất sau làm sạch thải bỏ chiếm 90% đầu vào như sau = 2.000 kg x 90% = 1.800 kg/năm.

- Ngoài ra còn có chất thải từ găng tay, vải bảo vệ cũng như các loại than hoạt tính thải bỏ quá trình xử lý khí thải, cụ thể khối lượng như sau:

Bảng 4. 19. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại	Trạng thái	Ghi chú
1	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các	07 01 06	1.800	KS	Lỏng	Hóa chất chống gỉ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại	Trạng thái	Ghi chú
	thành phần nguy hại					khuôn tại khu vực làm sạch
2	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 01 04	12.000	KS	Lỏng	Khu vực sơn nước
3	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 01 03	150,3	KS	Rắn/lỏng	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100	KS	Rắn	Giẻ lau dính dầu khu vực bảo dưỡng máy móc
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 03	12.908	KS	Rắn	Bao bì đựng hóa chất, sơn, mực in
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	40	NH	Rắn	Hoạt động sinh hoạt, văn phòng
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	NH	Rắn	Hoạt động sản xuất, văn phòng
8	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5	KS	Rắn	Hoạt động văn phòng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại	Trạng thái	Ghi chú
9	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	70	KS	Rắn/lỏng	Cặn mực in tại khuôn in và mực thải
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	31.000	KS	Lỏng	Nước thải rửa khuôn in
11	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	11.520	NH	Rắn	
	Tổng		69.603			

Tác động của chất thải nguy hại như sau:

- CTNH dạng lỏng: Các chất thải này có độc tính khi tiếp xúc với da, có tác hại với sức khỏe của công nhân trực tiếp tiếp xúc. Chất thải dạng lỏng của dự án chủ yếu là dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc. Đây là các chất dễ bắt cháy nên dễ gây ra sự cố cháy nổ. Đồng thời, đây là chất thải nguy hại gây tác động nhanh chóng đối với môi trường thông qua tích lũy sinh học và gây tác hại đến hệ sinh vật.

- CTNH dạng rắn: Là các chất thải có tác động mạnh đến môi trường nếu cháy. Các chất này nếu không được thu hồi, sẽ phát tán vào môi trường gây ô nhiễm môi trường đất, nước.

CTNH nếu đổ thải trực tiếp ra môi trường sẽ gây tác động xấu đến chất lượng môi trường như môi trường đất, môi trường nước. Tuy nhiên với khối lượng CTNH phát sinh không lớn, nếu có các biện pháp quản lý, thu gom lưu trữ đúng quy định thì nguy cơ gây ra ô nhiễm môi trường là khá thấp.

- *Đối tượng bị tác động:*

+ Sức khỏe của cán bộ, nhân viên làm việc tại nhà máy.

+ Hệ sinh thái khu vực.

1.2.4. Tiếng ồn, độ rung

a. Tiếng ồn

* **Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông**

Các phương tiện giao thông ra vào Nhà máy chủ yếu là xe máy và ô tô. Mức ồn tối đa từ hoạt động của các phương tiện giao thông thể hiện ở bảng sau:

Bảng 4. 20. Mức ồn tối đa từ hoạt động của phương tiện giao thông

TT	Phương tiện vận chuyển	Mức ồn trung bình cách nguồn 1m	Mức ồn trung bình cách nguồn 50m (dBA)	Mức ồn trung bình cách nguồn 100m (dBA)
-----------	-------------------------------	--	---	--

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

		(dBA)		
1	Xe ô tô	88	54	48
2	Xe máy	75	41	35
QCVN 24:2016/BYT		≤85dBA	-	
QCVN 26:2025/BTNMT		-	70dBA	

Ghi chú:

- QCVN 24:2016/BYT: Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn.

Nhận xét:

Theo bảng trên, mức ồn của từng loại phương tiện giao thông ít gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực Nhà máy và khu vực lân cận. Tuy nhiên, việc tập trung một lượng lớn xe máy trong giờ đi làm và giờ tan tầm cũng gây ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực Nhà máy nhưng không nhiều do thời gian gây ồn chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn.

*** Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất**

+ Hoạt động vận tải, xe nâng. Mức ồn, rung động từ hoạt động vận tải và xe nâng vận chuyển nguyên, vật liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy đều cao hơn tiêu chuẩn cho phép.

+ Hoạt động của các máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất.

Việc tiếp xúc liên tục với nguồn thải này sẽ gây ra một số tác động tiêu cực đến sức khỏe cho công nhân như sau: Tiếng ồn, độ rung tác động lên con người ở ba tác động về mặt cơ học như: che lấp âm thanh cần nghe, gây khó chịu căng thẳng; tác động tới bộ phận thính giác và hệ thần kinh; ở mức cao và lâu dài tiếng ồn làm ảnh hưởng đến hành vi xã hội của con người.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu tới hầu hết các bộ phận trong cơ thể con người. Tác động của tiếng ồn đối với cơ thể con người còn thể hiện cụ thể ở các dải tần số khác nhau.

Bảng 4. 21. Thống kê các tác động của tiếng ồn ở các dải tần số

Mức tiếng ồn (dBA)	Tác động đến người nghe
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên

145	Giới hạn mà con người có thể chịu được đối với tiếng ồn
150	Nếu chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

1.2.5. Các tác động khác trong quá trình hoạt động

1. Tác động đến môi trường, xã hội

a. Tác động liên quan đến kinh tế, xã hội

- Tác động tích cực

+ Góp phần tạo công ăn việc làm cho khoảng 650 lao động với thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống;

+ Là loại hình sản xuất kinh doanh có lợi nhuận và hiệu quả kinh tế lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết của xã hội, nộp thuế cho nhà nước nên thúc đẩy sự phát triển kinh tế khu vực.

- Tác động tiêu cực

+ Môi trường ô nhiễm do bụi, khí thải, tiếng ồn tại khu vực là nguyên nhân làm tăng các nguy cơ về sức khỏe, gây các bệnh về đường hô hấp và tim mạch cho công nhân trực tiếp sản xuất, làm tăng chi phí về dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

+ Gây ô nhiễm môi trường nước mặt, ảnh hưởng tới chất lượng nước nông nghiệp và công nghiệp, ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp tại địa phương.

+ Gia tăng tai nạn giao thông, tai nạn lao động gây thiệt hại về người và tài sản.

b. Tác động liên quan qua lại giữa hoạt động sản xuất của dự án với các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh

- Vị trí dự án nằm tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng hoạt động của dự án ảnh hưởng chủ yếu tới chất lượng môi trường không khí xung quanh như ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; tiếng ồn; ô nhiễm do nước thải từ quá trình sinh hoạt... Tuy nhiên khi đi vào hoạt động, các hoạt động sản xuất của Nhà máy sẽ được kiểm soát bằng các hệ thống xử lý ô nhiễm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường đối với chất lượng môi trường không khí. Đối với nước thải, Công ty sẽ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra mương tiếp nhận.

- Xung quanh khu vực dự án là khu dân cư xã Trần Phú, sự tác động lẫn nhau giữa các cơ sở về mặt môi trường là không đáng kể. Tuy nhiên, vấn đề giao thông trong khu vực đã được điều tiết hợp lý do đó tránh xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, gây ô nhiễm cục bộ khu vực. Ngoài ra, giờ tan tầm của công nhân nhà máy cũng sẽ ảnh hưởng tới trật tự an toàn giao thông, trật tự an ninh xã hội khu vực.

c. Tác động đến hoạt động giao thông

- Mật độ giao thông tăng dần dẫn đến gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông gây tác thương tật và ảnh hưởng tính mạng của người tham gia giao thông.

- Việc gia tăng phương tiện tạo áp lực nên chất lượng nền đường hiện có, gây hư hỏng nền đường, phá vỡ cấu trúc đường, gây hạn chế đi lại người dân xung quanh khu vực.

- Phương tiện giao thông tăng dẫn đến gia tăng bụi và khí thải từ phương tiện gây ra bệnh liên quan hệ hô hấp như viêm phổi, viêm họng và các bệnh về mắt, da đối với người tham gia giao thông.

1.2.6. Các sự cố môi trường có thể xảy ra

a. Sự cố đối với các hệ thống thu gom, xử lý khí thải

Trong giai đoạn vận hành, các hệ thống xử lý khí thải có thể gặp phải những sự cố ngoài ý muốn như đường ống dẫn khí bị hở, quạt hút bị hỏng, vật liệu hấp phụ không được thay định kỳ, hiệu quả xử lý thấp,... Nếu xảy ra sự cố khí thải sẽ không được thu gom, xử lý hoặc xử lý không hiệu quả.

Tác động do sự cố đối với các hệ thống xử lý khí thải thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. 22. Các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố đối với khí thải.

TT	Vị trí xảy ra sự cố	Nguyên nhân, tình huống xảy ra sự cố	Phạm vi, mức độ tác động
1	Hệ thống xử lý khí thải sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Rò rỉ, bục vỡ đường ống dẫn khí thải chưa xử lý; - Hệ thống quạt hút không hoạt động; - Vật liệu hấp phụ bão hòa, không còn khả năng hấp phụ, xử lý; - Hệ thống bị quá tải do sự thay đổi từ nguyên liệu đầu vào. 	<p><i>Phạm vi tác động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực xưởng sơn; - Khu vực xung quanh nhà máy, xuôi theo hướng gió. <p><i>Đối tượng tác động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực sản xuất gần hệ thống gặp cố; - Các đơn vị sản xuất kinh doanh lân cận; - Môi trường không khí, xung quanh Dự án; <p><i>Mức độ tác động:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng tới sức khỏe của người lao động;

Đánh giá tác động: Khí thải không qua xử lý do sự cố của hệ thống xử lý không vận hành, hoặc xử lý không hiệu quả chứa các thành phần ô nhiễm có khả năng gây mùi khó chịu, ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động, ảnh hưởng tới môi trường không khí, đất, nước xung quanh nhà máy.

b. Sự cố đối với hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và bể tự hoại

Sự cố bể tự hoại:

- Tắc nghẽn đường ống ra vào bể do rác thải có kích thước lớn;
- Hóa chất bị đổ vào hệ thống bể tự hoại sẽ giảm hiệu quả xử lý, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của đơn vị cho thuê xưởng.

Sự cố về hệ thống thu gom nước thải, nước mưa:

- Đường cống thoát nước thải, nước mưa bị tắc, ứ đọng do lắng đọng, lâu ngày không vệ sinh.
- Tắc nghẽn đường ống do để các chất thải có kích thước lớn vào hệ thống.
- Do quá tải, lượng nước thải lớn hơn kích thước đường ống thiết kế;
- Do hệ thống bơm hút bị hỏng,....

Các sự cố gây ra sẽ có thể làm cho nước thải không thoát được, ứ đọng lại, lan tràn ra xung quanh, gây ô nhiễm môi trường của nhà máy và các đơn vị xung quanh.

c. Sự cố hóa chất

Trong quá trình sản xuất, nhà máy có sử dụng các loại hóa chất phục vụ sơn, in và nhựa lỏng... dẫn đến khả năng rò rỉ hóa chất trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và sử dụng của dự án là cao. Hóa chất bị rò rỉ có thể gây ra các ảnh hưởng và thiệt hại đến môi trường và sức khỏe của cán bộ công nhân viên Công ty như: gây ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí khi hóa chất rò rỉ ra ngoài môi trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên. Một số sự cố có thể xảy ra khi sử dụng hóa chất:

Bảng 4. 23. Dự báo nguyên nhân và tác động do sự cố hóa chất.

TT	Vị trí xảy ra sự cố	Nguyên nhân, tình huống xảy ra sự cố	Hậu quả và mức độ tác động
1	Quá trình nhập (vận chuyển) hóa chất từ nhà cung ứng vào kho lưu trữ	<ul style="list-style-type: none"> - Xe vận chuyển hỏng, gây đổ vỡ, hóa chất bị rò rỉ. - Các thùng hóa chất bị va đập vào nhau hoặc bởi thùng xe vận chuyển hóa chất hay vật ngoại quan. - Trong quá trình vận chuyển, công nhân không tuân thủ quy trình vận hành, bất cẩn trong công việc, hóa chất bị rơi, vỡ, va đập, rò rỉ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gây cháy nổ, thiệt hại về người, tài sản, ô nhiễm không khí, đất, nước khu vực xảy ra sự cố; - Gây rò rỉ, tràn đổ, văng bắn vào da, mắt, hít phải,...gây tổn hại đến sức khỏe người lao động, ô nhiễm không khí, đất, nước khu vực xảy ra sự cố;
2	Tại khu vực kho lưu trữ hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Cháy xảy ra gần khu vực lưu giữ hóa chất và nhiệt lan tỏa đến kho chứa hóa chất gây nhiệt lượng trong kho, các hóa chất trong kho bén nhiệt và bắt cháy. - Hóa chất chứa trong kho bị rò rỉ, đổ vỡ. - Công nhân không tuân thủ quy trình vận hành bất cẩn trong công tác làm việc. - Nhiệt độ trong kho hóa chất cao quá hạn mức, hóa chất trong kho có thể bắt cháy gây hỏa hoạn 	
3	Khu vực phòng sạch	<ul style="list-style-type: none"> - Thùng chứa, hộp chứa bị hỏng gây rò rỉ. - Cháy xảy ra gần khu vực bảo quản, sử dụng và nhiệt lan tỏa đến hóa chất. - Công nhân vận hành thao tác không đúng quy trình, bất cẩn trong công việc gây văng bắn vào da, mắt, hít phải,... 	

d. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Bất kỳ quá trình sản xuất nào cũng tiềm ẩn những nguy cơ về tai nạn lao động. Đây là những nguồn có khả năng gây tác động lớn đến giá trị về tài sản, tính mạng con người và môi trường. Với đặc thù ngành nghề sản xuất với dây chuyền hiện đại, khép kín, khả năng xảy ra tai nạn lao động của nhà máy là không cao. Tuy nhiên, vẫn có một số khả năng gây tai nạn lao động như:

- Tai nạn về điện trong giai đoạn sản xuất như: Bị điện giật, bỏng do chập điện hoặc dây điện có dòng điện cường độ cao chạy qua;
- Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu như va đập, chấn thương,...
- Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy không đúng kỹ thuật;
- Tai nạn do ngộ độc trực tiếp với hóa chất.

e. Sự cố nhiệt độ

- Nguồn phát sinh từ: quá trình vận hành máy móc (gia nhiệt máy ép dẻo) sẽ phát sinh ra nhiệt.

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, tác động bởi nhiệt do vận hành máy móc, thiết bị, khu vực sản xuất và điều kiện thời tiết tạo ra sẽ tác động tới công nhân, môi trường không khí khu vực Dự án. Các tác động này mang tính cục bộ trong khuôn viên Nhà máy và ảnh hưởng tới sức khỏe trực tiếp của cán bộ, công nhân tại Nhà máy.

f. Sự cố kho chứa chất thải

- Các thiết bị lưu chứa CTNH như túi, thùng,... bị hư hỏng.
- Mái, sàn, tường nhà CTNH có thể bị hư hỏng, nứt vỡ.
- Người lao động không thu gom, lưu giữ CTNH đúng quy định dẫn đến lượng CTNH có thể gây đổ, rơi vãi CTNH ra bên ngoài.

Tất cả các sự cố trên khi xảy ra, dẫn đến rò rỉ chất thải nguy hại phát tán ra môi trường xung quanh gây ảnh hưởng tới sức khỏe CBCNV và chất lượng môi trường xung quanh.

g. Sự cố cháy nổ, chập điện

Chập điện do quá tải đường dây (lâu ngày không được thay thế).

- Công nhân vận hành máy không đúng quy trình (chạy quá tải, không tuân thủ các bước vận hành), quá trình làm việc có hút thuốc.

- Sử dụng nhiên liệu dầu bảo dưỡng, dầu thủy lực, dầu DO không đúng mục đích, để bừa bãi không gọn gàng.

- Đặc điểm hoạt động dự án phải sử dụng và dự trữ một lượng nhiên liệu dùng cho các động cơ/máy móc. Các loại khí và nhiên liệu này đều rất dễ cháy, nổ, đặc biệt là về mùa khô, nhiệt độ không khí cao, độ ẩm thấp và gặp nguồn kích cháy.

Khi xảy ra sự cố sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với tài sản Công ty, có thể nguy hiểm đến tính mạng nếu không có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời và hợp lý. Bên cạnh đó, cháy nổ còn làm ô nhiễm môi trường khu vực.

h. Sự cố thiên tai

Mùa mưa bão ở Hải Phòng được xác định là từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm. Trung bình hàng năm ở phía Bắc tỉnh có khoảng 60 -65 ngày có dông, ở phía Nam có khoảng 55 – 60 ngày dông có kèm theo sấm sét và mưa lớn. Trong các trận dông lớn, vận tốc gió có thể đạt tới 27 – 28 m/s. Do vậy, mưa bão thường dẫn đến các sự cố sau đối với hoạt động của dự án:

+ Mưa bão, sét đánh có thể phá hỏng hệ thống điện chiếu sáng.

+ Lốc cuốn, gió bão phá hủy các công trình làm thiệt hại về kinh tế.

+ Mưa lũ làm ngưng hoạt động của dự án. Mưa lũ có còn có thể làm cuốn theo rác thải, nước thải, các loại chất bẩn gây ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

i. Sự cố về dịch bệnh

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định sẽ tập trung một lượng lớn công nhân làm việc trong nhà xưởng do đó nguy cơ bùng phát và lây lan dịch bệnh tại đây có thể xảy ra do lây chéo giữa các công nhân với nhau...

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

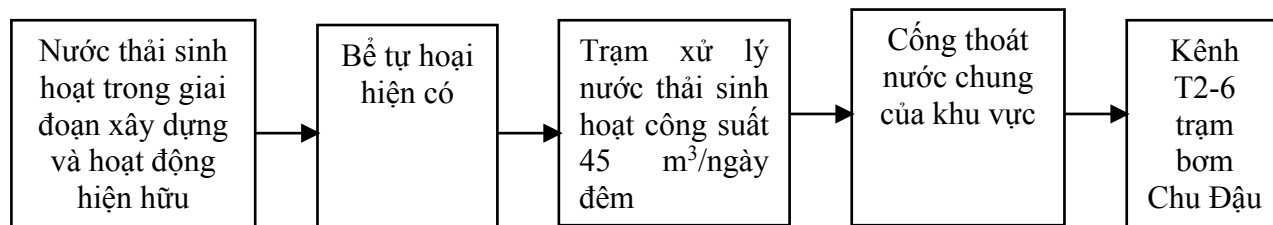
2.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn xây dựng và hoạt động sản xuất hiện hữu

2.1.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

1) Biện pháp, công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt

Không bố trí lán trại sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công. Công nhân xây dựng và nhân viên làm việc tại nhà máy sử dụng khu nhà vệ sinh hiện hữu của nhà máy, nước thải sau đó theo hệ thống thu gom vào các bể tự hoại (tổng dung tích 20m³) sau đó chảy về trạm xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 45 m³/ngày đêm (do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý và vận hành) và thoát ra cống thoát nước chung của khu vực, chảy về kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu. Tọa độ điểm đầu nối ra vào Trạm xử lý nước thải : X(m) = 2326227,768; Y(m) = 585508,315 (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy hiện hữu và thi công



Hình 4. 1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn hiện hữu

Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Hòa Bảo An (đơn vị cho thuê nhà xưởng) số 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFVN ngày 29/7/2025, trong đó đơn vị cho thuê nhà xưởng sẽ xử lý nước thải của Công ty.

2) Biện pháp, công trình thu gom xử lý nước thải công nghiệp

- Dự án không phát sinh nước thải xây dựng.
- Dự án không phát sinh nước thải sản xuất tại giai đoạn hiện hữu.

3). Biện pháp, giảm thiểu nước mưa

- Rãnh thoát nước và hố ga thu nước mưa thường xuyên được nạo vét, thu dọn để tránh tình trạng bị ứ đọng gây mất vệ sinh, ngập, lụt cục bộ. Bùn thải từ các hố ga, rãnh thoát nước được cơ sở bố trí thuê đơn vị có chức năng tới hút và vận chuyển đi xử lý.

- Bố trí nhân lực dọn dẹp và thu gom triệt để rác thải có trên mặt bằng công trường sau mỗi ngày thi công, tránh trường hợp để rác rơi vào hệ thống thoát nước của cơ sở.

- Tập kết nguyên vật liệu đúng nơi quy định.

- Che chắn khu vực tập kết nguyên vật liệu và các phương tiện vận chuyển tránh để tình trạng bị cuốn theo nước mưa chảy về hệ thống thoát nước.

2.1.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải xây dựng

1) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải giai đoạn thi công và xây dựng

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp tổ chức, trang bị bảo hộ lao động và biện pháp bảo vệ sức khỏe cho toàn bộ công nhân lao động tham gia thi công. Các bảo hộ được bắt buộc, bao gồm: Mũ bảo hiểm; Khẩu trang; Kính bảo hộ...;

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh;

- Tối ưu hóa kế hoạch thi công, tránh vận hành đồng thời nhiều thiết bị, máy móc gây ồn, hạn chế tối đa việc phát sinh các nguồn gây ồn lớn tại cùng một thời điểm, góp phần giảm mức áp suất âm tương đương;

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ;

- Để phòng chống khí thải khi hàn chủ dự án, nhà thầu thi công phải trang bị mặt nạ cho công nhân khi hàn ngoài ra trong các điều kiện cụ thể cho phép cũng có thể kết hợp với biện pháp thông gió hoặc không dùng khi nồng độ các chất gây hại ở mức cho phép, dùng mỏ hàn và kính hàn một cách thuận tiện không gây khó khăn hay cản trở quá trình làm việc, để có được điều kiện làm việc như vậy người ta thường dùng các giải pháp thông gió để cải tạo môi trường khí (không phải môi trường tự nhiên) như là quạt, chụp hút...

2) Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình vận tải

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về đăng kiểm các phương tiện cơ giới có sử dụng nhiên liệu hoá thạch;

- Bố trí đội chuyên trách vệ sinh môi trường thu dọn kịp thời nguyên vật liệu rơi vãi trên đường giao thông, sân bãi, công trường để hạn chế bụi phát tán;

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời

gian đăng kiểm hoặc không được các trạm Đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Ưu tiên sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn để giảm lượng khí SO₂ phát sinh;

- Sử dụng phương tiện, máy móc vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn khí thải: Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng phải được đăng kiểm, đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam đối với khí thải phương tiện;

- Phân bổ mật độ xe ra vào chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, có bố trí người cảnh giới và chỉ đường tại các vị trí nút giao cắt để tránh ách tắc giao thông gây ô nhiễm khói thải từ phương tiện giao thông;

- Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh;

- Các phương tiện tham gia hoạt động của Dự án phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về đăng kiểm, an toàn kỹ thuật; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu;

- Phương tiện vận chuyển phải chở đúng trọng tải của xe và của đường giao thông; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chở nguyên vật liệu, phế thải.

3) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển vật tư, máy móc, thiết bị hỗ trợ và máy móc, thiết bị lắp đặt

- Bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý tránh tình trạng ùn tắc phát sinh khí thải gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân xung quanh nhưng vẫn đảm bảo tiến độ cung cấp nguyên vật tư kịp thời phục vụ giai đoạn thi công xây dựng dự án.

- Sử dụng bạt che chắn kín thùng xe và yêu cầu lái xe tuân thủ vận chuyển đúng tải trọng phương tiện (không quá tải trọng) để tránh rơi vãi nguyên vật liệu dọc tuyến đường vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển tuyệt đối không được chở quá tải trọng cho phép, tuyệt đối không gia cố thêm phần đuôi xe.

- Quy định tốc độ đối với phương tiện vận chuyển ra vào công trường xây dựng, tốc độ từ 5 – 10 km/h và tuân theo sự điều phối của chỉ huy công trường.

- Thường xuyên vệ sinh các phương tiện vận chuyển.

2.1.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải

1) Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Phân loại rác tại nguồn: Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại riêng chất thải thực phẩm; chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; chất thải rắn sinh hoạt khác để lưu chứa vào các thùng rác có màu sắc khác nhau.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực thi công, khu vực nhà điều hành, văn phòng nhà máy dung tích thùng chứa 20 lít/thùng để thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với công ty môi trường hàng ngày thu gom và vận chuyển xử lý lượng chất thải này định kỳ 1 ngày/lần.

- Quy trình: phân loại rác tại nguồn → thùng chứa rác sinh hoạt → đơn vị vận chuyển đến mang đi xử lý.

2) Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

* Giai đoạn cải tạo nhà xưởng

- Tiến hành phân loại chất thải rắn xây dựng theo mục đích sử dụng: đối với chất thải tái sử dụng như bìa carton thải bỏ bọc máy móc, thiết bị, thép được bàn giao cho đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn; đối với chất thải rắn là tấm ALC được thu gom về kho chứa chất thải rắn công nghiệp hiện có của Công ty.

- Yêu cầu phải được quản lý và xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn tại Luật BVMT số 72/2020/QH14 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu, giáo dục nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý.

* Giai đoạn hoạt động nhà máy hiện hữu

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ nhà máy sản xuất hiện hữu được phân loại và thu gom vào các thùng chứa dung tích 120 lít/thùng; chất thải sau đó được tập kết tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu hiện hữu có diện tích 13,5m² và được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty TNHH xử lý môi trường sao sáng Bắc Ninh để vận chuyển, thu gom.

3. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn cải tạo nhà xưởng

- Không tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa lớn tại công trường mà sẽ thực hiện tại các gara tại địa phương để hạn chế dầu thải.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng và hoạt động của nhà máy hiện hữu được thu gom và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 13,5m² của Dự án. Trong kho bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng với dung tích khoảng 200-500 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Hiện nay, Công ty đang ký hợp đồng với Công ty TNHH xử lý môi trường sao sáng Bắc Ninh để vận chuyển, thu gom.

- CTNH đảm bảo không gây rò rỉ, rơi vãi ra ngoài môi trường, không gây ô nhiễm chéo các loại CTNH với nhau và với các loại chất thải khác có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại.

- Nghiêm cấm việc chôn lấp, đốt dầu mỡ thải trong khu vực dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng, có giấy phép thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

* Đánh giá chung:

- Ưu điểm:

+ Phương thức thực hiện đơn giản.

+ Các biện pháp dễ dàng thực hiện và đã được áp dụng tại các dự án tương tự.

- Nhược điểm: Khi xảy ra sự cố nếu không phát hiện và khắc phục sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của công nhân làm việc.

=> Đánh giá chung: đây là các biện pháp cơ bản dễ thực hiện và mang lại hiệu quả khi thực hiện.

2.1.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình thi công xây dựng dự án, sẽ có rất nhiều phương tiện tham gia thi công như máy hàn, máy cắt,...tạo nên tiếng ồn cũng như độ rung nhất định ảnh hưởng đến môi trường khu vực. Để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung của phương tiện giao thông và các máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm soát mức ồn từ hoạt động vận chuyển trong thi công: Phương tiện sử dụng không chờ vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

- Không sử dụng còi hơi và các hoạt động gây ồn nguồn có mức > 78 dBA từ 21 giờ đến 6 giờ sáng khi hoạt động gần các khu vực dân cư.

- Lựa chọn máy móc, thiết bị có mức ồn nguồn thấp khi thi công gần các nhà máy lân cận.

- Các thiết bị, máy móc đặt cố định hoặc di chuyển trong một phạm vi ngắn để thi công một hạng mục liên tục trong nhiều giờ sẽ lựa chọn chủng loại có mức ồn, rung nguồn thấp sao cho cùng một đối tượng thi công nhưng mức ồn tác động đến các đối tượng là nhỏ nhất.

- Thiết kế, lắp đồng bộ các bộ phận giảm âm, giảm rung chấn, đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị,...

- Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn bằng cách bố trí thời gian, sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý, tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Sửa chữa kịp thời những hư hỏng, xuống cấp do hoạt động vận chuyển của Dự án trên các đường giao thông tiếp cận Dự án, đảm bảo việc sử dụng được liên tục, ổn định, hiệu quả.

- Tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường do tiếng ồn thi công được đưa vào kế hoạch quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công.

- Kiểm soát mức rung từ hoạt động vận chuyển trong thi công: phương tiện sử dụng không chờ vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết.

- Áp dụng các biện pháp giảm độ rung tại nguồn: Tùy theo từng loại thiết bị máy móc cụ thể mà áp dụng các biện pháp khác nhau (kê cân bằng máy, lắp đặt các bộ tắt

chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại..)

- Biện pháp chống rung lan truyền: sử dụng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi..)

- Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây rung bằng cách bố trí thời gian, sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý, tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm mức rung ở mức thấp nhất.

- Các loại phương tiện chạy đúng trọng tải và tốc độ quy định và có kế hoạch vận chuyển phù hợp để tránh các tác động rung động đến hệ thống hạ tầng giao thông khu vực và các công trình kiến trúc dọc tuyến đường vận chuyển.

- Thực hiện bảo dưỡng máy móc theo định kỳ, đảm bảo điều kiện hoạt động tốt, cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

* *Đánh giá chung:* Đây là biện pháp đơn giản, được sử dụng phổ biến tại các công trình xây dựng trên địa bàn, mang lại hiệu quả cao khi áp dụng.

2.1.6. Giảm thiểu tác động khác

1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái khu vực

- Thu dọn mặt bằng khu vực thi công hằng ngày.

- Thu dọn sạch các chất thải phát sinh không để bị cuốn theo dòng chảy nhằm hạn chế sự phân huỷ của chúng trong môi trường nước. Việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn, nước thải, không khí sẽ tránh được những tác động đến hệ sinh thái, vì các thành phần môi trường bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái.

2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Đưa ra các nội quy, quy định cho công nhân tham gia thi công. Kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức cho công nhân để hạn chế các vi phạm về an ninh trật tự và tệ nạn xã hội.

- Cung cấp đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Kết hợp với cơ quan quản lý y tế địa phương để thông tin và nắm bắt cũng như đưa ra các phương án xử lý về các bệnh dịch truyền nhiễm.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn cách phòng chống một số loại dịch bệnh thông thường cho cán bộ công nhân trên công trường.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Tất cả các phương tiện vận chuyển cam kết có bạt che phủ thùng xe, chờ đúng tốc độ và tải trọng cho phép, đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.

- Trong trường hợp đất, cát bị rơi vãi xuống đường giao thông do xe vận chuyển vật tư chạy trên đường. Nhằm hạn chế gây ra ùn tắc giao thông, chủ đầu tư có các quy định yêu cầu đơn vị thi công thực hiện thu gom quét dọn sạch sẽ với các biện pháp như sau:

+ Ngay khi phát hiện hoặc có thông báo đất cát rơi vãi trên đường, nếu gần khu vực thi công phải cử ngay đội vệ sinh đang làm việc đến thu gom.

+ Đặt biển báo tại khu vực quyết định giúp người tham gia lưu thông giảm tốc độ, tránh xảy ra tai nạn.

2.1.7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do cháy nổ, chập điện

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các công tác phòng chống cháy nổ; thường xuyên nhắc nhở công nhân phải tuân thủ biện pháp PCCC.

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ được trang bị biển cảnh báo với kích thước lớn, rõ ràng để công nhân theo dõi, trang bị các thiết bị PCCC để phòng ngừa cháy nổ.

- Ban hành nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy.

- Không vi phạm khoảng cách an toàn đối với điện áp cao theo quy định, không để các máy móc, thiết bị gần hành lang an toàn điện.

- Tập huấn cho công nhân về công tác thi công nhằm đảm bảo an toàn mạng lưới điện; tuyên truyền cho công nhân và người dân xung quanh dự án về khoảng cách an toàn lưới điện.

- Kiểm tra hệ thống cung cấp điện phục vụ công trường. Không cho dây dẫn điện nằm dưới đất, kiểm tra để bảo đảm chắc chắn rằng dây điện không bị tróc vỏ. Nghiêm cấm các công nhân phơi quần áo trên dây điện.

- Khi hết ca làm việc cần nhắc nhở các nhân viên tại công trường tắt điện, cúp cầu dao hoặc khóa các công tắc điện đảm bảo an toàn.

- Khi phát hiện các sự cố về cháy nổ thì người phát hiện phải báo động để mọi người cùng nhau khắc phục như: khẩn trương rút cầu dao điện nơi xảy ra sự cố, dùng phương tiện chữa cháy để dập tắt đám cháy, di dời tài sản ra khỏi phạm vi cháy, báo cho Cơ quan công an PCCC để dập tắt đám cháy.

2. Phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông và tai nạn lao động

- Trong quá trình thi công nhà thầu phải đảm bảo tối thiểu các quy định sau về an toàn lao động:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc các nội quy an toàn lao động.

+ Tất cả những người tham gia thi công là công nhân lành nghề, đã qua khóa học an toàn lao động và được kiểm tra sức khỏe do cấp y tế có thẩm quyền xác nhận đạt yêu cầu mới được bố trí làm việc.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa phù hợp;

+ Người lái xe phải có giấy phép lái xe và hiểu luật an toàn giao thông;

+ Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu nếu để rơi vãi ra đường cần tiến hành làm sạch ngay, để không gây tai nạn cho người tham gia giao thông;

+ Chất lượng phương tiện vận chuyển phải đảm bảo qua kiểm định, xe chở đúng trọng tải; Và chạy đúng vận tốc cho phép. Các phương tiện đều phải được phủ bạt để hạn chế tối đa khả năng nguyên vật liệu rơi vãi gây mất an toàn giao thông.

+ Giáo dục lái xe tuân thủ nghiêm Luật giao thông đường bộ, trong đó chú ý nhất tới vận tốc và đi đúng làn đường quy định;

+ Tổ chức cứu chữa và đưa người bị nạn đến các cơ sở y tế gần nhất khi xảy ra tại nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Khi có sự cố tai nạn lao động xảy ra, phải tiến hành sơ cứu người bị nạn và đưa người bị nạn đi cấp cứu. Tiến hành điều tra nguyên nhân và kịp thời đưa ra các biện pháp an toàn lao động bổ sung.

Đây là biện pháp mang tính khả thi cao. Tuy nhiên, để thực hiện triệt để thì Đơn vị thi công phải nâng cao ý thức đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, coi trọng sự an toàn và sức khỏe của công nhân và ngay bản thân các công nhân cũng phải có ý thức tự bảo vệ mình tránh xảy ra các trường hợp đáng tiếc

3. Giảm thiểu sự cố ngập úng, thiên tai

- Tuân thủ theo đúng kế hoạch thi công, biện pháp thi công và hồ sơ thiết kế đã được duyệt; Dừng thi công vào mùa mưa bão kéo dài, đồng thời kiểm tra, nạo vét toàn bộ hệ thống thu gom, lắng, thoát nước trong và ngoài dự án;

2.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành

2.2.1. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải

2.2.1.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải

1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa

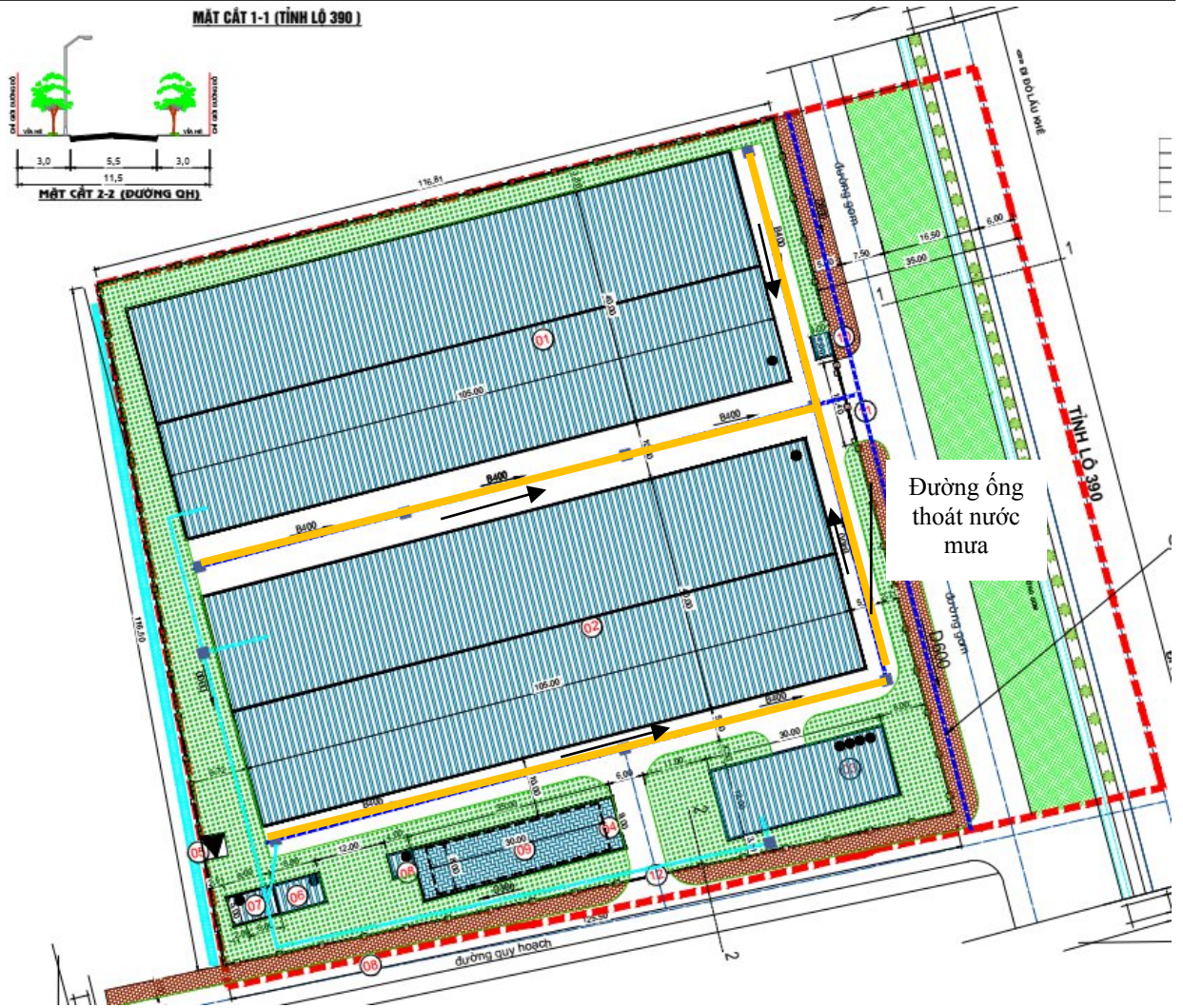
Hệ thống thu gom nước mưa được tách riêng biệt so với nước thải .

- Toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa đã được Công ty TNHH Hòa Bảo An (đơn vị cho thuê xưởng) xây dựng. Quá trình thuê lại nhà xưởng, Chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị cho thuê quản lý, vệ sinh. Phương án thu gom như sau:

+ Nước mưa chảy tràn trên mái công trình được thu gom vào senô chứa, theo đường ống dẫn PVC lắp đứng đầu nối vào hệ thống tiêu thoát nước mưa mặt bằng;

+ Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng cơ sở thu gom vào rãnh thoát nước B400 kết ga thu để tách chất thải thô và cặn bẩn trước khi đầu nối vào hệ thống rãnh thoát nước mưa của Công ty TNHH Hòa Bảo An.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

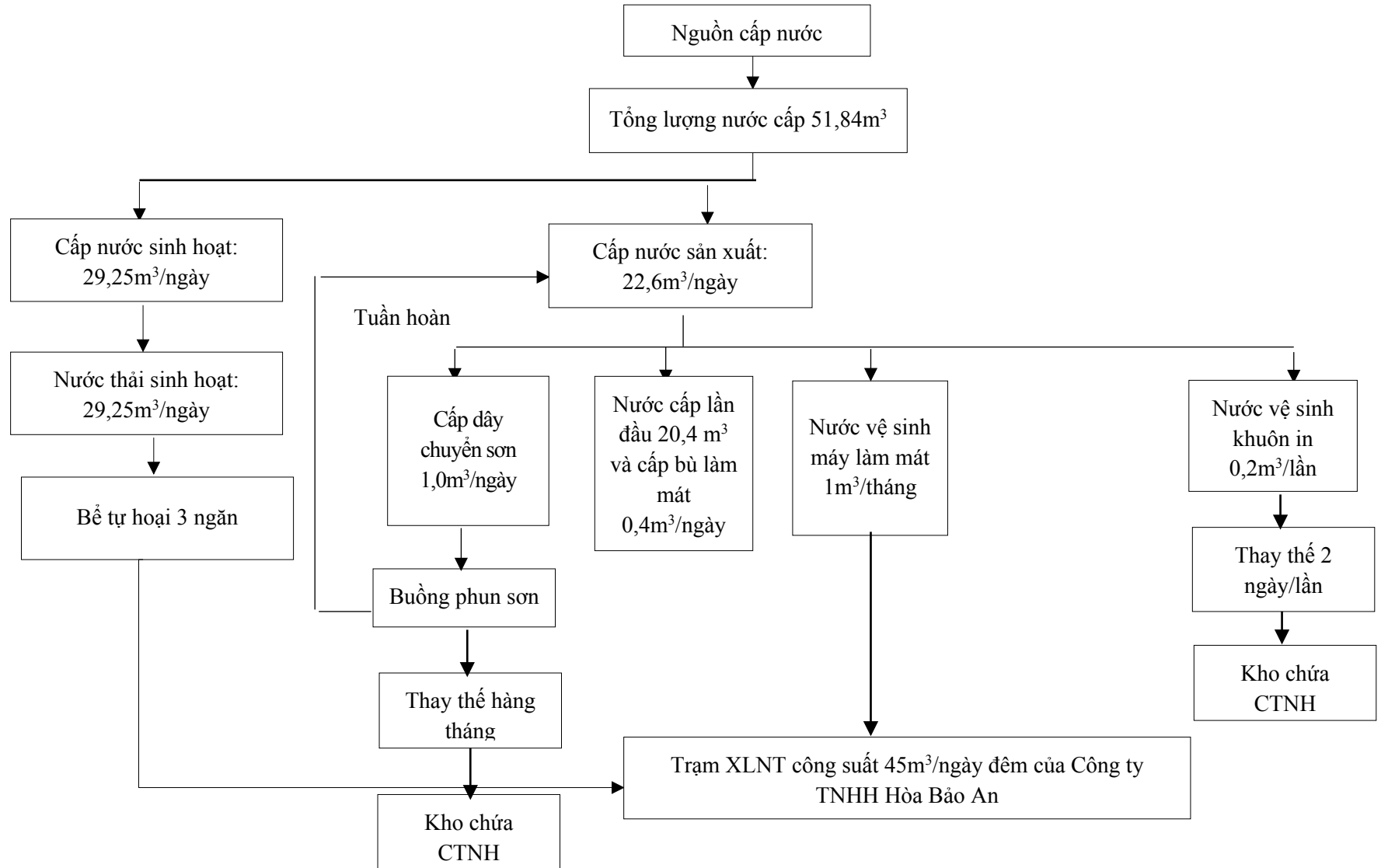


Hình 4. 2. Sơ đồ thu gom nước mưa của dự án

- Các biện pháp khác: bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh mặt bằng cơ sở hàng ngày; thực hiện nghiêm túc quá trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; bố trí nhân viên môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra đường ống thu nước, cống BTCT, ga thu thường xuyên để phát hiện hỏng hóc để có phương án khắc phục kịp thời; dự kiến định kỳ, thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại ga thu nước mưa đảm bảo công trình vận hành ổn định (thời điểm nạo vét là trước mùa mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày). Bùn cặn phát sinh sẽ được đơn vị này có trách nhiệm thu gom, xử lý theo đúng quy định.

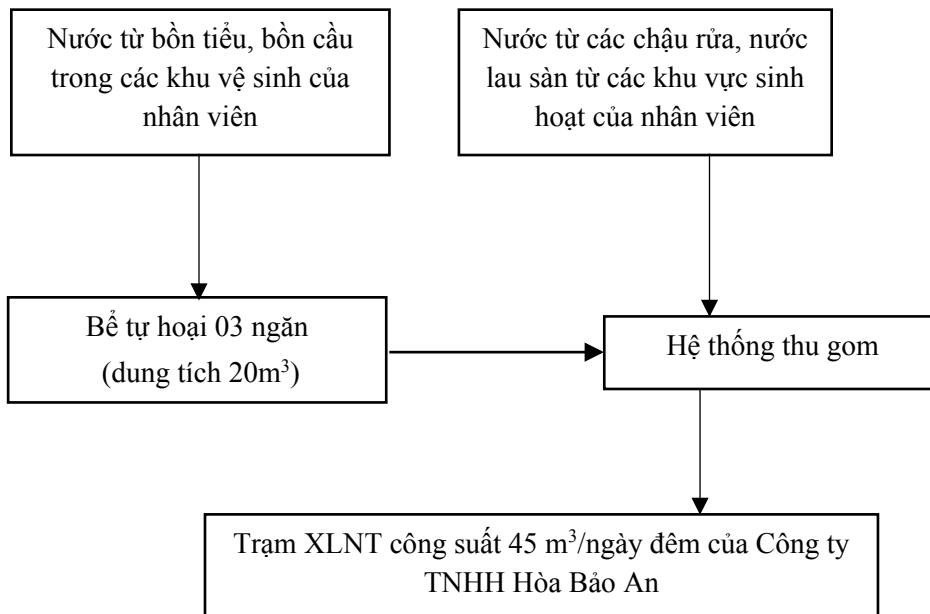
2. Phương án thu gom, xử lý nước thải

a. Sơ đồ cân bằng nước



b. Phương án thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Dự án tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước tại các khu vực hiện hữu không thay đổi. Hệ thống thu gom, thoát nước thải giai đoạn nâng công suất như sau



Hình 4. 3. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án

Mô tả quy trình

Hệ thống thu gom nước thải được tách biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đen (từ bồn cầu, xí tiểu) từ các khu nhà vệ sinh được thu gom vào 02 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 20 m³ để xử lý sơ bộ bằng đường ống PVC ø 110.

+ Nước thải xám (từ bồn rửa, thoát sàn vệ sinh) từ các khu nhà vệ sinh được thu gom bằng các đường ống D300, về hố ga thu nước thải.

=> Toàn bộ nước thải sau thu gom được chảy Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý và vận hành.

- Toạ độ điểm đầu nối: X = 2326227,768, Y = 585508,315 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24h.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của Công ty TNHH Hòa Bảo An.

Bảng 4. 24. Khối lượng công trình thu gom, thoát nước thải

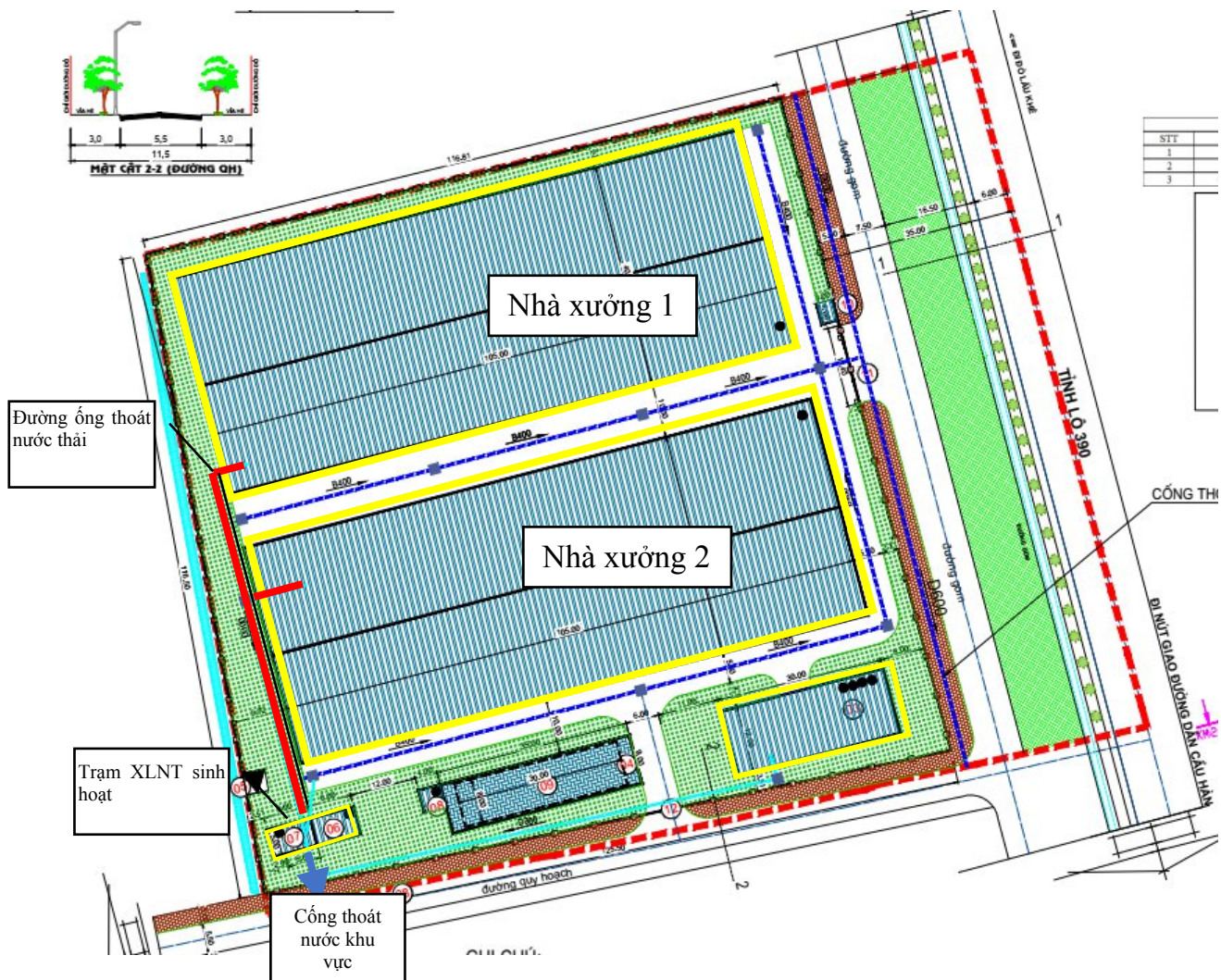
STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống D300	m	420
2	Hố ga	cái	2

(Nguồn: Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam)

Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFDVN ngày

29/7/2025 với Công ty TNHH Hòa Bảo An (đơn vị cho thuê nhà xưởng) trong đó đơn vị cho thuê nhà xưởng sẽ tiếp nhận nước thải và xử lý theo quy định.

Hiện nay Trạm xử lý nước thải công suất 45m³/ngày đêm của Công ty TNHH Hòa Bảo An đã hoàn thiện xây dựng và đang thực hiện thu gom toàn bộ nước thải của chủ nhà xưởng cho thuê cũng như đơn vị thứ cấp. Trạm XLNT đã được chủ dự án đánh giá và được UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường điều chỉnh của Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng tại Văn bản số 618/CV-UBND ngày 25/9/2025.



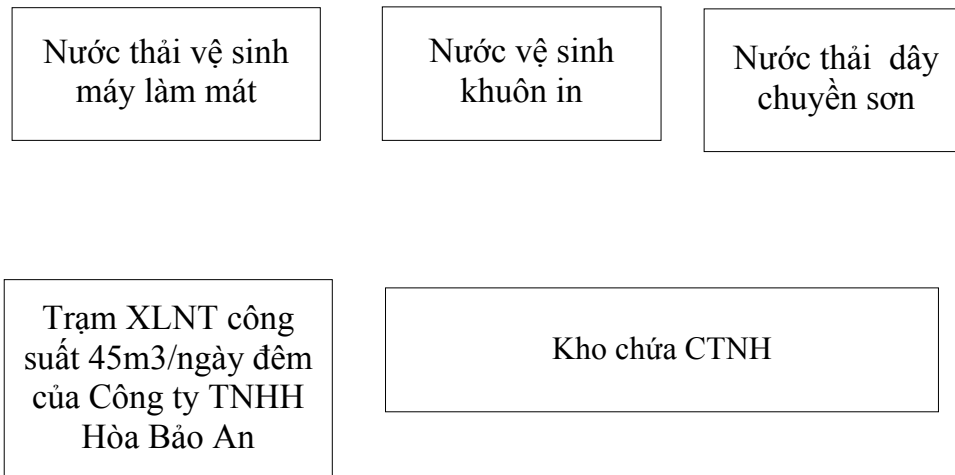
Hình 4. 4. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt của nhà máy

- Ngoài ra để hạn chế việc ô nhiễm trong hệ thống thu gom, thoát nước thải của nhà máy, chủ dự án triển khai các biện pháp quản lý, kiểm tra định kỳ hệ thống nước thải trong giai đoạn hiện hữu, đồng thời tiếp tục duy trì và áp dụng trong giai đoạn nâng quy mô, công suất như sau:

+ Thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước thải tối thiểu 1 lần/tháng (hoặc bất thường khi có dấu hiệu ô nhiễm), đảm bảo các đường thoát nước mặt, thu gom nước thải thông thoáng, không có rác thải, vật lạ hoặc có sự xâm nhập chéo, chất lạ trong hệ thống, gây ứ đọng, gia tăng mức ô nhiễm.

+ Định kỳ hàng năm tiến hành vệ sinh tổng thể, bảo trì và khắc phục kịp thời các tồn tại của hệ thống.

3. Phương án thu gom, xử lý nước sản xuất



Hình 4. 5. Sơ đồ thu gom nước thải sản xuất của nhà máy

Hệ thống thu gom nước thải được tách biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Cụ thể như sau:

+ Nước thải dây từ dây chuyền sơn và hoạt động rửa khuôn in được định kỳ thu gom về các thùng chứa và quản lý như CTNH tại kho chứa CTNH.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy làm mát được thu gom bằng đường ống ra hố ga thoát nước thải chung của nhà máy, chảy về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý và vận hành.

+ Toạ độ điểm đầu nối: X = 2326227,768, Y = 585508,315 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

2.2.1.2. Công trình thu gom, xử lý nước thải

a. Bể tự hoại

- Chức năng: Xử lý sơ bộ nước thải xí tiêu
- Số lượng, dung tích:

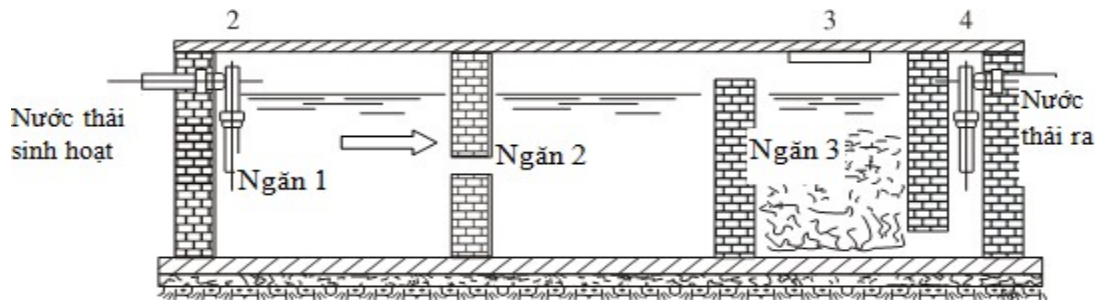
Bảng 4. 25. Bảng thống kê bể tự hoại

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thể tích	Kết cấu
1	Bể tự hoại tại nhà xưởng 1	BỂ	01	10 m ³	BTCT
2	Bể tự hoại tại nhà xưởng 2	BỂ	01	10 m ³	BTCT

* Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn:

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn hướng dòng ở ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí có tác dụng làm sạch triệt để hơn nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của vật liệu lọc và ngăn

cặn lơ lửng trôi ra theo nước.



Hình 4. 6. Sơ đồ xử lý của bể tự hoại

Trong đó:

- 1- Ống dẫn nước thải vào bể
- 2- Ống thông hơi
- 3- Nắp thăm (để hút cặn)
- 4- Ống dẫn nước ra

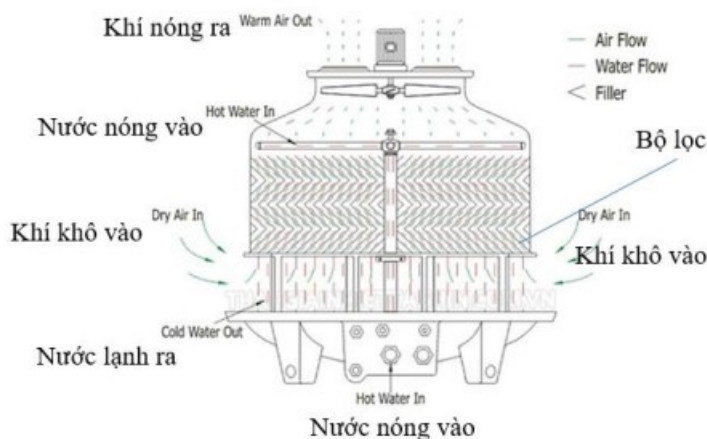
b. Hệ thống nước làm mát

Nước sau làm mát không chứa các thành phần ô nhiễm, chủ yếu có cặn lơ lửng và rong rêu.

Toàn bộ nước làm mát sẽ được thu hồi, làm mát qua tháp giải nhiệt. Tháp giải nhiệt nước là thiết bị làm mát nước hoạt động theo nguyên lý tạo mưa và giải nhiệt bằng gió. Tháp giải nhiệt được thiết kế luồng không khí theo hướng ngược với lưu lượng nước. Ban đầu, không khí tiếp xúc với môi trường màng giải nhiệt, sau đó luồng không khí kéo lên theo phương thẳng đứng. Lưu lượng nước được phun xuống do áp suất không khí và lưu lượng nước rơi xuống qua bề mặt tấm giải nhiệt, lưu lượng gió theo hướng ngược lại.

Quá trình làm mát tại tháp giải nhiệt sẽ có một lượng nước bị bốc hơi vào không khí. Nước sau làm mát không thải ra môi trường mà được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ bổ sung lượng nước thất thoát để đảm bảo hoạt động của thiết bị.

Định kỳ vệ sinh và thay nước làm mát 1 tháng/lần để loại bỏ rong rêu, do nước làm mát chảy trong lòng khuôn dẫn nên không lẫn thành phần nguy hại. Do đó, sau khi thay thế lượng nước này được đưa về Trạm xử lý nước thải sinh hoạt để xử lý.



Hình 4. 7. Sơ đồ thiết bị giải nhiệt nước làm mát

2.2.2. Biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động giao thông

- Toàn bộ hệ thống đường giao thông được bê tông hóa, vỉa hè và đường dạo được lát gạch block hạn chế phát sinh bụi.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh hành lang, sân đường nội bộ trong dự án.

- Bố trí các vòi phun tưới đường được bố trí tại các khu vực thuận tiện, để giảm thiểu bụi phát sinh trên tuyến đường nội bộ, tần suất phun 1 ngày/lần vào buổi sáng (gia tăng tần suất vào những ngày hanh khô để giảm thiểu bụi phát tán từ mặt đường).

b. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy điều hòa

- Tất cả điều hòa đều được lắp mới hoàn toàn, không sử dụng các thiết bị cũ và sử dụng các chất CFCs làm lạnh để hạn chế lượng khí thải phát sinh từ điều hòa gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra, bố trí đường ống thu gom từ thiết bị điều hòa đấu nối với hệ thống thoát nước mặt của dự án để nước không chảy tự do, gây hư hỏng công trình làm mất mỹ quan của khu vực.

c. Biện pháp giảm thiểu bụi khí thải từ hoạt động sản xuất

c.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sơn

** Tính toán lưu lượng khí thải phát sinh:*

Khí thải khu vực dây chuyền sơn nước được thu gom bằng 1 chụp hút khí thải có chiều dài 2,1m, chiều rộng 1,2m, công thức tính toán như sau:

$$L = 3.600 \times (\text{dài} \times \text{rộng}) \times v \text{ (m}^3\text{/h)}$$

L: Lưu lượng khí thải phát sinh tại khu vực thu gom (m³/h).

v: vận tốc hút tại miệng ống hút 2 (m/s).

$$\Rightarrow \text{Lưu lượng hút khí thải tại chuyền sơn} = 3.600 \times 2,1 \times 1,2 \times 2 = 18.144\text{m}^3\text{/giờ.}$$

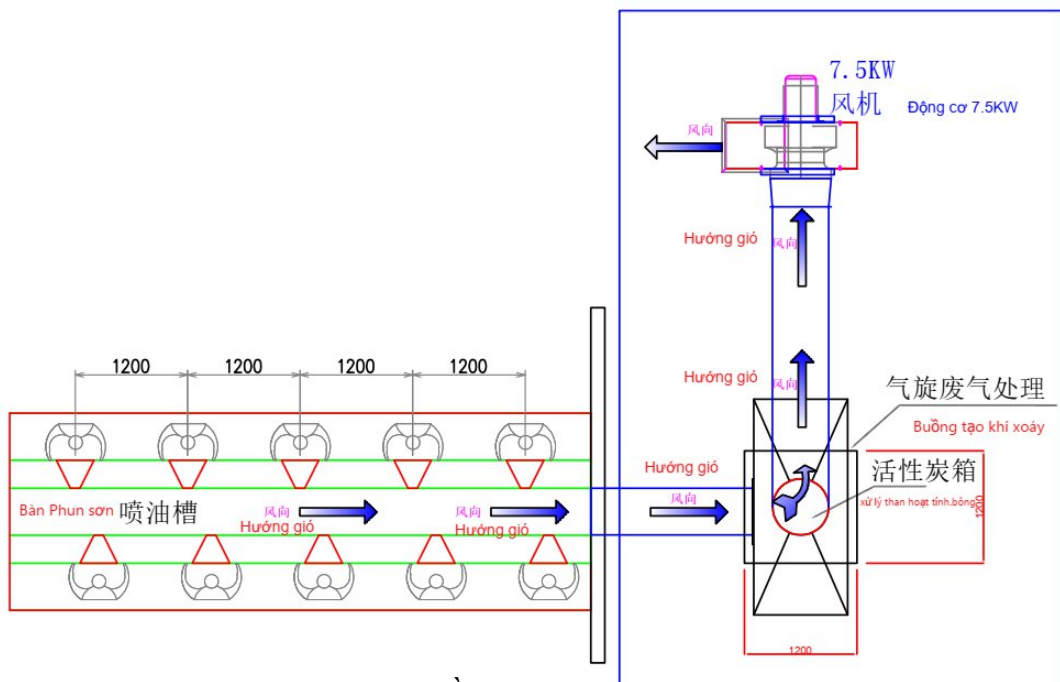
** Biện pháp thu gom, xử lý*

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000m³/giờ.

- Công nghệ xử lý: hấp phụ bằng than hoạt tính.

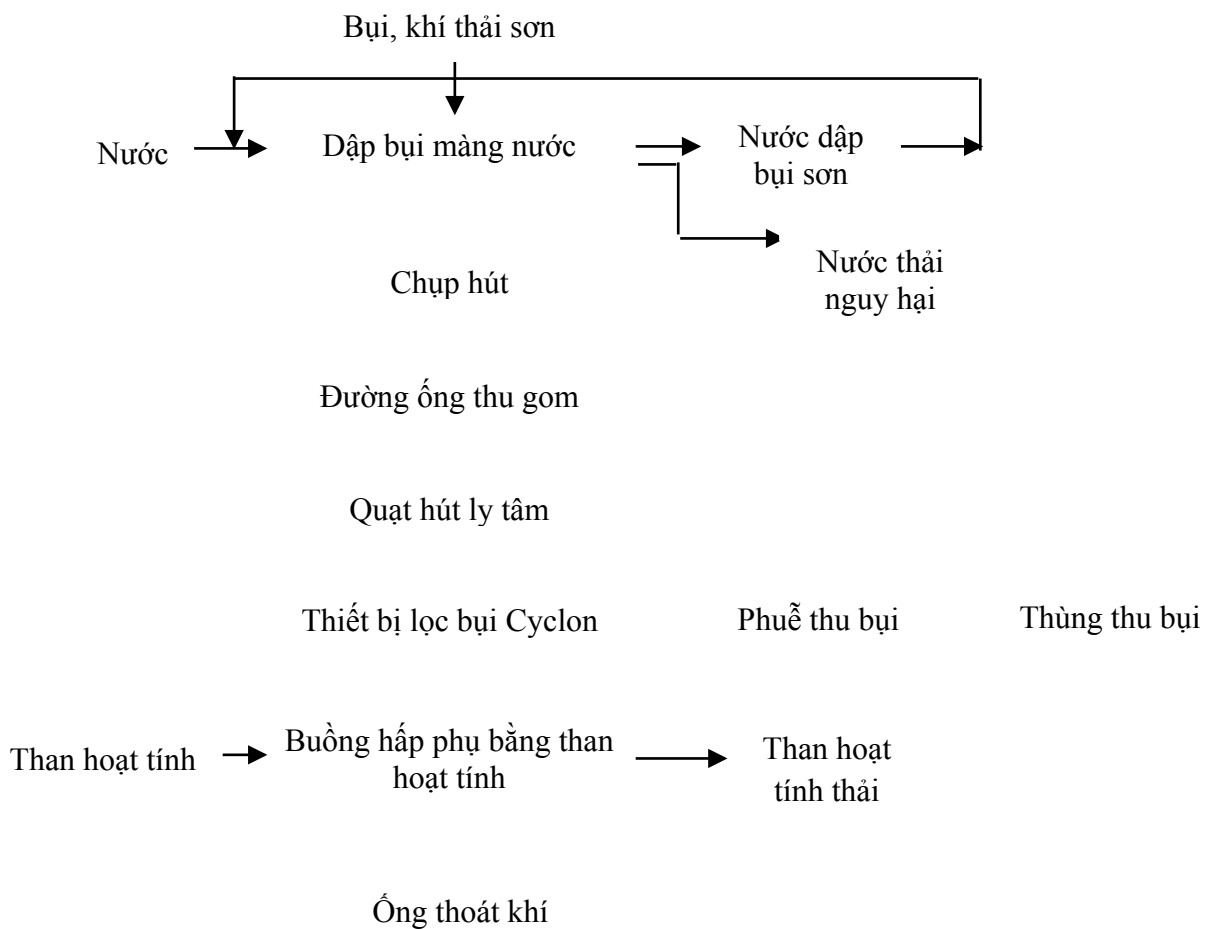
- Vị trí lắp đặt: Hệ thống được lắp đặt tại bên ngoài, cạnh nhà xưởng.

- Bố trí thống chụp hút lắp đặt tại các vị trí phát sinh khí thải để thu khí về hệ thống xử lý bằng các đường ống dẫn khí.



Hình 4. 8. Mặt bằng thu gom khí thải khu vực sơn

- Sơ đồ công nghệ xử lý



Hình 4. 9. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn

Thuyết minh công nghệ

- Tại buồng phun sơn, đơn vị đã sử dụng công nghệ phun sơn nước trong buồng kín. Sử dụng nước được bơm tuần hoàn vào trong buồng phun sơn để dập bụi sơn. Khi các hạt sơn va chạm với nước sẽ được giữ lại lắng xuống ngăn chứa phía dưới và tuần hoàn bơm lên dập bụi sơn, màng sơn nổi phía trên được thu hồi cùng với cặn sơn bám dính trong buồng vào các thùng chứa. Hơi dung môi và bụi còn sót lại sẽ được hút bằng các cửa hút dẫn về hệ thống lọc bụi Cyclon trong đó hình thành lực ly tâm để tách bụi ra khỏi không khí. Dòng khí chứa bụi qua Cyclone chủ yếu là bụi thô. Không khí mang bụi vào thiết bị Cyclone theo một ống nổi theo phương tiếp tuyến với thân hình trụ đứng. Phần dưới thân hình trụ có phễu và dưới cùng là ống xả bụi. Bên trong thân hình trụ có ống thoát khí sạch lắp cùng trục đứng với thân hình trụ.



Nhờ cửa khí vào lắp theo phương tiếp tuyến, không khí sẽ có chuyển động xoáy ốc bên trong thân hình trụ của Cyclone và khi chạm vào ống đáy hình phễu, dòng không khí bị dội ngược trở lên nhưng vẫn giữ được chuyển động xoáy ốc để rồi cuối cùng theo ống thoát ra cyclone thứ nhất, dòng khí vào cyclone thứ hai tiếp tục quá trình như trên. Sau khi dòng khí qua Cyclone dòng khí được hướng vào Ventury.

Trong dòng chuyển động xoáy ốc, các hạt bụi chịu tác dụng bởi lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía thành ống của thân hình trụ rồi chạm vào đó, mất động năng và rơi xuống đáy phễu. Trên ống xả người ta có lắp van để xả bụi vào thùng chứa.

Thông thường ở đáy phễu có áp suất âm (áp suất tương đối), do đó khi mở van không khí bên ngoài sẽ bị hút vào Cyclone từ dưới lên trên và có thể làm cho bụi đã lắng đọng ở đáy phễu bay ngược lên theo không khí thoát ra ngoài làm mất tác dụng của việc lọc bụi. Để tránh tình trạng trên phía dưới cyclone có thùng thu bụi, dưới đáy có phễu và van xả, trước khi xả bụi người ta đóng van trên rồi mở van dưới.

Dòng khí sau lọc bụi cyclon vẫn còn chứa hơi hữu cơ sẽ được đưa qua hệ thống hấp phụ than hoạt tính với chức năng chính là loại bỏ hơi hữu cơ.

Khí thải đi vào tháp hấp phụ và bị than hoạt tính hấp phụ các hóa chất độc hại hữu cơ.

	
<p>a) Than hoạt dạng trụ tròn</p>	<p>b) Buồng chứa than</p>

Quá trình hấp phụ xảy ra ở đây là hấp phụ vật lý, than hoạt tính có cấu trúc xốp và có nhiều mao quản nhỏ, đồng thời chúng có ái lực mạnh với các hợp chất hữu cơ. Vì vậy, các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) bị hút và giữ trong các mao quản của than hoạt tính.

Dự án sử dụng loại than hoạt tính dạng tổ ong với chiều dày mỗi lớp là 200mm. Than hoạt tính được xếp thành nhiều lớp đệm đảm bảo sức cản đối với dòng không khí nằm trong phạm vi thích hợp để tổn thất áp suất của dòng khí đi qua thiết bị không quá lớn, đồng thời đảm bảo thời gian tiếp xúc cần thiết giữa khí và vật liệu hấp phụ.

Để đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống, định kì Chủ dự án sẽ lấy mẫu than hoạt tính trong tháp hấp phụ mang đi phân tích, đánh giá chất lượng còn lại của than để quyết định thời điểm thay than phù hợp với thực tế sử dụng. Độ hấp phụ Iodine ban đầu của than sử dụng là khoảng 500-1000mg/g, sau một thời gian sử dụng kết quả phân tích giảm còn dưới 300mg/g thì sẽ tiến hành thay than. Than hoạt tính thải bỏ được thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định.

Hiệu quả xử lý khí thải của hệ thống đạt khoảng 90%. Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B) sẽ theo các ống thải thoát ra ngoài môi trường.

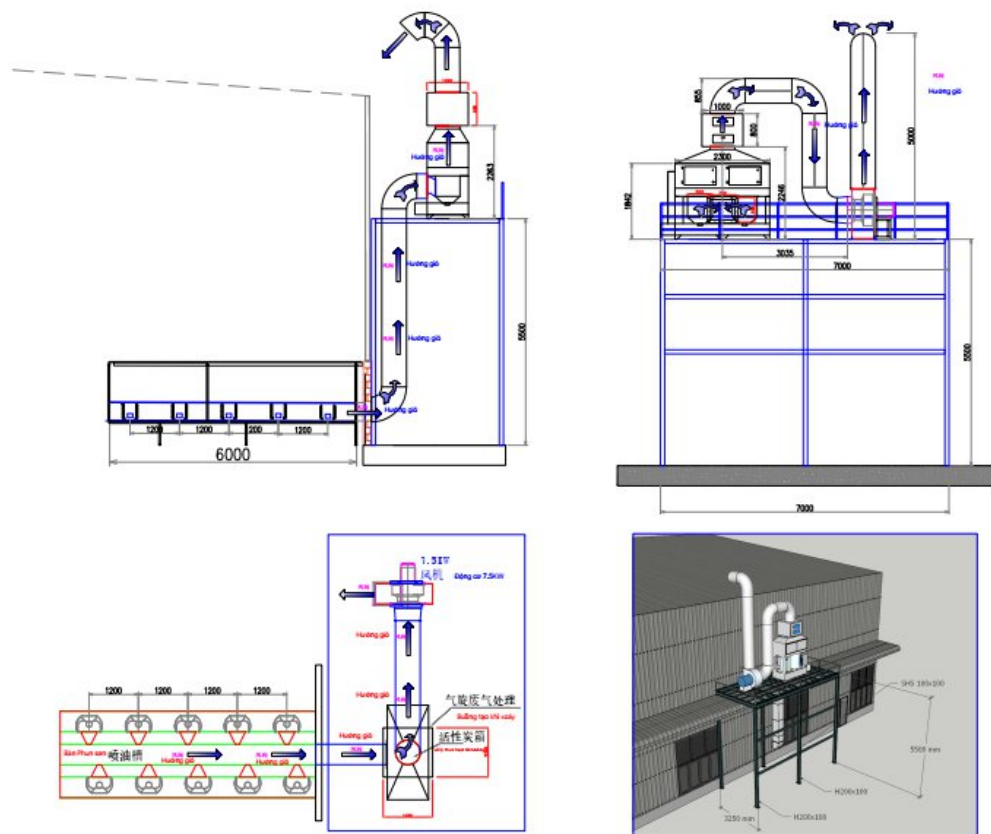
Vị trí xả khí thải: X = 2326278; Y = 585531 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi chiếu 3°).

Hình 4. 10. Thông số Kỹ thuật của hệ thống XLKT khu vực sơn

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút khu vực sản xuất	1 cái	- Kích thước: chụp số 01 kích thước LxW = 2,1x1,2m, vật liệu inox 403.
2	Đường ống thu gom	1 hệ	- Ống 100 - Vật liệu: thép SPHC dày 1,5mm.
3	Hệ thống lọc bụi cyclon	1 hệ	- Cấu tạo thép SPHC dày 1,5mm, sơn tĩnh điện. - Kích thước: chiều cao 2,255m, rộng 2,3m - Phễu lọc bụi: 02 cái.
4	Buồng hấp phụ than hoạt tính	1 hệ	- Cấu tạo thép SPHC dày 1,5mm, sơn tĩnh điện. - Hộp than hoạt tính kích thước 1,0x1,0x0,8m. - Bố trí 02 khay chứa than hoạt tính.
5	Quạt hút	1 cái	Lưu lượng: 20.000m ³ /h Điện áp 380V Áp suất 1450PA Quạt 7,5KW
6	Ống thoát khí	1 cái	- Chiều dài 5,0m, đường kính D800 - Kết cấu: Tôn mạ kẽm

(Nguồn: Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam)

- Hình ảnh dự kiến hệ thống xử lý khí thải



Hình 4. 11. Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý khí thải

• **Tính toán khối lượng than hoạt tính và tần suất thay thế than tại hệ thống**

Than hoạt tính sử dụng cho hệ thống xử lý có dạng hạt trụ tròn với các thông số kỹ thuật như sau:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Kích cỡ hạt	mm	4,0
2	Khối lượng riêng	g/cm ³	0,5
3	Độ ẩm	%	≤ 5
4	Chỉ số hấp phụ Iốt (IAV)	mg/g	500 – 1.000
5	Bề mặt riêng	m ² /g	600 – 1.150
6	Độ xốp	%	50 - 55
7	pH	-	9,0

- Theo tính toán tại báo cáo nồng độ tải lượng các chất ô nhiễm tại khu vực sơn tại Bảng 4.8, tổng tải lượng ô nhiễm là $m_{voc}: 437.117,7 \text{ mg/giờ} = 437,1177\text{g/h} = 2.168\text{kg/năm}$ (thời gian hoạt động 16 tiếng/ngày, hoạt động 310 ngày).

Cấu tạo thiết bị hấp phụ than hoạt tính gồm 2 khay than với chiều dài khu chứa than là 1,0m, chiều rộng 1,0m, độ dày khay than 40cm.

+ Kích thước 1 lớp than: $L \times W = 1,0 \times 1,0 \text{ m}$

Sau khi khí thải đi qua tháp hấp phụ lượng VOCs giảm khoảng 80%, phần còn lại là 20% sẽ đi ra ngoài.

Tổng thể tích than hoạt tính cần dùng là: $V_t = 2 \text{ khay than} \times \text{kích thước khay than} \times \text{hệ số dự phòng} \times \text{chiều dày khay than} = 2 \times 1,0 \times 1,0 \times 1,2 \times 0,4 = 0,96 \text{ m}^3$

Tỷ trọng than hoạt tính sử dụng tại dự án khoảng 1.000 kg/m^3 . Theo <https://emis.vito.be/en/bat/tools-overview/sheets/activated-carbon-adsorption>, tải lượng hấp phụ của than hoạt tính dao động từ 20-25 g khí thải/100g than hoạt tính (chọn 25 g khí thải/100g than hoạt tính tương đương 250g khí thải/1kg than. Do đó năng lực hấp phụ VOCs $\sim 250 \text{ kg/m}^3$ than hoạt tính.

+ Khối lượng than hoạt tính là: $M_{\text{than}} = V_t \times m = 0,96 \times 1.000 \text{ kg/m}^3 = 960 \text{ kg}$.

à Khối lượng than sử dụng trong thiết bị là 880 kg.

Dung lượng hấp phụ làm việc của thiết bị này như sau: $m_{AC} = 0,96 \text{ m}^3 \times 250 \text{ kg/m}^3 = 240 \text{ kg}$ chất ô nhiễm hữu cơ.

Thời gian cần thiết thay than được tính toán theo công thức:

$$T_{LT} = m_{AC} / m_{VOC} \text{ (ngày)}$$

Trong đó:

T_{LT} : Thời gian lý thuyết cần thiết thay thế than hoạt tính (do hấp phụ bão hòa) (ngày)

m_{AC} : Dung lượng làm việc của thiết bị than hoạt tính đang thiết kế (kg chất hữu cơ)

m_{VOC} : Tải lượng chất hữu cơ trong khí thải (kg/ngày): $437,1177 \text{ g/h} = 6,9 \text{ kg/ngày}$.

Do đó: $T_{LT} = 240 / 6,9 = 35$ ngày; do đó tần suất thay thế khoảng 1,0 tháng/lần (khoảng 12 lần/năm). Do đó khối lượng than hoạt tính thay thế 1 năm là: $960 \times 12 = 11.520 \text{ kg/năm}$. Than hoạt tính thải sau khi sử dụng sẽ được thu gom, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại.

d.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khu vực cắt vải

- Quá trình cắt tại nhà máy diễn ra tại các khu vực riêng và khép kín. Bố trí các khay thu vụn vải, vụn tóc bên trong thiết bị. Do vậy lượng bụi đều được thu gom ngay tại nguồn, giảm thiểu khả năng phát tán ra ngoài môi trường xung quanh. Cuối ngày công nhân làm việc sẽ thu gom và tập kết về kho chứa chất thải công nghiệp của dự án.

- Lượng bụi công đoạn này phát sinh là không đáng kể, để giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân về lâu dài, nhà máy sẽ lắp đặt các quạt hút thông thoáng nhà xưởng.

Bên cạnh đó, nhà máy sẽ trang bị đầy đủ bảo hộ, thiết bị lao động cho công nhân bao gồm: mũ, giày nút tai, khẩu trang,... nhằm giảm thiểu tối đa các tác động đến người lao động trực tiếp.

Ngoài ra trong khu vực xưởng sản xuất trang bị các quạt hút công nghiệp ở vách nhà xưởng để tăng cường trao đổi không khí trong nhà xưởng với bên ngoài, để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

d.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khu vực chứa hóa chất

Các hóa chất phục vụ hoạt động pha hóa chất cho hoạt động sản xuất cần được bao, bọc cẩn thận tránh phát tán ra ngoài không khí. Đồng thời thao tác thực hiện châm hóa chất cần đúng quy trình và trình tự hướng dẫn vận hành nhằm tránh rơi vãi và phát sinh bụi, mùi.

d.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khu vực nhồi bông

- Hoạt động nhồi bông được thực hiện trong các máy khép kín, bông nhồi được bơm vào búp bê tự động. Bông dư thừa được thu gom vào các thùng chứa dưới các máy nhồi bông và tuần hoàn tái sử dụng cho lần nhồi tiếp theo. Bông hỏng, lỗi được thu gom như chất thải công nghiệp.



Hình 4. 12. Hình ảnh máy nhồi bông

d.4. Biện pháp giảm thiểu khí thải khu vực in

Theo tính toán, nồng độ hơi dung môi phát sinh tại khu vực in pad nhỏ hơn quy chuẩn cho phép của QĐ 3733/QĐ-BYT. Do đó Công ty áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng và trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực này.

d.5. Biện pháp giảm thiểu hơi nhựa trong quá trình gia nhiệt làm mát búp bê

- Công ty sử dụng máy móc hiện đại, quy trình gia nhiệt được thực hiện trong buồng kín. Trên máy gia nhiệt làm mát tại khuôn bằng nước giảm thiểu nồng độ hơi nhựa phát sinh. Theo tính toán, nồng độ hơi dung môi phát sinh tại khu vực gia nhiệt nhỏ hơn quy chuẩn cho phép của QĐ 3733/QĐ-BYT.

- Tại khu vực này thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng.

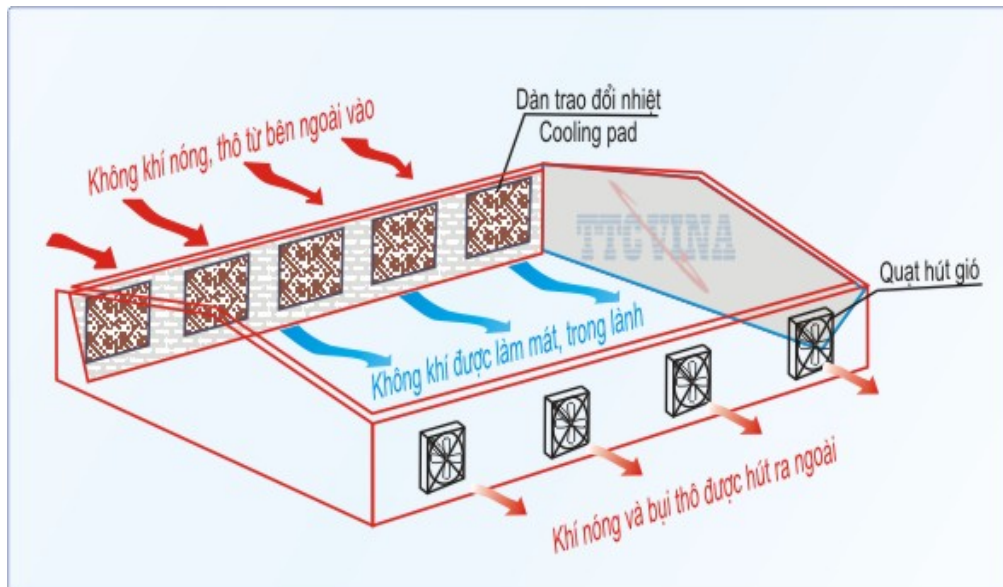
d.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt

- Thiết kế nhà xưởng hợp lý, lắp đặt điều hoà nhiệt độ, hệ thống thông gió tại các nhà xưởng sản xuất để giảm lượng nhiệt phát sinh.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, đặc biệt là hệ thống bảo ôn ở các thiết bị có phát sinh nhiệt để hạn chế tối đa lượng nhiệt thất thoát ra bên ngoài môi trường.

e. Biện pháp thông thoáng nhà xưởng

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, cao ráo, bố trí ô thoáng nhằm lợi dụng gió tươi từ ngoài vào. Lắp đặt quạt công nghiệp bên trong nhà xưởng sản xuất. Đặc tính kỹ thuật của quạt được lắp trong xưởng: Loại quạt công nghiệp thông gió vuông này đặc trưng là tiếng ồn thấp tiết kiệm điện, lưu lượng gió cung cấp lớn. Để lắp đặt là sự lựa chọn lý tưởng cho giải pháp hệ thống thông gió.



Hình 4. 13. Hình ảnh minh họa thông gió nhà xưởng

- Bố trí các khoảng trống thích hợp bên trong khu vực sản xuất.
- Phân chia khu vực sản xuất theo đặc trưng của từng công đoạn sản xuất.
- Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa và cấp khí tươi (AHU – Air Handling Unit).
- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật cho công nhân sản xuất.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đảm bảo thiết bị vận hành tốt nhằm hạn chế khí thải phát sinh.

- Bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh nhà xưởng vào cuối mỗi ngày làm việc.

f. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi, thổi từ khu tập kết CTR sinh hoạt, nước thải

- Chủ dự án bố trí hệ thống thùng đựng rác có nắp đậy tại các vị trí phù hợp thuận tiện cho việc thu gom rác, thường xuyên dọn dẹp vệ sinh thùng thu gom rác hàng ngày, để tránh phát sinh mùi hôi thối.

- Tại khu vực kho lưu giữ chất thải rắn trước khi vận chuyển cho đơn vị có chức năng vận chuyển: Bố trí vị trí tập kết tại khu vực cuối nhà xưởng. Tại khu vực tập kết bố trí kho kết cấu đảm bảo kín, khít để không xảy ra tình trạng nước rác rò rỉ. Bố trí đội công nhân vệ sinh duy trì công tác thu gom, quét dọn tránh đổ rác thải vương vãi ra khu vực nền.

2.2.3. Biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý liên quan đến chất thải rắn

a. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công ty được phân loại theo quy định của UBND thành phố Hải Phòng (Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng) và pháp luật về bảo vệ môi trường thành chất thải có khả

năng tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải khác phải xử lý. CTRSH sau khi được phân loại được lưu giữ trong các bao bì theo quy định hoặc lưu giữ trong các thùng có nắp đậy. Quy định màu sắc của bao bì, thiết bị đựng CTRSH sau phân loại như sau:

- + Chất thải có khả năng tái sử dụng: giấy thải, nhựa thải, kim loại thoát, thủy tinh thải,...
- + Chất thải thực phẩm, hữu cơ: thức ăn thừa, thực phẩm rau, củ, quả,...
- + Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại: bóng đèn huỳnh quang, mực in văn phòng,...
- + Chất thải công kênh: cành cây, gốc cây,...
- + Chất thải sinh hoạt khác còn lại.

Rác thải sinh
hoạt

Quét dọn, vệ
sinh

Các thùng lưu
chứa

Tập kết rác tập trung
trước khi vận chuyển

Tập kết rác tại các vị trí nhà văn
phòng, xưởng sản xuất

Chất thải thực phẩm

Chất thải có khả năng tái
chế

Chất thải sinh hoạt khác

Đơn vị tái sử dụng hoặc bàn
giao cho đơn thu gom

Đơn vị tái sử dụng hoặc
bàn giao cho đơn thu gom

Hợp đồng với đơn vị có
chức năng

Hình 4. 14. Sơ đồ quy trình thu gom CTR sinh hoạt

Các biện pháp được áp dụng cụ thể như sau:

+ Thiết bị lưu chứa: thùng rác dung tích từ 10- 20 lít đặt xung quanh các khu nhà vệ sinh, phòng ban, nhà điều hành.

+ Phương án thu gom: Sau đó cuối ngày được nhân viên vệ sinh vận chuyển bằng các xe đẩy rác dung tích 500 lít tập kết gần khu vực Trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ, tần suất 1 lần/ngày.

+ Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH xử lý môi trường Sao sáng Bắc Ninh để thu gom, xử lý.

Bùn bề tự hoại là phân bùn tạo ra từ các bề tự hoại (cặn lắng, váng nổi hoặc dạng lỏng). Quá trình hình thành phân bùn được diễn ra chủ yếu trong các bề tự hoại. Bề tự hoại tiếp nhận các sản phẩm bài tiết của người từ các công trình vệ sinh, xử lý phần chất lỏng bằng cách lắng chất rắn.

Khác với nước thải, tính chất của phân bùn tùy thuộc vào thời gian lưu trong bề tự hoại. Thời gian lưu trong bề càng lâu thì lượng chất hữu cơ càng giảm xuống. Đây cũng được xem là chất thải không nguy hại, đơn vị sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cặn và

vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp

- Phương án thu gom:

+ Đối với CTRCNTT phải xử lý: Được thu gom vào các bao tải và sắp xếp gọn gàng tại khu vực lưu chứa chất thải của dự án.

+ Đối với CTRCNTT có khả năng tái chế (bìa carton, ...): Được chủ dự án tập kết gọn gàng tại khu vực lưu chứa.

+ Việc sắp xếp, lưu chứa CTRCNTT đảm bảo số lượng và tiêu chuẩn vệ sinh, đồng thời thuận lợi cho việc bàn giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển.

- Diện tích kho lưu chứa:

+ Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải công nghiệp diện tích 13,5m² tại nhà xưởng 1. Kho chứa khép kín, có biển báo, nền bê tông, tường gạch, cửa ra vào, bình bột chữa cháy; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tần suất thu gom chất thải rắn thông thường là: 3 tháng/lần hoặc theo thực tế sản xuất.

- Phương thức chuyển giao, xử lý như sau:

+ Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH xử lý môi trường Sao sáng Bắc Ninh để thu gom, xử lý.

- Đánh giá khả năng đáp ứng của kho rác thải công nghiệp

Với khối lượng riêng của rác thải công nghiệp khoảng 500kg/m³, hệ số đầy của thùng chứa là 0,85. Lượng rác thải phát sinh 1 năm là: 48,62m³, tương đương 4,05m³/tháng.

Kho chứa của Công ty có diện tích 10,0m² chiều cao kho rác là 2m. Vận sức chứa tối đa của kho chất thải sinh hoạt là 20m³. Do đó kho rác đảm bảo lưu chứa được trong 3 tháng.

c. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng lưu chứa dung tích 200-500 lít, được dán tên và mã chất thải nguy hại.

+ Đối với các loại nước thải sơn phát sinh hàng tháng sẽ được lưu chứa tại các thùng phuy trực tiếp tại xưởng sơn.

+ Đối với các loại chất thải dạng lỏng khác sẽ được lưu chứa vào các can chứa, thùng chứa dung tích 500 lít và lưu trữ tại kho.

+ Đối với các loại chất thải dạng rắn sẽ được thu gom cuối ngày và lưu trữ tại kho.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí 01 kho lưu chứa diện tích 13,5m², được tại nhà xưởng 1, kết cấu: có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về

dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- CTNH được quản lý theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải theo quy định với tần suất 2 tháng/lần.

+ Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH xử lý môi trường Sao sáng Bắc Ninh để thu gom, xử lý.

- Đánh giá khả năng lưu chứa của kho CTNH

Tổng lượng CTNH được lưu chứa trong kho là 57.603 kg/năm. Trong đó CTNH dạng rắn 24.733 kg/năm, tương đương 2.061 kg/tháng và CTNH dạng lỏng là 32.870 kg/năm, tương đương 2.739 kg/ tháng.

Diện tích lưu chứa:

+ Đối với CTNH dạng rắn, được chứa trong thùng lưu chứa dung tích 500 lít. Mật độ lưu chứa khoảng 600kg/m². Như vậy diện tích cần sử dụng là $2.061/600 = 3,43 \text{ m}^2$.

+ Đối với CTNH dạng lỏng, được chứa trong thùng lưu chứa dung tích 500 lít. Mật độ lưu chứa khoảng 600kg/m². Như vậy diện tích cần sử dụng là $2.739/600 = 4,6 \text{ m}^2$.

Diện tích cho an toàn PCCC, lối đi, phân loại chiếm 40% $\approx 13,5 \times 40\% = 5,4 \text{ m}^2$

à Như vậy diện tích kho CTNH đủ khả năng lưu chứa chất thải của dự án với tần suất thu gom 1 tháng/lần.

- Trách nhiệm của Công ty về việc lưu giữ chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại

- Yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cung cấp chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại sau mỗi lần chuyển giao CTNH.





- Lưu lại các liên chứng từ chuyển giao CTNH tại Công ty trong thời gian tối thiểu 5 năm.



Hình 4. 15. Kho chứa CTNH

Một số biển báo được gắn bên trong và bên ngoài kho, thùng chứa CTNH của dự án.

Bảng 4. 28. Ý nghĩa và vị trí gắn biển cảnh báo CTNH của dự án

Biển báo	Ý nghĩa	Vị trí cảnh báo
 Chất thải nguy hại	Cảnh báo chung về sự nguy hiểm của chất thải nguy hại.	- Cửa kho.
 Chất thải dễ cháy	Cảnh báo chất thải là chất dễ cháy.	- Cửa kho - Thùng chứa giẻ lau dính dầu,... - Thùng chứa dầu thải.
 Gây độc cho hệ sinh thái	Cảnh báo về các chất có chứa thành phần gây độc hại cho hệ sinh thái.	- Thùng chứa dầu thải. - Thùng chứa bóng đèn huỳnh quang,...
 Chất thải lây nhiễm	Cảnh báo chất thải có khả năng lây nhiễm cao.	- Thùng chứa chất thải y tế.

2.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, đô rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

- Cán bộ nhân viên làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được cấp phát trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn, ...

- Thực hiện trồng cây xanh xung quanh tường rào Công ty để tạo bóng mát và cảnh quan môi trường, giảm tác động của nhiệt độ và tiếng ồn;

- Thiết kế nhà xưởng hợp lý, lắp đặt điều hòa nhiệt độ, hệ thống thông gió tại các nhà xưởng sản xuất để giảm lượng nhiệt phát sinh;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị máy móc.

2.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1). Phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

❖ Chương trình ứng phó sự cố các hệ thống xử lý khí thải của dự án

Khi xảy ra sự cố à Xác định vị trí xảy ra sự cố à Tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh khí thải liên quan đến khu vực xảy ra sự cố à Khắc phục sự cố à Chạy thử thiết bị à Thiết bị sau sửa chữa sự cố tiếp tục vận hành và hoạt động sản xuất trở lại bình thường à Ghi nhật ký sự cố.

- Khi xảy ra sự cố: Phản ứng kịp thời ngay khi phát hiện sự cố.

Khi sự cố xảy ra, người vận hành cần nhanh chóng nhận diện và đánh giá mức độ sự cố. Thông báo ngay lập tức cho các bộ phận liên quan (như trưởng ca, phòng bảo vệ, phòng y tế, quản lý hệ thống) và các cơ quan chức năng nếu cần thiết.

- Xác định vị trí xảy ra sự cố: Đảm bảo phát hiện chính xác vị trí sự cố và tránh lây lan ảnh hưởng.

Xác định chính xác khu vực bị ảnh hưởng trong hệ thống (như hệ thống lọc bụi, buồng hấp thụ than hoạt tính). Đánh giá mức độ rủi ro của sự cố để quyết định các biện pháp xử lý phù hợp (như ngừng hoạt động, báo động khẩn cấp).

- Tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh khí thải liên quan đến khu vực xảy ra sự cố: Ngừng các hoạt động có thể gây thêm sự cố hoặc tăng mức độ nghiêm trọng.

Dừng ngay các thiết bị, máy móc, và quá trình sản xuất có khả năng tạo ra khí thải hoặc phát sinh chất gây ô nhiễm trong khu vực xảy ra sự cố. Điều này giúp hạn chế việc tiếp tục phát sinh các chất độc hại hoặc làm tăng mức độ ô nhiễm môi trường. Nếu sự cố nghiêm trọng (ví dụ: cháy nổ), phải cảnh báo nhân viên và khu vực gần nhất có thể bị ảnh hưởng.

- Khắc phục sự cố: Tiến hành sửa chữa, xử lý nguyên nhân sự cố.

Xử lý sự cố ban đầu:

Kiểm tra và xử lý hư hỏng. Nếu cần, thay thế các bộ phận hoặc sử dụng thiết bị dự phòng.

Kích hoạt nguồn điện dự phòng (máy phát điện) để duy trì các hoạt động thiết yếu. Kiểm tra hệ thống điện, máy móc và các bộ phận liên quan để xác định nguyên nhân sự cố mất điện.

Đảm bảo rằng toàn bộ quy trình khắc phục sự cố đều tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn lao động. Các nhân viên liên quan cần được trang bị đầy đủ thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) và được hướng dẫn xử lý an toàn.

- Chạy thử thiết bị: Kiểm tra và đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường trước khi tiếp tục sản xuất.

Sau khi sự cố đã được khắc phục, kiểm tra lại các thiết bị và hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo chúng hoạt động đúng chức năng

Tiến hành thử nghiệm vận hành thiết bị (hệ thống lọc, thiết bị hấp thụ, quạt hút v.v.) trong khoảng thời gian ngắn để đảm bảo không có sự cố lặp lại.

- Thiết bị sau sửa chữa sự cố tiếp tục vận hành và hoạt động sản xuất trở lại bình thường: Khôi phục lại hoạt động sản xuất bình thường và đảm bảo an toàn liên tục.

Sau khi thiết bị đã được kiểm tra và chạy thử thành công, đưa thiết bị trở lại hoạt động bình thường. Lưu ý theo dõi trong một khoảng thời gian để đảm bảo sự cố không tái phát.

• Ghi nhật ký sự cố: Ghi nhận và lưu trữ thông tin để phân tích nguyên nhân và cải tiến quy trình.

Lập báo cáo sự cố:

+ Ghi nhận chi tiết sự cố, bao gồm thời gian, nguyên nhân gây ra sự cố, các bước xử lý đã thực hiện, các biện pháp khắc phục, và kết quả đạt được.

+ Đánh giá mức độ nghiêm trọng của sự cố và tác động của nó đến quá trình sản xuất, môi trường và an toàn lao động.

Đánh giá nguyên nhân gốc rễ của sự cố (từ thiết bị, quy trình, hay yếu tố con người) để tìm ra biện pháp cải tiến quy trình, thiết bị, hoặc đào tạo nhân viên. Dựa trên kết quả phân tích sự cố, điều chỉnh quy trình vận hành hoặc nâng cấp thiết bị để tránh tái diễn sự cố tương tự trong tương lai. Cập nhật các phương pháp phòng ngừa sự cố vào chương trình bảo trì và kiểm tra định kỳ.

❖ Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

Để phòng ngừa sự cố của các hệ thống xử lý khí thải, Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

Xây dựng quy trình hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Ghi chép đầy đủ các thông số vận hành hằng ngày như: lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố.

Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

Tiến hành bảo dưỡng định kỳ 1 tháng/lần, sửa chữa khi có hỏng hóc.

Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như quạt hút, túi lọc,... để thay thế khi cần thiết.

Dự trữ đủ lượng than hoạt tính, hóa chất cần thiết để vận hành hệ thống.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho kỹ thuật viên vận hành hệ thống.

Xây dựng phương án liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng, UBND xã Trần Phú để phối hợp ứng phó khi xảy ra sự cố.

Định kỳ tiến hành quan trắc chất lượng khí thải đầu ra của các hệ thống xử lý tại ống thải để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

Định kì kiểm tra và lấy mẫu than hoạt tính trong tháp hấp phụ mang đi phân tích, đánh giá chất lượng còn lại của than. Khi chỉ số iodine của than < 300 mg/m³ thì sẽ tiến hành thay than.

❖ Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án, có khả năng xảy ra một số sự cố thường gặp như hư hỏng máy móc, thiết bị (quạt hút); khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn; nứt, vỡ đường ống thu gom khí thải khiến hệ thống phải dừng hoạt động,...

Các sự cố mang tính kỹ thuật được căn cứ trên các chỉ tiêu phân tích chất lượng khí thải sau xử lý và điều này chỉ phát hiện sau khi có kết quả phân tích. Do đó việc phát hiện các sự cố do bản thân người vận hành cảm nhận được là yếu tố quan trọng nhất trong việc kịp thời khắc phục các sự cố xảy ra.

Quy trình ứng phó sự cố các hệ thống xử lý khí thải của dự án như sau:

Khi xảy ra sự cố à Xác định vị trí xảy ra sự cố à Tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh khí thải liên quan đến khu vực xảy ra sự cố à Khắc phục sự cố à Chạy thử thiết bị à Thiết bị sau sửa chữa sự cố tiếp tục vận hành và hoạt động sản xuất trở lại bình thường à Ghi nhật ký sự cố.

Các biện pháp khắc phục một số sự cố tại chỗ đối với hệ thống xử lý khí thải của dự án như sau:

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Không thu gom được khí thải phát sinh	- Lỗi các máy hút khí hoạt động không ổn định hoặc ngừng hoạt động. - Do đường ống khí thải vào	- Thay quạt hút, thổi khí trong trường hợp các quạt hoạt động không ổn định.
2	Sự cố các chỉ số vượt quá tiêu chuẩn	- Lỗi vận tốc dòng khí trong khoang hấp phụ quá lớn. - Lỗi thiết kế lớp hấp phụ (than hoạt tính) chưa đủ độ dày hấp phụ. - Lỗi sử dụng lớp hấp phụ lâu mà chưa thay thế.	- Định kỳ 1 tháng/lần kiểm tra nồng độ Diot của lớp than hoạt tính. - Điều chỉnh tốc độ dòng khí thải đi vào các hệ thống xử lý.

Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, có khả năng ảnh hưởng tới các nhà máy, khu vực dân cư xung quanh, chủ dự án sẽ thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng, UBND xã Trần Phú và các đơn vị thẩm quyền liên quan về sự cố bằng điện thoại, email văn bản,... để được hỗ trợ khắc phục sự cố xảy ra.

2). Sự cố đối với hệ thống đường ống thoát nước thải, bể tự hoại

* Bể tự hoại

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh. Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

* Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

3). Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

❖ Kho chứa hóa chất

- Dự án sẽ bố trí 01 kho hóa chất diện tích 40m² tại xưởng 1. Kết cấu: nền bê tông chống thấm, có rãnh thu gom hóa chất lỏng chảy tràn.

- Kho chứa hóa chất được thiết kế theo đúng các quy định trong **Thông tư 19/2024/TT-BCT ngày 10/10/2024; TCVN 4604:2012; TCVN 3890:2023** và đảm bảo khoảng cách an toàn với các khu vực dân cư theo quy định hiện hành.

- Trong kho quy hoạch khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không xếp trong cùng một khu vực các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau hoặc có phương pháp chữa cháy khác nhau.

- Kho chứa hóa chất có hệ thống thông gió tốt (theo đúng quy định trong TCVN 5687:2024), khô ráo, thoáng mát, chống thấm dột, nền kho phải cao hơn mặt bằng chung. Có hệ thống thu lôi chống sét trên mái và được nối tiếp đất. Định kỳ kiểm tra hệ thống này theo quy định hiện hành.

- Bố trí đầy đủ các phương tiện bảo hộ cho công nhân khi sử dụng hóa chất: khẩu trang, găng tay, quần áo, mũ. Phương tiện bảo hộ của công nhân định kỳ 1 năm được phát 1 lần.

- Trước cửa kho có biển “CẤM LỬA”, “CẤM HÚT THUỐC”, các biển cảnh báo nguy hiểm ghi bằng chữ to, màu đỏ; các chất chữa cháy đối với hóa chất ở trong kho, có biển ghi ký hiệu rõ ràng và được đặt ở nơi dễ thấy nhất.

- Khi xếp hóa chất trong kho phải đảm bảo an toàn cho người lao động và hàng hóa như sau:

- Các hóa chất lỏng chứa trong phuy, hộp không được xếp cao sát trần kho, không cao quá 2m.

- Lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5m.

- Không để các phuy, thùng đã dùng, vật liệu dễ cháy ở trong kho.

- Không xếp các lô hàng nặng hơn khả năng chịu tải của nền kho.

- Thường xuyên kiểm tra lớp hóa chất dưới cùng, đảm bảo không bị đè vỡ.

❖ Quản lý hóa chất

- Quản lý chặt chẽ quá trình xuất, nhập kho các loại hóa chất nguy hiểm.

- Việc quản lý kho hóa chất phải giao cho người có trình độ chuyên môn phù hợp. Phải có sổ theo dõi xuất nhập, tồn kho hàng ngày. Khi thấy thiếu, thừa hoặc sai quy cách phải báo ngay với cấp trên để xử lý kịp thời.

- Khi giao nhận hóa chất nguy hiểm, chứng từ phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, có chữ ký của người giao, nhận hàng và xác nhận của cơ sở có hàng. Chỉ được giao nhận hàng có bao bì nguyên vẹn và đầy đủ nhãn hàng hóa với các thông tin theo quy định hiện hành.

- Hóa chất hết hạn sử dụng hoặc mất phẩm chất phải được xử lý và thải bỏ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của nhà nước.

❖ Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam đã rà soát toàn bộ hóa chất nhà máy sử dụng và đối chiếu với quy định của Luật Hóa chất thì không thuộc danh mục phải lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất. Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam sẽ lập biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cho toàn dự án và hàng năm thực hiện báo cáo online trên Hệ thống cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia của Cục Hóa chất.

➤ Một số biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất được nhà máy áp dụng:

- Cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án phải được đào tạo đầy đủ về an toàn hóa chất. Định kì đào tạo nâng cao năng lực và diễn tập ứng phó sự cố hóa chất.

- Tại khu vực kho chứa hóa chất và các khu vực sử dụng hóa chất được bố trí đầy đủ các hình đồ cảnh báo về an toàn hóa chất theo đúng quy định. Dán tiêu lệnh PCCC, nội quy PCCC, danh sách người chịu trách nhiệm về an toàn hóa chất, số điện thoại liên lạc khẩn cấp tại cửa kho hóa chất, khu vực bồn chứa hóa chất ngoài trời và các khu vực sử dụng.

- Niêm yết các thông tin về MSDS, bảng checksheet về quản lý/xuất nhập hóa chất trong kho và kiểm tra các hạng mục về an toàn trong kho.

- Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy trình vận hành tại từng công đoạn sản xuất.

- Xây dựng, ban hành và tuân thủ kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị quan trọng, đặc biệt là các thiết bị liên quan tới hóa chất.

- Xây dựng hệ thống đo lường và điều khiển tự động cho các công đoạn sản xuất chính.

- Lập quy trình ứng phó và loại bỏ hóa chất rò rỉ.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc với hóa chất.

- Xây dựng hệ thống PCCC và ứng phó sự cố khẩn cấp.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát các vị trí tiềm ẩn rủi ro về sự cố hóa chất.

- Quản lý chặt chẽ các nhà cung cấp hóa chất.

- Xây dựng hệ thống chống sét đạt tiêu chuẩn.

- Lắp đặt camera quan sát, phát hiện rò rỉ tại các kho hóa chất.

- Bố trí các thùng cát ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất.

➤ Một số biện pháp ứng phó sự cố hóa chất được nhà máy áp dụng:

Đánh giá rủi ro và phân cấp sự cố hóa chất: Sự cố hóa chất tại Nhà máy được phân theo 3 cấp.

+ Sự cố Cấp I - Mức độ nhỏ: Trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố quy mô nhỏ không trực tiếp gây nguy hại đối với tính mạng con người, tài sản và môi trường. Các tình huống này có thể khống chế bởi các lực lượng ứng cứu tại chỗ.

+ Sự cố Cấp II - Mức độ vừa: Trường hợp tai nạn sự cố gây nên những mối nguy hiểm

nhất định đối với tính mạng con người, tài sản và môi trường. Để có thể kiểm soát các tình huống này, ngoài việc triển khai các biện pháp ứng cứu bằng tất cả nguồn lực ứng cứu tại Công ty, cần phải có sự phối hợp, chỉ đạo ứng cứu của Chính quyền địa phương, các cơ quan UPSCHC chuyên nghiệp, BCĐ UPSCHC Hải Phòng và các đơn vị có nguồn lực sẵn có xung quanh Công ty theo phương án đã thỏa thuận trước.

+ Sự cố Cấp III - Mức độ nghiêm trọng: Trường hợp tai nạn sự cố gây lớn nên mỗi nguy hiểm nghiêm trọng đối với con người, môi trường hoặc gây thiệt hại toàn bộ tài sản công trình. Tình huống này có thể xuất hiện ngay lập tức hoặc xuất phát từ các tình huống sự cố mức độ thấp ' Sự cố xảy ra ~ kiểm soát được làm sự cố leo thang gây hậu quả nghiêm trọng.

Lập tổ ứng phó sự cố hóa chất tại chỗ và phối hợp với các đơn vị, ban ngành liên quan thực hiện ứng Người phát hiện cấp sự Báo động Xử lý Được

	Đội UPSCHC	Không	
Đội trưởng UPSCHC	Đội PCCC và CNCH		Được
	Đội y tế; Đội Bảo vệ; Đội thông tin liên lạc; Đội hướng dẫn thoát nạn và sơ tán tài sản	Xử lý	
	Lực lượng UPSCHC Công ty		Không
Trưởng BCĐ UPSCHC	Các đơn vị hỗ trợ ứng cứu chuyên nghiệp (PCCC, cấp cứu...); Chính quyền; cơ quan chức năng địa phương	Xử lý	Được
	Các đơn vị lân cận		Không
	Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous		
Trưởng BCĐ UPSCHC	Bộ Công Thương; Chính phủ	Xử lý	Được
	Các đơn vị UPSCHC chuyên nghiệp		

Hình 4. 16. Sơ đồ quy trình ứng phó sự cố hóa chất của dự án

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất để ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy bao gồm:
 - Thiết bị PCCC: bình chữa cháy, họng nước chữa cháy, trụ nước chữa cháy, vòi chữa cháy, máy bơm nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống nút ấn báo cháy, chuông báo cháy, đèn báo cháy,...
 - Phương tiện bảo hộ: quần áo, giày, ủng chống hóa chất, kính an toàn, khẩu trang hoạt tính, mặt nạ phòng độc,

▪ Công cụ, vật liệu ứng phó khẩn cấp (cuốc, xẻng, giẻ, mùn cưa, cát,): Xử lý các tình huống khẩn cấp: chảy tràn, đổ hoá chất, cháy nổ.

- Bố trí phòng y tế để sơ cứu ban đầu khi không may xảy ra tổn thương cho con người.

- Trang bị hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp:

▪ Trong công ty có hệ thống liên lạc nội bộ với một tổng đài chung sẽ phân nhánh về các bộ phận của công ty.

▪ Có bảng chỉ dẫn khu vực nguy hiểm khi xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất.

▪ Trang bị điện thoại đường dài để liên lạc với các đơn vị hỗ trợ bên ngoài.

▪ Lập danh sách số điện thoại của các cơ quan chức năng, các đơn vị hỗ trợ bên ngoài như Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng, UBND xã Trần Phú, các nhà máy lân cận,... để liên lạc khi xảy ra sự cố ngoài tầm kiểm soát của Công ty và có khả năng lan truyền, rò rỉ chất ô nhiễm ra bên ngoài.

- Xây dựng quy trình ứng phó theo cấp sự cố hóa chất.

- Xây dựng kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố hóa chất định kỳ cho toàn thể cán bộ, công nhân viên của Nhà máy. Các nội dung được huấn luyện bao gồm:

▪ Các mối nguy hiểm khi làm việc với hóa chất trong nhà máy.

▪ Các yêu cầu và quy định bắt buộc khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất. Trách nhiệm của người lao động đối với công tác an toàn.

▪ Hướng dẫn: các phương pháp bảo quản, vận chuyển, sử dụng hóa chất nguy hiểm, biện pháp sơ cứu, biện pháp xử lý tình huống khi xảy ra sự cố... Ngoài phần lý thuyết, người lao động sẽ được hướng dẫn thực hành tại chỗ.

▪ Cách thức sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

▪ Giảng giải chi tiết về biện pháp ứng phó với sự cố hóa chất. Các học viên phải nắm rõ nội dung của biện pháp ứng phó khi có sự cố hóa chất xảy ra (vai trò của mỗi bộ phận, tình huống xảy ra và hành động ứng phó phù hợp).

▪ Cách thức kiểm tra, giám sát, lập báo cáo.

Các nội dung trên được nhà máy thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tổ chức hoặc do đơn vị cung cấp hóa chất/ thiết bị tổ chức. Ngoài ra, các nội dung chuyên sâu hơn nữa liên quan tới phòng cháy chữa cháy, y tế... sẽ được đào tạo, tập huấn ở các khóa học riêng biệt. Các cán bộ, lao động chỉ được phép tham gia làm việc trực tiếp sau khi đã được đào tạo chuyên sâu.

4). Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

* Biện pháp phòng ngừa:

- Chủ dự án thiết lập nội quy Nhà máy và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc để

bảo vệ chính bản thân mình.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, quần áo bảo hộ...

- Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

- Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

- Nhà máy sẽ thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Công ty yêu cầu tổ trưởng sản xuất nhắc nhở công nhân chú ý an toàn khi thực hiện công đoạn vận chuyển, xếp dỡ nguyên liệu, sản phẩm trong kho chứa.

- Quy trình bảo dưỡng động cơ máy móc phải có kế hoạch và thông báo cho các tổ sản xuất được biết, tránh tình trạng đang bảo dưỡng thì đóng điện vận hành máy gây sự cố tai nạn đáng tiếc xảy ra;

- Công ty ký hợp đồng huấn luyện an toàn lao động cho cán bộ, công nhân viên Nhà máy.

* Biện pháp ứng phó:

Thực hiện sơ cứu tại chỗ, gọi xe cứu thương đưa người bị tai nạn đến cơ sở y tế gần nhất.

5). Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Chủ dự án yêu cầu đơn vị vận chuyển phải tuân thủ luật giao thông, chú ý quan sát tại những điểm giao cắt trên tuyến đường vận chuyển; tuyệt đối không được chở quá tải trọng cho phép.

- Chủ dự án sẽ bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, tránh vào các khung giờ đi làm (7h -8h) và tan ca của công nhân trên địa bàn (17h – 18h).

- Nguyên liệu, nhiên liệu, thành phẩm sản xuất vận chuyển tại thùng xe sẽ được che phủ bằng bạt kín.

6). Biện pháp phòng ngừa sự cố PCCC

- Để đảm bảo an toàn trong PCCC tại nhà máy, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn trong thiết kế, xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC theo quy định của pháp luật;

+ Tính toán lượng lưu chứa nguyên liệu, nhiên liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng của nhà máy và đảm bảo an toàn trong lưu chứa;

+Tuân thủ nghiêm ngặt về các quy định phòng cháy trong lưu chứa hóa chất tại nhà máy theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

+ Tuân thủ các nguyên tắc an toàn trong nhập liệu, lưu chứa và vận hành sản xuất, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật như: bồn chứa, khu vực nhập liệu...; hệ thống thông tin; hệ thống chiếu sáng; các thiết bị phụ trợ khác;

- + Định kỳ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy;
- + Thiết lập phương án ứng cứu sự cố đối với sự cố cháy, nổ;
- + Tuyên truyền, tập huấn về an toàn cháy nổ cho công nhân, quản lý nhà máy theo định kỳ.

- Biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi cháy:

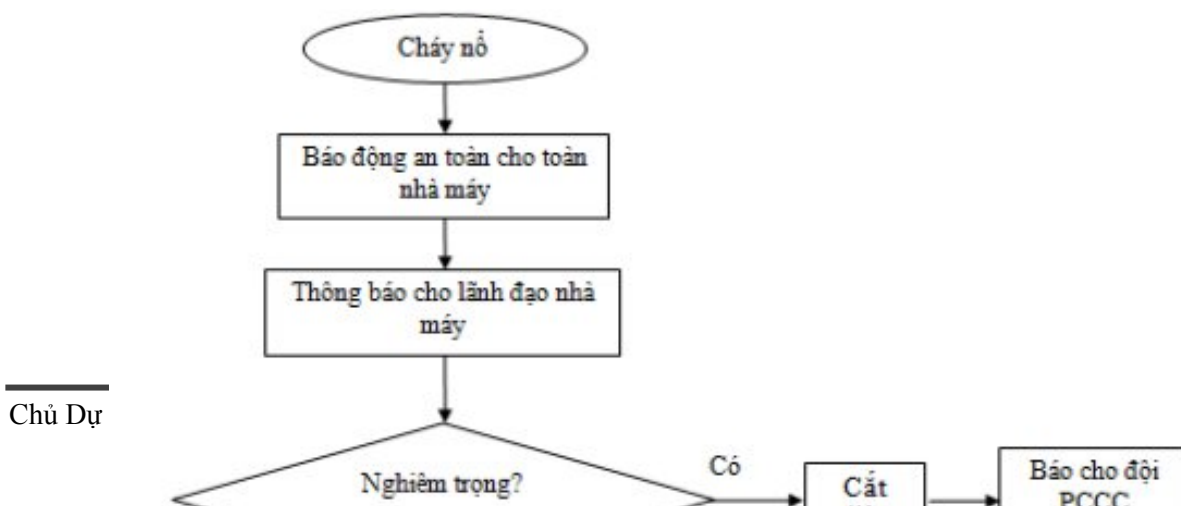
Bước 1. Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy: đặc biệt tại các khu vực cháy có liên quan đến hóa chất, nhanh chóng khóa hoặc chặn hệ thống thoát nước mưa, nhằm hạn chế khả năng nước sau quá trình dập lửa có thể nhiễm hoá chất, chảy vào hệ thống thoát nước mưa.

Bước 2. Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

Bước 3. Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Bước 4. Báo cáo lên cơ quan có chức năng để điều tra làm rõ và tiến hành bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan



Hình 4. 17. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Kết luận: Những biện pháp giảm thiểu được đề xuất ở trên là các biện pháp khả thi và tối ưu góp phần bảo vệ chất lượng môi trường cũng như sức khoẻ của người lao động trong quá trình triển khai thi công xây dựng dự án và khi dự án đi vào hoạt động. Do vậy, trong quá trình thi công dự án cũng như khi dự án được đưa vào vận hành chủ dự án sẽ thực hiện đúng theo các phương án như trên để đảm bảo chất lượng môi trường tại dự án cũng như khu vực xung quanh, bảo đảm sức khoẻ của người lao động.

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã áp dụng tại Nhà máy mang lại hiệu quả cao, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

7). Biện pháp phòng ngừa sự cố giật điện

* Biện pháp phòng ngừa:

- Công ty bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn về điện giám sát, bảo dưỡng hệ thống điện của cơ sở hàng ngày.

- Thực hiện bảo dưỡng máy móc sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần để phát hiện các sự cố trong đó có sự cố về điện, từ đó, có phương án khắc phục kịp thời.

- Công nhân vận hành dây chuyền sản xuất sẽ được đào tạo trước khi vào làm việc chính thức.

- Công ty sẽ niêm yết quy trình vận hành máy móc tại từng thiết bị để công nhân nắm rõ, hạn chế việc vận hành sai gây sự cố và ảnh hưởng đến sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc gồm khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay,...

* Biện pháp ứng phó:

- Ngắt nguồn điện ngay lập tức bằng cách ngắt cầu dao điện, rút dây điện ra khỏi ổ

cắm,... và gọi cho đơn vị cấp cứu đến;

- Thực hiện tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện là sử dụng dụng cụ bằng gỗ khô ráo, không bị ẩm ướt hoặc truyền điện

- Đặt nạn nhân nằm xuống nhẹ nhàng, tránh va chạm mạnh vào những vật cứng.

- Sau đó, chuyển nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở gần nhất.

8). Biện pháp phòng ngừa sự cố máy móc thiết bị

* Biện pháp phòng ngừa:

- Chủ dự án bố trí tổ kỹ thuật thực hiện kiểm tra động cơ thiết bị hàng ngày; thực hiện bảo dưỡng động cơ máy móc định kỳ (tần suất 3 tháng/lần).

- Máy nén khí, xe nâng sẽ thực hiện kiểm định và bảo dưỡng theo QCVN do Bộ LĐTBXH ban hành.

* Biện pháp ứng phó:

Khi thấy máy có dấu hiệu trục trặc hoặc hỏng thì ngay lập tức phải dừng vận hành để bảo dưỡng, sửa chữa (lỗi nhẹ thì có thể bảo dưỡng trực tiếp ở Nhà máy, lỗi nặng thì phải đem ra ngoài bảo dưỡng), tuyệt đối không cố vận hành.

9). Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai

- Kế hoạch phòng chống bão, lụt:

+ Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, bão lụt;

+ Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn.

+ Khi có tin bão có thể xảy ra, yêu cầu các cơ sở thực hiện ngay việc kê cao hàng hoá, nguyên vật liệu, chằng buộc cửa sổ, cửa ra vào chắc chắn để tránh thiệt hại khi bão xảy ra.

+ Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông cống rãnh.

+ Xây dựng hệ thống chống sét, nối đất tại xưởng sản xuất.

- Phòng chống sét:

+ Hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động trong nhà xưởng sản xuất phải được tiếp đất 100% theo đúng quy định an toàn về điện.

+ Định kỳ 1 lần/năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chống sét.

10). Biện pháp phòng ngừa sự cố dịch bệnh

Để phòng ngừa sự cố dịch bệnh có thể xảy ra, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyên truyền cho CBCNV trong Nhà máy sống lành mạnh, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Thành lập ban chỉ đạo phòng, chống dịch tại Công ty.

- Tuyên truyền cho CBCNV về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh như sau:

- + Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn có cồn (ít nhất 60% cồn).
- + Đeo khẩu trang nơi công cộng, trên phương tiện giao thông công cộng.
- + Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng. Che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khăn giấy, khăn vải, khuỷu tay áo.
- + Tăng cường vận động, rèn luyện thể lực, dinh dưỡng hợp lý xây dựng lối sống lành mạnh.
- + Khi có dấu hiệu sốt, ho, hắt hơi, và khó thở, người dân hãy tự cách ly tại nhà, đeo khẩu trang và gọi cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám và điều trị.

+ Tự cách ly, theo dõi sức khỏe, khai báo y tế đầy đủ nếu trở về từ vùng dịch.

Các biện pháp ứng phó sự cố dịch bệnh: Khi có dịch bệnh phát sinh, Ban lãnh đạo của Công ty sẽ kết hợp với chính quyền và các cơ quan y tế địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời:

- Áp dụng các biện pháp cách ly ngăn chặn sự phát tán của dịch bệnh ra khu vực dân cư lân cận.
- Khoanh vùng dịch bệnh, làm công tác vệ sinh như phun chất khử trùng.
- Rà soát người ra vào Công ty trong thời gian có khả năng lây nhiễm dịch bệnh.

11). Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

*Biện pháp phòng ngừa:

Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định, bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra lượng chất thải và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo không lưu chứa quá nhiều chất thải trong kho chứa. Mỗi kho chứa chất thải nguy hại đều bố trí rãnh thu, hố thu CTNH lòng trường hợp tràn đổ.

*Biện pháp ứng phó:

Khi xảy ra sự cố sẽ sử dụng cát và vật liệu thấm hút đảm bảo chất thải nguy hại không tràn đổ ra bên ngoài kho chứa. Bố trí thùng phuy chứa để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, vật dụng bị dính thành phần nguy hại phát sinh khi khắc phục sự cố. Đồng thời, thuê đơn vị có chức năng xử lý đến Nhà máy để thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng và vận hành như sau:

Bảng 4. 29. Danh mục các hạng mục công trình BVMT của dự án

Stt	Nội dung	Đơn giá (đồng/năm)	Kinh phí (đồng/năm)
-----	----------	-----------------------	------------------------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

1	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	20.000.000	20.000.000
2	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.000.000/tháng	24.000.000
3	Hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sản xuất	20.000.000	20.000.000
4	Giám sát chất lượng môi trường dự án, quan trắc môi trường lao động	50.000.000	50.000.000
5	Hút bùn bể phốt, nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải	32.000.000	32.000.000
6	Vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất và hệ thống xử lý khí thải	50.000.000	50.000.000
7	Diễn tập phòng ngừa sự cố	20.000.000	20.000.000
8	Chi phí chung	50.000.000	50.000.000
9	Chi phí dự phòng hàng năm	21.600.000	21.600.000
Tổng			287.000.000

b. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải

Các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải bổ sung trong giai đoạn mở rộng quy mô, nâng công suất được xây lắp đồng thời với tiến độ hoạt động của dự án.

c. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Ngoài ra công ty đảm bảo các công tác khác về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất.

d. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường

Sau khi công trình hoàn thành, chủ dự án sẽ có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng công trình, tuân theo các quy định hiện hành. Những vấn đề liên quan đến vấn đề quản lý, vận hành các công trình BVMT phát sinh sẽ được chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện và báo cáo lên Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng.

* Thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ

- Cập nhật và tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu theo quy định pháp lý về BVMT và an toàn sức khỏe cộng đồng;

- Xây dựng và phổ biến rộng rãi các nội dung đối với tổ chức, bộ máy quản lý và vận hành các công trình biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trên mỗi công trường;

- Chuẩn bị đầy đủ các giấy phép cần thiết (giấy phép thi công, phân luồng giao thông).

* Nâng cao nhận thức về môi trường cho các bên liên quan

- Nâng cao nhận thức về môi trường cho công nhân xây dựng tại mỗi công trường (học tập về an toàn lao động và vệ sinh môi trường).

- Thường xuyên đào tạo nhân viên hiện trường về các biện pháp giảm thiểu trên công trường;

- Duy trì các biển báo hướng dẫn, quy định an toàn trên khu vực công trường.

* Duy trì hệ thống kênh thông tin trao đổi và phối hợp giải quyết sự cố

Duy trì các buổi họp trao đổi thường xuyên giữa các bên liên quan (chủ dự án, nhà thầu, cán bộ giám sát xây dựng, đại diện địa phương).

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Các phương pháp áp dụng để dự báo ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình khai thác và kết thúc của dự án đều là các phương pháp phổ biến, đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình lập GPMT hiện nay tại Việt Nam cũng như các nước trên thế giới. Mặc dù các phương pháp này được thực hiện trên cơ sở tham khảo theo các tài liệu của WHO, EPA và EC biên soạn nhưng việc áp dụng với điều kiện Việt Nam đều có những hạn chế đáng kể, Ví dụ: Khi sử dụng mô hình tính toán ô nhiễm bụi, khí thải có sử dụng hệ số phát thải từ các phương tiện GTVT được trên cơ sở số liệu điều tra và khảo sát thống kê nhiều năm của WHO nhưng khi áp dụng thì các điều kiện về địa hình giao thông, chất lượng đường, chất lượng phương tiện sử dụng ở Việt Nam thường kém nên có các sai lệch đáng kể so với thực tế.

Tuy nhiên, trong báo cáo GPMT đã sử dụng kết hợp giữa các phương pháp khác nhau có sự hiệu chuẩn theo các tài liệu, số liệu nghiên cứu thực tế trong nhiều năm của các chuyên gia đánh giá nên các kết quả thu được khá gần với thực tế triển khai dự án. Theo đó độ tin cậy của các phương pháp được sử dụng trong đánh giá tác động môi trường của dự án được đánh giá từ mức độ trung bình đến cao. Kết quả đánh giá mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá tác động như sau:

Về mức độ chi tiết

Các đánh giá về các tác động môi trường do việc triển khai thực hiện của dự án được thực hiện một cách tương đối chi tiết, báo cáo đã nêu được các tác động đến môi trường trong từng giai đoạn hoạt động của dự án. Đã nêu được các nguồn ô nhiễm chính trong từng giai đoạn hoạt động của dự án.

Về hiện trạng môi trường

Nhóm nghiên cứu GPMT đã tiến hành đi hiện trường, lấy mẫu, đo đạc tại hiện trường và phân tích mẫu bằng phương pháp mới, với thiết bị hiện đại. Độ tin cậy của các kết quả phân tích các thông số môi trường tại vùng Dự án hoàn toàn đảm bảo.

Về mức độ tin cậy

Các phương pháp GPMT áp dụng trong quá trình GPMT có độ tin cậy cao. Hiện đang được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Việc định lượng các nguồn gây ô nhiễm từ đó so sánh kết quả tính toán với các Tiêu chuẩn cho phép là phương pháp thường được áp dụng trong quá trình GPMT. Các công thức để tính toán các nguồn gây ô nhiễm được áp dụng trong quá trình GPMT của dự án như: Công thức tính phát tán nguồn đường... đều có độ tin cậy cao, tuy nhiên khi áp dụng cho khu vực nghiên cứu thực tế còn có sai số nhất định.

Tuy nhiên, một số phương pháp đã sử dụng trong thời gian dài từ thế kỷ trước chưa đáp ứng hết sự biến đổi ngày càng nhanh và phức tạp của môi trường hiện nay. Mức độ tin cậy không những phụ thuộc vào Phương pháp đánh giá, các công thức mà còn phụ thuộc vào các yếu tố sau: Các thông số đầu vào (điều kiện khí tượng) đưa vào tính toán là giá trị trung bình năm do đó kết quả chỉ mang tính trung bình năm. Để có kết quả có mức độ tin cậy cao sẽ phải

tính toán theo từng mùa, hoặc từng tháng. Nhưng việc thực hiện sẽ rất tăng chi phí về GPMT và mất nhiều thời gian.

Đánh giá đối với các tính toán về lưu lượng, nồng độ và khả năng phát tán khí độc hại và bụi

Để tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị thi công trên công trường gây ra được áp dụng theo các công thức thực nghiệm cho kết quả nhanh, hoặc các hệ số phát thải của WHO,... nhưng độ chính xác so với thực tế không cao do lượng chất ô nhiễm này còn phụ thuộc vào chế độ vận hành như: lúc khởi động nhanh, chậm, hay dừng lại đều có sự khác nhau mỗi loại xe, hệ số ô nhiễm mỗi loại xe.

Để tính toán phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong không khí sử dụng các công thức tính phát tán nguồn đường, nguồn điểm và các công thức thực nghiệm trong đó có các biến số phụ thuộc vào nhiều yếu tố khí tượng như tốc độ gió, khoảng cách,... và được giới hạn bởi các điều kiện biên lý tưởng. Do vậy các sai số trong tính toán là không tránh khỏi.

Đánh giá đối với các tính toán về tải lượng, nồng độ và phạm vi phát tán các chất ô nhiễm trong nước thải

Về lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải: Nước thải sinh hoạt căn cứ vào nhu cầu sử dụng của cá nhân ước tính lượng thải do vậy kết quả tính toán sẽ có sai số xảy ra do nhu cầu của từng cá nhân trong sinh hoạt là rất khác nhau.

Về lưu lượng và thành phần nước mưa chảy tràn cũng rất khó xác định do lượng mưa phân bố không đều trong năm do đó lưu lượng nước mưa là không ổn định. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tích tụ các chất ô nhiễm trên bề mặt cũng như thành phần đất đá khu vực nước mưa tràn qua.

Về phạm vi tác động: để tính toán phạm vi ảnh hưởng do các chất ô nhiễm cần xác định rõ rất nhiều các thông số về nguồn tiếp nhận. Do thiếu các thông tin này nên việc xác định phạm vi ảnh hưởng chỉ mang tính tương đối.

Đánh giá đối với các tính toán về phạm vi tác động do tiếng ồn

Tiếng ồn được định nghĩa là tập hợp của những âm thanh tạp loạn với các tần số và cường độ âm rất khác nhau, tiếng ồn có tính tương đối và thật khó đánh giá nguồn tiếng ồn nào gây ảnh hưởng xấu hơn.

Xác định chính xác mức ồn chung của dòng xe là một công việc rất khó khăn, vì mức ồn chung của dòng xe phụ thuộc rất nhiều vào mức ồn của từng chiếc xe, lưu lượng xe, thành phần xe, đặc điểm đường và địa hình xung quanh, v.v... Mức ồn dòng xe lại thường không ổn định (thay đổi rất nhanh theo thời gian), vì vậy người ta thường dùng trị số mức ồn tương đương trung bình tích phân trong một khoảng thời gian để đặc trưng cho mức ồn của dòng xe và đo lường mức ồn của dòng xe cũng phải dùng máy đo tiếng ồn tích phân trung bình mới xác định được.

Chương V

**PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG,
PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam” là dự án sản xuất đồ chơi, không có hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải do đó không thuộc đối tượng cải tạo phục hồi môi trường.

Chương VI

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt phát sinh được Công ty TNHH Hòa Bảo An thu gom, xử lý; nước thải làm mát được tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường và định kỳ vệ sinh hàng tháng theo hợp đồng xử lý nước thải số: 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFVN ngày 29/7/2025; nước thải dập bụi sơn và rửa khuôn in được thu gom như CTNH).

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án (nhà xưởng 1 và 2) lưu lượng khoảng 29,25 m³/ngày đêm bao gồm nước thải từ bồn cầu được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn (tổng dung tích 20 m³) và nước thải sinh hoạt từ các bồn rửa được dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý (đơn vị cho thuê nhà xưởng) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh máy làm mát phát sinh với lưu lượng khoảng 1m³/tháng được dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm do Công ty TNHH Hòa Bảo An quản lý (đơn vị cho thuê nhà xưởng) để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải dập bụi sơn phát sinh với lưu lượng 1m³/tháng được thu gom và quản lý như CTNH.

- Nguồn số 04: Nước thải rửa khuôn in phát sinh với lưu lượng 0,2m³/lần (2 lần/ngày) được thu gom và quản lý như CTNH.

Tọa độ đầu nổi nước thải: X = 2326227,768, Y = 585508,315 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

+ (Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại) + (nước rửa tay chân, nước thoát sàn khu vệ sinh) → Song chắn rác) → Hệ thống thoát nước thải tại các nhà xưởng → Trạm xử lý nước thải sinh hoạt (do Công ty TNHH Hòa Bảo An vận hành và chịu trách nhiệm xử lý).

- Công suất thiết kế:

+ 02 bể tự hoại tổng dung tích 20 m³ (01 bể dung tích 10m³ tại nhà xưởng 1 và 01 bể dung tích 10m³ tại nhà xưởng 2).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét vệ sinh đường ống, hố ga thoát nước thải để tăng khả năng thoát nước thải..

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom nước thải.

1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý các nguồn nước thải của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt từ nhà bồn cầu; nước thải từ các bồn rửa tay, thoát sàn, nước thải từ quá trình sản xuất) bảo đảm đạt yêu cầu của Công ty TNHH Hòa Bảo An trước khi đầu nối vào Trạm XLNT công suất 45m³/ngày đêm.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Trạm XLNT công suất 45m³/ngày đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động sơn tại nhà xưởng 1.

2.2. Dòng khí thải, lưu lượng xả khí thải

a. Dòng khí thải

- Dòng thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải sơn (tương ứng với nguồn số 01). Tọa độ X = 2326278; Y = 585531.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', múi chiều 3°)

b. Lưu lượng xả khí thải

- Lưu lượng phát sinh khí thải lớn nhất: 20.000m³/giờ

2.3. Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải

Chất lượng khí thải sau xử lý, trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí, cụ thể như sau:

Bảng 5. 1. Giới hạn thông số và nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải sinh hoạt xả ra môi trường

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
-----	----------	--------	---------------------------	----------------------------	---

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	≤40		
3	Vinyl chloride	mg/Nm ³	≤30		
4	Cyclohexanone	mg/Nm ³	-		
5	Toluen	mg/Nm ³	≤40		
6	Butyl Acetate	mg/Nm ³	-		
7	methyl methacrylate	mg/Nm ³	-		
8	2methyl, butyleste	mg/Nm ³	-		
9	Ethyl Acetate	mg/Nm ³	-		
10	Isophorone	mg/Nm ³	-		
11	Aceon	mg/Nm ³	-		

Ghi chú:

- Công ty tự nguyện cam kết đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

* Vị trí, phương thức xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: : Tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.

- Phương thức xả thải: Xả không liên tục, gián đoạn.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

Bụi, khí thải từ dây chuyền sơn quá buồng đập bụi nước và thu gom bằng chụp hút, đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000m³/h để xử lý, không khí sạch sau các hệ thống được thoát ra 01 ống thoát khí đường kính D800.

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Khí thải phát sinh từ dây chuyền sơn → Buồng đập bụi nước → Chụp hút → Đường ống dẫn → Hệ thống lọc bụi Cyclon → Buồng hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút khu vực sản xuất	1 cái	- Kích thước: chụp số 01 kích thước LxW = 2,1x1,2m, vật liệu inox 403.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

2	Đường ống thu gom	1 hệ	- Ống 100 - Vật liệu: thép SPHC dày 1,5mm.
3	Hệ thống lọc bụi cyclon	1 hệ	- Cấu tạo thép SPHC dày 1,5mm, sơn tĩnh điện. - Kích thước: chiều cao 2,255m, rộng 2,3m - Phễu lọc bụi: 02 cái.
4	Buồng hấp phụ than hoạt tính	1 hệ	- Cấu tạo thép SPHC dày 1,5mm, sơn tĩnh điện. - Hộp than hoạt tính kích thước 1,0x1,0x0,8m. - Bố trí 02 khay chứa than hoạt tính.
5	Quạt hút	1 cái	Lưu lượng: 20.000m ³ /h Điện áp 380V Áp suất 1450PA Quạt 7,5KW
6	Ống thoát khí	1 cái	- Chiều dài 5,0m, đường kính D800 - Kết cấu: Tôn mạ kẽm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2.5. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

2.6. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc để giảm thiểu đáng kể lượng khí thải độc hại phát thải ra ngoài môi trường.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang,...cho cán bộ nhân viên tại khu vực phát sinh bụi, khí thải và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Đảm bảo vận hành hệ thống đúng theo quy trình đã xây dựng.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2.7. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả của hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh với tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy cắt, nhồi bông, may tại nhà xưởng 1.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy gia nhiệt tại nhà xưởng 1.
- Nguồn số 03: Hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.

3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2025/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	
1	70	65	60	Khu vực E (Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp)

+ Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 đến trước 22:00)	Đêm (22:00 đến trước 06:00)	
1	75	70	Khu vực D (Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp)

3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo động cơ hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1. Quản lý chất thải

a). Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại	Trạng thái
1	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	07 01 06	1.800	KS	Lỏng
2	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 01 04	12.000	KS	Lỏng
3	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn hoặc véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 01 03	150,3	KS	Rắn/lỏng
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100	KS	Rắn
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	12.908	KS	Rắn
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	40	NH	Rắn
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10	NH	Rắn
8	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5	KS	Rắn
9	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	70	KS	Rắn/lỏng
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	31.000	KS	Lỏng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Phân loại	Trạng thái
11	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	11.520	NH	Rắn
	Tổng		69.603		

- Khối lượng chất thải sản xuất thông thường: 24.310kg/năm. Bao gồm: vải thừa, tóc, kim khâu, sản phẩm lỗi hỏng, bao bì đóng gói, bavìa.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: 325 kg/ngày, tương ứng 100,75 tấn/năm.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích 13,5m² tại nhà xưởng 1. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị PCCC, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý theo quy định.

b. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: Bố trí 1 kho chứa chất thải diện tích 13,5m² tại nhà xưởng 1. Kho chứa khép kín, có biển báo, cửa ra vào, bình bột chữa cháy; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý theo quy định.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, có nắp đậy bố trí tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, hành lang, đường giao thông nội bộ.

- Khu vực lưu chứa: Khu vực có biển báo, nền bê tông.

- Phân loại rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND thành phố ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: Rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom hàng ngày theo quy định.

4.3. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. 13 Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chương VII

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

Căn cứ khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (không quá 06 tháng).

Đối với khí thải: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại mục c, khoản 4, Điều 21 của Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

TT	Danh mục các công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	01 Hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000m ³ /giờ	01/07/2026	01/11/2026

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải để đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định (3 ngày liên tục)

Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
Khí thải			
Đầu ra: Ống khói của hệ thống XLKT	Lưu lượng, Bụi, Vinyl chloride, Cyclohexanone, Toluene, Butyl Acetate, methyl methacrylate, 2methyl, butyleste, Ethyl Acetate, Isophorone, Aceton	Lấy mẫu đơn: 01 mẫu/lần/ngày x 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

1.2.2. Đơn vị thực hiện

Các đơn vị có đủ điều kiện về hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp phép theo quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Đối với nước thải: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ.

- Đối với khí thải: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ khí

thải.

Ngoài ra, chủ dự án thực hiện quan trắc môi trường lao động tại các khu vực sản xuất theo quy định. Tần suất 1 năm/lần, cụ thể như sau:

+ Vị trí lấy mẫu và thông số: Căn cứ theo thực tế sản xuất của khu vực sản xuất.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QĐ 3733/2002/QĐ-BYT.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

- Giám sát môi trường lao động: khoảng 50.000.000 VNĐ/năm.

- Kinh phí nộp phí bảo vệ môi trường hàng năm đối với khí thải theo quy định tại Nghị định 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2022 của Chính phủ là 3.000.000 VND/năm.

Tổng: **53.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Năm mươi ba triệu đồng./.)

Chương VIII

NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC

PHÂN LOẠI XANH

- Căn cứ các quy định của Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, bao gồm các nhóm lĩnh vực sau:

(1) Nhóm năng lượng:

Tiêu chí: Dự án sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tiết kiệm năng lượng đáng kể.

Thực tế dự án: Sử dụng điện tại lưới điện quốc gia và không có hạng mục sản xuất điện mặt trời, điện gió hoặc chuyển đổi năng lượng sạch.

(2) Nhóm giao thông vận tải:

Tiêu chí: Dự án đầu tư phương tiện giao thông không phát thải; xây dựng cơ sở hạ tầng cung cấp nhiên liệu không phát thải hoặc phát thải các bon thấp,...

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án giao thông.

(3) Nhóm tài nguyên nước

Tiêu chí: Dự án xây dựng công trình cấp, thoát nước; khai thác, xử lý và cung cấp tài nguyên nước với mục đích bảo vệ chất lượng nguồn nước và quản lý hiệu quả nguồn nước.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án tài nguyên nước.

(4) Nhóm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học

Tiêu chí: Dự án trồng cây hàng năm và lâu năm áp; chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy hải sản áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh nhằm quản lý chất thải, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học.

(5) Nhóm công nghiệp chế biến chế tạo

Tiêu chí: Dự án sản xuất thiết bị điện, máy móc, thiết bị tiết kiệm hiệu quả năng lượng; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có nguồn gốc từ thiên nhiên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, không phải dự án công nghiệp chế biến chế tạo.

(6) Nhóm dịch vụ môi trường

Tiêu chí: Dự án tái chế, xử lý chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, CTRTT, CTNH); thu gom nước thải đô thị khu dân cư; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; xử lý khí thải.

Thực tế dự án: Là dự án sản xuất đồ chơi, quá trình hoạt động có hệ thống xử lý khí

thải sơn. Tuy nhiên đây là biện pháp bắt buộc không phải hoạt động tạo ra lợi ích môi trường vượt trội.

Kết luận: Dự án sản xuất đồ chơi là dự án công nghiệp thông thường, có phát sinh chất thải và sử dụng nguyên liệu hóa chất (sơn, dung môi), không thuộc các nhóm lĩnh vực được phân loại xanh theo quy định.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

- Chúng tôi cam kết những thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác về số liệu, thông tin và các kết quả tính toán. Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết thực hiện đúng các quy của pháp luật về Luật Bảo vệ môi trường, trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường trong quá trình triển khai như đã nêu ở Chương 3 của Báo cáo.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý, giám sát môi trường như đã nêu ở Chương 5 của Báo cáo và tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà Dự án bắt buộc phải áp dụng.

- Chủ dự án cam kết xử lý chất thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn cho phép như đã nêu trong báo cáo trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp PCCC, an toàn hóa chất, an toàn kho chứa chất thải nguy hại và phối hợp với cơ quan chức năng cũng như các đơn vị có liên quan trong công tác phòng chống sự cố.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong báo cáo và quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Cam kết sẽ sử dụng và bảo trì các công trình xử lý chất thải phát sinh trong suốt quá trình hoạt động.

- Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở cam kết bảo đảm xử lý chất thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN).

Môi trường không khí:

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép về vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

Khí thải: Đảm bảo đạt giới hạn cho phép sau:

+ QCVN 19:2024/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Nước thải: Đảm bảo đạt giới hạn cho phép như sau:

+ Nước thải sinh hoạt của Công ty sẽ được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột B.

Chất thải rắn: Dự án đảm bảo chất thải sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom và đưa đi xử lý theo quy định. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Chất thải nguy hại: Thu gom, phân loại tại nguồn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng các quy định của nhà nước về chất thải nguy hại. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quản lý chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

* *Ghi chú:* Trường hợp các quy chuẩn được thay thế thì Chủ dự án phải áp dụng các quy chuẩn hiện hành tại thời điểm giám sát môi trường.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường

- Chủ dự án sẽ thực hiện thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hệ thống xử lý khí thải cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng ít nhất trước 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 06/01/2025.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố về môi trường trong quá trình vận hành.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật về phòng chống và ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý khí thải, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra theo quy định.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

PHỤ LỤC

I. Pháp lý dự án

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0801461531 do Phòng đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2025.
2. Văn bản số 619/CV-UBND ngày 25/11/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án “sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam”.
3. Văn bản nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy số 551/NT-PC07 ngày 27/1/2025 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Hải Phòng.
4. Hợp đồng thuê kho xưởng số 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN ngày 29/7/2025 giữa Công ty TNHH Hòa Bảo An và Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam.
5. Hợp đồng xử lý nước thải.
6. Kết quả quan trắc định kỳ.
7. Hợp đồng chất thải.
8. Bản vẽ.

II. Pháp lý đơn vị cho thuê nhà xưởng

1. Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái, thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
2. Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29/08/2024 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA00988701 ngày 15/4/2025.
4. Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh Hải Dương Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản xuất gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới).
5. Giấy phép môi trường số 3/GPMT-UBND ngày 18/10/2024 do UBND huyện Nam Sách cấp cho Công ty TNHH Hòa Bảo An thực hiện các hoạt động của Dự án “Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới” tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
6. Văn bản số 220/UBND ngày 27/5/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.
7. Văn bản số 72/SXD-QLXD-HTKT ngày 10/01/2025 của Sở xây dựng tỉnh Hải Dương V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất đồ chơi
JM Fabulous Việt Nam”

công trình Cơ sở sản xuất gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới của Công ty TNHH Hòa Bảo An.

8. Văn bản số 618/CV-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Trần Phú V/v tiếp nhận đăng ký môi trường điều chỉnh của Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

9. Bản vẽ quy hoạch.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0801461531

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JM FABULOUS VIETNAM DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 606, Xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0332222832

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: VŨ THỊ MỸ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1996

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034196011525

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng Hộ Bắc, Xã Vạn Xuân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: VŨ THỊ MỸ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 08/10/1996

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034196011525

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng Hộ Bắc, Xã Vạn Xuân, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 619 /CV-UBND
V/v tiếp nhận đăng ký môi trường của
Dự án "sản xuất đồ chơi JM
Fabulous Việt Nam"

Xã Trần Phú, ngày 25 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam.

Ủy ban nhân dân xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 10/CV-JM ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam về việc tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án "sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam".

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký môi trường của Dự án "sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam". tại thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam gửi đến Ủy ban nhân dân xã Trần Phú. Căn cứ Khoản 3 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 23 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân xã Trần Phú có ý kiến như sau:

1. Nhất trí tiếp nhận hồ sơ hồ sơ Đăng ký môi trường của Dự án "sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam". tại thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam

2. Giao cho phòng Kinh tế xã Trần Phú cập nhật hồ sơ về đăng ký môi trường của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn xã.

3. Kiến nghị đối với Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam:

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.
- Đề nghị Công ty phải đảm bảo thực hiện đúng những cam kết đã nêu trong nội dung bản đăng ký môi trường về diện tích, quy mô công suất và các phương án bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại, thu gom chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Ủy ban nhân dân xã Trần Phú sẽ phối hợp với các cấp, các ngành giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết của Công ty trong quá trình hoạt động.

- Khi có bất kỳ một trong các thay đổi về Chủ đầu tư, quy mô công suất, Công ty có trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng gửi Công ty TNHH phát triển Jm Fabulous Việt Nam để tổng hợp và xử lý./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Vũ Quang Hoàng

Số: /NT-PC07

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam.

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 764/TĐ-PCCC ngày 30/10/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/ĐNNT ghi ngày 14/11/2025 của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam.

Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 21/11/2025 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam đối với công trình “Nhà máy sản xuất - Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam” gồm các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH:

- Tên công trình: Nhà máy sản xuất - Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam.
- Địa điểm xây dựng: Thửa đất 606, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam.
- Địa chỉ của chủ đầu tư: Thửa đất 606, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty CP Xây dựng và PCCC Đông Dương.
- Đơn vị thi công: Công ty CP Xây dựng và PCCC Đông Dương.

II. NỘI DUNG CHẤP THUẬN KẾT QUẢ NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Quy mô công trình:

+ Cải tạo thay đổi ngăn chia, bổ sung khu vực đóng trần tại các hạng mục: Nhà xưởng số 1 (Nhà số 01) có quy mô 01 tầng diện tích 4.200m², sàn lửng tại trục (A-F, 13-15) có cao độ +5m diện tích 408m²; Nhà xưởng số 2 (Nhà số 02) có quy mô 01 tầng diện tích 4.200m², sàn lửng tại trục (A-F, 13 15) có cao độ +5m diện tích 408m².

+ Trang bị bổ sung hệ thống PCCC tại hạng mục: Nhà điều hành + nghi chuyên gia xây 04 tầng diện tích 360m².

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

1. Hệ thống báo cháy tự động;
2. Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong và ngoài nhà);
3. Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí FM200;
4. Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
5. Hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;
6. Bình chữa cháy; Phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy đã được lắp đặt trên phương tiện theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

Ghi chú: Văn bản này ghi nhận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư đối với phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy, hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. Không có giá trị về quyền sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng và các yêu cầu khác không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trưởng phòng (để báo cáo);
- Lưu: PC07 (Đ2).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Thượng tá Hoàng Anh Tuấn

HỢP ĐỒNG THUÊ KHO XƯỞNG
LEASE AGREEMENT/厂房租赁合同

Số/Ref#/编号: 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN

Hợp Đồng Thuê này được ký vào ▲ NGÀY 29 THÁNG 7 NĂM 2025

This Lease Agreement made as of ▲ THE 29 DAY OF JULY, 2025.

本租赁协议于 2025 年 7 月 29 日签订

GIỮA VÀ BỞI:

BETWEEN AND BY/之间:

CHỦ NHÀ: CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN

LANDLORD: HOA BAO AN COMPANY LIMITED

房东: HOA BAO AN 责任有限公司

Địa chỉ: Thôn Mạn Đề, Xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Registered address: Man De Village, Tran Phu Commune, Hai Phong City, Vietnam

注册地址: Man De 村 · Tran Phu 公社 · Hai Phong 省

Văn phòng đại diện Hà Nội: L08-09 An Khang, Khu đô thị mới Dương Nội, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Hanoi Representative Office/河内代表办事处: L08-09 An Khang, Duong Noi New Residential Area, La Khe District, Ha Dong Province, Hanoi City, Vietnam

代表处: L08-09 An Khang, Duong Noi New Residential Area, La Khe District, Ha Dong Province, Hanoi City, Vietnam

Mã số doanh nghiệp/Registered number/企业注册编码: 0801386919

Tài khoản ngân hàng/Bank Account/开户行 · 账号:

- 112690768888, tại Ngân hàng TMCP Vietinbank - Chi nhánh Hồng Bàng (VietinBank – Branch/分支: Hong Bang)

Điện thoại/Telephone/电话: 088 855 2689 Email/电子邮件: hoa.baoan.ltd@gmail.com

Người đại diện: Bà Đỗ Thị Thu Huyền – Chức vụ: Giám đốc

By/代表人: Do Thi Thu Huyen - 职务: 总经理

trong đây gọi là: “Chủ Nhà”

as “Landlord” 房东

VÀ/AND/和:

BÊN THUÊ: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM

TENANT: JM FABULOUS DEVELOPMENT VIETNAM CO., LTD.

租户: JM FABULOUS DEVELOPMENT VIETNAM 越南有限公司

Địa chỉ: Thửa đất số 606, xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Registered address: Land plot number 606, Tran Phu Commune Hai Phong City Vietnam

注册地址: 越南海防市 Tran Phu 公社 606 號地塊

Mã số doanh nghiệp: 0801461531

Registered number / 企业注册号码: 0801461531 ▲

Điện thoại/Telephone/ 电话: 0332222832

Người đại diện: Vũ Thị Mỹ Duyên Chức vụ: Giám đốc

By/代表人: Vu Thi My Duyen 职务: 副总经理

trong đây gọi là: Người Thuê Nhà

as “Tenant” 租户

Gọi chung là (“Các Bên”)

Collectively (the “Parties”)

统称 (双方)

Các bên thống nhất ký kết hợp đồng thuê mặt bằng, nhà xưởng với các GIÁ TRỊ VÀ ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN sau đây:

FOR VALUE RECEIVED AND ACKNOWLEDGED the Parties agree as follows:

双方达成一致签署本场地和厂房租赁合同·包括以下价值和条款

1. Các Cơ Sở Thuê

Premises/处所

Chủ Nhà đồng ý cho Người Thuê Nhà thuê và Người Thuê Nhà đồng ý và chấp nhận thuê theo các điều khoản của Hợp Đồng Thuê các Cơ Sở như sau:

The Landlord agrees to rent to Tenant pursuant to the terms of this Lease the Premises described as follows:

业主同意根据本租约的条款向租户出租如下所述的房屋

Địa chỉ: Tỉnh lộ 390, Xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address: 390 Highways, Tran Phu Commune, Hai Phong City, Vietnam

地址：390 高速公路, Tran Phu 鎮, Hai Phong 省, Vietnam

Mô tả/Description/描述

TT No. 序号	Các Cơ Sở Premises/场地
1.	Nhà Xưởng sản xuất/Factories/生产厂房
2.	Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật khác/Other facilities/其他设施
Tổng diện tích nhà xưởng cho thuê là 8.208 m2	

2. Điều Kiện

Condition/状态

- a. Ngoại trừ các điều khác được quy định trong Hợp Đồng Thuê này, Người Thuê Nhà đồng ý rằng họ đã có cơ hội kiểm tra Mặt bằng và chấp nhận Các Cơ Sở.

Except as otherwise set out in this Lease, Tenant agrees that they have had the opportunity to inspect the Premises and accepts the Premises.

除非本租约中另有规定，否则租户同意他们有机会检查房屋并接受房屋

3. Mục Đích Sử Dụng

Use of Premises/处所的使用

- a. Người Thuê Nhà sẽ sử dụng các Cơ Sở được thuê với mục đích Sản xuất và mua bán các mặt hàng đồ chơi.

Tenant shall use the Leased Premises for the purpose of Manufacturing and trading toys.

承租人應使用租賃房屋來製造和交易玩具。

- b. Người Thuê Nhà sẽ sử dụng Cơ Sở tuân theo tất cả các luật hiện hành; tuyệt đối tuân thủ tất cả các quy định về phòng cháy và chữa cháy; tuân thủ các cam kết, thỏa thuận, quy tắc và quy định của Hợp Đồng Thuê này.

Tenant shall use the Premises in accordance with all applicable laws; strictly obey all fire protection regulations; to abide by the covenants, agreements, rules and regulations of this Lease.

租户应根据所有适用法律使用房屋；严格遵守所有消防规定；遵守本租约的契约、协议、规则和条例

4. Thời Hạn

Term/期限

Thời hạn của Hợp Đồng Thuê này ("Thời Hạn") là năm (5) năm, bắt đầu từ ("Ngày Bắt Đầu") ngày 01 tháng 6 năm 2025 và kết thúc vào ("Ngày Hết Hạn") ngày 31 tháng 5 năm 2030. Thời Hạn sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc gia hạn, tái tục hoặc chấm dứt như quy định trong Hợp

Đồng Thuê này.

The Term of this Lease shall be for a period of five (5) years (the "Term"), commencing on ("Commencement Date") June 01, 2025 and ending on ("Expiration Date") May 31, 2030 subject to extension, renewal or termination as herein provided.

本租賃期限為 5 年 (「期限」) · 自 2025 年 6 月 1 日 (「開始日期」) 起 · 至 5 月 31 日 (「到期日期」) 結束 · 2030 年可依本協議規定延期、續約或終止

5. Gia Hạn Hợp Đồng

Renewal Option/续订选项

Chủ Nhà sẽ tạo điều kiện cho Người Thuê Nhà gia hạn hợp đồng, với điều kiện là Người Thuê Nhà tuân thủ đầy đủ các điều khoản của Hợp Đồng Thuê này và thông báo bằng văn bản trước ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc Thời Hạn để đề nghị gia hạn hợp đồng. Trong trường hợp đó hai bên sẽ đàm phán, thoả thuận lại các điều khoản và giá thuê của thời gian gia hạn.

Landlord will provide to Tenant the right to renew or extend the Term of this Lease, provided Tenant is not in default under the terms of the Lease and Tenant will give Landlord six (6) months written notice prior to expiration of the Term, of its desire to renew or extend the Lease. In that event, Parties will negotiate and agree upon the conditions and rent of the extended term.

业主将向租户提供续订或延长本租约期限的权利 · 前提是租户没有违反租约条款 · 并且租户将在期限届满前 6 个月书面通知业主 · 希望更新或延长租约 · 在这种情况下 · 双方将协商并商定延长期限的条件和租金

6. Tiền Thuê Nhà

Base Rent/基本租金

- a. Người Thuê Nhà sẽ trả cho Chủ Nhà số Tiền Thuê Nhà như sau:

Tenant shall pay to Landlord, Base Rent as follows:

租户须按以下方式向房东支付基本租金:

- i. Người Thuê Nhà sẽ trả cho Chủ Nhà, Tiền Thuê Nhà hàng tháng, gồm thuế VAT, mỗi tháng một lần, trả trước 5 ngày trước ngày đầu tiên của tháng đó trong Thời Hạn của Hợp Đồng Thuê này.

Tenant shall pay to Landlord, Annual Base Rent, including VAT, each and every month, payable in advance 5 days prior to the first day of such each and every month during the term of this Lease.

承租人应在本租赁期限内每月向出租人支付年度基本租金 (包括增值税) · 并于每月第一天前 5 天提前支付

- ii. Tiền Thuê Nhà sẽ được giữ cố định trong mỗi hai (2) năm của Thời Hạn. Tiền Thuê Nhà cho hai (2) năm tiếp theo sau sẽ được tăng thêm 10% so với Tiền Thuê Nhà của hai (2) năm liền trước đó.

Base Rent will be stable for the first 2 years. Base Rent then shall increase by 10% every 2

years.

租期内每 2 年的租金将保持固定。后 2 年的租金将比前 2 年的租金增加幅度不超过 10%

- b. Tất cả các khoản tiền phải trả theo Hợp Đồng Thuê này của Người Thuê Nhà sẽ phải trả ngay lập tức khi đến hạn mà không bù trừ hoặc giảm bớt.

All monies payable pursuant to this Lease by Tenant shall be payable immediately when due and shall be paid to Landlord in the manner provided herein without set off or abatement.

租户根据本租约应付的所有款项应在到期时立即支付，并应按本租约规定的方式支付给业主，不得抵销或减免。

- c. Tất cả các khoản thanh toán sẽ được thanh toán cho Công ty TNHH Hòa Bảo An bằng tiền đồng hợp pháp của Việt Nam, và chuyển khoản thông qua tổ chức tín dụng hợp pháp hoạt động tại Việt Nam.

All payments shall be made payable, in lawful money of Vietnam, to Hòa Bảo An Company Limited and through a domestic branch of a Vietnam financial institution.

所有款项均应以越南盾支付给 Thanh Bao Phuc 责任有限公司。

Tài khoản ngân hàng của Chủ Nhà có thể được thay đổi theo thời gian khi Chủ Nhà thông báo bằng văn bản cho Người Thuê Nhà

Landlord's bank account may be changed from time to time upon Landlord's written notice to Tenant.

业主的银行账户可能会在业主书面通知租户后不时更改

7. Đặt Cọc Đảm Bảo và Chi Phí Khác

Security Deposit and Additional Rent/保证金和额外租金

- a. Đặt Cọc Bảo Đảm

Security Deposit/保证金

- i. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng Thuê này, Người Thuê Nhà sẽ chuyển cho Chủ Nhà khoản Tiền Đặt Cọc Bảo Đảm để bảo đảm cho việc thực hiện đầy đủ các thoả thuận của Hợp Đồng Thuê này.

Within 15 days from the date of this Lease, Tenant shall deposit with Landlord the Security Deposit as security for the full and faithful performance of each and every term, covenant and condition of this Lease.

自本租约之日起 15 天内，租客应向房东交存保证金，作为充分和忠实履行本租约的每一项条款、契约和条件的担保。

- ii. Chủ Nhà có thể khấu trừ toàn bộ hoặc một phần Tiền Đặt Cọc Bảo Đảm để (a) khắc phục bất kỳ vi phạm nào của Người Thuê Nhà theo Hợp Đồng Thuê này, (b) để sửa chữa thiệt hại cho Cơ Sở do Người Thuê Nhà gây ra. Nếu Chủ Nhà khấu trừ Tiền Đặt Cọc nói trên, trong vòng năm (5) ngày làm việc sau khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ Nhà, Người Thuê Nhà sẽ phải chuyển cho Chủ Nhà toàn bộ số tiền bị khấu trừ đó.

Landlord may use, apply the whole or any part of the Security Deposit as may be reasonably necessary (a) to remedy any Default by Tenant under this Lease, (b) to repair damage to the

Premises caused by Tenant. If Landlord so uses or applies all or any portion of said deposit, within five (5) business days after written demand therefor Tenant shall deposit cash with Landlord in an amount sufficient to restore the Security Deposit to the full extent of the above amount.

业主可在合理需要的情况下使用全部或任何部分的保证金 (a) 补救租户在本租约下的任何违约 · (b) 修复租户对房屋造成的损坏 · 如果业主如此使用或应用上述全部或任何部分的押金 · 租户应在收到书面要求后的五 (5) 个工作日内向业主存入足够金额的现金 · 以将保证金恢复到上述金额的全部范围内

- iii. Chủ Nhà được quyền khấu trừ toàn bộ Tiền Đặt Cọc Bảo Đảm trong trường hợp Người Thuê Nhà tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng trước khi kết thúc Thời Hạn.

Landlord shall have the right to retain the whole of the Security Deposit in the event that Tenant, on its sole decision, terminate this Lease prior to the expiration of the Term.

如果租客自行决定在租期届满前终止本租约 · 业主有权保留全部保证金

- iv. Nếu Người Thuê Nhà tuân thủ đầy đủ tất cả các điều khoản của Hợp Đồng Thuê này, trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi kết thúc Thời Hạn, Chủ Nhà sẽ hoàn trả khoản Tiền Đặt Cọc Bảo Đảm cho Người Thuê Nhà.

Should Tenant faithfully and fully comply with all of the terms, covenants and conditions of this Lease, within fifteen (15) days following the expiration of the Term, the Security Deposit or any balance thereof shall be returned to Tenant.

如果租户忠实并完全遵守本租约的所有条款、契约和条件 · 则在期限届满后 15 天内 · 保证金或其任何余额应退还给租户

8. Chuyển Nhượng và Cho Thuê Lại

Assignment and Sublet/转让和转租

Người Thuê Nhà sẽ không giao, chuyển nhượng hoặc cho thuê lại toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Cơ Sở mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ Nhà.

Except as provided in this Lease Tenant shall not assign or sublet any part of the Premises without the written consent of Landlord.

除本租约另有规定外 · 未经业主书面同意 · 租户不得转让或转租物业的任何部分 ·

9. Bồi Thường bởi Người Thuê Nhà

Indemnity by Tenant/租户赔偿

Người Thuê Nhà sẽ chịu mọi trách nhiệm và chi phí bồi thường đối với tất cả các thương tích hoặc bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào đối với tài sản và con người phát sinh phát sinh từ bất kỳ lỗi, vỡ nợ, sơ suất, hành động hoặc thiếu sót của Người Thuê Nhà, hoặc bởi bất kỳ người nào được Người Thuê Nhà cho phép, ở tại Cơ Sở:

Tenant shall bear all responsibility and expense for all injury or any loss or damage to property and persons arising out of any fault, default, negligence, act or omission of Tenant, or by any person permitted by Tenant to be, on the Premises.

承租人应承担因承租人、或承租人允许在该处所的任何人的任何过失、违约、疏忽、作为或不作为而对财产和人员造成的所有伤害或任何损失或损害的所有责任和费用

10. Thông báo cho Người Thuê Nhà

Notice to Tenant/租户须知

Tất cả các thông báo theo bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này được yêu cầu phải gửi cho Người Thuê Nhà có thể được gửi bằng cách gửi thư tín đến địa chỉ đã đăng ký bởi Người Thuê Nhà, trong đó thông báo được xem là đã được nhận vào ngày được hiển thị trên biên lai của dịch vụ bưu điện cho thư đó. Các địa chỉ này có thể được thay đổi theo thời gian bởi một trong hai bên bằng cách gửi thông báo cho bên kia.

All notices under any clause, covenant, term or condition of this Lease which are required to be given to Tenant may be given by mailing the same in a registered letter addressed to Tenant, which said notices shall be presumed to have been received on the date shown on the postmaster's receipt for such letter. Such addresses may be changed from time to time by either party by serving notices as above provided.

所有根据本租约的任何条款、契诺、条款或条件必须向承租人发出的通知，可通过以挂号信邮寄给承租人的方式发出，该通知应被推定为已于当日收到显示在邮局局长的收据上。任何一方可不时更改此类地址，方法是提供上述通知

11. Thông báo cho Chủ Nhà

Notice to Landlord/通知房东

Tất cả các thông báo theo bất kỳ điều khoản, giao ước, Thời Hạn hoặc điều kiện nào của Hợp Đồng Thuê này được yêu cầu phải gửi cho Chủ Nhà có thể được gửi bằng cách gửi thư tín đến địa chỉ đã đăng ký bởi Chủ Nhà tại:

All notices under any clause, covenant, term or condition of this Lease which are required to be given to Landlord may be given by mailing the same in a registered letter addressed to Landlord:

根据本租契的任何条款、契诺、条款或条件而须向业主发出的所有通知，可通过以挂号信邮寄给业主的方式发出

Công ty TNHH Hòa Bảo An – Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng ▲

156 Đường Trần Hưng Đạo – Thị trấn Kê Sắt – Huyện Bình Giang – Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Thanh Bảo Phúc Company Limited – Customer Support Center ▲

Thanh Bao Phuc 有限公司 - 客户支持中心

156 Tran Hung Dao Street, Ke Sat Town, Binh Giang District, Hai Duong Province, Vietnam

156 Tran Hung Dao 街道 – Ke Sat 镇 – Binh Giang 区 – Hai Duong 省 - Viet Nam

trong đó thông báo được xem là đã được nhận vào ngày được hiển thị trên biên lai của dịch vụ bưu điện cho thư đó. Các địa chỉ này có thể được thay đổi theo thời gian bởi một trong hai bên bằng cách gửi thông báo cho bên kia.

which said notices shall be presumed to have been received on the date shown on the postmaster's

receipt for such letter. Such addresses may be changed from time to time by either party by serving notices as above provided.

上述通知应被推定为在邮政局长收据上显示的日期收到。任何一方可不时更改此类地址，方法是提供上述通知

12. Chấm Dứt Hợp Đồng và Giao Trả Mặt Bằng, Cơ Sở

Termination and Surrender/终止和投降

Hợp đồng này sẽ chấm dứt và Người Thuê Nhà phải giao trả lại các Cơ Sở cho Chủ Nhà trong các trường hợp sau:

This Lease shall terminate and Tenant shall surrender the Premises to Landlord as:

本租约将终止，租户须将处所交还给业主，因为：

- a. Khi hết hạn hợp đồng thuê này.

Upon the expiration of Term.

期限届满后

- b. Toàn bộ nhà xưởng và diện tích đất thuê nêu trong đây bị giải toả, tịch thu hoặc phải phá dỡ bởi các quy định của Nhà nước.

All of Premises and leased Land hereunder is taken by any lawful governmental power.

本协议项下的所有处所和租赁土地均由任何合法的政府权力接管

- c. Người Thuê Nhà vi phạm quy định của hợp đồng này và không khắc phục vi phạm, sửa chữa sai sót, thiệt hại trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ Nhà.

Failure in the performance of any of Tenant's covenants, agreements or obligations hereunder, which failure continues for fifteen (15) days after written notice thereof from Landlord to Tenant

未能履行租户在本协议项下的任何契诺、协议或义务，在房东向租户发出书面通知后十五 (15) 天内持续不履行

- d. Theo thoả thuận bằng văn bản của hai bên.

Agreed in written by both Parties.

双方书面同意

- e. Bất kỳ việc chậm trễ giao trả nào sau khi hết hạn hợp đồng, mà không có sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản của Chủ Nhà, Người Thuê Nhà sẽ phải trả cho Chủ Nhà tiền thuê theo đơn giá thuê bằng một trăm năm mươi phần trăm (150%) Tiền Thuê Nhà trong Hợp Đồng Thuê này và sẽ phải bồi thường tất cả các tổn thất hoặc trách nhiệm pháp lý do sự chậm trễ của Người Thuê Nhà trong việc giao trả Cơ Sở bao gồm cả bất kỳ tổn thất hoặc trách nhiệm pháp lý nào do bất kỳ khiếu nại nào đối với Chủ Nhà được thực hiện bởi bất kỳ người thuê nhà kế nhiệm hoặc người thuê nhà tiềm năng.

Any holding over after the expiration of the Term, without the express written consent of Landlord, Tenant shall pay to Landlord the rent at a rental rate equal to one hundred fifty percent

(150%) of the Base Rent in this Lease. Tenant shall pay for all loss or liability resulting from delay by Tenant in so surrendering the Premises including, without limitation, any loss or liability resulting from any claim against Landlord made by any succeeding tenant or prospective tenant founded on or resulting from such delay.

租期届满后的任何滞留·未经业主明确书面同意·租客须按等于本租约基本租金百分之一百五十(150%)的租金向业主支付租金·租客须支付因租客延迟交出处所而造成的所有损失或责任·包括但不限于任何继任租客或准租客基于或因该等延迟而向业主提出的任何索赔而造成的任何损失或责任

13. Điều khoản thi hành

Construction/执行条款

- a. Hợp Đồng Thuê này sẽ được điều chỉnh và hiểu theo tiếng Việt và theo luật pháp của Việt Nam.

This Lease shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam and in Vietnamese

本租约受越南法律管辖并按越南法律解释和越南语

- b. Các sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng sẽ được thực hiện bằng văn bản và có chữ ký của cả hai bên.

Amendments or modification of this Lease will be valid in writing and signed by both parties.

本租约的修改或修改将以书面形式生效并由双方签字

- c. Tính hợp lệ của bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng Thuê này sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực hoặc khả năng thực thi của bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp Đồng Thuê này.

The invalidity or unenforceability of any provision of this Lease shall not affect the validity or enforceability of any other provisions of this Lease

本租约任何条款的无效或不可执行不影响本租约任何其他条款的有效性或可执行性

14. Bất khả kháng

Force Majeure/不可抗力

Ngoại trừ như được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng Thuê này, nếu và bất cứ khi nào và trong phạm vi mà Chủ Nhà hoặc Người Thuê Nhà sẽ bị ngăn chặn, trì hoãn hoặc hạn chế trong việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào (ngoài việc thanh toán các khoản tiền cần phải được thanh toán trong Hợp đồng này) vì lý do:

Except as herein otherwise expressly provided, if and whenever and to the extent that either Landlord or Tenant shall be prevented, delayed or restricted in the fulfilment of any obligation hereunder (other than the payment of monies required to be paid hereunder) by reason of:

除非本协议另有明确规定·如果业主或租户因以下原因而被阻止·延迟或限制履行本协议项下的任何义务(根据本协议要求支付的款项除外)由于:

- i. đình công hoặc bạo động;

strikes or work stoppages

罢工或停工

ii. các sự kiện bất khả kháng, không thể tránh khỏi khác theo quy định của pháp luật,
other unavoidable occurrences (by law),

其他不可避免的事件 (根据法律)

khi đó thời gian thực hiện nghĩa vụ đó sẽ được kéo dài trong thời gian diễn ra các sự kiện bất khả kháng nêu trên, và bên kia của Hợp Đồng Thuê này sẽ không được bồi thường cho bất kỳ sự bất tiện, phiền toái hoặc khó chịu nào do đó gây ra.

then the time for fulfilment of such condition and obligation shall be extended during the period in which such circumstances operates to prevent, delay or restrict fulfilment thereof, and the other party to this Lease shall not be entitled to compensation for any inconvenience, nuisance or discomfort thereby occasioned.

那么履行该条件和义务的时间应在该情况发生的期间内延长,以防止、延迟或限制履行,并且本租约的另一方无权就任何不便、滋扰或不适获得赔偿从而引发

VỚI SỰ CHỨNG KIẾN của các bên, Chủ Nhà và Người Thuê Nhà đã ký và trao Hợp Đồng Thuê này kể từ Ngày Ký Hợp Đồng.

IN WITNESS WHEREOF, Landlord and Tenant have executed and delivered this Lease as of the Lease Date specified herein.

兹证明, 业主和租户已于此处指定的租赁日期签署并交付本租约

CHỦ NHÀ
LANDLORD
房东

CÔNG TY TNHH HOA BAO AN
HOA BAO AN COMPANY LIMITED

M.S.D.N: HOA BAO AN 责任有限公司



CÔNG TY
TNHH
HOÀ BAO AN

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Thu Huyền

NGƯỜI THUÊ NHÀ
TENANT
租户

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM
JM FABULOUS DEVELOPMENT VIETNAM CO., LTD.
JM FABULOUS DEVELOPMENT VIETNAM 越南有限公司



CÔNG TY
TNHH
PHÁT TRIỂN
JM FABULOUS
VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Mỹ Duyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 01/HĐ-XLNT/HBA-JMFVN

Về việc xử lý và thu phí nước thải của Công ty TNHH phát triển JM Fabulous Việt Nam

- Căn cứ Luật dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Hợp đồng thuê kho xưởng số 01.1/2025/LEASE/HBA-JMVN ngày 29/7/2025 giữa Công ty TNHH Hòa Bảo An và Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đảm bảo cung cấp các dịch vụ xử lý nước thải cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Hòa Bảo An;
- Căn cứ các văn bản pháp lý có liên quan;

Hôm nay, ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại Công ty TNHH Hòa Bảo An chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công ty TNHH Hòa Bảo An

Đại diện: **Bà Đỗ Thị Thu Huyền** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0801386919

Điện thoại: 0888552689

BÊN B: Công ty TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM

Đại diện: **Bà Vũ Thị Mỹ Duyên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thửa đất số 606, xã Trần Phú, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0801461531

Điện thoại: 0332.222.832

HAI BÊN THỐNG NHẤT KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI NỘI DUNG SAU:

Điều 1: Nội dung công việc

- Bên A là đơn vị quản lý nhà xưởng và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.

- Bên B hiện là đơn vị đang được thuê nhà xưởng trên diện tích 8.208m² tại xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.

Hiện tại Bên A và Bên B cùng thỏa thuận việc thu gom và thoát nước thải của bên B (Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam) tại địa chỉ: Nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2 (thuê lại của Công ty TNHH Hòa Bảo An), xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam vào hệ thống đường ống thoát nước thải và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm của bên A (Công ty TNHH Hòa Bảo An).

Nay, chúng tôi nhất trí thỏa thuận như sau:

- Bên A đồng ý nhất trí để Bên B thoát nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại (đã được bên A xây dựng) vào hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 45m³/ngày đêm của bên A.

- Bên A sẽ giám sát mẫu nước thải và giám sát vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm cả nước thải của Bên B đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành.

- Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm về chất lượng nước thải đầu vào, bảo đảm phù hợp với thiết kế hệ thống xử lý hiện hữu. Bên A chỉ giám sát vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật.

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời hạn: 05 năm, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2030;

- Hợp đồng này được tự động gia hạn trong trường hợp hai bên gia hạn hợp đồng thuê nhà xưởng và với thời gian gia hạn tương ứng với thời gian gia hạn hợp đồng thuê nhà xưởng.

- Hợp đồng này sẽ chấm dứt trước hạn trong trường hợp hợp đồng cho thuê nhà xưởng chấm dứt trước hạn, hoặc khi đơn vị thông báo không còn hoạt động trên địa bàn xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng.

Điều 3: Giá trị hợp đồng

Đơn giá

- Đơn giá áp dụng (chưa bao gồm thuế VAT): 5.500 đồng/m³.

Lượng nước thải:

- Được xác định bằng đồng hồ đo lưu lượng cộng hưởng từ (nếu có).

- Hoặc bằng lượng nước sạch đầu vào x 80% (lượng nước đầu vào theo hóa đơn do Công ty cổ phần đầu tư phát triển ngành nước và môi trường cung cấp).

- Giá trị thanh toán = Lượng nước thải (m³) x 5.500 đồng/m³ (chưa bao gồm VAT).

- VAT được thanh toán theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Điều 4: Thanh toán hợp đồng

- Thời hạn thanh toán hợp đồng: từng quý.

- Thực hiện thu, nộp phí nước thải theo quý, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày cuối cùng của quý.

- Khi bên B thanh toán, Bên A sẽ xuất hóa đơn tài chính cho bên B (theo nội dung công việc thực hiện).

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

Điều 5: Trách nhiệm của bên A

Quyền hạn

- Có quyền từ chối tiếp nhận nước thải nếu phát hiện nước thải của Bên B không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đầu vào theo thiết kế.

- Chỉ tiếp nhận nước thải sinh hoạt phát sinh của bên B theo đúng thỏa thuận, không chịu trách nhiệm đối với các loại nước thải khác.

- Có quyền tạm ngừng vận hành hệ thống xử lý cho Bên B nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ về chất lượng nước thải hoặc nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

Trách nhiệm

- Thực hiện các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường.

- Cung cấp cho Bên B các tài liệu hướng dẫn đầu nối các vị trí xả thải về hệ thống xử lý nước thải.

Điều 6: Trách nhiệm của bên B

Quyền hạn

- Yêu cầu bên A cung cấp tài liệu hướng dẫn đầu nối khi cần thiết.

- Yêu cầu bên A xuất trả hóa đơn tài chính khi thanh toán.

Trách nhiệm

- Chấp hành các yêu cầu của bên A về chất lượng xử lý nước thải (nếu có) của bên B khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của bên A để tránh gây tắc nghẽn hệ thống thu gom và ảnh hưởng đến hoạt động xử lý.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng nước thải đảm bảo không vượt quá thông số thiết kế của hệ thống xử lý và quy định về môi trường.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật về mọi vi phạm môi trường liên quan đến nước thải phát sinh từ hoạt động của Bên B, bao gồm cả trường hợp hệ thống xử lý

vận hành bình thường nhưng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn do nguyên nhân từ nước thải đầu vào.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ chi phí dịch vụ và các chi phí phát sinh quy định của Hợp đồng.

- Kịp thời thông báo cho Bên A khi có bất thường về lượng, chất nước thải hoặc khi có thay đổi về quy trình sản xuất làm thay đổi tính chất nước thải.

- Cam kết không xả các loại hóa chất độc hại, dung môi, dầu mỡ công nghiệp, chất rắn có kích thước lớn vào hệ thống thu gom.

- Bồi thường toàn bộ thiệt hại (bao gồm thiệt hại về tài sản, chi phí xử lý, chi phí pháp lý, tiền phạt hành chính) cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nếu phát sinh do việc xả thải của Bên B không tuân thủ quy định.

- Trong trường hợp Bên A bị cơ quan nhà nước xử phạt hoặc yêu cầu khắc phục hậu quả môi trường liên quan đến nước thải của Bên B, Bên B có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền phạt và chi phí khắc phục cho Bên A ngay sau khi có yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường đối với hoạt động phát sinh nước thải của bên B.

- Ngoài Giá hợp đồng được ghi ở Điều 3, Bên B có trách nhiệm xử lý, chi trả thêm cho Bên A các chi phí phát sinh (nếu các chi phí đó được tính cho Bên A) trong các trường hợp: (i) chi phí lấy mẫu, phân tích, quan trắc nước thải định kỳ và đột xuất theo quy định của cấp có thẩm quyền mà vượt quá Giá trị hợp đồng quy định tại Điều 3, (ii) các chi phí phát sinh để duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải hoặc để sửa đổi, cải tạo hệ thống xử lý nước thải cho phù hợp với quy định của cấp có thẩm quyền theo từng thời kỳ hoặc theo nhu cầu của Bên B, (iii) tất cả và mọi chi phí, trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh (nếu có) liên quan đến các ảnh hưởng về môi trường phát sinh từ hoạt động xả thải của Bên B gây ra vì bất kỳ lý do gì.

Điều 7: Tạm dừng hợp đồng

Khi bên B tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, Bên B phải có văn bản gửi bên A. Hai bên lập biên bản tạm dừng hợp đồng. Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ kinh phí cho bên A cho đến ngày hai bên thống nhất tạm dừng hợp đồng.

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không cần báo trước trong các trường hợp:

- Bên B không tuân thủ yêu cầu về việc đấu nối nước thải của bên A quy định.
- Bên B chậm thanh toán quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn.

- Bên B vi phạm nghiêm trọng các quy định pháp luật và hợp đồng và không hoàn thành xử lý triệt để trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh vi phạm (hoặc thời gian khác ngắn hơn theo quy định của pháp luật).

- Bên B xả thải trái phép ra ngoài môi trường.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng này, hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán và thỏa thuận.

- Nếu đàm phán và thỏa thuận không giải quyết được sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền theo luật định để giải quyết.

Điều 10: Các điều khoản chung

- Bên muốn chấm dứt hợp đồng (trừ trường hợp đơn phương chấm dứt theo Điều 8) phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia trước ít nhất 30 ngày.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh các chi phí, nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm pháp lý mới do thay đổi quy định pháp luật, các bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh hợp đồng. Trường hợp không thỏa thuận được, Bên B có nghĩa vụ thanh toán các chi phí phát sinh liên quan để bảo đảm tuân thủ pháp luật.

- Các điều khoản và điều kiện khác không ghi trong hợp đồng này, hai bên thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều có sự đồng ý của hai bên, được thành lập văn bản và là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này.

- Sau khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng, hai bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ, trách nhiệm thỏa thuận trong Hợp đồng và không có bất kỳ khiếu nại gì, thì hợp đồng này sẽ tự động thanh lý.

- Hai bên nhất trí thông qua và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng đã ký kết.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 00, ngày 4 tháng 11 năm 2025

Tại⁽¹⁾: Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam - Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam

Địa chỉ: Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hòa Bảo An)

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:⁽¹⁾

Ông (Bà): *Trần Mỹ Duyên* Chức vụ: *GP*

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen

Ông (Bà): *Phạm Thảo My* Chức vụ: *KT*

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): *Phạm Đức Thủy* Chức vụ: *KT*

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

T. trời trời, gió nhẹ

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hết

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1	KK1	Không khí khu vực nhà xưởng số 1	<i>2326183</i>	<i>559584</i>	
2	KK2	Không khí khu vực nhà xưởng số 2	<i>2326165</i>	<i>559625</i>	
3	NT	Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt	<i>2326100</i>	<i>559578</i>	



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Hải, Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3737499; Email: haiviet.hp88@gmail.com

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
4	NM	Mương nội đồng, đầu ra kênh T2	2326087	585645	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 4...11..2025 và kết thúc vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 04/11/2025

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Thủy
Phạm Thị Thủy

ĐẠI DIỆN

ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NM.2374/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
- Thời gian phân tích : 04/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NM)	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	6,0 - 8,5
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	37	-	≤ 100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,7	-	≤ 6
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,24	0,3	-
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	0,05	-	-
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	-	-
7.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	<0,03	-	-
8.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	0,1	-
9.	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,1	5,0	-
10.	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.700	-	≤ 5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NM: Mẫu nước mặt kênh nội đồng, đầu ra kênh T2. Tọa độ: X(m)= 2326087; Y(m)= 585645.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước kênh, mương, khe, rạch bảo vệ môi trường sống dưới nước. **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025
CỔ PHẦN HẢI VIỆT
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thành

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu lấy thông tin nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.2372/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
- Thời gian phân tích : 04/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23	24	-
2.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	78	76	-
3.	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,6	0,5	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	64	68	70 ⁽¹⁾
5.	Bụi lơ lửng	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	117	119	300
6.	CO	µg/Nm ³	QT-PT.33	<3.100	<3.100	30.000
7.	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	74	74	350
8.	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	61	58	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 1. Tọa độ: X(m)=2326183; Y(m)= 559584

+ KK2: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 2. Tọa độ: X(m)=2326165; Y(m)=559625

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6h đến 21h).

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.2373/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Đơn vị đặt hàng : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
- Thời gian phân tích : 04/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 - cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	36	≤100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	25	≤30
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	1,42	-
5.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,18	≤0,5
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,18	-
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,63	≤8,0
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,1	≤15
9.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.400	≤5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt. Tọa độ: X(m)= 2326100; Y(m)=559518.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2 Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT
GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Hải, Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3737499; Email: haiviet.hp88@gmail.com

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày ..05.. tháng ..11.. năm 2025

Tại ⁽¹⁾: Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam - Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam

Địa chỉ: Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hòa Bào An)

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU⁽¹⁾:

Ông (Bà): Nguyễn Anh Tuấn Chức vụ: Am. toàn viên.....

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Tư vấn về Thương mại VinaGreen

Ông (Bà): Phạm Thanh Mai Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Phạm Đức Thủy Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... T. trời nắng

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1.	NT	Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt	<u>2326100</u>	<u>559518</u>	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
2.	KK1	Không khí khu vực nhà xưởng số 1	2326183	559584	
3.	KK2	Không khí khu vực nhà xưởng số 2	2326165	559625	
4.	NM	Mương nội đồng, đầu ra kênh T2	2326087	585645	

Thông tin khác:

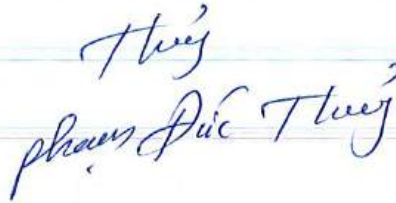
Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi ... giờ ... phút ngày 05/11/2025 và kết thúc vào hồi ... giờ ... phút ngày 05/11/2025

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ^{hai} (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Văn Tuấn

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**


Phạm Đức Thuận

ĐẠI DIỆN


Phạm Thanh Mai

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.2375/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
- Thời gian phân tích : 05/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	25	25	-
2.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	69	69	-
3.	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,7	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63	60	70 ⁽¹⁾
5.	Bụi lơ lửng	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	114	119	300
6.	CO	µg/Nm ³	QT-PT.33	<3.100	<3.100	30.000
7.	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	78	75	350
8.	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	58	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:



+ KK1: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 1. Tọa độ: X(m)=2326183; Y(m)= 559584

+ KK2: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 2. Tọa độ: X(m)=2326165; Y(m)=559625

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6h đến 21h).

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025
GIÁM ĐỐC


GIÁM ĐỐC
Hồng Minh Thanh

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.2376/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Đơn vị đặt hàng : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
- Thời gian phân tích : 05/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 - cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	32	≤100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	27	≤30
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	1,46	-
5.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,17	≤0,5
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,19	-
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,59	≤8,0
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,1	≤15
9.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.500	≤5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:


NT: Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt. Tọa độ: X(m)= 2326100; Y(m)=559518.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2 Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Khanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NM.2377/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
- Thời gian phân tích : 05/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NM)	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	6,0 - 8,5
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	29	-	≤100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,5	-	≤6
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,25	0,3	-
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	0,04	-	-
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	-	-
7.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	<0,03	-	-
8.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	0,1	-
9.	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,1	5,0	-
10.	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.700	-	≤5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NM: Mẫu nước mặt kênh nội đồng, đầu ra kênh T2. Tọa độ: X(m)= 2326087; Y(m)= 585645.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước kênh, mương, khe, rạch bảo vệ môi trường sống dưới nước. **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.



Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Địa chỉ: Nhà số 2, Lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Hải, Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3737499; Email: haiviet.hp88@gmail.com

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày ...06... tháng ...11... năm 2025

Tại ⁽¹⁾: Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam - Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam

Địa chỉ: Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hòa Bảo An)

Chúng tôi gồm:

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU⁽¹⁾:

Ông (Bà): Nguyễn Anh Tuấn Chức vụ: Antôn viên

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN: Công ty TNHH Tư vấn Thương mại Vinagreen

Ông (Bà): Phạm Thanh Mai Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HẢI VIỆT

Ông (Bà): Phạm Đức Thủy Chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu với nội dung như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Tiêu nắng

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
1.	NT	Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt	2326100	559518	



Stt	Kí hiệu	Loại mẫu, vị trí đo đạc lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
2.	KK1	Không khí khu vực nhà xưởng số 1	2326183	559584	
3.	KK2	Không khí khu vực nhà xưởng số 2	2326165	559625	
4.	NM	Mương nội đồng, đầu ra kênh T2	2326087	585665	

Thông tin khác:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Thời gian thực hiện bắt đầu vào hồi 9 giờ 20 phút ngày 06/11/2025 và kết thúc vào hồi ... giờ ... phút ngày 06/11/2025

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ^{hai} (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Nguyễn Thị Tuấn

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

Phạm Đức Trung

ĐẠI DIỆN

.....

Phạm Thanh Mai

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.2378/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
- Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
- Thời gian phân tích : 06/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KK1	KK2	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	23	23	-
2.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT	80	81	-
3.	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,4	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66	64	70 ⁽¹⁾
5.	Bụi lơ lửng	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	113	115	300
6.	CO	µg/Nm ³	QT-PT.33	<3.100	<3.100	30.000
7.	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	73	78	350
8.	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	60	65	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 1. Tọa độ: X(m)=2326183; Y(m)= 559584

+ KK2: Mẫu không khí khu vực nhà xưởng số 2. Tọa độ: X(m)=2326165; Y(m)=559625

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6h đến 21h).

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.2379/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Đơn vị đặt hàng : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
- Thời gian phân tích : 06/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 2 - cột B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,6	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	36	≤100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	25	≤30
4.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	1,44	-
5.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,17	≤0,5
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,21	-
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,63	≤8,0
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,1	≤15
9.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.400	≤5.000


Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải sau xử lý trạm XLNT sinh hoạt. Tọa độ: X(m)= 2326100; Y(m)=559518.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Bảng 2 Cột B quy định giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án đầu tư, cơ sở khi xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025
GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hong Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NM.2380/21.11.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Vinagreen
- Địa chỉ : Số 251 Chợ Hàng cũ, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Dự án sản xuất đồ chơi JM Fabulous Việt Nam – Công ty TNHH Phát triển JM Fabulous Việt Nam – Xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng, Việt Nam (thuê lại nhà xưởng số 1 và số 2 của Công ty TNHH Hoà Bảo An)
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
- Thời gian phân tích : 06/11/2025 đến ngày 21/11/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NM)	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	6,0 - 8,5
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	34	-	≤ 100
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,7	-	≤ 6
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,24	0,3	-
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E:2023	0,04	-	-
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,05	-	-
7.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	<0,03	-	-
8.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,03	0,1	-
9.	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<1,1	5,0	-
10.	Tổng coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	2.700	-	≤ 5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NM: Mẫu nước mặt kênh nội đồng, đầu ra kênh T2. Tọa độ: X(m)= 2326087; Y(m)= 585645.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước kênh, mương, khe, rạch bảo vệ môi trường sống dưới nước. **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Hồng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 11 năm 2025

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ

CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG, CHẤT THẢI NGUY HẠI

& THU MUA PHÉ LIỆU

Số: 01-2025/HĐKT/SS-JM

- Căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay ngày 04 tháng 11 năm 2025, Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM (BÊN A)

Địa chỉ : Thửa đất số 606, Xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 0332222832

Mã số thuế : 0801461531

Người đại diện : Bà **VŨ THỊ MỸ DUYÊN** Chức vụ: Giám đốc

II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI : CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SAO SÁNG BẮC NINH (BÊN B)

Địa chỉ : Đường Tô Hiến Thành, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : 02226555814

Tài khoản : 116859388888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh

Mã số thuế : 2300670584

Người đại diện : Ông **LƯƠNG THÀNH CÔNG** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại, thu mua phế liệu tái chế với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, chất thải sinh hoạt – thu mua phế liệu tái chế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.
 - Danh mục chất thải và phế liệu được thể hiện rõ trong phụ lục kèm theo hợp đồng này.
- (2) Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh thêm các loại chất thải và phế liệu khác thì danh mục và Đơn giá cụ thể được hai bên ký phụ lục Hợp đồng theo hợp đồng này.
- (3) Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký. Trước khi hết thời hạn hợp đồng 01 tháng, nếu một trong hai bên không có thông báo bằng văn bản về việc thanh lý hợp đồng hoặc các thoả thuận khác, thì hợp đồng này sẽ mặc nhiên được gia hạn thêm 01 năm và quy luật này được lặp lại trong các lần tiếp theo.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại và chất thải sinh hoạt.
- (2) Đặc tính phế liệu: Các loại phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất (sắt, nhôm, đồng, bìa, nhựa, linh kiện điện tử hủy hỏng, bavia, bản mạch ...)
- (3) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải đã được phân loại của Bên A
Thời gian giao nhận: hai bên thống nhất sao cho thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của hai Bên. *Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0941.385.888* (Mr Dũng - Trưởng Phòng Kinh doanh)
- (4) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải đồng thời bố trí nhân lực bốc xếp chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại lên xe của mình tuân theo quy định quản lý môi trường của bên A và theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

- (5) Địa điểm xử lý chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại: Toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường, nguy hại, sinh hoạt Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Công ty TNHH xử lý môi trường Sao Sáng Bắc Ninh – Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh.

ĐIỀU 3. THẺ THỨC THANH TOÁN

- (1) Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải, phé liệu cho từng chuyến để làm cơ sở thanh toán.
- (2) Phương thức thanh toán:
- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).
 - Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt căn cứ trên khối lượng thực tế chất thải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên.
 - Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B.
 - Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 07 ngày kể từ khi Bên B nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên A.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.
- (2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).
- (3) Làm thủ tục cho bên B vào thu gom, vận chuyển chất thải.
- (4) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp, nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật để nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- (5) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A.

- (6) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (7) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- (8) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- (1) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
- (2) Bên B có trách nhiệm thanh toán chi phí thu mua phế liệu cho Bên A theo quy định tại điều 3 của hợp đồng này.
- (3) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển của mình.
- (4) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (5) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- (6) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- (7) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
- (8) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- (9) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.
- (10) Bên B cam kết không tiết lộ thông tin kỹ thuật về sản phẩm của bên A cho bên thứ 3.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.
- (3) Trong thời gian thực hiện hợp đồng bên A không được phép xuất bất kỳ loại chất thải và phế thải nào có trong hợp đồng cho một tổ chức hay cá nhân nào khác. Nếu sai, bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về số lượng chất thải và phế liệu chuyển giao cho bên thứ ba và bên A sẽ phải bồi thường thiệt hại cho bên B theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 11 năm 2025

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 01-2025/PLHD/SS-JM

Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành.

Căn cứ vào hợp đồng số: 01-2025/HĐKT/SS-JM ký ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa hai bên.

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 11 năm 2025. Chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM (BÊN A)

Địa chỉ : Thửa đất số 606, Xã Trần Phú, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại : 0332222832
Mã số thuế : 0801461531
Người đại diện : Bà **VŨ THỊ MỸ DUYÊN** Chức vụ: Giám đốc



II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI : CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SAO SÁNG BẮC NINH (BÊN B)

Địa chỉ : Đường Tô Hiến Thành, Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : 02226555814
Tài khoản : 116859388888 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh
Mã số thuế : 2300670584
Người đại diện : Ông **LƯƠNG THÀNH CÔNG** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

Đối với việc bên A thuê bên B thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, nội dung như bảng sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải sinh hoạt	Kg	3.000
2	Chất thải công nghiệp	Kg	3.000
3	Chất thải nguy hại (Bóng đèn thải, mực in hộp mực thải, giẻ lau găng tay dính dầu, bao bì cứng bằng nhựa kim loại thải, dầu thải, dung dịch nước tẩy rửa thải, bùn thải, phoi kim loại nhiễm thành phần nguy hại,...)	Kg	4.000
4	Chi phí vận chuyển (áp dụng nếu khối lượng chất thải thu gom vận chuyển nhỏ hơn 2000kg/chuyến)	Chuyến	2.000.000

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

Điều 2: Điều khoản chung:

- Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số: 01-2025/HĐKT/SS-JM ký ngày 04 tháng 11 năm 2025 giữa hai bên. Các điều kiện của hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

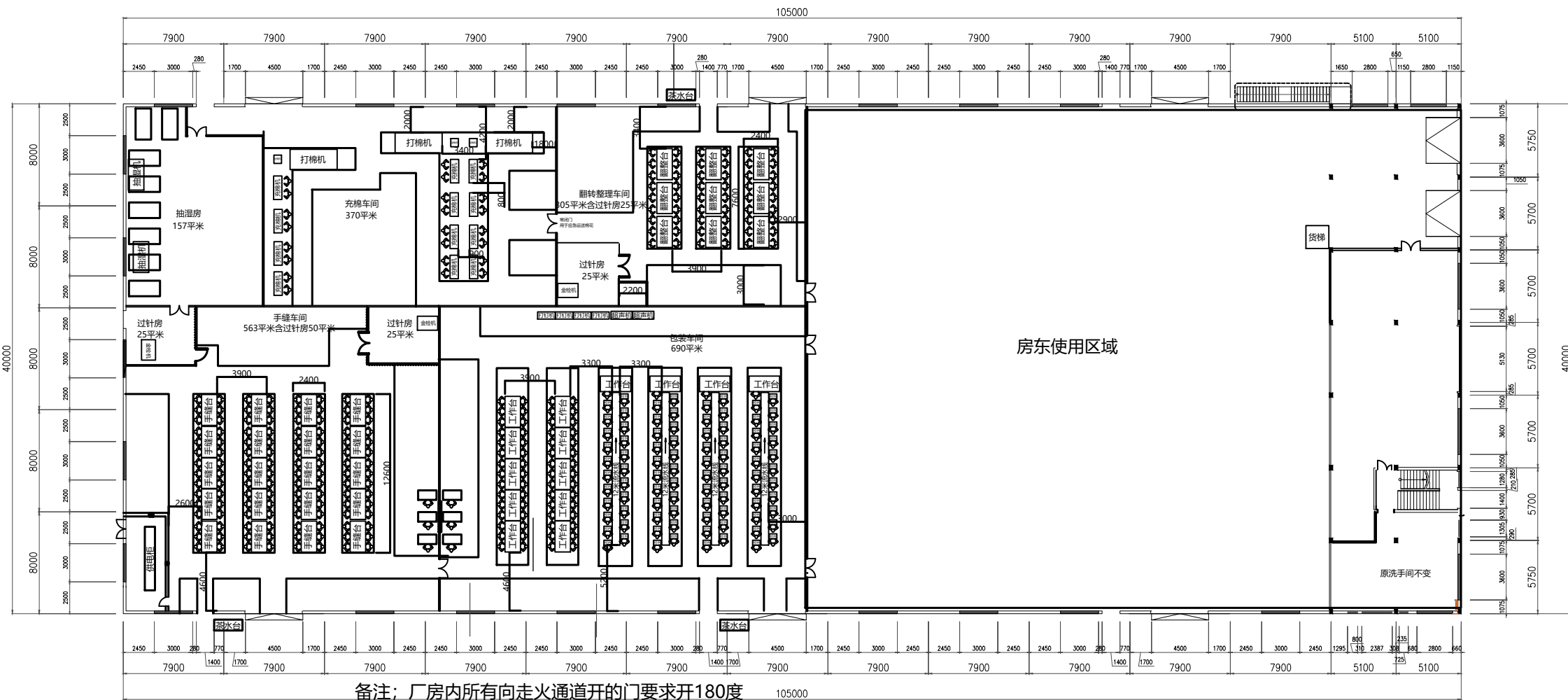


GIÁM ĐỐC
Vũ Thị Mỹ Duyên



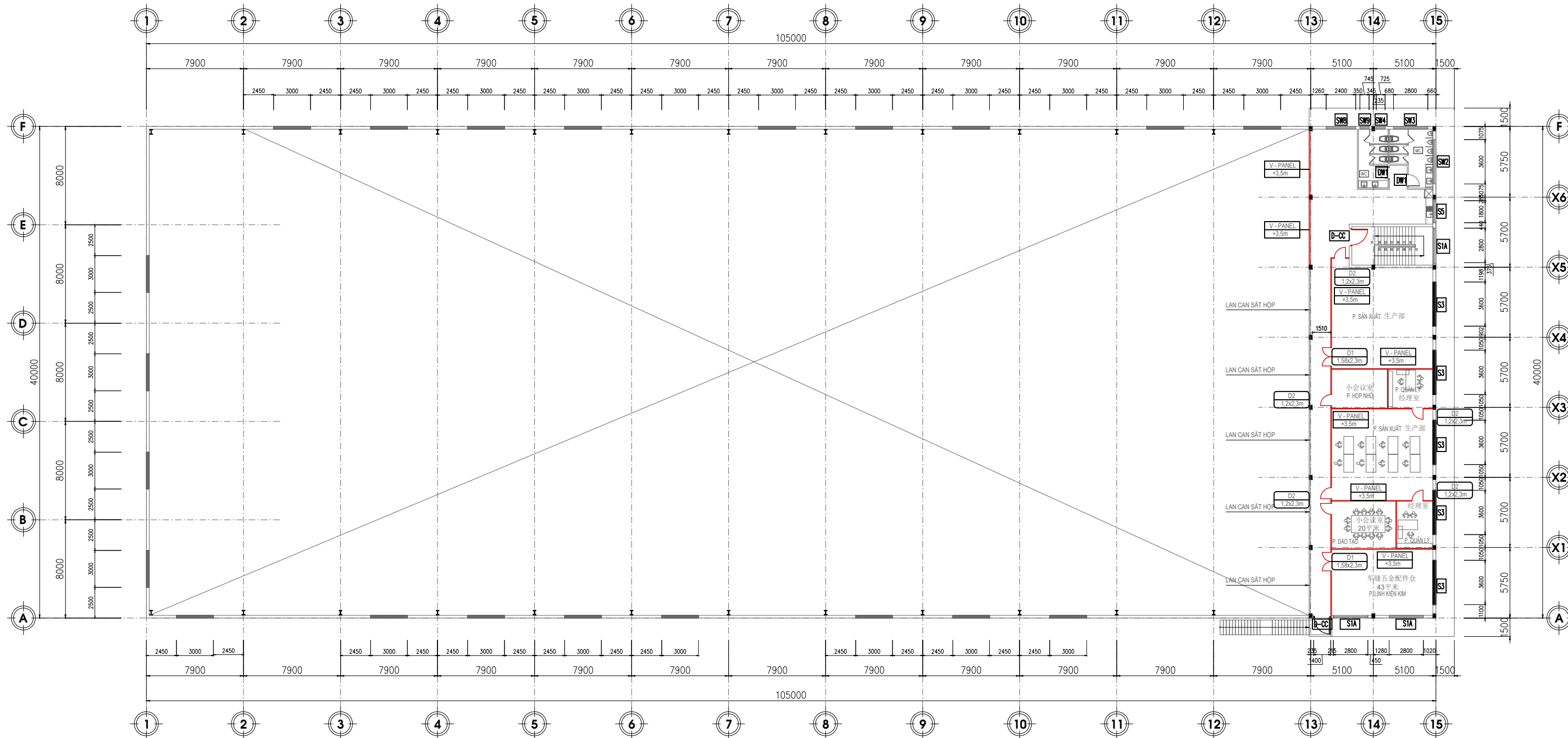
GIÁM ĐỐC
Lương Thành Công





备注：厂内所有向走火通道开的门要求开180度

105000



GHI CHÚ: PHẦN CẢI TẠO

- V - PANEL VÁCH PANEL CAO +3.5m
- D1 CỬA HIỆN TRẠNG KT: 1.58x2.3m
- D2 CỬA HIỆN TRẠNG KT: 1.2x2.3m

GHI CHÚ: CỬA HIỆN TRẠNG

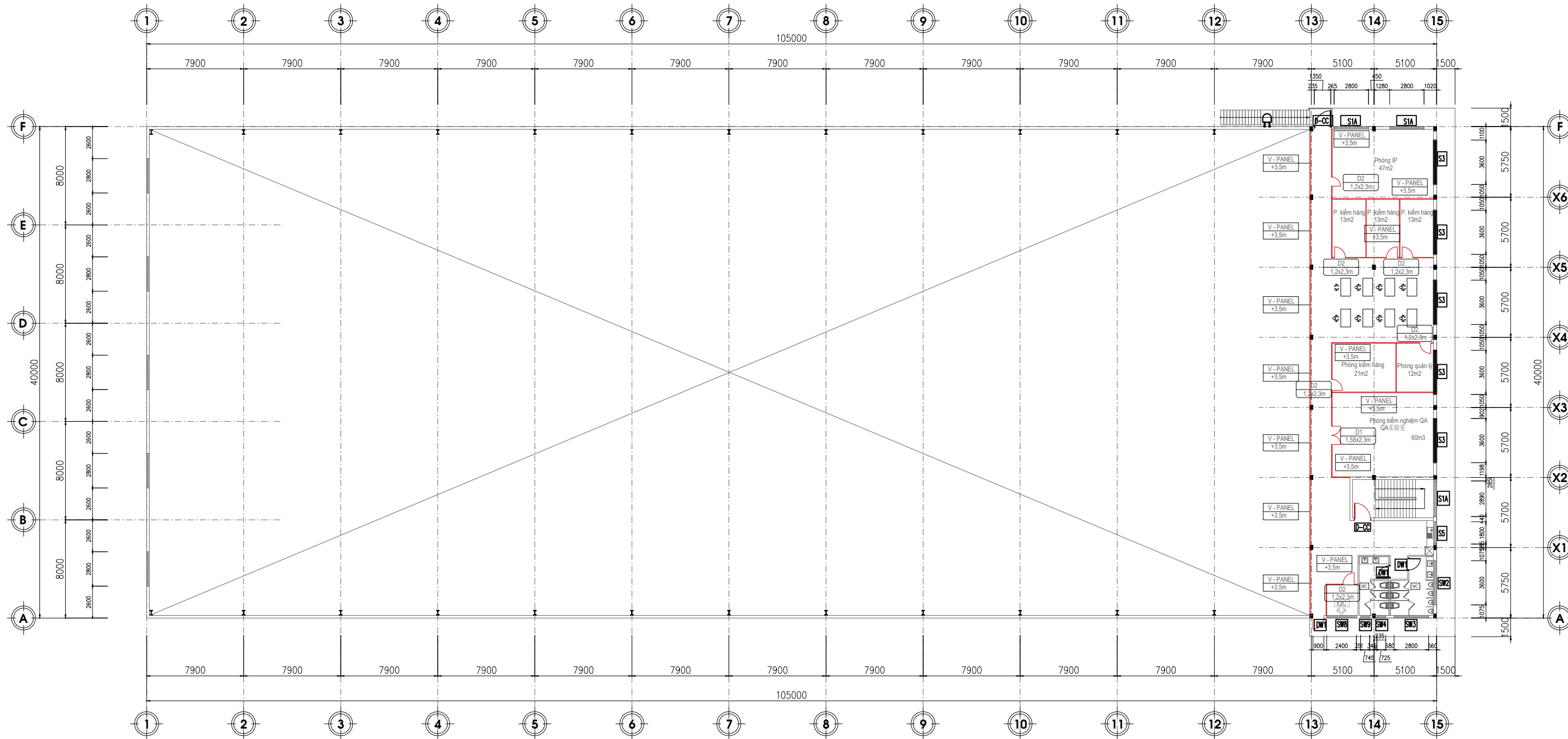
- SIA CỬA HIỆN TRẠNG
- S1 CỬA HIỆN TRẠNG
- S2 CỬA HIỆN TRẠNG
- S3 CỬA HIỆN TRẠNG
- S4 CỬA HIỆN TRẠNG
- S5 CỬA HIỆN TRẠNG
- S6 CỬA HIỆN TRẠNG
- S7 CỬA HIỆN TRẠNG
- S8 CỬA HIỆN TRẠNG
- S9 CỬA HIỆN TRẠNG
- S10 CỬA HIỆN TRẠNG
- S11 CỬA HIỆN TRẠNG
- S12 CỬA HIỆN TRẠNG
- S13 CỬA HIỆN TRẠNG
- S14 CỬA HIỆN TRẠNG
- S15 CỬA HIỆN TRẠNG
- S16 CỬA HIỆN TRẠNG
- S17 CỬA HIỆN TRẠNG
- S18 CỬA HIỆN TRẠNG
- S19 CỬA HIỆN TRẠNG
- S20 CỬA HIỆN TRẠNG
- S21 CỬA HIỆN TRẠNG
- S22 CỬA HIỆN TRẠNG
- S23 CỬA HIỆN TRẠNG
- S24 CỬA HIỆN TRẠNG
- S25 CỬA HIỆN TRẠNG
- S26 CỬA HIỆN TRẠNG
- S27 CỬA HIỆN TRẠNG
- S28 CỬA HIỆN TRẠNG
- S29 CỬA HIỆN TRẠNG
- S30 CỬA HIỆN TRẠNG
- S31 CỬA HIỆN TRẠNG
- S32 CỬA HIỆN TRẠNG
- S33 CỬA HIỆN TRẠNG
- S34 CỬA HIỆN TRẠNG
- S35 CỬA HIỆN TRẠNG
- S36 CỬA HIỆN TRẠNG
- S37 CỬA HIỆN TRẠNG
- S38 CỬA HIỆN TRẠNG
- S39 CỬA HIỆN TRẠNG
- S40 CỬA HIỆN TRẠNG
- S41 CỬA HIỆN TRẠNG
- S42 CỬA HIỆN TRẠNG
- S43 CỬA HIỆN TRẠNG
- S44 CỬA HIỆN TRẠNG
- S45 CỬA HIỆN TRẠNG
- S46 CỬA HIỆN TRẠNG
- S47 CỬA HIỆN TRẠNG
- S48 CỬA HIỆN TRẠNG
- S49 CỬA HIỆN TRẠNG
- S50 CỬA HIỆN TRẠNG
- S51 CỬA HIỆN TRẠNG
- S52 CỬA HIỆN TRẠNG
- S53 CỬA HIỆN TRẠNG
- S54 CỬA HIỆN TRẠNG
- S55 CỬA HIỆN TRẠNG
- S56 CỬA HIỆN TRẠNG
- S57 CỬA HIỆN TRẠNG
- S58 CỬA HIỆN TRẠNG
- S59 CỬA HIỆN TRẠNG
- S60 CỬA HIỆN TRẠNG
- S61 CỬA HIỆN TRẠNG
- S62 CỬA HIỆN TRẠNG
- S63 CỬA HIỆN TRẠNG
- S64 CỬA HIỆN TRẠNG
- S65 CỬA HIỆN TRẠNG
- S66 CỬA HIỆN TRẠNG
- S67 CỬA HIỆN TRẠNG
- S68 CỬA HIỆN TRẠNG
- S69 CỬA HIỆN TRẠNG
- S70 CỬA HIỆN TRẠNG
- S71 CỬA HIỆN TRẠNG
- S72 CỬA HIỆN TRẠNG
- S73 CỬA HIỆN TRẠNG
- S74 CỬA HIỆN TRẠNG
- S75 CỬA HIỆN TRẠNG
- S76 CỬA HIỆN TRẠNG
- S77 CỬA HIỆN TRẠNG
- S78 CỬA HIỆN TRẠNG
- S79 CỬA HIỆN TRẠNG
- S80 CỬA HIỆN TRẠNG
- S81 CỬA HIỆN TRẠNG
- S82 CỬA HIỆN TRẠNG
- S83 CỬA HIỆN TRẠNG
- S84 CỬA HIỆN TRẠNG
- S85 CỬA HIỆN TRẠNG
- S86 CỬA HIỆN TRẠNG
- S87 CỬA HIỆN TRẠNG
- S88 CỬA HIỆN TRẠNG
- S89 CỬA HIỆN TRẠNG
- S90 CỬA HIỆN TRẠNG
- S91 CỬA HIỆN TRẠNG
- S92 CỬA HIỆN TRẠNG
- S93 CỬA HIỆN TRẠNG
- S94 CỬA HIỆN TRẠNG
- S95 CỬA HIỆN TRẠNG
- S96 CỬA HIỆN TRẠNG
- S97 CỬA HIỆN TRẠNG
- S98 CỬA HIỆN TRẠNG
- S99 CỬA HIỆN TRẠNG
- S100 CỬA HIỆN TRẠNG

DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ:

- XƯỞNG MAY MẶC VÀ LẤP SẢN PHẨM ĐỒ CHƠI NHỰA
- NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO: VẢI, SẢN PHẨM NHỰA
- CHIỀU CAO MÁY MÓC THIẾT BỊ <2,5m
- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT HẠNG C

MẶT BẰNG TẦNG LỬNG CẢI TẠO + SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT - NHÀ XƯỞNG 1

CHỦ ĐẦU TƯ:	ĐƠN VỊ THUÊ XƯỞNG VÀ CẢI TẠO	DỰ ÁN:	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	HẠNG MỤC:	TÊN BẢN VẼ:	HOÀN THÀNH
CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN 	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM THỨA ĐẤT SỐ: 606 XÃ TRẦN PHÚ, TP. HẢI PHÒNG	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM THỨA ĐẤT SỐ: 606 XÃ TRẦN PHÚ, TP. HẢI PHÒNG	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐÔNG DƯƠNG ĐỊA CHỈ: SỐ 24/1/1C BÊN BÌNH, PHƯỜNG MINH KHAI, QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐT: 0707.686.616 / 0927.326.888 Email: pcccdongduong.jsc@gmail.com	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐỨC PHONG CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VƯƠNG ANH THIẾT KẾ: TRƯƠNG VĂN DU KIỂM TRA: LÊ VƯƠNG ANH	HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	MẶT BẰNG TẦNG LỬNG CẢI TẠO + SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT - NHÀ XƯỞNG 1/10/2025 KT-05 SỐ HIỆU BẢN VẼ



GHI CHÚ: PHẦN CẢI TẠO

- V - PANEL +3.5m VÁCH PANEL CAO +3.5m
- D1 1.58x2.3m CỬA PANEL KT: 1.58x2.3m
- D2 1.2x2.3m CỬA PANEL KT: 1.2x2.3m

GHI CHÚ: CỬA HIỆN TRẠNG

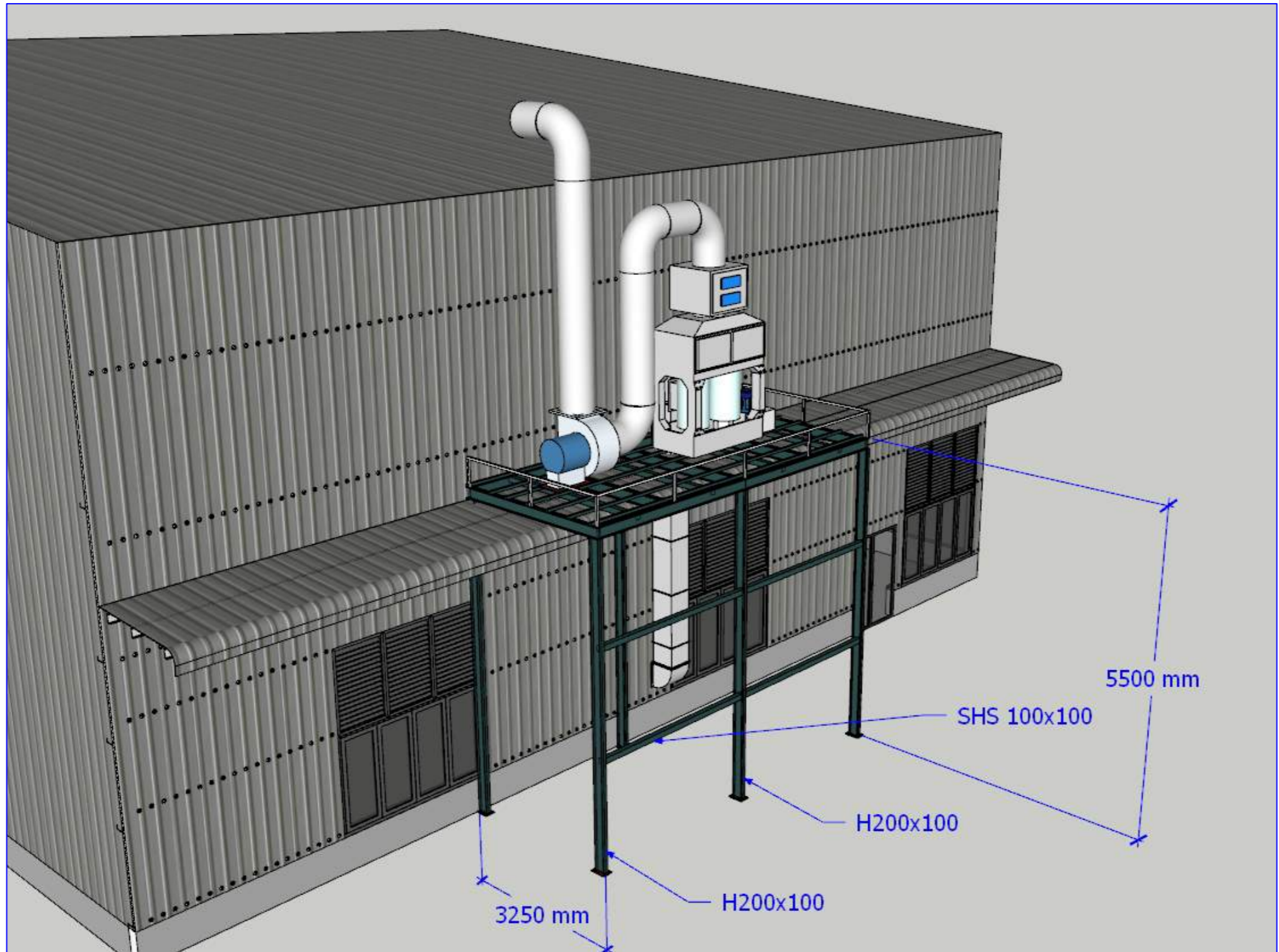
- D-C CỬA HIỆN TRẠNG
- SIA CỬA HIỆN TRẠNG
- S1 CỬA HIỆN TRẠNG
- S2 CỬA HIỆN TRẠNG
- S3 CỬA HIỆN TRẠNG
- S4 CỬA HIỆN TRẠNG
- S5 CỬA HIỆN TRẠNG
- S6 CỬA HIỆN TRẠNG
- S7 CỬA HIỆN TRẠNG
- S8 CỬA HIỆN TRẠNG
- S9 CỬA HIỆN TRẠNG
- S10 CỬA HIỆN TRẠNG
- S11 CỬA HIỆN TRẠNG
- S12 CỬA HIỆN TRẠNG
- S13 CỬA HIỆN TRẠNG
- S14 CỬA HIỆN TRẠNG
- S15 CỬA HIỆN TRẠNG
- S16 CỬA HIỆN TRẠNG
- S17 CỬA HIỆN TRẠNG
- S18 CỬA HIỆN TRẠNG
- S19 CỬA HIỆN TRẠNG
- S20 CỬA HIỆN TRẠNG
- S21 CỬA HIỆN TRẠNG
- S22 CỬA HIỆN TRẠNG
- S23 CỬA HIỆN TRẠNG
- S24 CỬA HIỆN TRẠNG
- S25 CỬA HIỆN TRẠNG
- S26 CỬA HIỆN TRẠNG
- S27 CỬA HIỆN TRẠNG
- S28 CỬA HIỆN TRẠNG
- S29 CỬA HIỆN TRẠNG
- S30 CỬA HIỆN TRẠNG
- S31 CỬA HIỆN TRẠNG
- S32 CỬA HIỆN TRẠNG
- S33 CỬA HIỆN TRẠNG
- S34 CỬA HIỆN TRẠNG
- S35 CỬA HIỆN TRẠNG
- S36 CỬA HIỆN TRẠNG
- S37 CỬA HIỆN TRẠNG
- S38 CỬA HIỆN TRẠNG
- S39 CỬA HIỆN TRẠNG
- S40 CỬA HIỆN TRẠNG
- S41 CỬA HIỆN TRẠNG
- S42 CỬA HIỆN TRẠNG
- S43 CỬA HIỆN TRẠNG
- S44 CỬA HIỆN TRẠNG
- S45 CỬA HIỆN TRẠNG
- S46 CỬA HIỆN TRẠNG
- S47 CỬA HIỆN TRẠNG
- S48 CỬA HIỆN TRẠNG
- S49 CỬA HIỆN TRẠNG
- S50 CỬA HIỆN TRẠNG
- S51 CỬA HIỆN TRẠNG
- S52 CỬA HIỆN TRẠNG
- S53 CỬA HIỆN TRẠNG
- S54 CỬA HIỆN TRẠNG
- S55 CỬA HIỆN TRẠNG
- S56 CỬA HIỆN TRẠNG
- S57 CỬA HIỆN TRẠNG
- S58 CỬA HIỆN TRẠNG
- S59 CỬA HIỆN TRẠNG
- S60 CỬA HIỆN TRẠNG
- S61 CỬA HIỆN TRẠNG
- S62 CỬA HIỆN TRẠNG
- S63 CỬA HIỆN TRẠNG
- S64 CỬA HIỆN TRẠNG
- S65 CỬA HIỆN TRẠNG
- S66 CỬA HIỆN TRẠNG
- S67 CỬA HIỆN TRẠNG
- S68 CỬA HIỆN TRẠNG
- S69 CỬA HIỆN TRẠNG
- S70 CỬA HIỆN TRẠNG
- S71 CỬA HIỆN TRẠNG
- S72 CỬA HIỆN TRẠNG
- S73 CỬA HIỆN TRẠNG
- S74 CỬA HIỆN TRẠNG
- S75 CỬA HIỆN TRẠNG
- S76 CỬA HIỆN TRẠNG
- S77 CỬA HIỆN TRẠNG
- S78 CỬA HIỆN TRẠNG
- S79 CỬA HIỆN TRẠNG
- S80 CỬA HIỆN TRẠNG
- S81 CỬA HIỆN TRẠNG
- S82 CỬA HIỆN TRẠNG
- S83 CỬA HIỆN TRẠNG
- S84 CỬA HIỆN TRẠNG
- S85 CỬA HIỆN TRẠNG
- S86 CỬA HIỆN TRẠNG
- S87 CỬA HIỆN TRẠNG
- S88 CỬA HIỆN TRẠNG
- S89 CỬA HIỆN TRẠNG
- S90 CỬA HIỆN TRẠNG
- S91 CỬA HIỆN TRẠNG
- S92 CỬA HIỆN TRẠNG
- S93 CỬA HIỆN TRẠNG
- S94 CỬA HIỆN TRẠNG
- S95 CỬA HIỆN TRẠNG
- S96 CỬA HIỆN TRẠNG
- S97 CỬA HIỆN TRẠNG
- S98 CỬA HIỆN TRẠNG
- S99 CỬA HIỆN TRẠNG
- S100 CỬA HIỆN TRẠNG

DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ:

- XƯỞNG MAY MẶC VÀ LẤP SẢN PHẨM ĐỒ CHƠI NHỰA
- NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO: VẢI, SẢN PHẨM NHỰA
- CHIỀU CAO MÁY MÓC THIẾT BỊ <2,5m
- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT HẠNG C

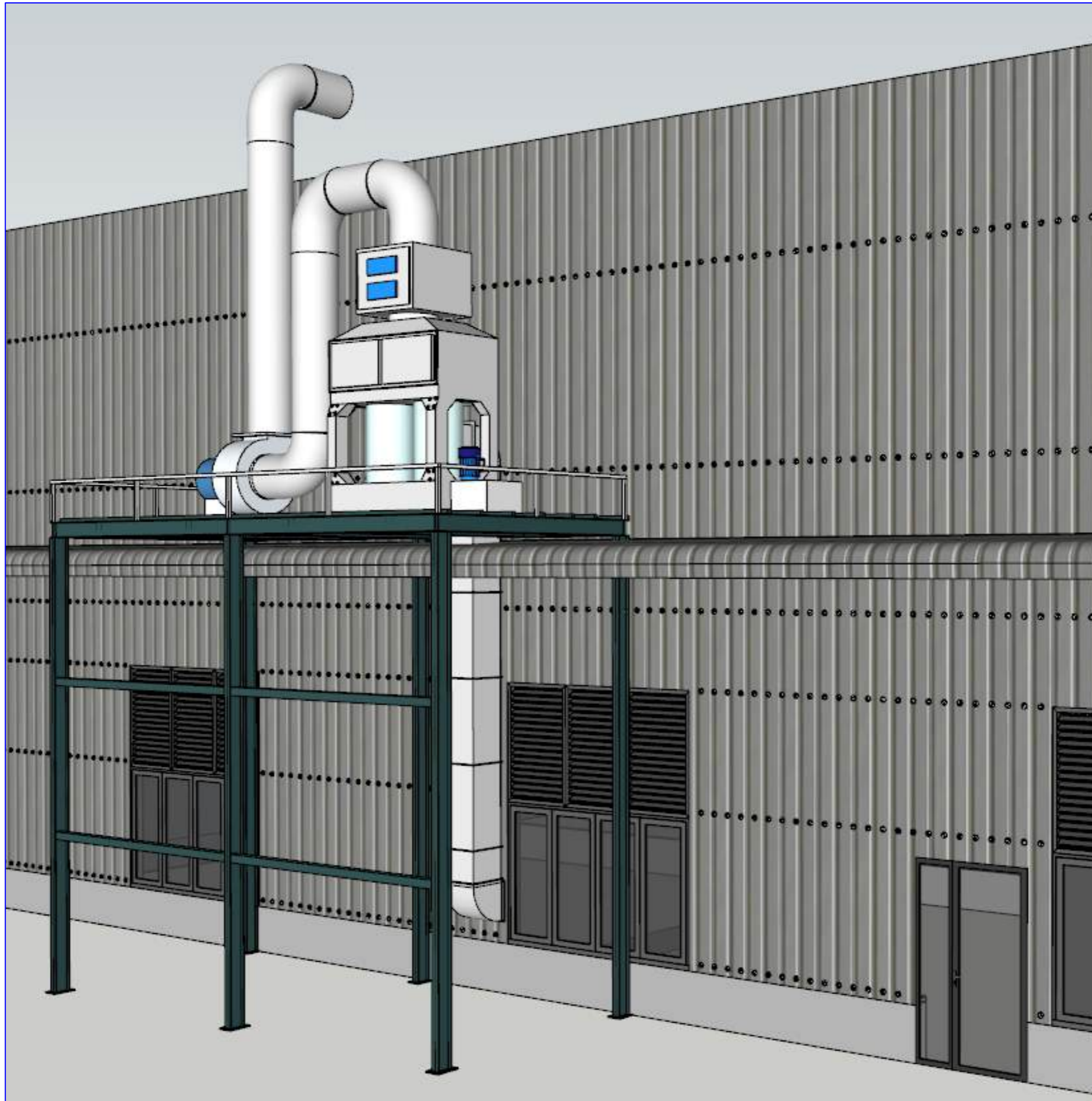
MẶT BẰNG TẦNG LỬNG CẢI TẠO + SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT - NHÀ XƯỞNG 2

CHỦ ĐẦU TƯ:	ĐƠN VỊ THUÊ XƯỞNG VÀ CẢI TẠO	DỰ ÁN:	ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	HẠNG MỤC:	TÊN BẢN VẼ:	HOÀN THÀNH
CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN CHỦ TỊCH: HÒ NGUYỄN HOÀNG	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM THƯA ĐẤT SỐ: 606 XÃ TRẦN PHÚ, TP. HẢI PHÒNG	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN JM FABULOUS VIỆT NAM THƯA ĐẤT SỐ: 606 XÃ TRẦN PHÚ, TP. HẢI PHÒNG	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ĐÔNG DƯƠNG ĐỊA CHỈ: SỐ 24/11/C BẾN BÌNH, PHƯỜNG MINH KHAI, QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐT: 0707.686.616 / 0927.326.888 Email: pcccdongduong.jsc@gmail.com	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐỨC PHONG CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: LÊ VƯƠNG ANH THIẾT KẾ: TRƯƠNG VĂN DU KIỂM TRA: LÊ VƯƠNG ANH	HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY	MẶT BẰNG TẦNG LỬNG CẢI TẠO + SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT - NHÀ XƯỞNG 2
					/10/2025
						KT-15 SỐ HIỆU BẢN VẼ



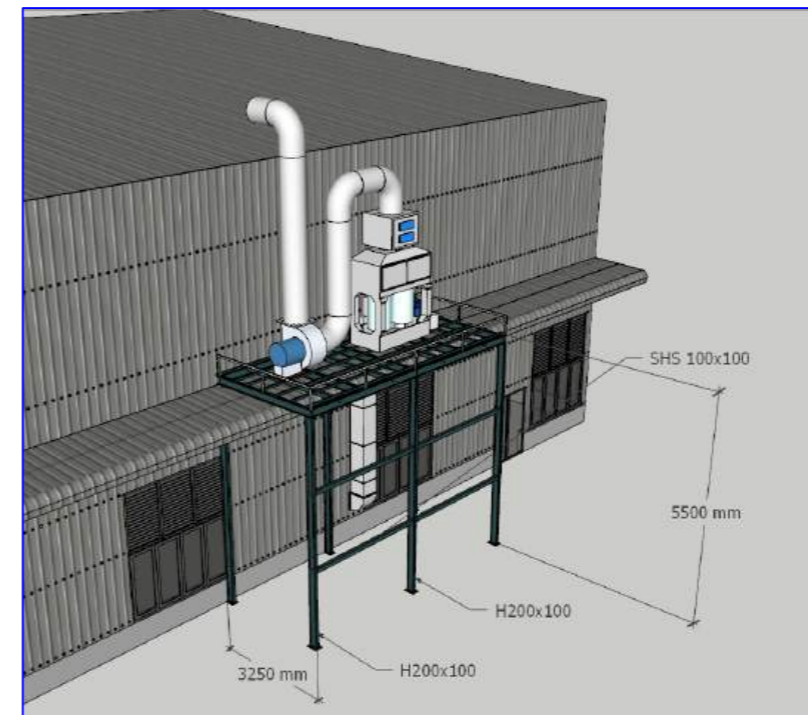
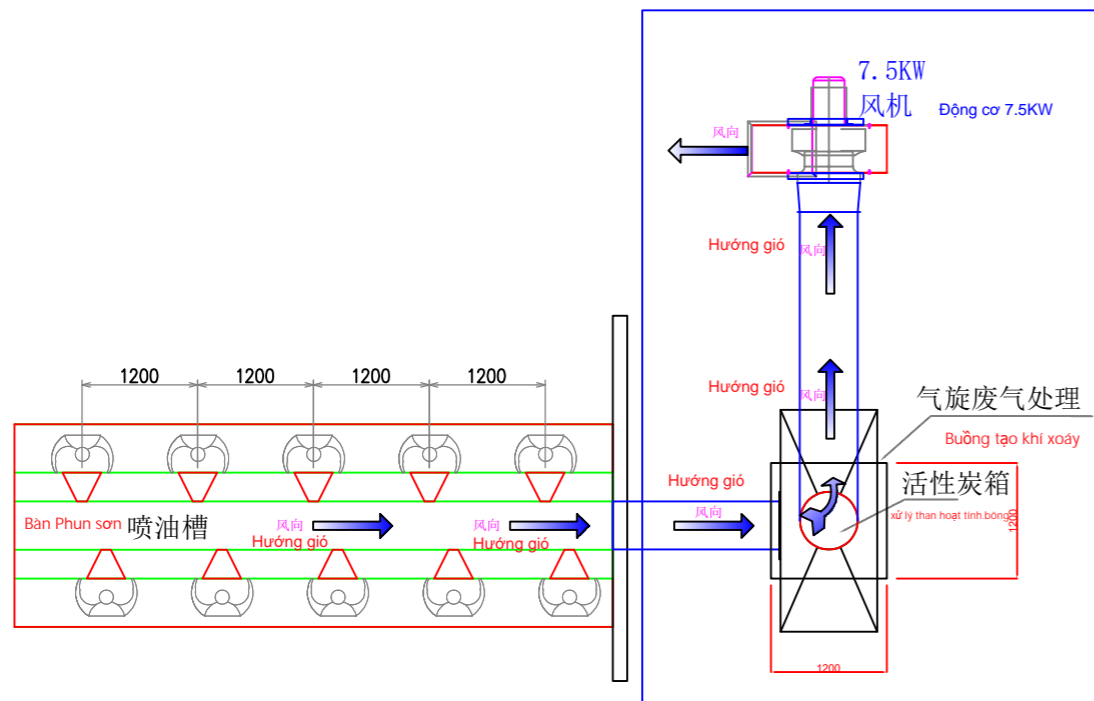
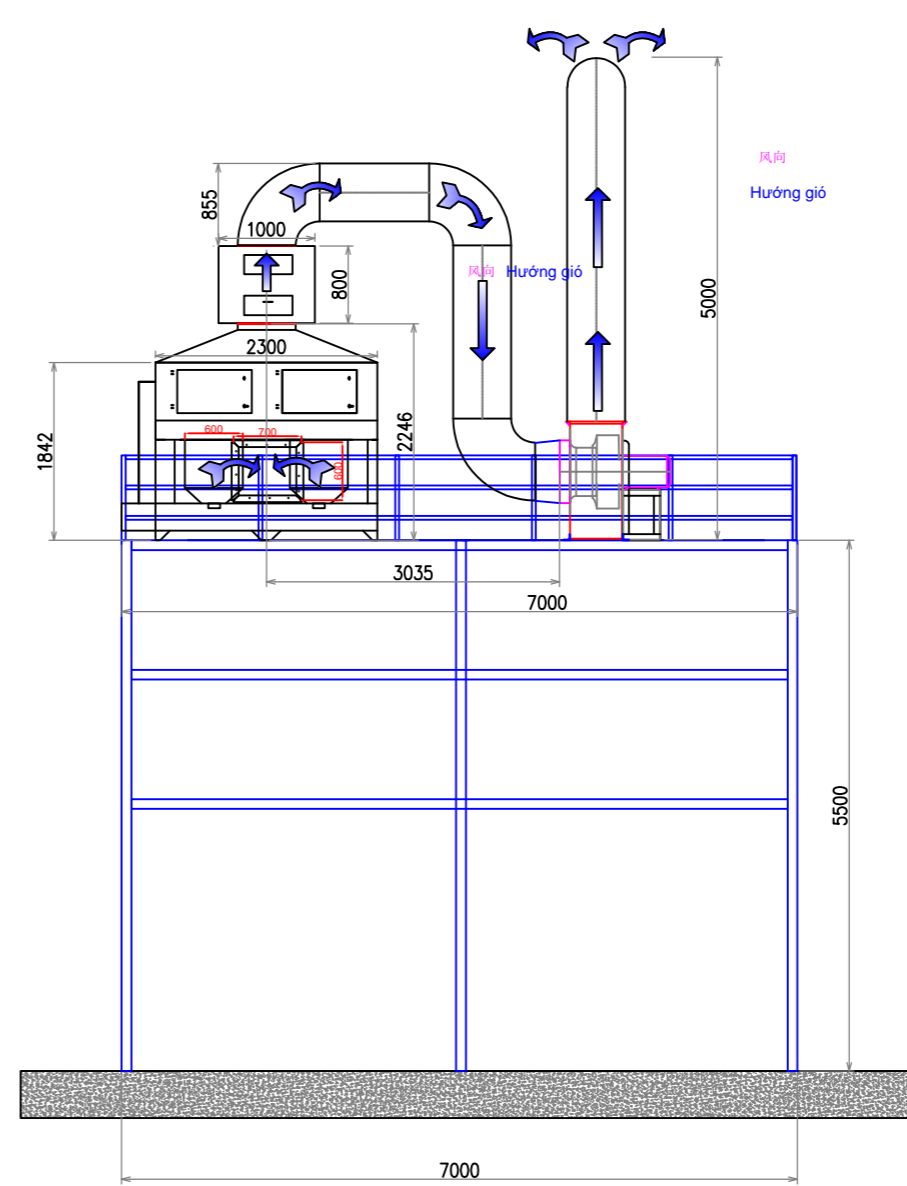
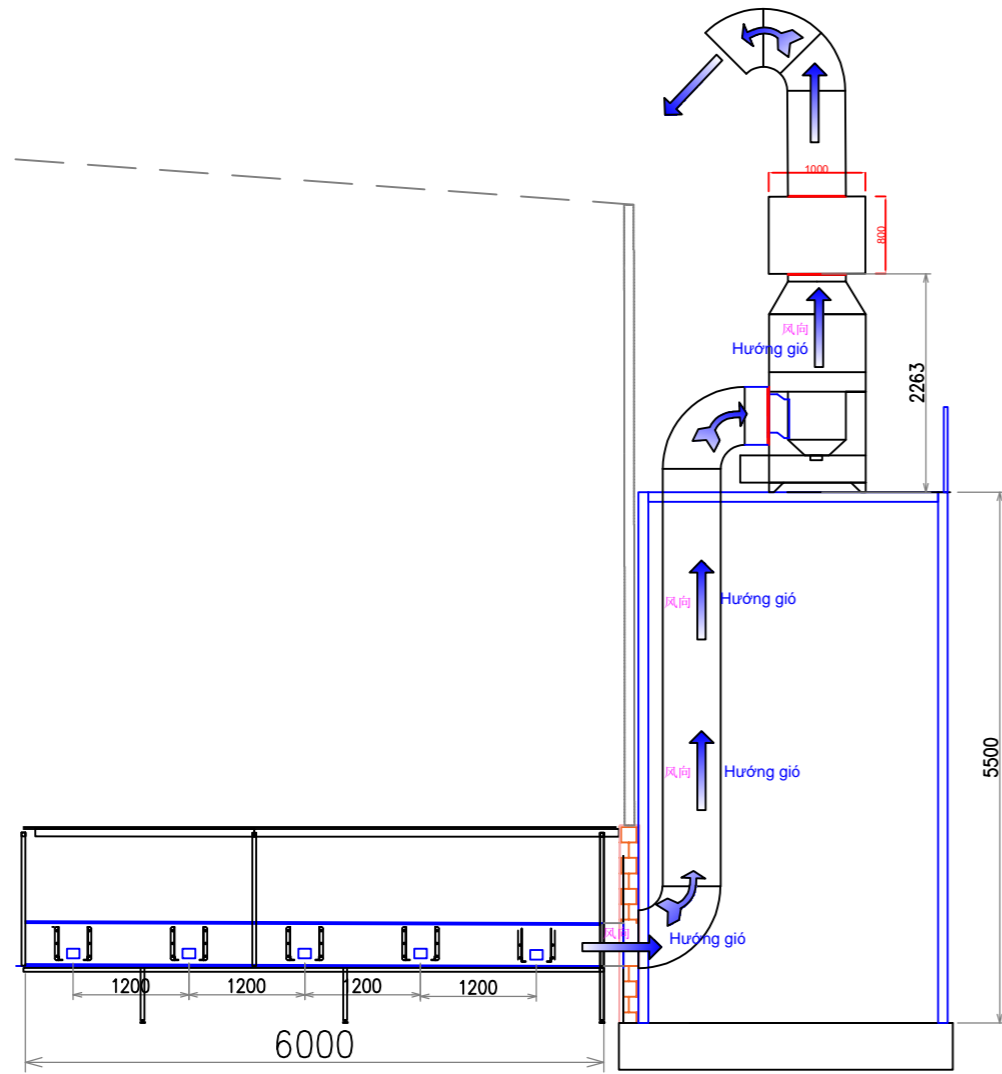
3D视角一
Phối cảnh 3D thứ 1

GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例		-	
NGÀY PHÁT HÀNH		出图日期	
SỐ HIỆU 图号		-	

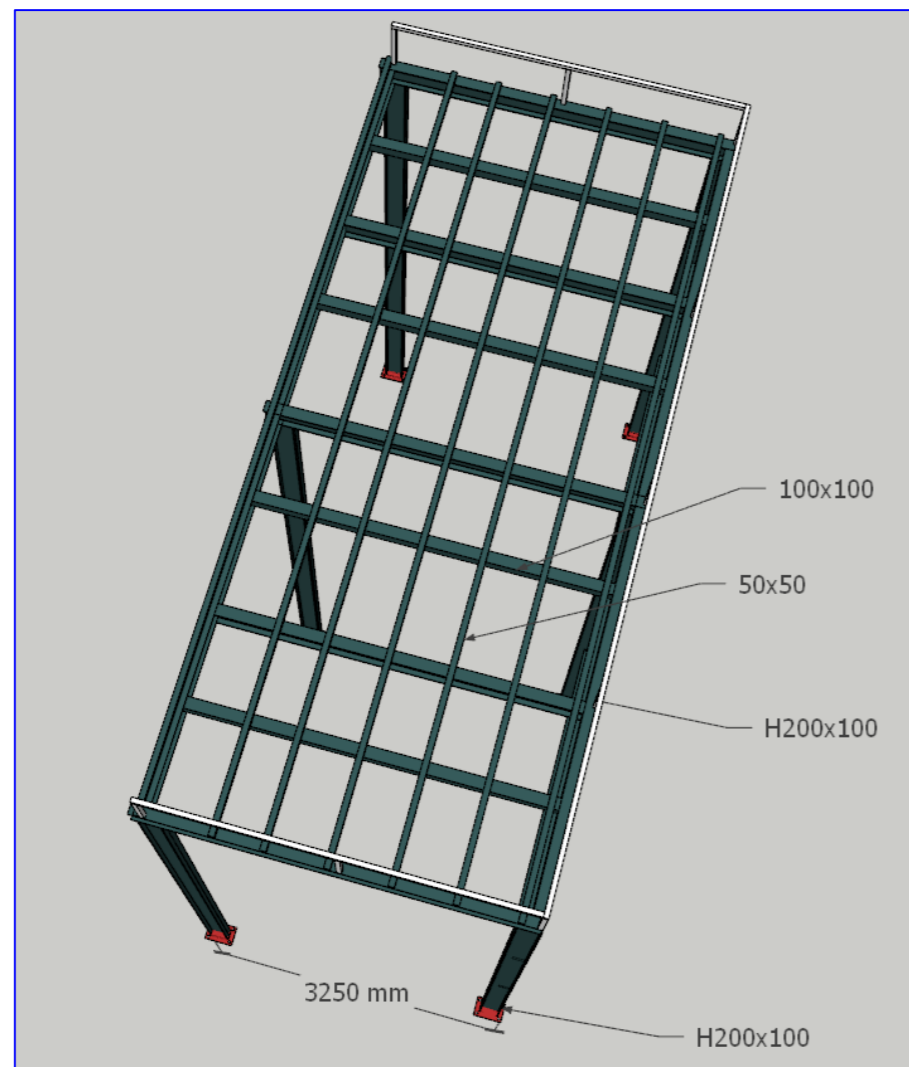
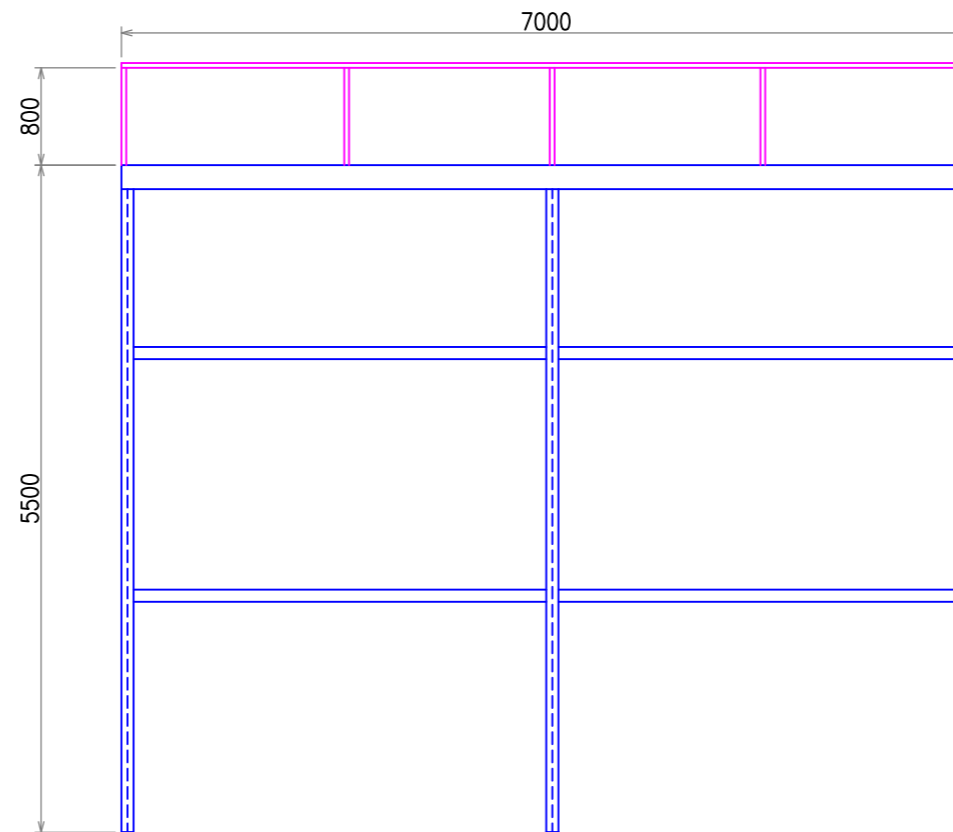
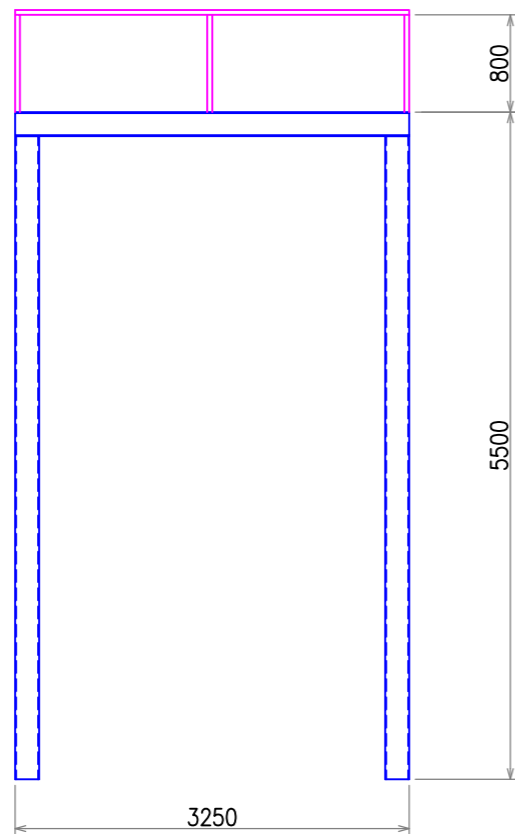


3D视角二 Phối cảnh 3D thứ 2

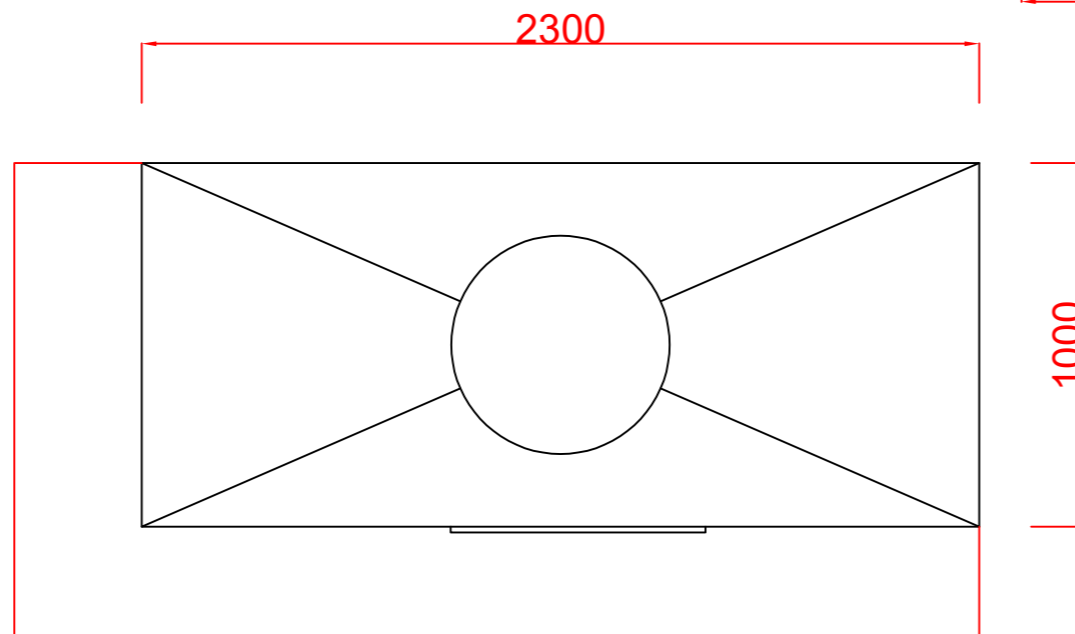
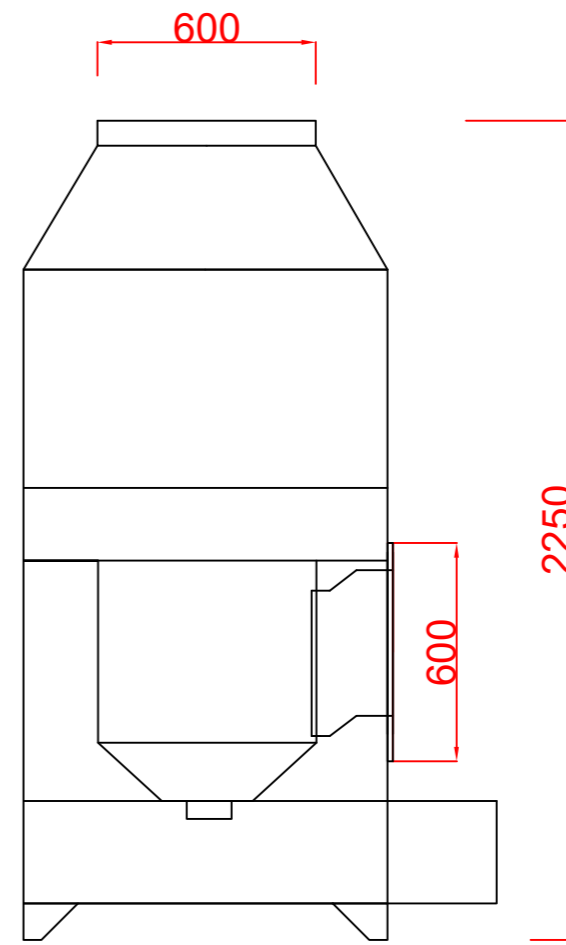
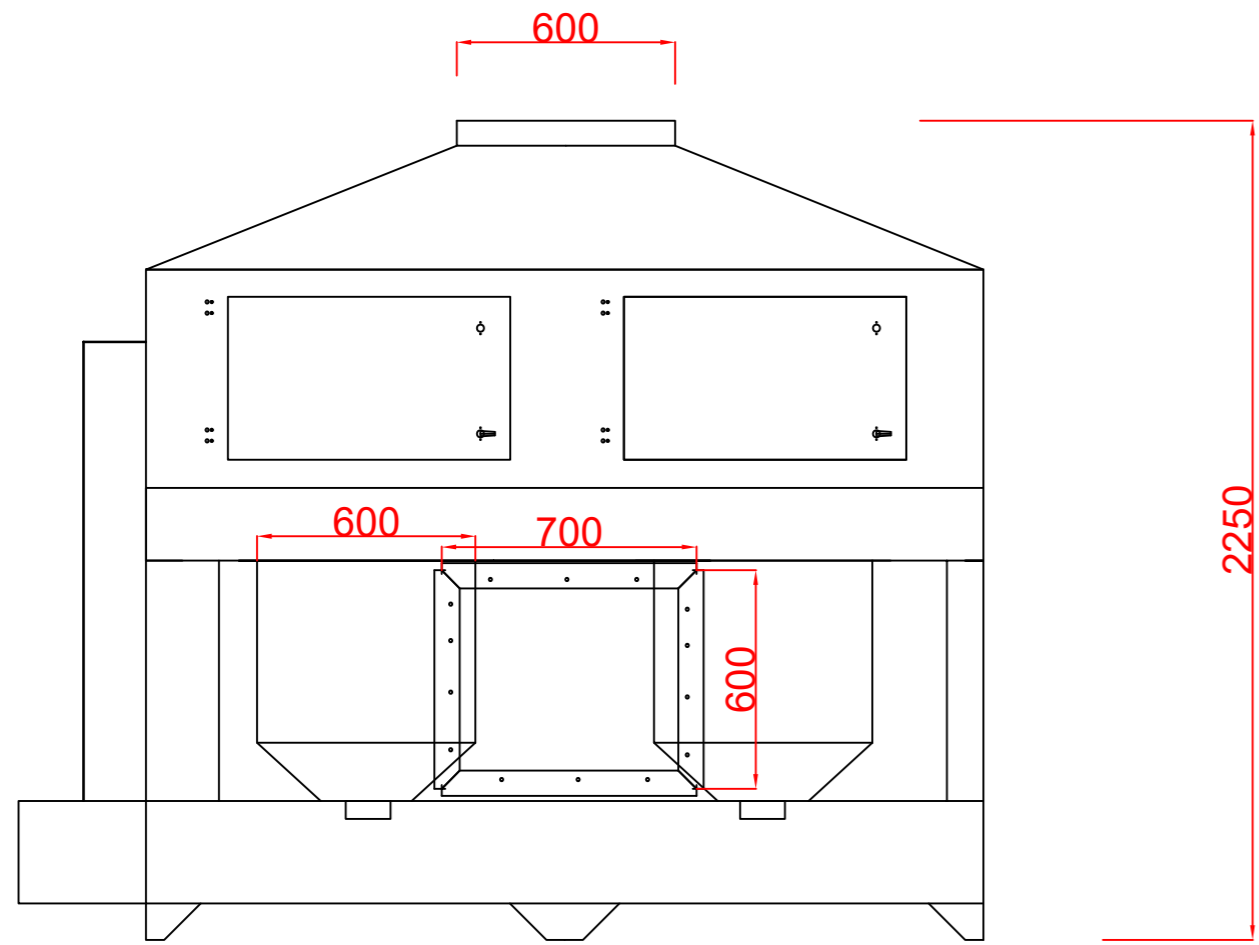
GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例	-		
NGÀY PHÁT HÀNH	出图日期		
SỐ HIỆU 图号	-		



GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例	-		
NGÀY PHÁT HÀNH	出图日期		
SỐ HIỆU 图号	-		



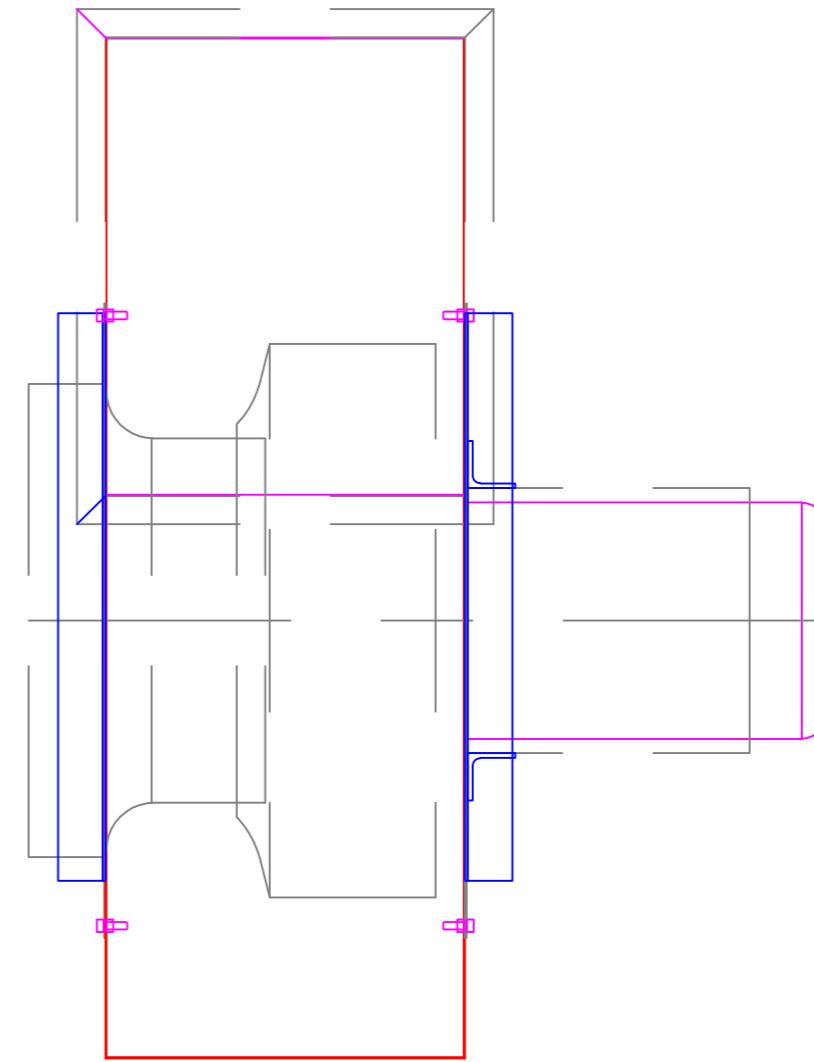
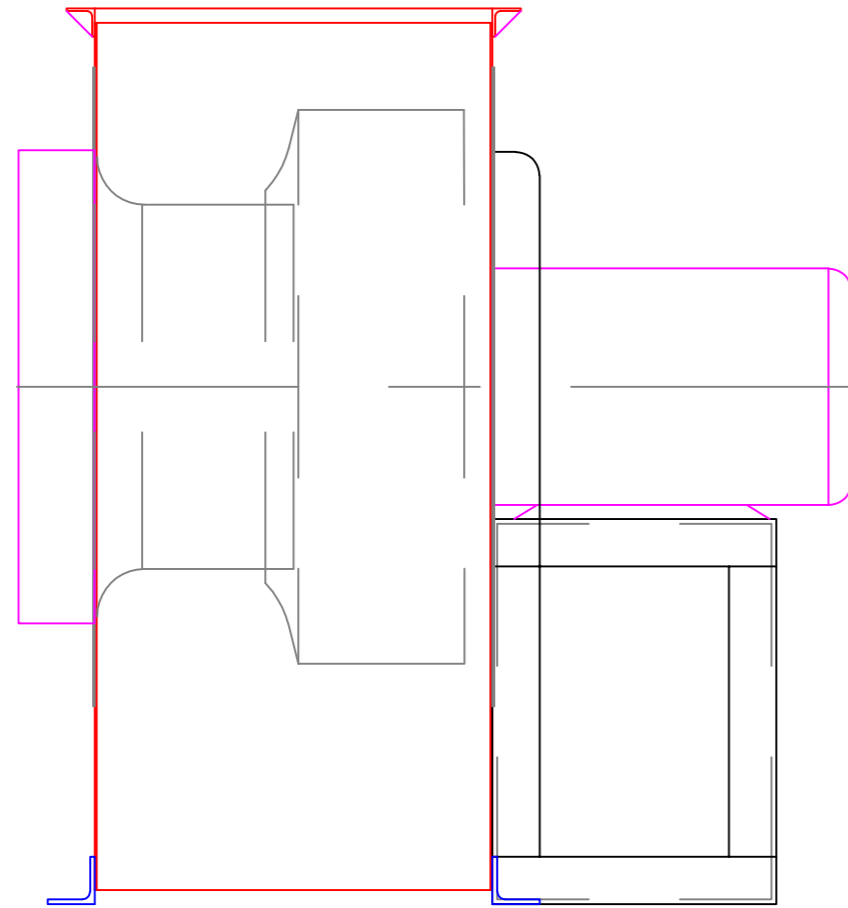
GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例		-	
NGÀY PHÁT HÀNH		出图日期	
SỐ HIỆU 图号		-	



气旋废气处理

Buồng xử lý khí thải lọc xoáy

GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例		-	
NGÀY PHÁT HÀNH		出图日期	
SỐ HIỆU 图号		-	



离心风机

Quạt ly tâm

7.5KW风机

电压：380V

压力：1450PA

流量：20000M3/H

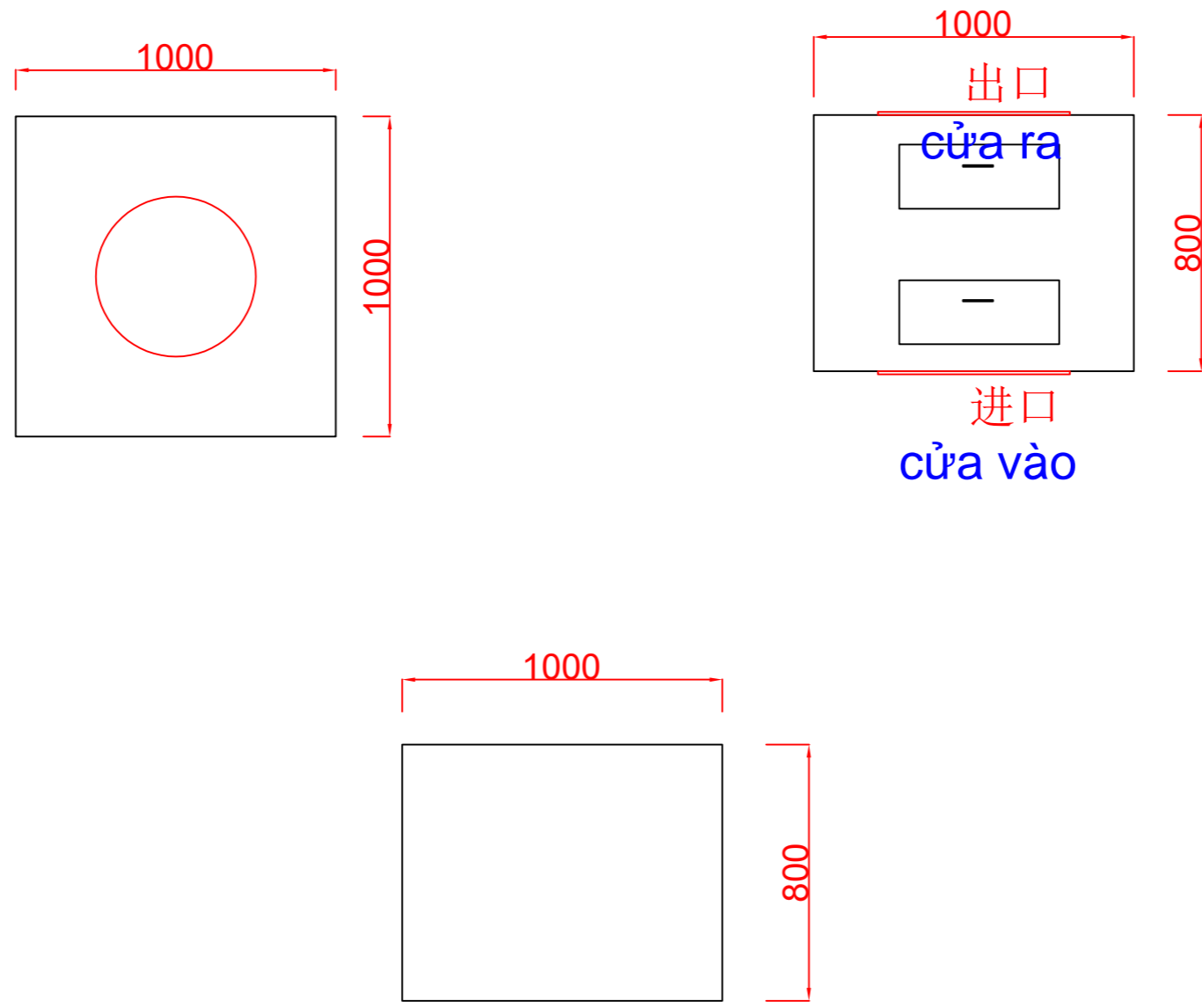
Quạt 7.5KW

Điện áp: 380V

Áp suất: 1450PA

Lưu lượng: 20000M3/H

GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例	-		
NGÀY PHÁT HÀNH	出图日期		
SỐ HIỆU 图号	-		



活性炭箱

Hộp than hoạt tính

GHI CHÚ: 备注			
HIỆU CHỈNH 修订			
03			
02			
01			
SỐ 编号	NGÀY 日期	NỘI DUNG 内容	CHẤP THUẬN 批准
TÊN DỰ ÁN 项目名称			
CHỦ ĐẦU TƯ 业主			
CTY THIẾT KẾ 设计公司			
GIÁM ĐỐC 总经理			
CN Đ.A + CHỦ TRÌ + TK. KIẾN TRÚC 方案负责人 + 主持人 + 建筑设计			
CHỦ TRÌ + T.K KẾT CẤU 主持人 + 结构设计			
CHỦ TRÌ + T.K ĐIỆN 主持人 + 电气设计			
CHỦ TRÌ + T.K NƯỚC 主持人 + 给排水设计			
KIỂM TRA 审核			
HẠNG MỤC 项目内容			
TÊN BẢN VẼ 图纸名称			
TỶ LỆ 比例	-		
NGÀY PHÁT HÀNH	出图日期		
SỐ HIỆU 图号	-		

Số: **1916/QĐ** - UBND

Nam Sách, ngày **30** tháng **5** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái, thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số: 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 5 năm 2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 08 tháng 02 năm 2013 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương "V/v phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương";

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 46B/TTr-KT&HT ngày 29 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái, thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, với nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở chế biến nông sản và TMDV Hoa Mai của hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái, Thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Chủ đầu tư: Chủ hộ kinh doanh cá thể bà Hồ Thị Mái.

3. Vị trí đất quy hoạch: Xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương:

- Phía Đông giáp tỉnh lộ 390;
- Phía Tây giáp ruộng canh tác;
- Phía Nam giáp ruộng canh tác;
- Phía Bắc giáp ruộng canh tác.

4. Tổng diện tích quy hoạch: **18.336,0 m².**

Trong đó:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)
1	Đất hành lang giao thông	2.480,0
2	Đất xây dựng công trình	9.189,0
3	Đất đường nội bộ	3.498,0
4	Đất sân vườn cây xanh	3.169,0
Tổng diện tích		18.336,0

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Theo quy hoạch chi tiết đi kèm do Công ty TNHH một thành viên khảo sát thiết kế và dịch vụ xây dựng T19 lập.

Điều 2. Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã Nam Trung và các cơ quan liên quan có trách nhiệm công bố quy hoạch chi tiết được duyệt và quản lý theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Trung và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Thăng

Số: /QĐ-UBND Nam Sách, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng
Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới,
xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP, ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD, ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND, ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung điều 4 của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND, ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 120/BC-KT&HT, ngày 28/8/2024; theo đề nghị của Công ty TNHH Hòa Bảo An tại Tờ trình số 06/TTr-CTy, ngày 28/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hòa Bảo An.

3. Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kẽ.

4. Vị trí: Tại thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách có ranh giới xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất canh tác;
- Phía Nam giáp đường bê tông và đất dự án;
- Phía Đông giáp đường tỉnh 390;
- Phía Tây giáp đất canh tác.

5. Quy hoạch sử dụng đất

- Tổng diện tích quy hoạch là 19.182,4m², trong đó:

TT	Hạng mục	QH đã phê duyệt (theo QĐ số 1916/QĐ-UBND, ngày 30/5/2017)		Quy hoạch điều chỉnh		Tăng (+), Giảm (-) (m ²)
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất thực hiện dự án	15.856	100	14.338,4	100	-1.517,6
1	Đất xây dựng	9.189	57,95	8.772	61,18	-417
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	0	0	112	0,78	+112
3	Bãi đỗ xe	0	0	315	2,2	+315
4	Đất cây xanh	3.169	19,99	2.872	20,03	-297
5	Đất giao thông nội bộ	3.498	22,06	2.267,4	15,81	-1.230,6
II	Đất giao thông + HL đường	2.480		4.844		+2.364
Tổng diện tích		18.336		19.182,4		+846,4

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Theo hồ sơ quy hoạch chi tiết đi kèm do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kẽ lập.

7. Dự toán chi phí khảo sát, lập điều chỉnh quy hoạch: 100.715.000 đồng
(Một trăm triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

Trong đó:

- Lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng:	56.346.000 đồng;
- Lập hồ sơ theo hệ thống tin địa lý GIS:	5.635.000 đồng;
- Lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:	7.409.000 đồng;
- Thuế VAT:	6.939.000 đồng;
- Thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch:	1.482.000 đồng;
- Thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch:	6.931.000 đồng;
- Chi phí quản lý lập điều chỉnh quy hoạch:	5.973.000 đồng;
- Chi phí công bố điều chỉnh quy hoạch:	5.000.000 đồng;
- Chi phí lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch:	5.000.000 đồng.

Điều 2. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập quy hoạch căn cứ các quy định tại Điều 1 để triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty TNHH Hòa Bảo An, Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kẽ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này (Quyết định này thay thế Quyết định số 1916/QĐ-UBND, ngày 30/5/2017 của UBND huyện Nam Sách)./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hồ Ngọc Lâm

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 2423/BC-STC ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Hồ sơ đề xuất điều chỉnh dự án của Công ty TNHH Hòa Bảo An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới) như sau:

1. Nhà đầu tư và thông tin về Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0801386919, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 4 năm 2025.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Tên dự án đầu tư: **CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ CHO THUÊ VĂN PHÒNG, NHÀ XƯỞNG**

3. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.

4. Quy mô dự án:

4.1. Quy mô hoạt động:

a) Gia công khung xe cơ giới: 2.000 sản phẩm/năm.

b) Sản xuất cấu kiện thép và các sản phẩm cơ khí khác (phụ tùng máy phát, vòng bi, thanh truyền...): 500 tấn/năm.

c) Cho thuê nhà xưởng, nhà kho với diện tích sàn cho thuê 8.208 m².

4.2. Diện tích đất sử dụng: 15.856 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00988701 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH Hòa Bảo An ngày 15 tháng 4 năm 2025).

4.3. Quy mô xây dựng: Theo quy hoạch chi tiết xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tổng vốn đầu tư dự án: 86.468.000.000 VND (Tám mươi sáu tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng), trong đó:

5.1. Vốn tự có của Nhà đầu tư để thực hiện dự án: 18.000.000.000 VND.

5.2. Vốn vay để thực hiện dự án: 68.468.000.000 VND.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 30 tháng 6 năm 2042 (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00988701 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH Hòa Bảo An ngày 15 tháng 4 năm 2025).

7. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đồng bộ trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên; tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, phòng, chống cháy nổ và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Chỉ được phép cho các nhà đầu tư khác thuê lại văn phòng, nhà xưởng khi hoàn thành đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản.

3. Định kỳ hằng quý, có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến khi dự án chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật; Quyết định này thay thế Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Chi cục Thuế khu vực V; Chủ tịch UBND huyện Nam Sách; Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Hòa Bảo An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND xã Trần Phú (huyện Nam Sách);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh (Đ/c Long);
- CV VP UBND tỉnh (Đ/c Hoàn);
- Lưu: VT, TH, CV. Mạnh (12b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Quân

Số: /GPMT-UBND

Nam Sách, ngày tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hòa Bảo An, ngày 24 tháng 9 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 52/TTr-TNMT, ngày 14 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hòa Bảo An, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Mạn Đề, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động của Dự án: “Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới” tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên chủ dự án: Công ty TNHH Hòa Bảo An.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0801386919, do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 14/11/2022, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02/6/2023, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 01/04/2024, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 14/6/2024.

1.4. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án: Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới số 178/QĐ-UBND do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 19 tháng 01 năm 2024.

1.5. Mã số thuế: 0801386919.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công khung xe cơ giới; Bảo dưỡng, sửa chữa, phục hồi khung, gầm xe, thiết bị điện...của xe cơ giới; Sản xuất, gia công giá, kệ, khung lưới thép; Kinh doanh phụ tùng xe cơ giới các loại; Gia công các cấu kiện cơ khí (*phụ tùng máy phát, vòng bi, thanh truyền... của xe cơ giới*).

Loại hình dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo điều 28 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích đất để thực hiện dự án: 14.338,4 m² tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Gia công khung xe cơ giới: 5.200 sản phẩm/năm.

+ Bảo dưỡng, sửa chữa, phục hồi khung, gầm xe, thiết bị điện...của xe cơ giới: 1.500 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công giá, kệ, khung lưới thép: 15.000 sản phẩm/năm.

+ Kinh doanh phụ tùng xe cơ giới các loại: 6.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công các cấu kiện cơ khí (*phụ tùng máy phát, vòng bi, thanh truyền...của xe cơ giới*): 1.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hòa Bảo An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiếu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Nam Trung tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hòa Bảo An;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Trung;
- Lưu: VT, TNMT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Ngọc Lâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh thu về 02 bể tự hoại ba ngăn (tổng thể tích 15 m³) sau đó theo đường cống thoát nước D140 dài 291 m, độ dốc 0,2% dẫn về bể xử lý nước thải 3 m³.

- Nước thải sau bể xử lý nước thải theo đường ống PVC D110 dài 20 m thải vào kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu tại K2+150. Tọa độ Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰): X(m): 2326087; Y(m): 585645

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → bể xử lý nước thải (bể lắng ngầm) có bổ sung javen khử trùng → kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu.

- Công suất thiết kế của bể xử lý: 3 m³/ngày đêm. Hóa chất sử dụng: Javel 10-12%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của bể xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.3. Trong quá trình xả thải vào kênh tiếp nhận nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Nam Sách.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, bao gồm các nguồn phát sinh từ các khu vực sau: khu vực gia công cơ khí, khu vực lắp ráp khung xe cơ giới, khu vực lắp ráp giá, kệ.

- Nguồn 1: Tại khu vực gia công cơ khí
- Nguồn 2: Tại khu vực lắp ráp khung xe cơ giới
- Nguồn 3: Tại khu vực lắp ráp giá, kệ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	X(m)	Y(m)
Nguồn ồn 1	2326021	585635
Nguồn ồn 2	2326127	585697
Nguồn ồn 3	2326082	585599

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng thiết bị máy móc hiện đại.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, định kỳ 01 lần/năm. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (tắc te, bóng đèn led...)	Rắn	11	16 01 13
4	Dầu tổng hợp	Lỏng	200	07 03 05
5	Dầu thủy lực thải	Lỏng	400	17 01 06
6	Bavia, phoi, mạt kim loại nhiễm dầu	Rắn	580	07 03 11
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	241	18 01 02
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	200	18 02 01
9	Que hàn thải có thành phần nguy hại	Rắn	251	07 04 01
Tổng			1.898	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bavia, phoi mạt thép	Rắn	2.282	-
2	Ốc vít, tôn, thép, kim loại thải	Rắn	1.173	11 04 03
3	Bao bì nylon rách hỏng	Rắn	200	18 01 06

4	Pallet gỗ	Rắn	300	18 01 07
5	Giấy vụn, bìa carton	Rắn	450	18 01 05
6	Bùn thải từ bể xử lý nước thải sinh hoạt	Bùn	200	12 06 13
	Tổng		4.605	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4,68 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa chất thải: 6 thùng chứa rác loại 25-50 lít/thùng, có dán biển báo và mã chất thải.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 10 m².

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Trang bị 10 thùng chứa rác loại 20-50 lít/thùng để lưu chứa từng loại chất thải phù hợp.

- Kho lưu chứa chất thải rắn thông thường: Diện tích 30 m².

Chất thải rắn thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 03 thùng chứa rác 25-50 lít/thùng có nắp đậy tại các khu vực.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyên giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND

ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả công việc. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào mạng thoát nước chung của khu vực.
7. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.
8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 220 / UBND

Trần Phú, ngày 27 tháng 5 năm 2025

V/v tiếp nhận đăng ký môi trường
Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí
và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Kính gửi: Công ty TNHH Hoà Bảo An

Ủy ban nhân dân xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nhận được văn bản số 01/ĐKMT ngày 23 tháng 05 năm 2025 của Công ty TNHH Hoà Bảo An về việc đăng ký môi trường của Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Sau khi xem xét hồ sơ Đăng ký môi trường cho Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng của Công ty TNHH Hoà Bảo An gửi đến Ủy ban nhân dân xã Trần Phú.

Căn cứ Khoản 3 điều 49 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 23 thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân xã Trần Phú có ý kiến như sau:

1. Nhất trí tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường đối với Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng tại xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH Hoà Bảo An.

2. Kiến nghị đối với Công ty:

- Tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

- Đề nghị Công ty TNHH Hoà Bảo An phải đảm bảo thực hiện đúng những cam kết đã nêu trong nội dung bản đăng ký môi trường về quy mô công suất, quy trình công nghệ sản xuất và các phương án bảo vệ môi trường. Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của Cơ sở được thu gom về tự hoại, bể lắng sau đó thải ra kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu.

- Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân xã Trần Phú sẽ phối hợp với các cấp, các ngành giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết của Công ty trong quá trình hoạt động.

- Khi có bất kỳ một trong các thay đổi về Chủ đầu tư, quy mô công suất, công nghệ sản xuất Công ty có trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Trần Phú, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương gửi Công ty TNHH Hoà Bảo An để tổng hợp và xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Đoàn Bá Thịnh

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72 /SXĐ-QLXD&HTKT

Hải Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2025

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế xây dựng triển khai sau thiết
kế cơ sở công trình Cơ sở sản xuất,
gia công cơ khí và kinh doanh phụ
tùng xe cơ giới của Công ty TNHH
Hoà Bảo An

Kính gửi: Công ty TNHH Hoà Bảo An

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 11/TTr-CTy ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Hoà Bảo An về việc đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở công trình Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CTY ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Hoà Bảo An về việc phê duyệt dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 55/BC-TT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng.



Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới của Công ty TNHH Hoà Bảo An như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

2. Loại, cấp công trình: công trình công nghiệp, cấp III.

3. Tên dự án đầu tư xây dựng: Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

5. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoà Bảo An.

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình (theo hồ sơ trình thẩm định): 86.468.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng); trong đó, chi phí xây dựng sau thuế: 55.937.535.000 đồng (năm mươi lăm tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác (vốn của Chủ đầu tư và vốn vay).

8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kê.

9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng.

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

- Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới, xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/500.

- Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Nam Sách cấp cho Công ty TNHH Hoà Bảo An được thực hiện các hoạt động của dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 27/TD-PCCC ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 10/QĐ-CTY ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Hoà Bảo An về việc phê duyệt dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Thiết kế bản vẽ thi công, thuyết minh thiết kế.
- Báo cáo khảo sát địa chất công trình.
- Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư về hồ sơ trình thẩm định.
- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 55/BC-TT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng.
- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

a) Thông tin năng lực của các nhà thầu:

- Nhà thầu lập Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kè - Số HAD-00000263.

- Nhà thầu tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng, khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng - Số TTH-00034513.

b) Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình của dự án:

- Chủ nhiệm lập dự án + chủ trì thiết kế Kết cấu: Nguyễn Trung Thành - Số HAD-00160354.

- Chủ trì thiết kế kiến trúc: Đỗ Minh Thắng - Số YEB-00039261.

- Chủ trì thiết kế điện: Phạm Văn Hiến - Số THX-00131753.

- Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước: Lương Văn Hưng - Số HAD-00160353.

- Chủ nhiệm thẩm tra và chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Bá Đình Tấn - Số BXD-00072729.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Nguyễn Hoàng Minh - Số HAD-047.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế thiết kế điện: Nguyễn Ngọc Hiếu - Số CTN-00145598.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế cấp, thoát nước: Dương Thị Hương Châm - Số HAD-00081930.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Vị trí, hiện trạng khu đất và quy mô thiết kế:

1.1. Vị trí, hiện trạng khu đất: Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 19.182,4m² thuộc thôn Thượng Dương, xã Nam Trung, huyện Nam Sách. Hiện trạng khu đất (theo bản vẽ Bản đồ đo đạc và đánh giá hiện trạng sử dụng đất trong hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt) chủ yếu là đất trồng lúa, xen kẽ diện tích nhỏ đất mặt nước và đất giao thông.

1.2. Quy mô thiết kế: Đầu tư xây dựng mới các công trình của dự án theo điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng được UBND huyện Nam Sách phê duyệt tại Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024.

C.N

3
JUT

1 D1

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.1. Nhà xưởng số 01 (ký hiệu số 01 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Quy mô 01 tầng + tầng lửng, diện tích xây dựng 4.200,0m²; tổng diện tích sàn 4.608,0m²; chiều cao công trình 13,9m (cốt nền nhà +0,3m với cốt mặt sân); mặt bằng tầng 01 bố trí không gian xưởng sản xuất, khu văn phòng và khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng lửng bố trí khu kỹ thuật phục vụ sản xuất và khu vệ sinh chung. Kết cấu móng cọc bê tông cốt thép mác 300, tiết diện cọc 300x300mm (mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa); đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung cột, kèo thép tiền chế (khu vực xưởng sản xuất) kết hợp khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 300, kèo thép mái tiền chế (khu vực văn phòng, khu kỹ thuật phục vụ sản xuất); cột thép chính H266x166x8x10, H(324-1124)x250x10x12; kèo thép mái chính H770x215x10x10, H(774-1124)x250x10x12, H(770-920-770)x215x10x10; tiết diện cột bê tông cốt thép 300x400mm; tiết diện dầm bê tông cốt thép 220x400mm, 300x500mm; sàn bê tông cốt thép dày 120mm.

2.2. Nhà xưởng số 02 (ký hiệu số 02 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Quy mô 01 tầng + tầng lửng, diện tích xây dựng 4.200,0m²; tổng diện tích sàn 4.608,0m²; chiều cao công trình 13,9m (cốt nền nhà +0,3m với cốt mặt sân); mặt bằng tầng 01 bố trí không gian xưởng sản xuất, khu văn phòng và khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng lửng bố trí khu kỹ thuật phục vụ sản xuất và khu vệ sinh chung. Kết cấu móng cọc bê tông cốt thép mác 300, tiết diện cọc 300x300mm (mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa); đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung cột, kèo thép tiền chế (khu vực xưởng sản xuất) kết hợp khung cột, dầm, sàn bê tông cốt thép mác 300, kèo thép mái tiền chế (khu vực văn phòng, khu kỹ thuật phục vụ sản xuất); cột thép chính H266x166x8x10, H(324-1124)x250x10x12; kèo thép mái chính H770x215x10x10, H(774-1124)x250x10x12, H(770-920-770)x215x10x10; tiết diện cột bê tông cốt thép 300x400mm; tiết diện dầm bê tông cốt thép 220x400mm, 300x500mm; sàn bê tông cốt thép dày 120mm.

2.3. Nhà điều hành và nghi chuyên gia (ký hiệu số 03 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

a) Giải pháp kiến trúc: Quy mô 04 tầng, diện tích xây dựng tầng 01: 360,0m²; tổng diện tích sàn 1.440,0m²; chiều cao công trình 14,9m (cốt nền nhà +0, 5m so với cốt mặt sân). Giao thông theo phương đứng sử dụng 01 thang bộ và 01 thang máy, mặt bằng tầng 01 bố trí sảnh, văn phòng làm việc, phòng ăn và khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng 02, 03, 04 mỗi tầng bố trí phòng khách + bếp ăn và các phòng nghi.

b) Giải pháp kết cấu: Móng cọc bê tông cốt thép mác 300, tiết diện cọc 300x300mm (mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa); đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép

mác 300, tiết diện cột chính 220x400mm; tiết diện dầm chính 220x400mm, 220x600mm; sàn bê tông cốt thép dày 120mm.

c) Giải pháp cấp điện: Lấy từ trạm điện của dự án cấp tới tủ điện tổng của công trình, sau đó cấp đến tủ điện tầng và các phụ tải.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Lấy từ bể nước ngầm + PCCC của dự án cấp tới các thiết bị của công trình thông qua hệ thống bơm tăng áp.

- Thoát nước: Nước mưa trên mái được gom vào các ống đứng đặt quanh công trình thoát ra hệ thống thoát nước ngoài nhà rồi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể phốt sau đó thoát vào bể xử lý nước thải của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2.4. Nhà trạm bơm (ký hiệu số 08 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 16,0m²; chiều cao công trình 3,5m (cột nền nhà +0,15m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép mác 300, kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300.

2.5. Bể nước ngầm + PCCC (ký hiệu số 09 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Diện tích 240,0m²; cốt mặt bể +0,0m so với cốt mặt sân; cốt đáy bể -2,95m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300, xử lý nền móng bể bằng cọc bê tông cốt thép mác 300, tiết diện cọc 300x300mm (mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa).

2.6. Nhà chứa rác thải (ký hiệu số 06 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 40,0m²; chiều cao công trình 5,15m (cột nền nhà +0,15m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép mác 300 trên nền gia cố cọc tre dài 3m (25 cọc/m²), kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300.

2.7. Nhà bảo vệ (ký hiệu số 10 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 12,0m²; chiều cao công trình 3,8m (cột nền nhà +0,2m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép mác 300 trên nền gia cố cọc tre dài 3m (25 cọc/m²), kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300.

2.8. Nhà vệ sinh, phòng máy + bể xử lý nước thải (ký hiệu số 07 trên bản vẽ Tổng mặt bằng sử dụng đất trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công):

a) Bể xử lý nước thải: Diện tích 40,0m²; cốt mặt bể +1,5m so với cốt mặt sân; cốt đáy bể -2,2m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300 trên nền được gia cố cọc tre dài 3m (25 cọc/m²).

VIỆT
G
TỔNG

b) Nhà vệ sinh, phòng máy: Xây dựng trên mặt bể xử lý nước thải với quy mô 01 tầng, diện tích sàn $35,3\text{m}^2$; chiều cao công trình $3,5\text{m}$ (tính từ mặt bể). Kết cấu phần thân xây tường gạch chịu lực, mái lợp tôn.

2.9. Công, tường rào:

a) Công: Bể rộng $15,4\text{m}$ gồm công chính rộng thông thủy $13,2\text{m}$, công phụ rộng thông thủy $1,2\text{m}$, trụ công kích thước $0,5 \times 0,5 \times 2,6\text{m}$. Kết cấu trụ công móng đơn, lõi trụ bê tông cốt thép mác 300.

b) Tường rào:

- Loại 01: Cao $2,7\text{m}$ gồm tường xây gạch chỉ đặc cao $0,6\text{m}$, vữa xi măng mác 75 kết hợp rào lưới thép thối cao $2,1\text{m}$; khoảng cách trung bình $3,0\text{m}$ bố trí 01 trụ thép cao $2,7\text{m}$. Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép mác 300 trên nền gia cố cọc tre dài 3m ($25 \text{ cọc}/\text{m}^2$).

- Loại 02: Xây gạch chỉ đặc cao $2,15\text{m}$, vữa xi măng mác 75; khoảng cách trung bình $3,5\text{m}$ bố trí 01 trụ bê tông cốt thép cao $2,15\text{m}$. Kết cấu trụ móng đơn bê tông cốt thép mác 300 trên nền gia cố cọc tre dài 3m ($25 \text{ cọc}/\text{m}^2$); kết cấu tường rào móng kê đá hộc, vữa xi măng mác 100 trên nền gia cố cọc tre dài 3m ($25 \text{ cọc}/\text{m}^2$).

2.10. Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) San nền: Vật liệu san nền bằng cát đen, đầm chặt K90; chiều cao san lấp trung bình $1,0\text{m}$.

b) Kết cấu đường giao thông nội bộ: Lớp bê tông đá 2×4 mác 250, dày 20cm ; lớp base loại 2, dày 20cm , đầm chặt K95; lớp cát tôn nền đầm chặt K95; cát san lấp đầm chặt K90.

c) Cấp điện: Lấy từ hệ thống cấp điện hiện có của khu vực đầu nối tới trạm điện 560kVA của dự án rồi cấp cho các công trình và hệ thống chiếu sáng ngoài nhà.

d) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước: Lấy từ đường ống cấp nước hiện có của khu vực cấp tới bể nước sạch, hồ cảnh quan + PCCC của dự án rồi cấp cho các công trình và các trụ cứu hỏa ngoài nhà.

- Thoát nước: Nước mưa, nước mặt thu gom vào hệ thống thoát nước ngoài nhà rồi đầu nối hệ thống thoát nước mưa chung; nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể phốt, bể xử lý nước thải của dự án trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung.

(Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đường Kê thiết kế, được Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cộng Đồng thăm tra thiết kế, Sở Xây dựng tổng hợp, thẩm định)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

Việc lập, thẩm tra thiết kế xây dựng cơ bản đáp ứng về nội dung, yêu cầu, quy cách và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

Các đơn vị tư vấn lập khảo sát địa chất, thiết kế bản vẽ thi công, thẩm tra thiết kế có chứng chỉ hoạt động xây dựng phù hợp với loại và cấp công trình; các cá nhân chủ trì khảo sát, chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra thiết kế có chứng chỉ hành nghề phù hợp.

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:

Quy mô và nội dung thiết kế bản vẽ thi công cơ bản phù hợp với thiết kế cơ sở được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 3008/SXD-QLXD&HTKT ngày 20 tháng 12 năm 2024.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp phải yêu cầu thẩm tra thiết kế theo quy định:

Theo Báo cáo kết quả thẩm tra, giải pháp thiết kế đảm bảo điều kiện an toàn cho công trình và công trình lân cận, hồ sơ thiết kế áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng phù hợp.

5. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

Dự án đã được UBND huyện Nam Sách cấp Giấy phép môi trường số 03/GPMT-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Thiết kế phòng cháy và chữa cháy được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Hải Dương thẩm duyệt tại văn bản số 27/TD-PCCC ngày 27 tháng 12 năm 2024.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Các nội dung của thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và kinh doanh phụ tùng xe cơ giới của Công ty TNHH Hoà Bảo An thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Xây dựng cơ bản đủ điều kiện để phê duyệt sau khi Chủ đầu tư nghiên cứu hoàn thiện các nội dung kiến nghị tại khoản 2, Mục V để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Kiến nghị:

Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ trình thẩm định.

Chủ đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung khác của thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điều 83 Luật số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và phê duyệt làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm: tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt biện pháp thi công đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn cho người, thiết bị, công trình xây dựng và công trình lân cận trong quá trình thi công; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ... theo quy định.

Chủ đầu tư chỉ được phép khởi công xây dựng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Trước thời điểm khởi công xây dựng ít nhất 03 ngày làm việc, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi các thành phần hồ sơ tương ứng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (không bao gồm Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng) kèm theo thông báo khởi công đến cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương để theo dõi, quản lý theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đảm bảo mốc giới khu đất, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt; thực hiện công tác nghiệm thu, lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Chủ đầu tư có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ và đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .pdf) bản vẽ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định (trường hợp không thực hiện được việc lưu trữ theo bản định dạng .pdf, đề nghị Chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ bản vẽ để đóng dấu lưu trữ).

3. Đề nghị UBND huyện Nam Sách thực hiện chức năng quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định pháp luật hiện hành và phân cấp của UBND tỉnh.

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng, đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Nam Sách;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Chi cục Giám định xây dựng;
- Thanh Tra xây dựng;
- Lưu: VP, QLXD&HTKT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 018/ CV-UBND
V/v tiếp nhận đăng ký môi trường
điều chỉnh của Dự án
"Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và
cho thuê văn phòng, nhà xưởng"

Xã Trần Phú, ngày 25 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Hòa Bảo An

Ủy ban nhân dân xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 01/ CV-HBA ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Công ty TNHH Hòa Bảo An về việc đăng ký môi trường điều chỉnh Dự án Cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Sau khi xem xét hồ sơ Đăng ký môi trường điều chỉnh Dự án cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng tại thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH Hòa Bảo An gửi đến Ủy ban nhân dân xã Trần Phú. Căn cứ Khoản 3 Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 23 Thông tư số 02/2022/ TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ủy ban nhân dân xã Trần Phú có ý kiến như sau:

1. Nhất trí tiếp nhận hồ sơ hồ sơ Đăng ký môi trường điều chỉnh Dự án cơ sở sản xuất, gia công cơ khí và cho thuê văn phòng, nhà xưởng tại thôn Mạn Đê, xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng của Công ty TNHH Hòa Bảo An

2. Giao cho phòng Kinh tế xã Trần Phú cập nhật hồ sơ về đăng ký môi trường của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn xã.

3. Kiến nghị đối với Công ty TNHH Hòa Bảo An:

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.
- Đề nghị Công ty phải đảm bảo thực hiện đúng những cam kết đã nêu trong nội dung bản đăng ký môi trường về diện tích, quy mô công suất và các phương án bảo vệ môi trường. Thực hiện đúng quy trình xử lý nước thải, quản lý chặt điểm xả thải vào hệ thống kênh của trạm bơm Chu Đậu.

- Thực hiện phân loại, thu gom chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/ ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/ TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Ủy ban nhân dân xã Trần Phú sẽ phối hợp với các cấp, các ngành giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết của Công ty trong quá trình hoạt động.

- Khi có bất kỳ một trong các thay đổi về Chủ đầu tư, quy mô công suất, Công ty có trách nhiệm phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là ý kiến của xã Trần Phú, thành phố Hải Phòng gửi Công ty TNHH Hòa Bảo An để tổng hợp và xử lý. /.

Nơi nhận:

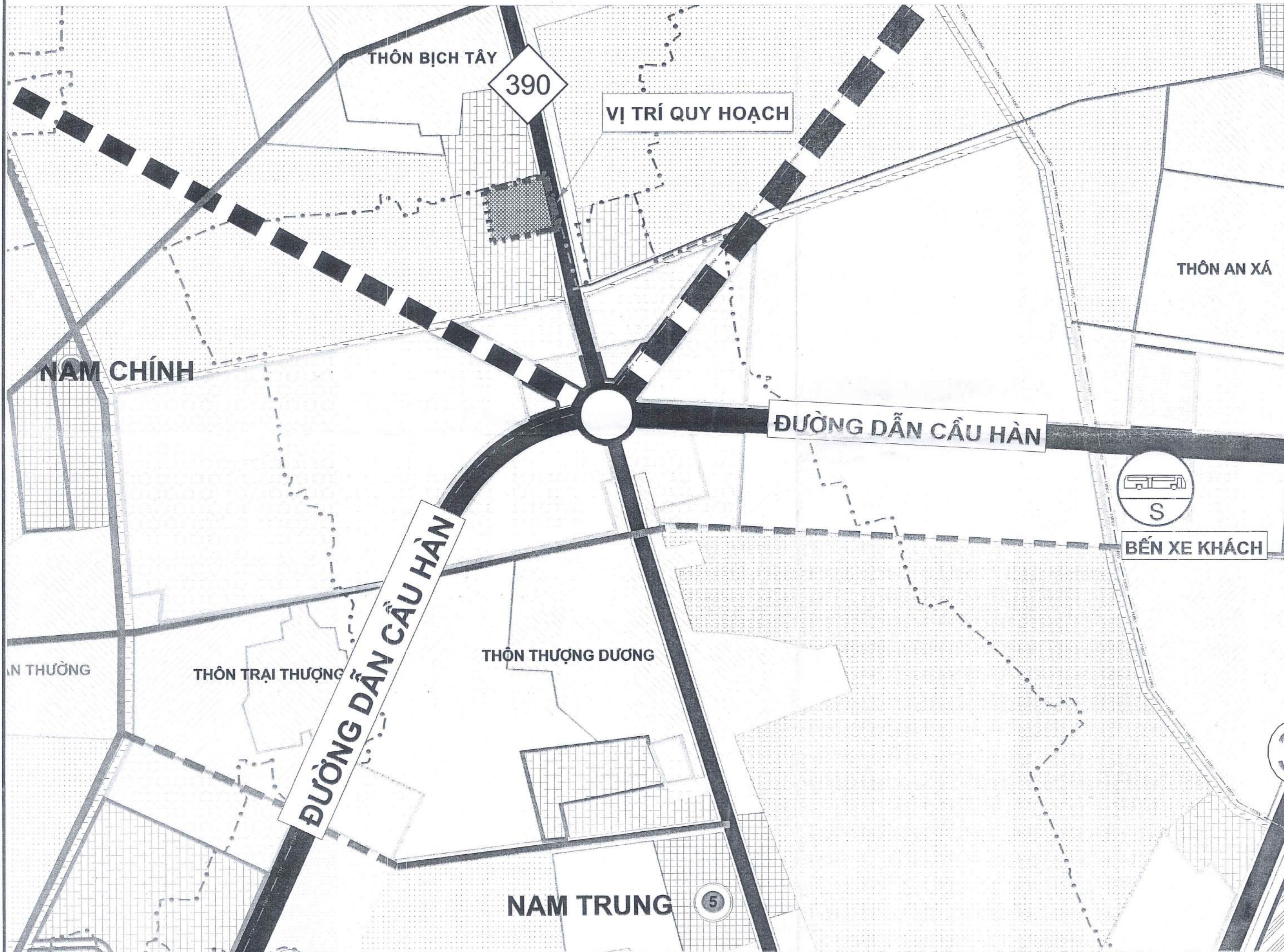
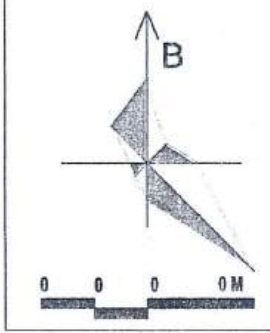
- Như trên;
- Lưu: VP, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Vũ Quang Hoàng

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH VÀ RANH GIỚI KHU ĐẤT**



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
 CHỦ TỊCH: **HỒ NGỌC LÂM**
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1420/2024/QĐ-UBND, NGÀY: 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
 PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
 TRƯỞNG PHÒNG: **TRẦN ĐỨC KHANH**
 KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 1420/2024/BCTP

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
 TRƯỞNG PHÒNG: **TRẦN ĐỨC KHANH**
 KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 1420/2024/BCTP

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
 CHỦ TỊCH: **NGUYỄN VĂN BÈN**
 KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 1420/2024/BCTP

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN
 CHỦ TỊCH: **Hồ Nguyễn Hoàng**
 KÈM THEO LỜI THỜI SỐ: 06/2024/CT-ĐP

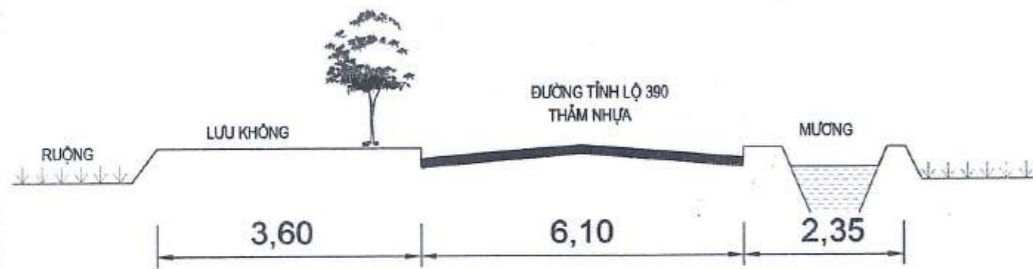
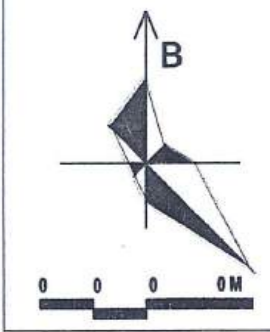
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
 VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
 SƠ ĐỒ VỊ TRÍ QUY HOẠCH VÀ RANH GIỚI KHU ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP: 1A1	TỶ LỆ: 1/5000	HT: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ		

ĐỊA CHỈ KHU ĐỒ XÃ - P. TỨ MINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HIỆN TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG**



ĐẤT CANH TÁC

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG:

- GIAO THÔNG: PHÍA ĐÔNG TIẾP GIÁP TL 390 RỘNG KHOẢNG 6M; PHÍA NAM TIẾP GIÁP ĐƯỜNG BÊ TÔNG NỘI ĐỒNG RỘNG 3M
- CẤP ĐIỆN: CÓ ĐƯỜNG ĐIỆN TRUNG THỂ PHÍA ĐÔNG BẮC DỰ ÁN
- CẤP NƯỚC: CÓ ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH D160 CHẠY DỌC TL 390
- THOÁT NƯỚC: CÓ HỆ THỐNG KÊNH TIỂU THOÁT NƯỚC PHÍA NAM DỰ ÁN (CÁCH DỰ ÁN 150 M)

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- ĐẤT CANH TÁC
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- 1, 2, 3, 4 CÁC MỐC RANH GIỚI

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GIỚI

ĐỈNH	TỌA ĐỘ	
	X (m)	Y (m)
1	2326354.922	585596.544
2	2326326.971	585483.152
3	2326212.411	585504.327
4	2326237.070	585622.249
5	2326242.928	585625.867
6	2326297.747	585611.395

ĐẤT CANH TÁC

Bảng đánh giá hiện trạng sử dụng đất quy hoạch

STT	Các loại đất quy hoạch	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất canh tác	18414,7	96,00
2	Đất thủy lợi	386,9	2,02
3	Đất giao thông	380,8	1,98
Tổng diện tích quy hoạch		19.182,4	100,00

GHI CHÚ:

- TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NGHIÊN CỨU QH LÀ: 19.182,4 M²; TRONG ĐÓ:
- DIỆN TÍCH ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN LÀ: 14.338,4 M²
- DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG + HÀNH LANG GIAO THÔNG: 4.831,4 M²

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 24/2024/QĐ-UBND, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
KÈM THEO BIÊN BẢN KIỂM TRA SỐ: 1/2024/BBKT, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
KÈM THEO BIÊN BẢN KIỂM TRA SỐ: 1/2024/BBKT, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
(Signature)
KÈM THEO BIÊN BẢN KIỂM TRA SỐ: 1/2024/BBKT, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN
(Signature)
KÈM THEO TRÌNH BỐ CÁO THỰC HIỆN DỰ ÁN SỐ: 06/NM/2024, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

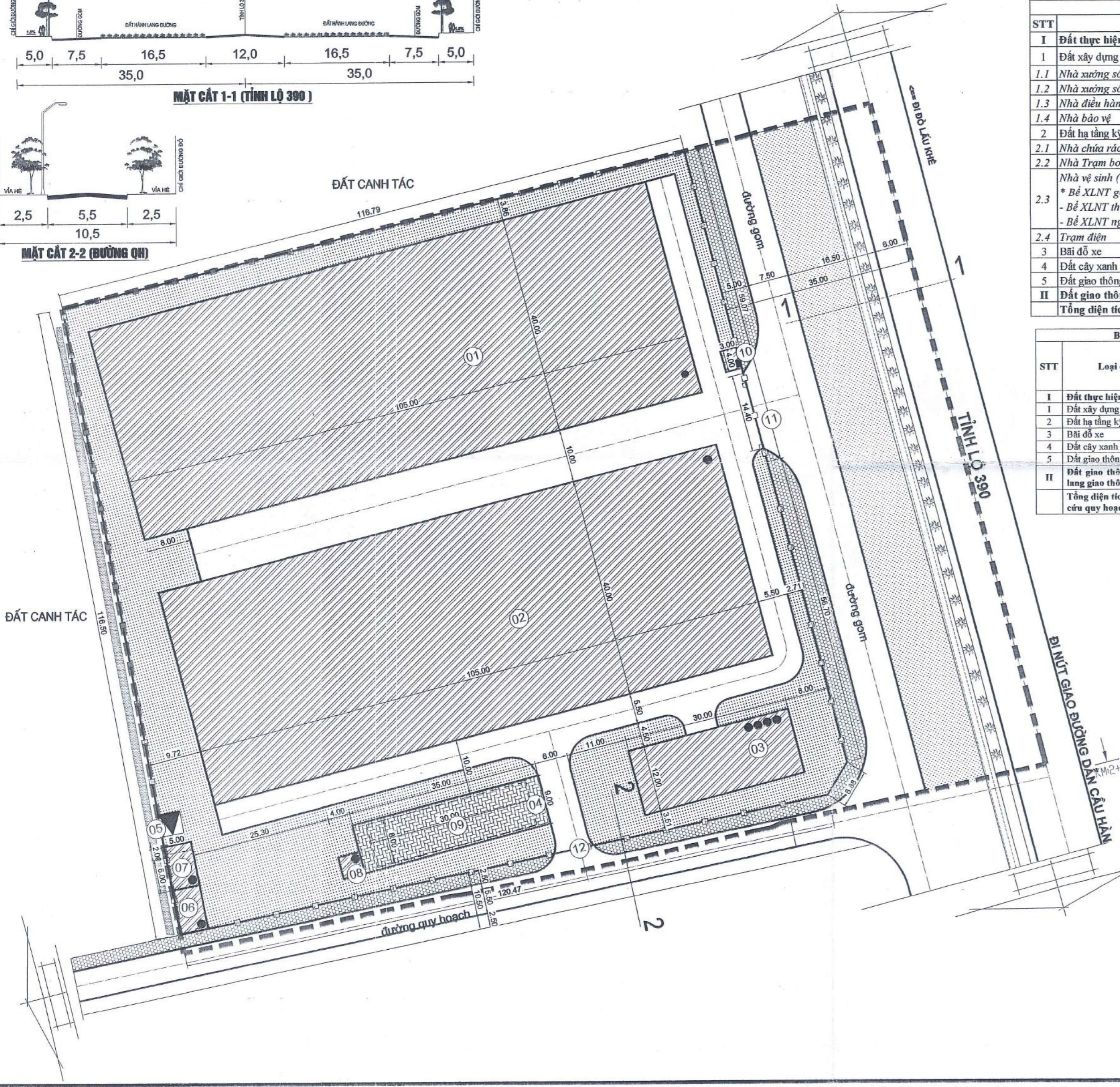
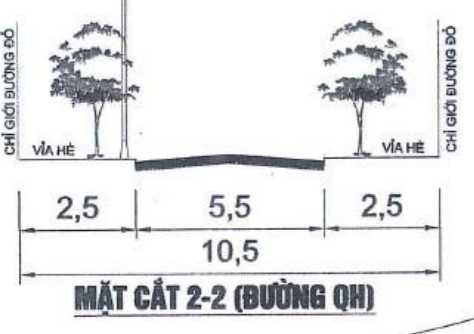
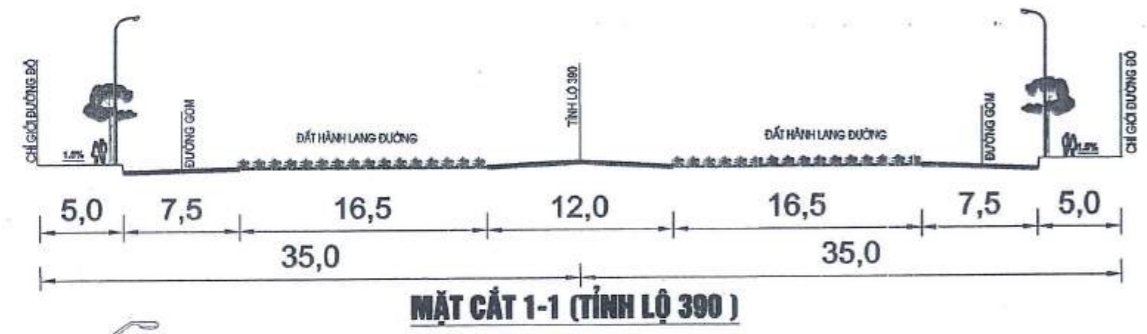
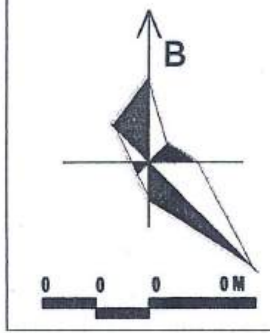
CÔNG TRÌNH - MẠ ĐIỆN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KINH
(Signature)
KÈM THEO BIÊN BẢN KIỂM TRA SỐ: 1/2024/BBKT, NGÀY: 24/08/2024, THÁNG: 08, NĂM 2024

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HIỆN TRẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HI: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG	<i>(Signature)</i>	
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN	<i>(Signature)</i>	
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH	<i>(Signature)</i>	
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ MIẾT TÀI	<i>(Signature)</i>	
GIÁM ĐỐC:	KS. NGUYỄN TRUNG THÀNH	<i>(Signature)</i>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KINH
ĐỊA CHỈ: KHU ĐÔ XÁ - P. TỶ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất thực hiện dự án	14.338,40	100,00
1	Đất xây dựng công trình	8.772,00	61,18
1.1	Nhà xưởng số 1	4.200,00	
1.2	Nhà xưởng số 2	4.200,00	
1.3	Nhà điều hành+ nghỉ chuyên gia	360,00	
1.4	Nhà bảo vệ	12,00	
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	112,00	0,78
2.1	Nhà chứa rác thải	40,00	
2.2	Nhà Trạm bơm	16,00	
2.3	Nhà vệ sinh (có bể XLNT ngầm phía dưới) * Bể XLNT gồm: - Bể XLNT thông thường KT 2x5m - Bể XLNT nguy hại KT 6x5m	40,00	
2.4	Trạm điện	16,00	
3	Bãi đỗ xe	315,00	2,20
4	Đất cây xanh	2.872,00	20,03
5	Đất giao thông nội bộ	2.267,40	15,81
II	Đất giao thông + hành lang giao thông	4.844,00	
Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch		19.182,40	

BẢNG TỔNG HỢP BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT						
STT	Loại đất	THEO QH ĐƯỢC DUYỆT		ĐIỀU CHỈNH		TĂNG + GIẢM -
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
I	Đất thực hiện dự án	15.856,00	100,00	14.338,40	100,00	-1.517,60
1	Đất xây dựng công trình	9.189,00	57,95	8.772,00	61,18	-417,00
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	0	0	112,00	0,78	+112,00
3	Bãi đỗ xe	0	0	315,00	2,20	+315,00
4	Đất cây xanh	3.169,00	19,99	2.872,00	20,03	-297,00
5	Đất giao thông nội bộ	3.498,00	22,06	2.267,40	15,81	-1.230,60
II	Đất giao thông + hành lang giao thông	2.480,00		4.844,00		+2.364,00
Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch		18.336,00		19.182,40		+846,40

GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- 01 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 02 NHÀ XƯỞNG SỐ 2 : 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 03 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NGHỈ CHUYÊN GIA: 04 TẦNG - DT 360M²
- 04 BÃI ĐỖ XE: DT 315 M² (BỂ PCCC 240 M² NGẦM PHÍA DƯỚI)
- 05 TRẠM ĐIỆN: DT 16M²
- 06 NHÀ CHỨA RÁC THẢI: 01 TẦNG - DT 40M²
- 07 NHÀ VỆ SINH: 01 TẦNG - DT 40 M² (BỂ XLNT PHÍA DƯỚI)
BỂ NƯỚC XLNT PHÍA DƯỚI NHÀ VỆ SINH GỒM:
- BỂ XLNT THÔNG THƯỜNG KT 2X5M
- BỂ XLNT NGUY HẠI KT 6X5M
- 08 TRẠM BƠM: 01 TẦNG - DT 16M²
- 09 BỂ PCCC: DT 240M²
- 10 NHÀ BẢO VỆ: 01 TẦNG - DT 12M²
- 11 CỐNG CHÍNH
- 12 CỐNG PHỤ

- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- BỐI ĐỒ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Hoàng Ngọc Lâm
CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1.410 /QĐ-UBND, NGÀY: 29/08/2024, THÁNG: 8, NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH

Nguyễn Văn Hợp
CHỦ TỊCH PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG

KÈM THEO BÁO CÁO PHẠM VIÊN SỐ: 112 /B-CR-KT, NGÀY: 29/08/2024, THÁNG: 8, NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH

Trần Đức Khanh
TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN ĐỨC KHANH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG

Nguyễn Văn Bền
CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN

Nguyễn Hoàng
CHỦ TỊCH
NGUYỄN HOÀNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 06 /T.Đ.Đ. NGÀY: 29/08/2024, THÁNG: 8, NĂM 2024

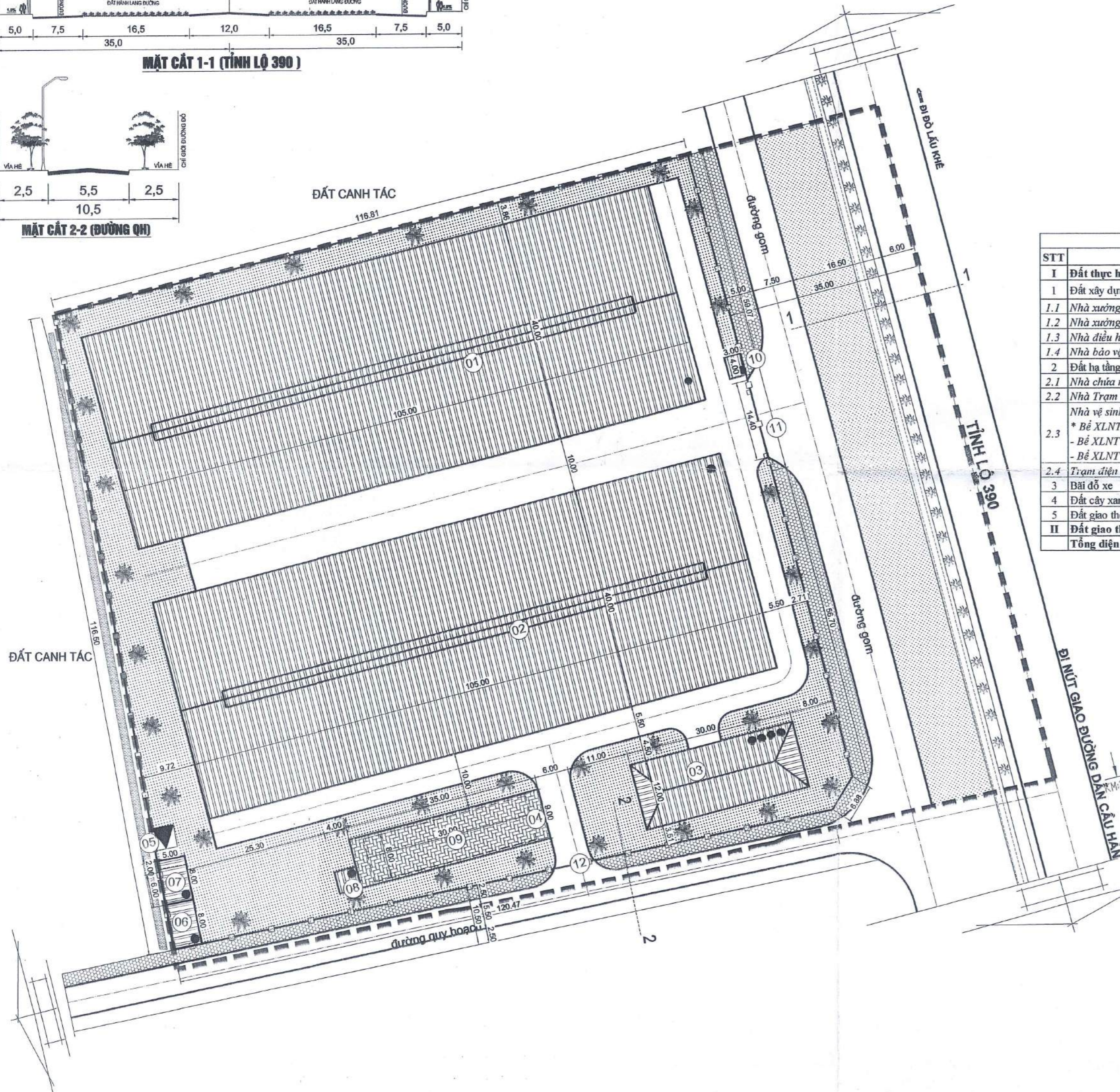
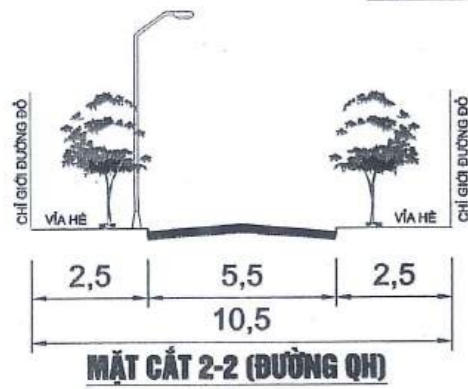
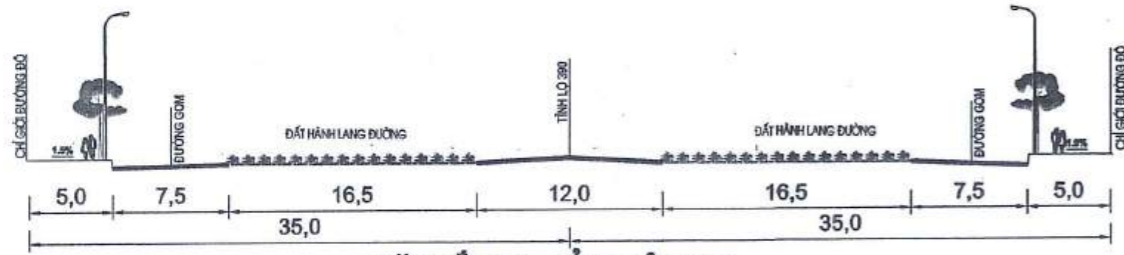
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH - 03	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ GH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ MIẾT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	CƠ PHẢN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG		

Nguyễn Trung Thành
NGUYỄN TRUNG THÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ
ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÁ - P. TỨ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

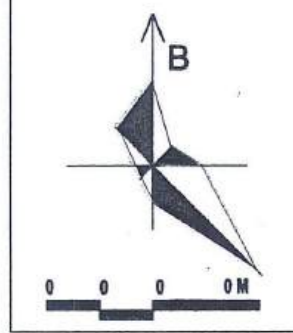
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất thực hiện dự án	14.338,40	100,00
1	Đất xây dựng công trình	8.772,00	61,18
1.1	Nhà xưởng số 1	4.200,00	
1.2	Nhà xưởng số 2	4.200,00	
1.3	Nhà điều hành+ nghỉ chuyên gia	360,00	
1.4	Nhà bảo vệ	12,00	
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	112,00	0,78
2.1	Nhà chứa rác thải	40,00	
2.2	Nhà Trạm bơm	16,00	
2.3	Nhà vệ sinh (có bể XLNT ngầm phía dưới) * Bể XLNT gồm: - Bể XLNT thông thường KT 2x5m - Bể XLNT nguy hại KT 6x5m	40,00	
2.4	Trạm điện	16,00	
3	Bãi đỗ xe	315,00	2,20
4	Đất cây xanh	2.872,00	20,03
5	Đất giao thông nội bộ	2.267,40	15,81
II	Đất giao thông + hành lang giao thông	4.844,00	
Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch		19.182,40	

GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- 01 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 02 NHÀ XƯỞNG SỐ 2 : 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 03 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NGHỈ CHUYÊN GIA: 04 TẦNG - DT 390M²
- 04 BÃI ĐỖ XE: DT 315 M² (BỂ PCCC 240 M² NGẦM PHÍA DƯỚI)
- 05 TRẠM ĐIỆN: DT 16M²
- 06 NHÀ CHỨA RÁC THẢI: 01 TẦNG - DT 40M²
- 07 NHÀ VỆ SINH: 01 TẦNG - DT 40 M² (BỂ XLNT PHÍA DƯỚI)
BỂ NƯỚC XLNT PHÍA DƯỚI NHÀ VỆ SINH GỒM:
- BỂ XLNT THÔNG THƯỜNG KT 2X5M
- BỂ XLNT NGUY HẠI KT 6X5M
- 08 TRẠM BƠM: 01 TẦNG - DT 16M²
- 09 BỂ PCCC: DT 240M²
- 10 NHÀ BẢO VỆ: 01 TẦNG - DT 12M²
- 11 CỔNG CHÍNH
- 12 CỔNG PHỤ



- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- BỒI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGỌC LÂM
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1410/QU.Đ.UBND, NGÀY: 22 THÁNG 02 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
 PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH

TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG
 KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 122/BC.Đ.HT.UBND, NGÀY: 22 THÁNG 02 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH

TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN ĐỨC KHÁNH
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BÈN

CÔNG TRÌNH - MẠ ĐIỂM:
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

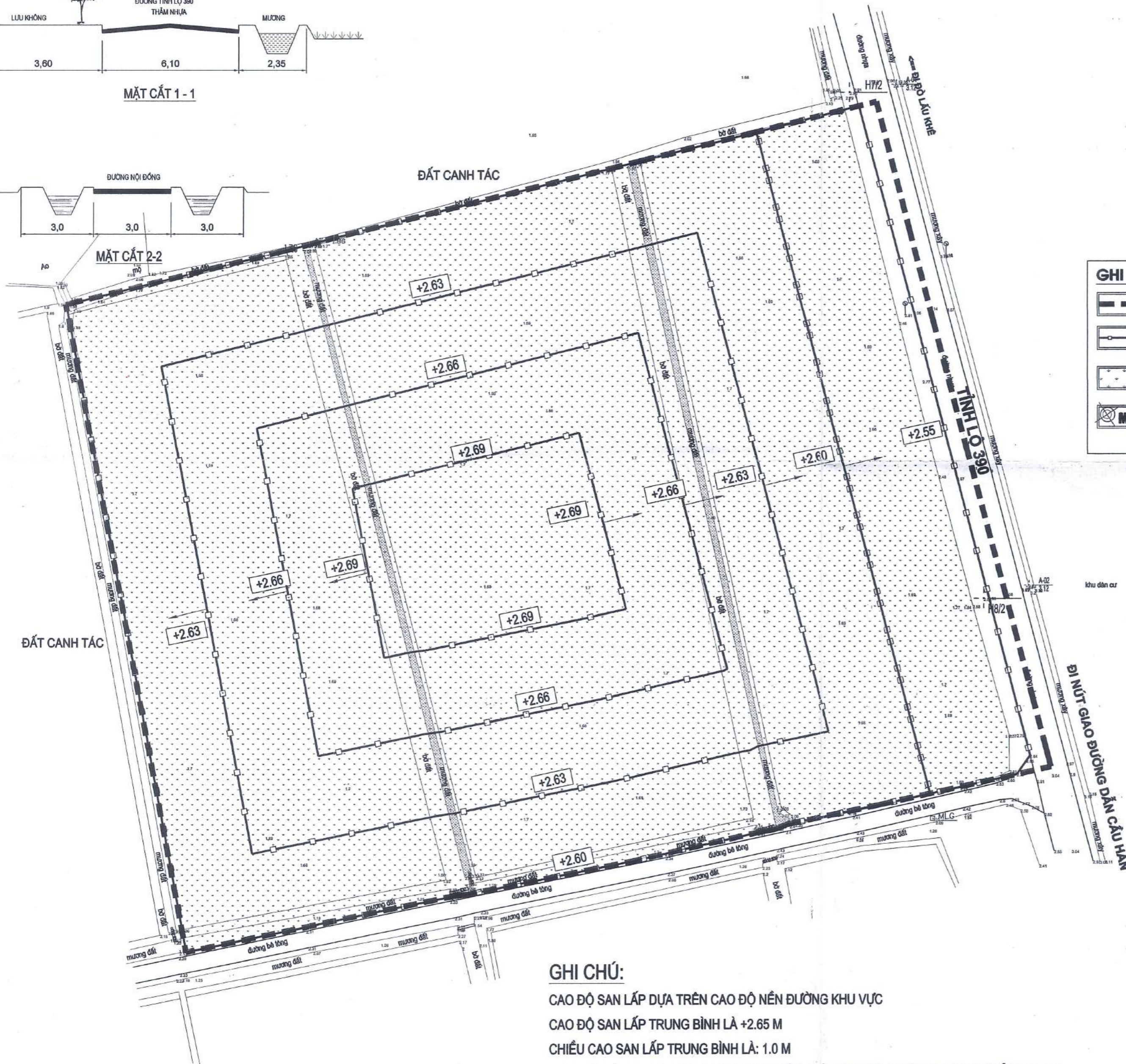
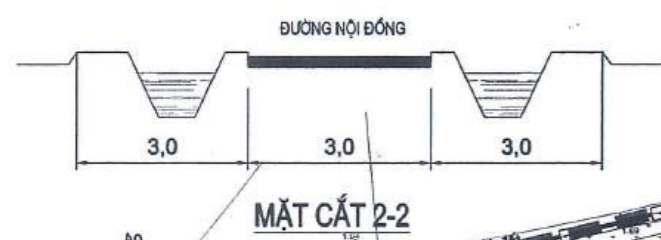
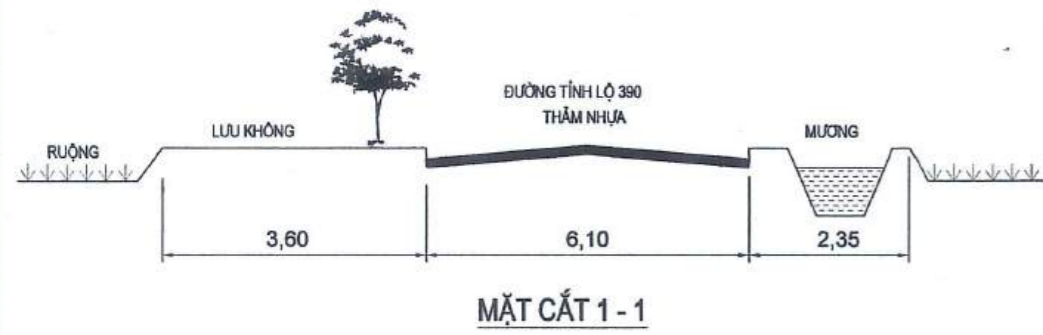
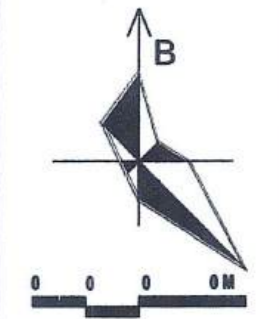
CHỦ TỊCH
NGUYỄN HOÀNG

TÊN BẢN VẼ:
 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

BẢN VẼ: QH - 04	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ GH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:			

KS. NGUYỄN TRUNG THÀNH
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐƯỜNG KẾ
 ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÁ - P. TỬ MINH - THÀNH PHỐ HÀI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIỀU CAO SAN NỀN**



GHI CHÚ:

- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC
- ĐẤT CANH TÁC
- 1, 2, 3, 4 CÁC MỐC RANH GIỚI

GHI CHÚ:
 CAO ĐỘ SAN LẤP DỰA TRÊN CAO ĐỘ NỀN ĐƯỜNG KHU VỰC
 CAO ĐỘ SAN LẤP TRUNG BÌNH LÀ +2.65 M
 CHIỀU CAO SAN LẤP TRUNG BÌNH LÀ: 1.0 M
 KHU VỰC HÀNH LANG GIAO THÔNG SAN LẤP THẤP HƠN MẶT ĐƯỜNG TL 390 KHOẢNG 50 CM

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
 CHỦ TỊCH: **HỒ NGỌC LÂM**
 KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 2420 /QĐ-UBND, NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
 PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
 CHỦ TỊCH: **NGUYỄN VĂN HỢI**
 KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 120 /BC-KTHT, NGÀY 18 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
 PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
 CHỦ TỊCH: **TRẦN ĐỨC KHANH**
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
 CHỦ TỊCH: **NGUYỄN VĂN BÈN**

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY TNHH HOA BẢO AN
 CHỦ TỊCH: **Nguyễn Hoàng**
 KÈM THEO TRÌNH SƠ: 06 /T.HTĐ, NGÀY 18 THÁNG 8 NĂM 2024

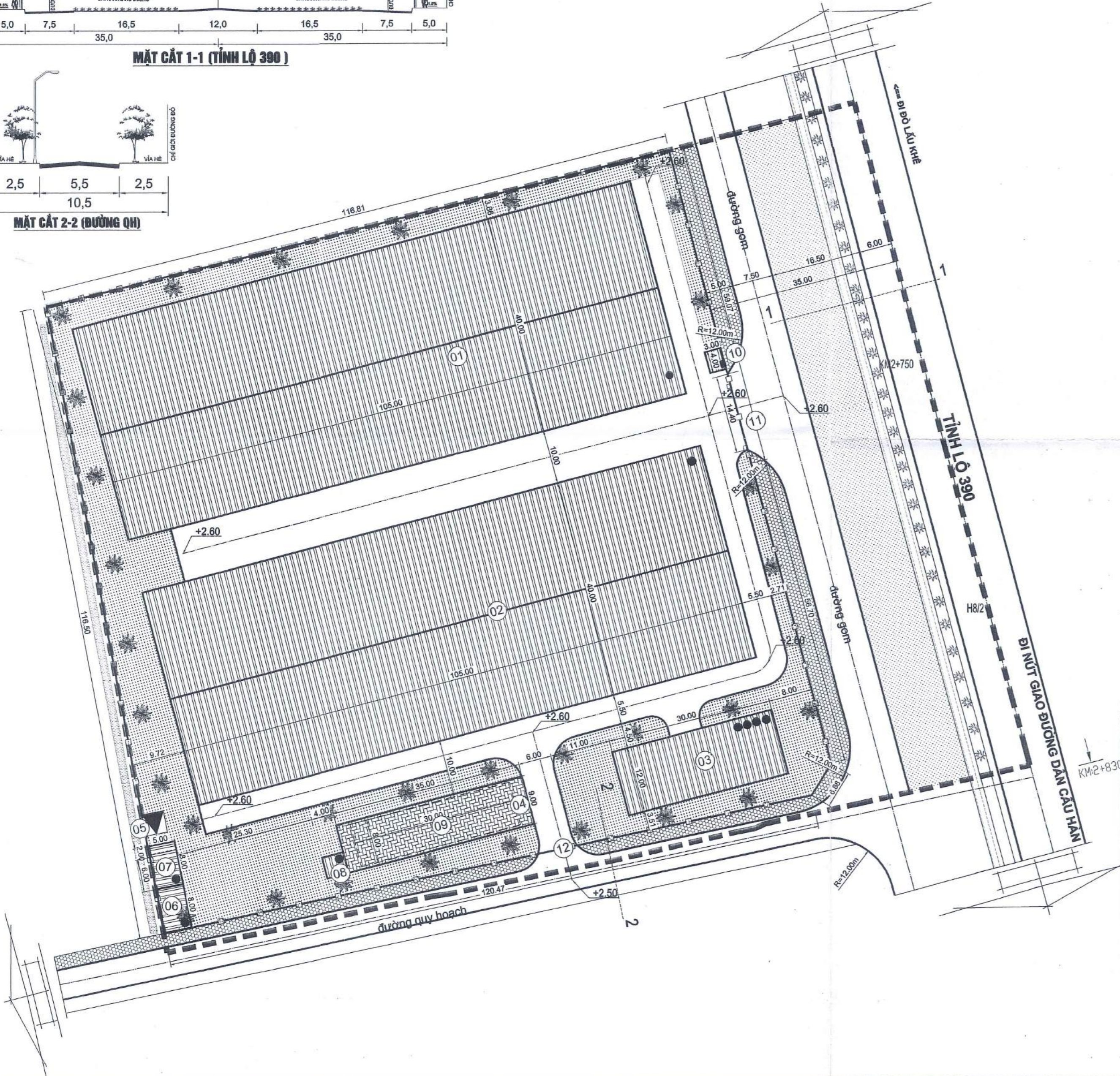
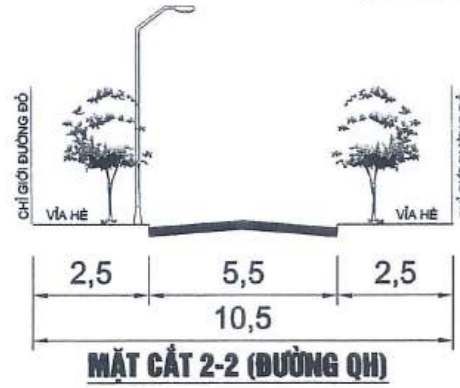
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
 VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIỀU CAO SAN NỀN

BẢN VẼ: QH - 05	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HÌ: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	KS. NGUYỄN TRUNG THÀNH		

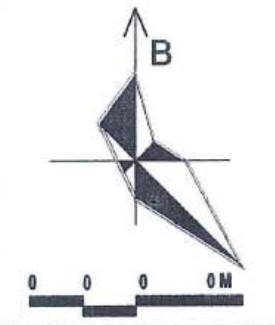
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ
 ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÁ - P. TÙ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG**



GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- 01 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 02 NHÀ XƯỞNG SỐ 2 : 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 03 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NGHỈ CHUYÊN GIA: 04 TẦNG - DT 360M²
- 04 BÃI ĐỖ XE: DT 315 M² (BỂ PCCC 240 M² NGẦM PHÍA DƯỚI)
- 05 TRẠM ĐIỆN: DT 16M²
- 06 NHÀ CHỨA RÁC THẢI: 01 TẦNG - DT 40M²
- 07 NHÀ VỆ SINH: 01 TẦNG - DT 40 M² (BỂ XLNT PHÍA DƯỚI)
- BỂ NƯỚC XLNT PHÍA DƯỚI NHÀ VỆ SINH GỒM:
- BỂ XLNT THÔNG THƯỜNG KT 2X5M
- BỂ XLNT NGUY HẠI KT 6X5M
- 08 TRẠM BƠM: 01 TẦNG - DT 16M²
- 09 BỂ PCCC: DT 240M²
- 10 NHÀ BẢO VỆ: 01 TẦNG - DT 12M²
- 11 CỔNG CHÍNH
- 12 CỔNG PHỤ



- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- BIÊN ĐỒ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2420... NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH

TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG
NGUYỄN VĂN HỢI
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 110... NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH

TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN ĐỨC KHANH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN

CHỦ TỊCH
HÒA BẢO AN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 06... NGÀY 25 THÁNG 8 NĂM 2024

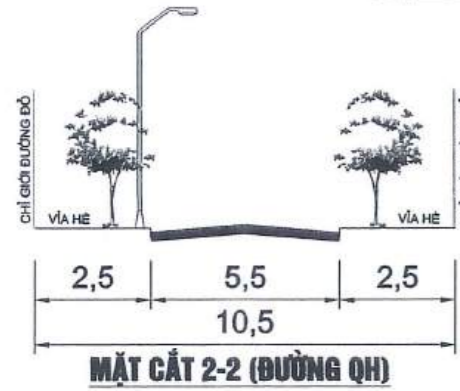
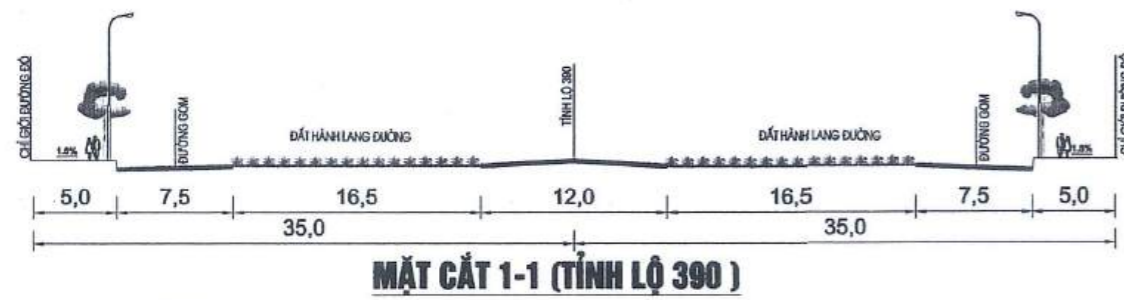
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG

BẢN VẼ: GH - 06	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	KS. NGUYỄN TRUNG THÀNH		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ
ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÁ - P. T. MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN**



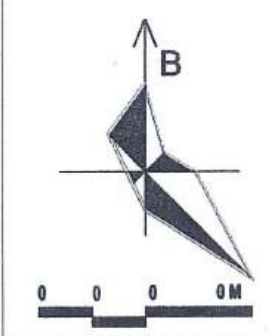
ĐẤU NỐI CẤP ĐIỆN
TỪ CỘT ĐIỆN CAO THỂ GẮN TBA BỊCH ĐỒNG 3

- GHI CHÚ:**
- CẤP ĐIỆN CẤP CHO TBA
 - CẤP ĐIỆN CẤP CHO SẢN XUẤT, SH
 - DÂY ĐIỆN CHIẾU SÁNG
 - TỦ ĐIỆN HẠ THỂ
 - ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO ÁP

THỐNG KÊ VẬT TƯ CẤP ĐIỆN

STT	TÊN VẬT TƯ, VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	KLƯỢNG
1	CẤP ĐIỆN CAO ÁP CẤP CHO TBA	M	250
2	CẤP ĐIỆN CẤP CHO SẢN XUẤT, SH	M	300
3	DÂY ĐIỆN CHIẾU SÁNG CAO ÁP 3X25+1X16 MM	M	650
4	TỦ ĐIỆN HẠ THỂ	TỦ	03
5	ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO ÁP 250W	BỘ	19
6	CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG	CỘT	19
7	TRẠM BIẾN ÁP 580 KVA	TRẠM	01

GHI CHÚ:
NGUỒN ĐIỆN ĐƯỢC LẤY TỪ ĐƯỜNG ĐIỆN TRUNG THỂ KHU VỰC
XÂY MỚI 1 TRẠM BIẾN ÁP CÔNG SUẤT 560 KVA ĐỂ CẤP ĐIỆN CHO DỰ ÁN



- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- BCI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN NAM SÁCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH HỒ NGỌC LÂM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 120/QĐ-UBND, NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỞNG PHÒNG NGUYỄN VĂN HỘI
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 120/BC-KT&HT, NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN: PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỞNG PHÒNG TRẦN ĐỨC KHANG

CƠ QUAN THỎA THUẬN: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
CHỦ TỊCH NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN
CHỦ TỊCH NGUYỄN HOÀNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 06/TTH-HAI ĐƯƠNG, NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2024

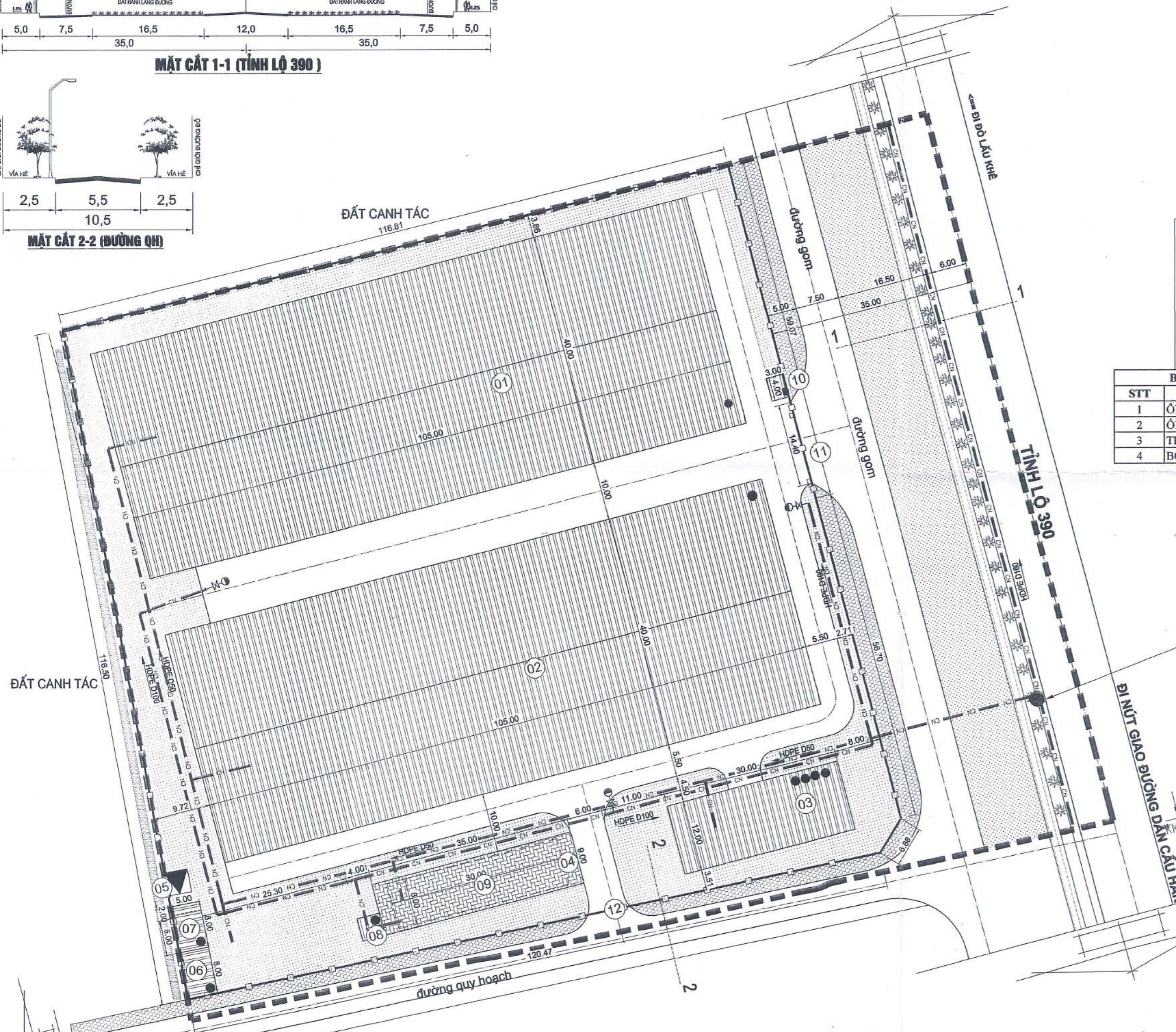
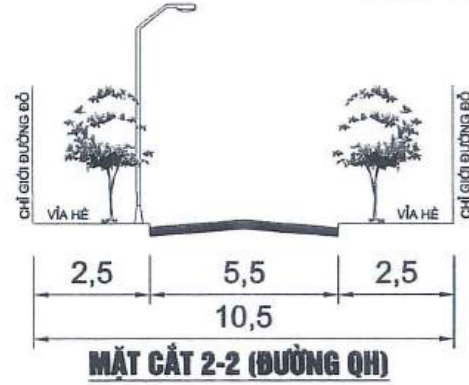
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN

BẢN VẼ: QH - 07	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	KS. NGUYỄN TRUNG THÀNH		

ĐƯƠNG KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÃ - P. TỰ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**



GHI CHÚ:

— CH — ỚNG CẤP NƯỚC

— D — TRỤ CỨU HOẢ

BẢNG THÔNG KÊ VẬT TƯ CẤP NƯỚC PCCC

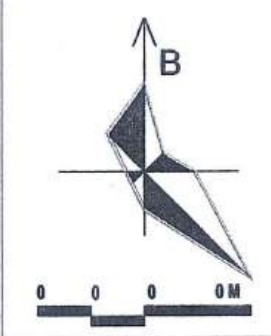
STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỚNG CẤP NƯỚC D100	M	250
2	ỚNG CẤP NƯỚC D50	M	230
3	TRỤ CỨU HOẢ	CÁI	3
4	BƠM TĂNG ÁP	BỘ	1

GHI CHÚ KÝ HIỆU:

- 01 NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 02 NHÀ XƯỞNG SỐ 2: 01 TẦNG - DT 4.200M²
- 03 NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NGHỈ CHUYÊN GIA: 04 TẦNG - DT 360M²
- 04 BÃI ĐỖ XE: DT 315 M² (BẾ PCCC 240 M² NGÃM PHÍA DƯỚI)
- 05 TRẠM ĐIỆN: DT 16M²
- 06 NHÀ CHỨA RÁC THẢI: 01 TẦNG - DT 40M²
- 07 NHÀ VỆ SINH: 01 TẦNG - DT 40 M² (BẾ XLNT PHÍA DƯỚI)
- BẾ NƯỚC XLNT PHÍA DƯỚI NHÀ VỆ SINH GỒM:
- BẾ XLNT THÔNG THƯỜNG KT 2X5M
- BẾ XLNT NGUY HẠI KT 6X5M
- 08 TRẠM BƠM: 01 TẦNG - DT 16M²
- 09 BẾ PCCC: DT 240M²
- 10 NHÀ BẢO VỆ: 01 TẦNG - DT 12M²
- 11 CỔNG CHÍNH
- 12 CỔNG PHỤ

GHI CHÚ:

ĐẤU NỐI CẤP NƯỚC TỪ ĐƯỜNG CẤP NƯỚC D160 CHẠY DỌC TL 390
CẤP NƯỚC CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT, SẢN XUẤT SỬ DỤNG ĐƯỜNG ỚNG HDPE D50
CẤP NƯỚC CHO MỤC PCCC SỬ DỤNG ĐƯỜNG ỚNG HDPE D100 QUA TRẠM BƠM TĂNG ÁP



- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- BỎI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH: HỒ NGỌC LAM

KÈM THEO BẢO CÁO THỰC HIỆN SỐ: 14/20 NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH

PHỤ TRƯỞNG PHÒNG CHỤ TRÁCH PHÒNG: NGUYỄN VĂN HỢI

KÈM THEO BẢO CÁO THỰC HIỆN SỐ: 12/20 NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN: PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH

TRƯỞNG PHÒNG: TRẦN ĐỨC KHANH

CƠ QUAN THỎA THUẬN: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG

CHỦ TỊCH: NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN

CHỦ TỊCH: NGUYỄN HOÀNG

KÈM THEO TRÌNH SỞ: 06 NGÀY 14 THÁNG 8 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

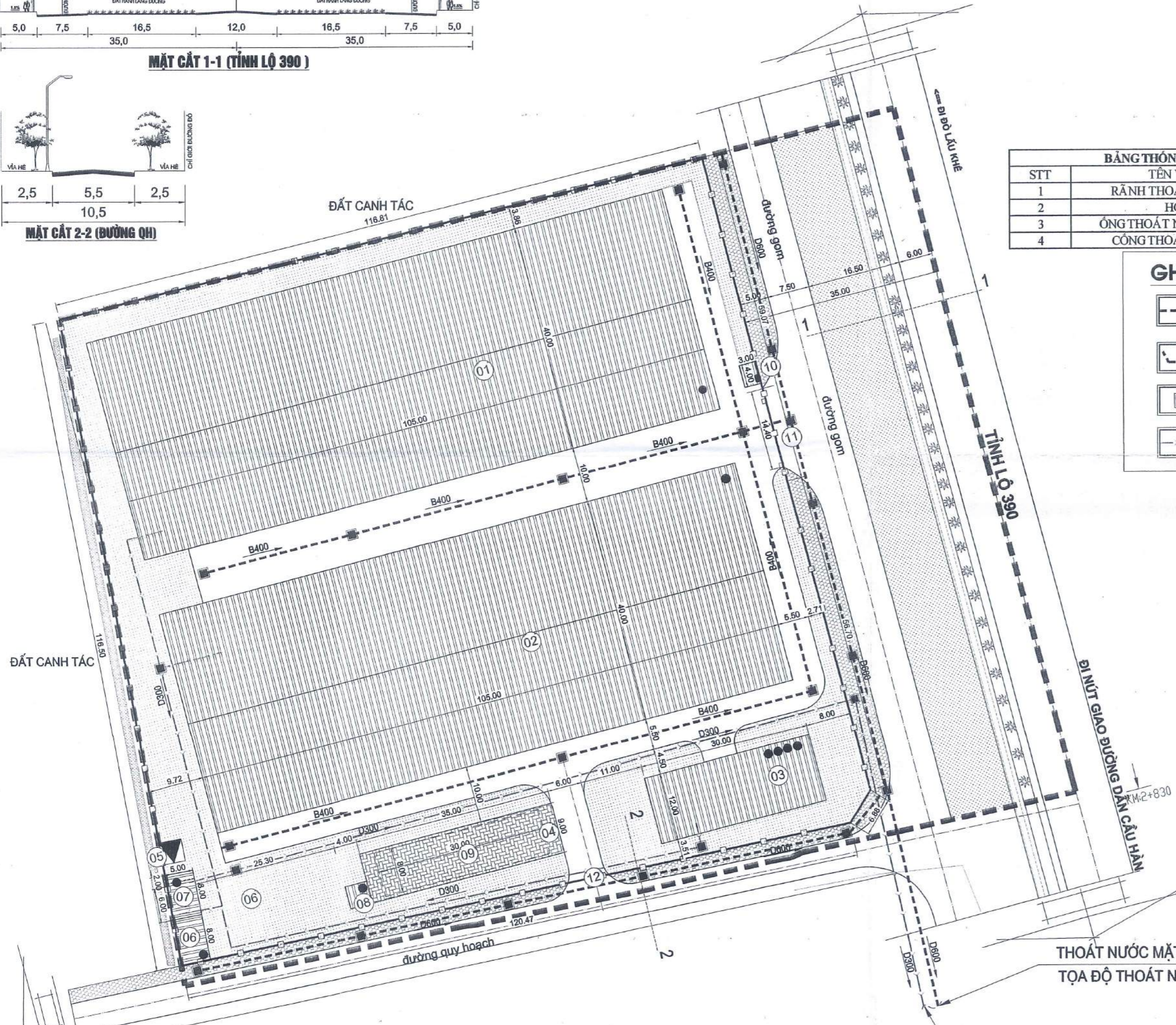
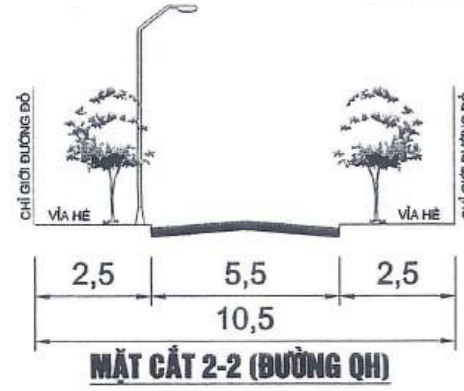
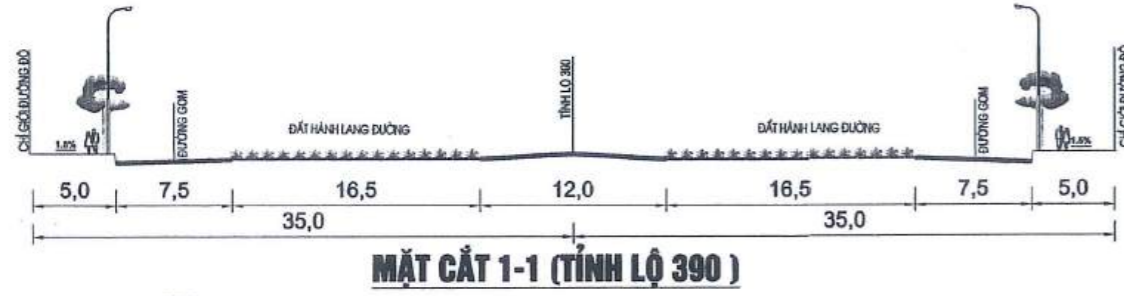
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

BẢN VẼ: QH - 08	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HI: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	KTS. NGUYỄN TRUNG THÀNH		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ

ĐỊA CHỈ: KHU ĐỖ XÃ - P. TỨ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC**

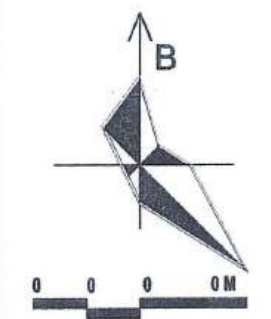


BẢNG THÔNG KÊ VẬT TƯ THOÁT NƯỚC

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	RÀNH THOÁT NƯỚC B400	M	400
2	HỒ GA	CÁI	32
3	ÔNG THOÁT NƯỚC THẢI D300	M	420
4	CÔNG THOÁT NƯỚC D600	M	400

- GHI CHÚ:**
- RÀNH THOÁT NƯỚC
 - CỬA XẢ
 - HỒ GA
 - ÔNG THOÁT NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:
NƯỚC THẢI ĐƯỢC THU GOM VÀ XỬ LÝ QUA BỂ XLNT TRƯỚC KHI THOÁT RA HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG
NƯỚC MƯA ĐƯỢC THU GOM BẰNG HỆ THỐNG RÀNH B400 KẾT HỢP GA THU NƯỚC



- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
- ĐẤT XÂY DỰNG
- RÀNH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
- RÀNH GIỚI QUY HOẠCH
- BỒI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2420 /QĐ-UBND, NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG
NGUYỄN VĂN HỢI
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 110 /BC-KTHT, NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
(Signature)
TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN ĐỨC KHANH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
(Signature)
CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HOÀ BẢO AN
(Signature)
CHỦ TỊCH
Đỗ Nguyễn Hoàng
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 04 /KH-HAI ĐUO, NGÀY 28 THÁNG 8 NĂM 2024

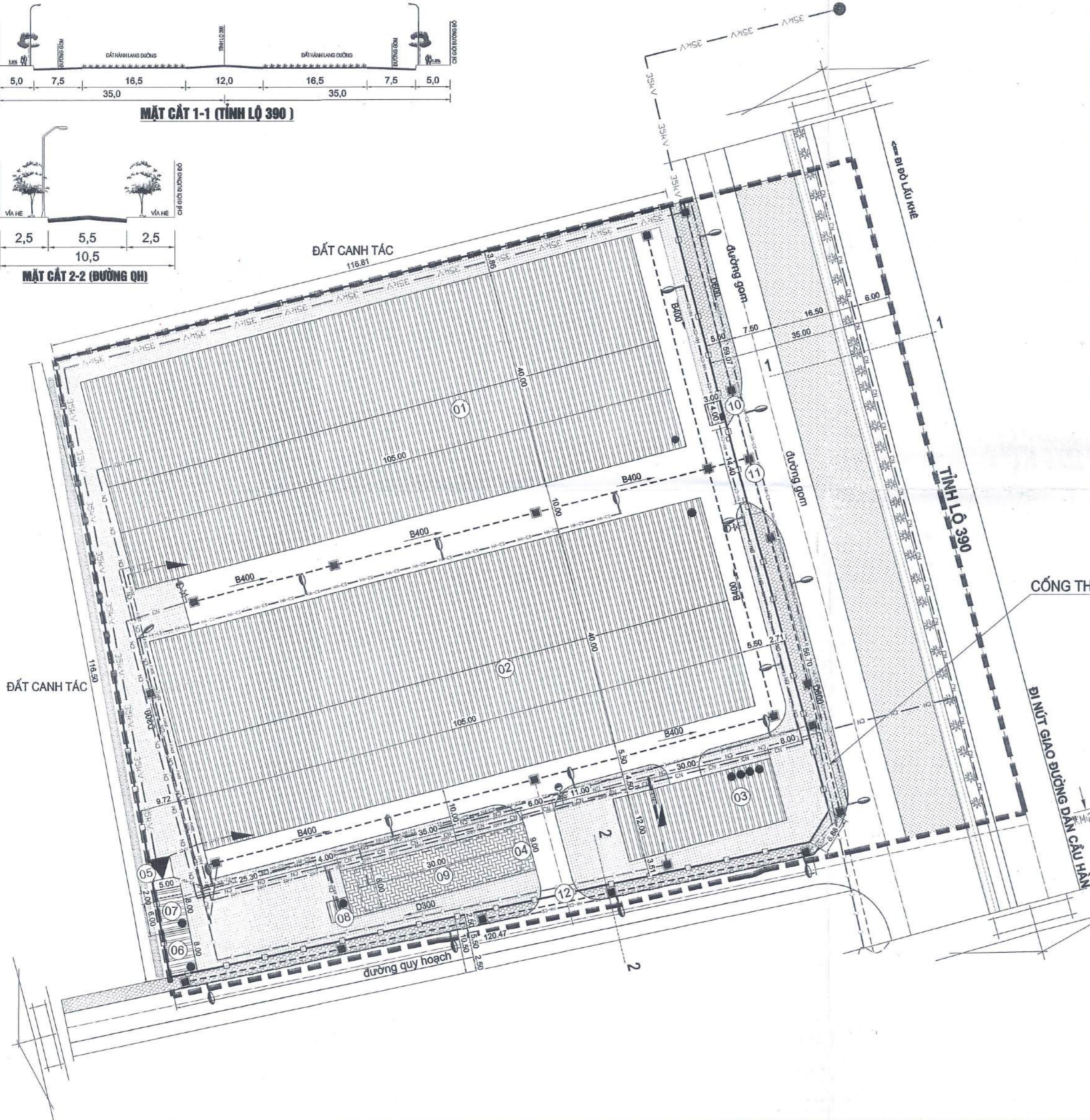
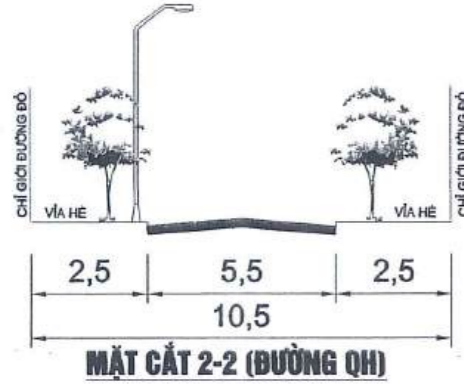
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

BẢN VẼ: GH - 09	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	<i>(Signature)</i> KTS. NGUYỄN TRUNG THÀNH		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ
ĐỊA CHỈ: KHU ĐỒ XÁ - P. TỨ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG**

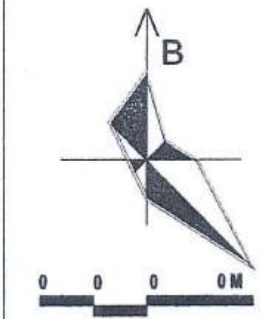


GHI CHÚ:

	CẤP ĐIỆN CẤP CHO TBA
	CẤP ĐIỆN CẤP CHO SẢN XUẤT, SH
	DÂY ĐIỆN CHIẾU SÁNG
	TỦ ĐIỆN HẠ THẾ
	ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO ÁP
	ỐNG CẤP NƯỚC
	TRỤ CỨU HOÀ
	RÀNH THOÁT NƯỚC
	CỬA XÃ
	HỐ GA
	ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

GHI CHÚ KÝ HIỆU:

01	NHÀ XƯỞNG SỐ 1: 01 TẦNG - DT 4.200M ²
02	NHÀ XƯỞNG SỐ 2 : 01 TẦNG - DT 4.200M ²
03	NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NGHỈ CHUYÊN GIA: 04 TẦNG - DT 380M ²
04	BÃI ĐỖ XE: DT 315 M ² (BỂ PCCC 240 M ² NGẦM PHÍA DƯỚI)
05	TRẠM ĐIỆN: DT 16M ²
06	NHÀ CHỨA RÁC THẢI: 01 TẦNG - DT 40M ²
07	NHÀ VỆ SINH: 01 TẦNG - DT 40 M ² (BỂ XLNT PHÍA DƯỚI) BỂ NƯỚC XLNT PHÍA DƯỚI NHÀ VỆ SINH GỒM: - BỂ XLNT THÔNG THƯỜNG KT 2X5M - BỂ XLNT NGUY HẠI KT 6X5M
08	TRẠM BƠM: 01 TẦNG - DT 16M ²
09	BỂ PCCC: DT 240M ²
10	NHÀ BẢO VỆ: 01 TẦNG - DT 12M ²
11	CỔNG CHÍNH
12	CỔNG PHỤ



	ĐẤT CÂY XANH
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
	ĐẤT HÀNH LANG GIAO THÔNG
	ĐẤT XÂY DỰNG
	RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
	RANH GIỚI QUY HOẠCH
	BƠI ĐỖ XE

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2020 /QĐ-UBND, NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG
NGUYỄN VĂN HỢI
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 120 /BC-KT&H, NGÀY 29 THÁNG 8 NĂM 2024

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NAM SÁCH
TRƯỞNG PHÒNG
PHỤ TRÁCH PHÒNG
TRẦN ĐỨC KHANG

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM TRUNG
CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BỀN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH HÒA BẢO AN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 01/2024/TT-HĐĐT, NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG CƠ KHÍ
VÀ KINH DOANH PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI, XÃ NAM TRUNG, HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG HỢP ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG

BẢN VẼ: QH - 10	GHÉP: 1A2	TỶ LỆ: 1/500	HT: 2024
THIẾT KẾ QH	KTS. ĐẶNG MINH TÙNG		
CHỦ NHIỆM - CHỦ TRÌ	KTS. PHAN PHƯỚC TUẤN		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN QUANG VINH		
QL KỸ THUẬT	KS. ĐỖ VIỆT TÀI		
GIÁM ĐỐC:	CHỦ TỊCH NGUYỄN TRUNG THÀNH		

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐƯỜNG KẾ
ĐỊA CHỈ: KHU ĐỖ XÃ - P. TỤ MINH - THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG